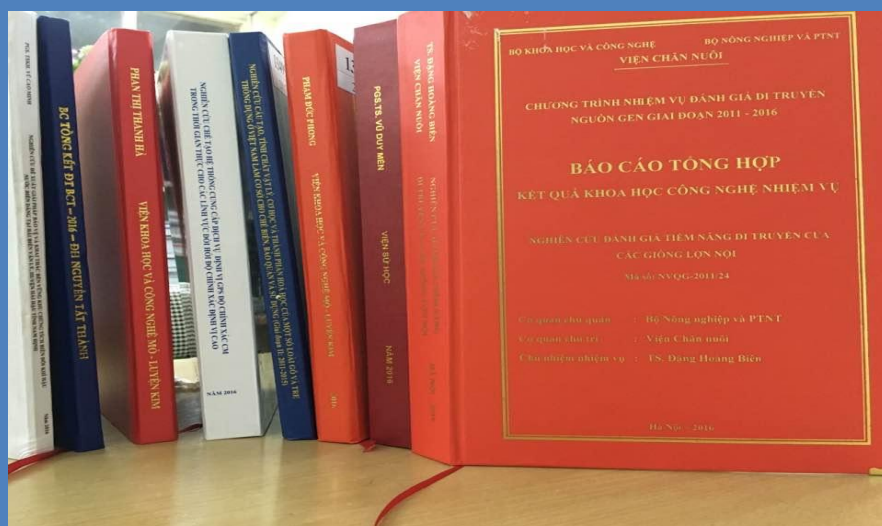


# THÔNG BÁO

## KẾT QUẢ THỰC HIỆN

### NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ



SỐ 01 (2023)



BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ  
CỤC THÔNG TIN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ QUỐC GIA  
National Agency for Science and Technology Information

**THÔNG BÁO**  
**KẾT QUẢ THỰC HIỆN**  
**NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**  
**ISSN 1859-1000**  
**(Định kỳ 01 số/tháng)**

**BAN BIÊN TẬP**

*Trưởng ban:* THS. VŨ ANH TUẤN  
*Phó Trưởng ban:* ThS. Võ Thị Thu Hà  
*Ủy viên thư ký:* ThS. Nguyễn Thị Thưa  
CN. Nguyễn Thị Thúy Diệu  
CN. Nguyễn Thu Hà

**MỤC LỤC**

|  | <i>Trang</i> |
|--|--------------|
| Lời giới thiệu   | 2            |
| Giải thích các yếu tố mô tả kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN đã đăng ký/giao nộp       | 3            |
| Bảng tra kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN đã đăng ký/giao nộp theo lĩnh vực nghiên cứu | 4            |
| Thông tin thư mục kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN đã đăng ký/giao nộp                 | 8            |
| Phụ lục: Thủ tục đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN                              | 129          |

## LỜI GIỚI THIỆU

Triển khai thực hiện việc thông tin về kết quả thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ được quy định trong Luật Khoa học và Công nghệ; Nghị định số 11/2014/NĐ-CP ngày 18/02/2014 của Thủ tướng Chính phủ về hoạt động thông tin khoa học và công nghệ; Thông tư số 14/2014/TT-BKHHCN ngày 11/6/2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về việc thu thập, đăng ký, lưu giữ và công bố thông tin về nhiệm vụ khoa học và công nghệ, Cục Thông tin khoa học và công nghệ Quốc gia là cơ quan nhà nước có thẩm quyền về đăng ký, lưu giữ, phổ biến thông tin KQNC, biên soạn và phát hành xuất bản phẩm: ***"Thông báo kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ"***.

Xuất bản phẩm ***"Thông báo kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ"*** được xuất bản nhằm giới thiệu với bạn đọc thông tin thư mục cơ bản về kết quả thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ các cấp từ cấp quốc gia (cấp nhà nước), cấp bộ/ngành, cấp tỉnh/thành và cấp cơ sở trên cả nước, thuộc tất cả các lĩnh vực khoa học và công nghệ được đăng ký và giao nộp tại Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia. Thông tin trong xuất bản phẩm này được rút ra từ Hệ thống Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia do Cục Thông tin khoa học và công nghệ Quốc gia xây dựng và có thể tra cứu trực tuyến theo địa chỉ: <http://sti.vista.gov.vn>. Định kỳ xuất bản xuất bản phẩm là 01 số/tháng nhằm thông báo kịp thời thông tin các kết quả nghiên cứu các cấp đã đăng ký và giao nộp tại Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia.

Trân trọng giới thiệu.

Mọi thông tin phản hồi về Xuất bản phẩm, xin liên hệ theo địa chỉ:

**CỤC THÔNG TIN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ QUỐC GIA**

***Số 24-26 Lý Thường Kiệt, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội***

**ĐT: (024) 3934-9116- Fax: (024) 3934-9127- E-mail: [quanly@vista.gov.vn](mailto:quanly@vista.gov.vn)**

Website: <http://www.vista.gov.vn/>

**GIẢI THÍCH CÁC YẾU TỐ MÔ TẢ  
KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**

❶
❷
❸
❹

82597. 08-2022 **Giải pháp hoàn thiện việc xây dựng và vận hành cơ sở dữ liệu điện tử về quản lý Bảo hiểm xã hội trong phạm vi cả nước/** ThS. Lê Nguyên Bông, Nguyễn Hoàng Phương; Nguyễn Thị Thanh Mai; Trần Thanh Tùng; Nguyễn Thị Trà My; Dương Vương Tuấn; Đoàn Tràng Tuấn; Hà Trọng Hiếu; Nguyễn Thị Thu Hoài; Nguyễn Thị Thu Hương - Hà Nội - Trung tâm Công nghệ thông tin, 2021; 05/2020 - 06/2021. (Đề tài cấp Bộ)

❺
❻
❼
❽
❾

Nghiên cứu bối cảnh, chiến lược chuyển đổi số, chiến lược dữ liệu quốc gia và của Bảo hiểm Xã hội Việt Nam. Đánh giá thực trạng và tình hình ứng dụng công nghệ thông tin, quản lý, vận hành các cơ sở dữ liệu điện tử của của Bảo hiểm Việt Nam. Đề xuất các giải pháp hoàn thiện việc xây dựng và vận hành cơ sở dữ liệu điện tử. ———❿

Số hồ sơ lưu: 19779

|   |  |
|---|--|
| ❶ | Mã biểu ghi trong CSDL                           |
| ❷ | Số xuất bản phẩm - Năm xuất bản                  |
| ❸ | Tên nhiệm vụ                                     |
| ❹ | Chủ nhiệm nhiệm vụ và cán bộ tham gia nghiên cứu |
| ❺ | Thời gian thực hiện nhiệm vụ                     |
| ❻ | Cấp nhiệm vụ                                     |
| ❼ | Nơi viết báo cáo                                 |
| ❽ | Cơ quan chủ trì nhiệm vụ                         |
| ❾ | Năm viết báo cáo                                 |
| ❿ | Tóm tắt nội dung nghiên cứu                      |

**BẢNG TRA KẾT QUẢ THỰC HIỆN  
NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ ĐÃ ĐĂNG KÝ/ GIAO NỘP  
THEO LĨNH VỰC NGHIÊN CỨU**

|   |           |
|---|-----------|
| <b>1. Khoa học tự nhiên .....</b>   | <b>8</b>  |
| 10102. Toán học ứng dụng.....   | 8         |
| 10103. Thống kê .....   | 9         |
| 10201. Khoa học máy tính .....  | 9         |
| 10202. Khoa học thông tin .....   | 10        |
| 10304. Vật lý hạt nhân.....   | 11        |
| 10401. Hoá hữu cơ.....  | 11        |
| 10403. Hoá lý .....   | 12        |
| 10509. Các khoa học môi trường .....  | 12        |
| 10609. Di truyền học.....   | 14        |
| 10612. Động vật học .....   | 14        |
| 10613. Sinh học biển và nước ngọt .....   | 14        |
| 10616. Công nghệ sinh học .....   | 17        |
| <b>2. Khoa học kỹ thuật và công nghệ.....</b>   | <b>17</b> |
| 20102. Kỹ thuật xây dựng.....   | 19        |
| 20103. Kỹ thuật kết cấu và đô thị.....  | 20        |
| 20104. Kỹ thuật giao thông vận tải .....  | 20        |
| 20105. Kỹ thuật thuỷ lợi .....  | 22        |
| 20201. Kỹ thuật điện và điện tử .....   | 23        |
| 20203. Tự động hoá (CAD/CAM, v.v..) và các hệ thống điều khiển, giám sát;<br>công nghệ điều khiển số bằng máy tính (CNC),.. | 25        |
| 20204. Các hệ thống và kỹ thuật truyền thông .....  | 26        |
| 20302. Chế tạo máy nói chung.....   | 27        |
| 20304. Chế tạo máy động lực.....  | 28        |
| 20305. Kỹ thuật cơ khí và chế tạo máy nông nghiệp .....   | 28        |
| 20311. Kỹ thuật cơ khí tàu thuỷ .....   | 29        |
| 20312. Kỹ thuật cơ khí và chế tạo thiết bị khai khoáng .....  | 29        |
| 20401. Sản xuất hóa học công nghiệp nói chung (nhà máy, sản phẩm) .....   | 30        |
| 20402. Kỹ thuật quá trình hóa học nói chung.....  | 31        |

|   |           |
|---|-----------|
| 20403. Kỹ thuật hoá dược .....  | 31        |
| 20404. Kỹ thuật hoá vô cơ .....   | 31        |
| 20501. Kỹ thuật nhiệt trong luyện kim.....  | 32        |
| 20502. Kỹ thuật và công nghệ sản xuất kim loại và hợp kim đen .....   | 32        |
| 20507. Vật liệu xây dựng .....  | 33        |
| 20509. Vật liệu kim loại.....   | 34        |
| 20599. Kỹ thuật vật liệu và luyện kim khác; .....   | 35        |
| 20601. Kỹ thuật và thiết bị y học .....   | 35        |
| 20701. Kỹ thuật môi trường và địa chất, địa kỹ thuật .....  | 35        |
| 20704. Viễn thám.....   | 37        |
| 20705. Khai thác mỏ và xử lý khoáng chất .....  | 38        |
| 20707. Kỹ thuật đại dương.....  | 38        |
| 20708. Kỹ thuật bờ biển.....  | 39        |
| 20799. Kỹ thuật môi trường khác .....   | 40        |
| 20899. Công nghệ sinh học môi trường khác .....   | 41        |
| 20902. Các công nghệ sản phẩm sinh học (các sản phẩm được chế tạo sử dụng vật liệu sinh học làm nguyên liệu), vật liệu sinh học, chất dẻo sinh học, nhiên liệu sinh học, các hóa chất được chiết tách từ sinh học, các vật liệu mới có nguồn gốc sinh học. .... | 41        |
| 21002. Các quy trình nano (các ứng dụng ở cấp nano). (Vật liệu sinh học kích thước không phải nano được xếp vào 209).....   | 42        |
| 21101. Kỹ thuật thực phẩm .....   | 42        |
| <b>3. Khoa học y, dược .....</b>  | <b>43</b> |
| 30204. Hệ tim mạch.....   | 44        |
| 30206. Huyết học và truyền máu.....   | 45        |
| 30211. Ngoại khoa (Phẫu thuật).....   | 46        |
| 30217. Bệnh về khớp .....   | 46        |
| 30218. Nội tiết và chuyển hoá (bao gồm cả đái tháo đường, rối loạn hormone) .....   | 47        |
| 30221. Ung thư học và phát sinh ung thư.....  | 47        |
| 30230. Y học thể thao, thể dục .....  | 49        |
| 30301. Khoa học về chăm sóc sức khỏe và dịch vụ y tế (bao gồm cả quản trị bệnh viện, tài chính y tế,..) .....   | 49        |
| 30299. Y học lâm sàng khác .....  | 49        |

|  |           |
|--|-----------|
| 30302. Chính sách và dịch vụ y tế.....   | 50        |
| 30305. Y tế môi trường và công cộng .....  | 50        |
| 30308. Bệnh truyền nhiễm .....   | 51        |
| 30309. Dịch tễ học .....   | 52        |
| 30310. Sức khoẻ nghề nghiệp; tâm lý ung thư học, Hiệu quả chính sách và xã hội của nghiên cứu y sinh học ..... | 52        |
| 30403. Dược liệu học; cây thuốc; con thuốc; thuốc Nam, thuốc dân tộc .....                                     | 53        |
| <b>4. Khoa học nông nghiệp.....</b>  | <b>54</b> |
| 40102. Thổ nhưỡng học .....  | 57        |
| 40103. Cây lương thực và cây thực phẩm .....   | 57        |
| 40104. Cây rau, cây hoa và cây ăn quả.....   | 60        |
| 40105. Cây công nghiệp và cây thuốc .....  | 65        |
| 40106. Bảo vệ thực vật .....   | 67        |
| 40107. Bảo quản và chế biến nông sản.....  | 67        |
| 40202. Di truyền và nhân giống động vật nuôi.....  | 69        |
| 40203. Thức ăn và dinh dưỡng cho động vật nuôi.....  | 70        |
| 40204. Nuôi dưỡng động vật nuôi.....   | 71        |
| 40299. Khoa học công nghệ chăn nuôi khác .....   | 72        |
| 40403. Quản lý và bảo vệ rừng .....  | 72        |
| 40404. Sinh thái và môi trường rừng.....   | 72        |
| 40405. Giống cây rừng.....   | 73        |
| 40502. Di truyền học và nhân giống thuỷ sản.....   | 74        |
| 40503. Bệnh học thuỷ sản .....   | 76        |
| 40504. Nuôi trồng thuỷ sản .....   | 76        |
| 40599. Khoa học công nghệ thuỷ sản khác.....   | 79        |
| <b>5. Khoa học xã hội .....</b>  | <b>79</b> |
| 50102. Tâm lý học chuyên ngành.....  | 82        |
| 50201. Kinh tế học; Trắc lượng kinh tế học; Quan hệ sản xuất kinh doanh .....                                  | 82        |
| 50202. Kinh doanh và quản lý.....  | 87        |
| 50299. Kinh tế học và kinh doanh khác .....  | 103       |
| 50301. Khoa học giáo dục học nói chung, bao gồm cả đào tạo, sư phạm học, lý luận giáo dục,.....                | 104       |

|  |            |
|--|------------|
| 50302. Giáo dục chuyên biệt.....   | 106        |
| 50399. Các vấn đề khoa học giáo dục khác .....   | 108        |
| 50404. Dân tộc học .....   | 111        |
| 50405. Xã hội học chuyên đề; Khoa học về giới và phụ nữ; Các vấn đề xã hội<br>Nghiên cứu gia đình và xã hội; Công tác xã hội ..... | 112        |
| 50501. Luật học .....  | 113        |
| 50599. Các vấn đề pháp luật khác .....   | 114        |
| 50601. Khoa học chính trị.....   | 115        |
| 50602. Hành chính công và quản lý hành chính .....   | 116        |
| 50603. Lý thuyết tổ chức; Hệ thống chính trị; Đảng chính trị.....  | 118        |
| 50701. Khoa học môi trường - các khía cạnh xã hội.....   | 119        |
| 50702. Địa lý kinh tế và văn hoá.....  | 119        |
| 50703. Nghiên cứu quy hoạch, phát triển đô thị.....  | 120        |
| 50802. Thông tin học .....   | 120        |
| 50804. Thông tin đại chúng và truyền thông văn hoá - xã hội .....  | 121        |
| 50799. Địa lý kinh tế và xã hội khác .....   | 121        |
| 599. Khoa học xã hội khác .....  | 121        |
| <b>6. Khoa học nhân văn.....</b>   | <b>122</b> |
| 60202. Nghiên cứu ngôn ngữ Việt Nam.....   | 122        |
| 60207. Lý luận văn hoá; Nghiên cứu văn hoá nói chung.....  | 123        |
| 60208. Nghiên cứu văn hóa Việt Nam, văn hoá các dân tộc ít người Việt Nam  | 124        |
| 60302. Lịch sử và triết học của khoa học và công nghệ.....   | 124        |
| 60305. Nghiên cứu tôn giáo .....   | 124        |
| 60499. Các vấn đề nghiên cứu nghệ thuật khác .....   | 128        |



## THÔNG TIN THƯ MỤC KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ ĐÃ ĐĂNG KÝ/ GIAO NỘP

### 1. Khoa học tự nhiên

85012.01-2023 **Xây dựng mô hình chính quyền thân thiện cấp xã ở thị xã Ngã Bảy, tỉnh Hậu Giang/** ThS. Sâm Hoàng Minh, ThS. Nguyễn Văn Đường; ThS. Nguyễn Văn Đường; ThS. Nguyễn Hoàn Hải; ThS. Lê Văn Tuyên; ThS. Trần Trung Ngôn; ThS. Trần Trung Ngôn; TS. Huỳnh Thanh Hiếu; CN. Hoàng Phi Giàu; ThS. Nguyễn Trọng Phúc; CN. Huỳnh Ngọc Tấn; CN. Nguyễn Thanh Tùng; ThS. Trần Quốc Sơn; ThS. Trần Đình Duệ - Hậu Giang - Trường Chính trị tỉnh Hậu Giang, 2021. (Đề tài cấp Tỉnh/Thành phố)

Xây dựng chính quyền địa phương thân thiện là xu thế chung của tất cả các quốc gia trên thế giới. Ở Việt Nam, xây dựng chính quyền địa phương thân thiện đang là một đòi hỏi tất yếu của sự phát triển xã hội nói chung, sự mong muốn của người dân và của bộ máy nhà nước nói riêng. Tỉnh Hậu Giang đã sớm nhận thức rõ vai trò quan trọng của việc xây dựng chính quyền thân thiện, vì nhân dân phục vụ. Xây dựng mô hình chính quyền thân thiện cấp xã ở thị xã Ngã Bảy, tỉnh Hậu Giang đáp ứng mục tiêu nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý, chăm lo đời sống vật chất, tinh thần; xóa bỏ rào cản ngăn cách, mặc cảm, định kiến giữa chính quyền cơ sở với người dân trong các hoạt động giao dịch hành chính, tạo được sự hài lòng, tin cậy của người dân đối với

chính quyền là nhiệm vụ cần thiết và cấp bách hiện nay.

Số hồ sơ lưu: HGI-2021-001

### 10102. Toán học ứng dụng

85325.01-2023 **Phương trình phản ứng khuếch tán và bài toán ngược trong sinh học/** TS. Võ Hoàng Hưng, - TP. Hồ Chí Minh - Viện Khoa học và Công nghệ Tính toán, TP Hồ Chí Minh, 2020; 12/2018 - 06/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/Thành phố)

Nghiên cứu, tìm hiểu mô hình ứng dụng cho phương trình phản xạ khuếch tán và bài toán ngược. Đề xuất, phân tích công việc cụ thể thực hiện bài toán về phương trình phản xạ khuếch tán và bài toán ngược. Nghiên cứu về nguyên lý cực đại trong miền bị chặn và không bị chặn, xây dựng bài toán giá trị riêng trên miền bị chặn và không bị chặn, nguyên lý so sánh giữa nghiệm subsolution và supersolution. Đồng thời, nghiên cứu các bất đẳng thức ổn định thường dùng trong việc chỉnh hóa các bài toán không chỉnh, nghiên cứu các phương pháp chỉnh hóa cho bài toán ngược cho phương trình phản ứng khuếch tán trên miền hình cầu 2 lớp với đạo hàm thông thường và nghiên cứu các phương pháp chỉnh hóa cho bài toán ngược cho phương trình phản ứng khuếch tán trên miền hình cầu 2 lớp với đạo hàm phân thứ...

Số hồ sơ lưu: HCM-057-2022

**10103. Thống kê**

84518.01-2023 **Nghiên cứu khai thác nguồn dữ liệu từ điện thoại di động phục vụ thống kê di cư ở Việt Nam/** KS. Nguyễn Công Hoan, ThS. Nguyễn Thị Minh Ánh; ThS. Trần Thị Ngọc Mai; ThS. Nguyễn Văn Thụy; ThS. Nguyễn Trí Duy; ThS. Vũ Thị Vân Anh; CN. Đinh Bá Hiến; CN. Phạm Thị Hạnh; CN. Tăng Bá Tuyên; CN. Đặng Trọng Điệp; ThS. Dương Thùy Linh; ThS. Đỗ Trung Kiên; KS. Vũ Đình Tùng - Hà Nội - Viện Khoa học Thống kê, 2022; 05/2020 - 11/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Xác định nguồn CDR khai thác phục vụ thống kê di cư nội địa ở Việt Nam; Xác định CDR đảm bảo chính xác đó là CDR của người di cư phục vụ cho tính toán chỉ tiêu thống kê di cư nội địa ở Việt Nam. Nghiên cứu công nghệ khai thác xử lý CDR phục vụ thống kê di cư; Nghiên cứu quy trình, và phương pháp xử lý và lưu trữ CDR với thống kê di cư và các bước thực hiện trong quy trình. Đề xuất quy trình khai thác, xử lý nguồn dữ liệu từ điện thoại di động phục vụ thống kê di cư nội địa tại Việt Nam. Nghiên cứu thử nghiệm khai thác xử lý CDR ở Hà Nội và tính toán thử nghiệm chỉ tiêu di cư nội địa của Hà Nội phân tổ theo giới tính và nhóm tuổi. Đánh giá chất lượng dữ liệu khai thác từ nguồn dữ liệu từ điện thoại di động phục vụ thống kê di cư tại Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: 20617

**10201. Khoa học máy tính**

85224.01-2023 **Cơ chế tra cứu linh hoạt dựa trên khai phá dữ liệu và công nghệ Blockchain cho các dịch vụ theo thỏa thuận cấp độ của chúng trong hệ sinh thái ứng dụng phục vụ thành phố thông minh/** TS. Lê Lam Sơn, Nguyễn An Khương; Trần Tuấn Anh; Lê Đình Thuận; Tôn Long Phước; Trương Thị Thái Minh - TP. Hồ Chí Minh - Đại học Bách Khoa Tp. Hồ Chí Minh, 2020; 11/2018 - 11/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Tìm hiểu các khung học thuật, các định nghĩa về thỏa thuận cấp độ dịch vụ với trọng tâm là dịch vụ dữ liệu. Khảo sát dịch vụ và vai trò của chúng trong ngữ cảnh thành phố thông minh. Tìm khung thức cho thỏa thuận mức độ dịch vụ đa cấp và thuật toán tổng hợp chúng cho các tổ hợp dịch vụ. Thuật toán xếp hạng các dịch vụ theo cam kết thỏa thuận của chúng. Nghiên cứu cơ chế tra cứu linh hoạt nhằm tìm lấy dịch vụ phù hợp từ hệ sinh thái các dịch vụ nhằm phục vụ người dùng cuối hay các ứng dụng thành phố thông minh. Tiến hành xây dựng một blockchain nhằm thực thi được các hợp đồng thông minh và thực hiện một cơ chế phù hợp để xác thực các mức độ dịch vụ dựa trên nền tảng blockchain.

Số hồ sơ lưu: HCM-039-2022

85326.01-2023 **Xây dựng các thuật toán tối ưu không lồi cho mạng không dây thế hệ mới/** GS. Hoàng Dương Tuấn, TS. Nguyễn Thị Thu Vân; TS. Nguyễn Thanh

Huy; TS. Nguyễn Đình Long; ThS Phạm Minh Hoàng; ThS Đinh Minh Giang - TP. Hồ Chí Minh - Viện Khoa học và Công nghệ Tính toán, TP Hồ Chí Minh, 2020; 12/2018 - 12/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Phát triển các cơ chế xử lý tín hiệu tiên tiến để cho phép các trạm gốc phục vụ một số lượng lớn người dùng, số lượng có thể vượt quá số lượngăng-ten phát. Tìm các lớp xử lý tín hiệu chuyên biệt cho phép xây dựng các thiết kế như việc giảm kích thước các bài toán tối ưu phù hợp cho việc phát triển các thuật toán tối ưu hóa cho việc tính toán. Giải quyết vấn đề về tiết kiệm năng lượng của các cơ chế xử lý tín hiệu mới và giải quyết vấn đề bảo mật lớp vật lý của các chiến lược xử lý tín hiệu tiên tiến. Phát triển các cơ chế xử lý tín hiệu mới để cho phép các mạng mật độ cao nhằm phục vụ nhiều nội dung cho nhiều người dùng. Phát triển các cơ chế xử lý tín hiệu tiên tiến để cho phép truy cập mạng vô tuyến phân tán sương mù (Fog Radio Networks (F-RAN)) nhằm phục vụ nhiều nội dung cho nhiều người dùng. Phát triển các chiến lược xử lý tín hiệu mới để cho phép các hệ thống cấu hình MIMO không lờ cung cấp thông lượng lớn cho một số lượng lớn người dùng, số lượng có thể vượt quá số lượngăng ten phát. Giải quyết vấn đề tiết kiệm năng lượng của các cơ chế xử lý tín hiệu mới và giải quyết vấn đề bảo mật lớp vật lý của các chiến lược xử lý tín hiệu tiên tiến. Tận dụng sự mạnh mẽ của các cơ chế xử lý tín hiệu mới nhằm khắc

phục sự không ổn định của kênh truyền

Số hồ sơ lưu: HCM-056-2022

### **10202. Khoa học thông tin**

84570.01-2023 **Nghiên cứu xây dựng quy trình và phát triển công cụ làm sạch, tích hợp dữ liệu lớn/** ThS. Mai Quang Trung, TS. Nguyễn Đức Thủy, ThS. Nguyễn Quý Thành Trung, CN. Nguyễn Tiến Dũng, ThS. Bùi Ngọc Anh, ThS. Trần Hồng Sơn; ThS. Nguyễn Ngọc Tĩnh, CN. Nguyễn Thanh Tùng, CN. Nguyễn Thị Thủy, ThS. Phùng Văn Doanh - Hà Nội - Viện công nghiệp phần mềm và nội dung số Việt Nam, 2021; 02/2021 - 11/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu đánh giá hiện trạng công tác thu thập, lưu trữ dữ liệu lớn, đề xuất quy trình làm sạch, tích hợp dữ liệu lớn. Đồng thời nghiên cứu xây dựng đặc tả yêu cầu và kiến trúc, thiết kế chi tiết và phát triển hệ thống làm sạch tích hợp dữ liệu. Tiến hành thử nghiệm và đánh giá hệ thống và khả năng chuyển giao công nghệ.

Số hồ sơ lưu: 20580

85334.01-2023 **Các thuật toán tối ưu không lồi trong các ứng dụng thông tin có giới hạn dữ liệu/** TS. Nguyễn Thị Thu Vân, GS. Hoàng Dương Tuấn ; TS. Nguyễn Thanh Huy; TS. Nguyễn Đình Long; ThS. Phạm Minh Hoàng; ThS. Đinh Minh Giang - TP. Hồ Chí Minh - Viện khoa học và công nghệ tính toán, 2020; 12/2018 - 12/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Nghiên cứu đối với tín hiệu Gauss không đặc biệt: Phân tích và tối ưu hóa tín hiệu Gaussian không đặc biệt trong các giao tiếp đa người dùng; Phân tích và tối ưu hóa tín hiệu Gauss không đặc biệt với cấu trúc riêng trong truyền thông đa người dùng; Phân tích và tối ưu hóa tín hiệu Gauss không đặc biệt cho đa truy cập không trực giao; Phân tích và tối ưu hóa tín hiệu Gauss không đặc biệt cho truyền thông chọn lọc tần số; Phân tích và tối ưu hóa tín hiệu Gauss không đặc biệt trong truyền thông sóng cực ngắn milimet; Phân tích và tối ưu hóa tín hiệu Gauss không đặc biệt trong việc bù đắp sự không chắc chắn của kênh. Đối với ghép kênh phân chia tần số tổng quát (GFDM): Phân tích và tối ưu hóa GFDM về giảm thiểu rò rỉ ngoài băng và Giải quyết thiết kế bộ lọc cho GFDM và Phân tích và tối ưu hóa GFDM về hiệu quả năng lượng; Phân tích và tối ưu hóa GFDM trong việc chống lại tần số tắt. Tối ưu hóa tensor: Phát triển các thuật toán tối ưu hóa hiệu quả cho sắp xỉ tensor bằng những tensor thứ hạng thấp và phát triển các thuật toán hoàn thành tensor hiệu quả dựa trên sự phân tách tích ma trận; Phát triển các thuật toán hoàn thành video dựa trên các phân tách tensor 3 chiều và phát triển các thuật toán hoàn thành hình ảnh 3D, dựa trên việc biểu diễn tensor 3 chiều bằng các tensor có chiều cao hơn.

Số hồ sơ lưu: HCM-054-2022

#### **10304. Vật lý hạt nhân**

84515.01-2023 **Nghiên cứu cấu trúc hạt nhân và phản ứng hạt nhân trên các thiết bị lớn của trung tâm nghiên cứu hạt nhân tiên tiến trên thế giới/** TS. Lê Xuân Chung, ThS. Nguyễn Hoàng Phúc; GS. TS. Đào Tiến Khoa; PGS. TS. Phạm Đức Khuê; TS. Đỗ Công Cương; ThS. Bùi Duy Linh; TS. Phan Việt Cương; TS. Võ Hồng Hải; TS. Nguyễn Thế Nghĩa; TS. Phạm Ngọc Đồng - Hà Nội - Viện Khoa học và Kỹ thuật Hạt nhân, 2021; 11/2018 - 10/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Kết hợp được lý thuyết và thực nghiệm trong nghiên cứu cấu trúc hạt nhân và phản ứng hạt nhân trên các máy gia tốc lớn trên thế giới. Hình thành được đội ngũ chuyên gia Việt Nam có trình độ quốc tế, tham gia đảm bảo an toàn hạt nhân trong phát triển điện hạt nhân ở Việt Nam trong tương lai. Nâng cao năng lực nghiên cứu trong lĩnh vực vật lý hạt nhân thực nghiệm của Việt Nam. Phát huy quan hệ hợp tác nghiên cứu khoa học với các trung tâm nghiên cứu hạt nhân tiên tiến trên thế giới.

Số hồ sơ lưu: 20627

#### **10401. Hoá hữu cơ**

85390.01-2023 **Cấu trúc hình học và đặc điểm liên kết của nhóm nguyên tử nguyên tố boron bị phá tạp bởi nhiều dị nguyên tố/** GS. TS. Nguyễn Minh Thọ, TS. Phạm Hồ Mỹ Phương; ThS. Phạm Tấn Hùng; ThS. Dương Văn Long; ThS. Đỗ Hữu Hà; TS. Nguyễn Minh Tâm;



ThS. Nguyễn Ngọc Trí; ThS. Nguyễn Thanh Sĩ - TP. Hồ Chí Minh - Viện khoa học và công nghệ tính toán, 2020; 12/2018 - 10/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Xác định cấu trúc hình học của cluster B pha tạp xây dựng thông qua phương pháp tìm kiếm ngẫu nhiên cải tiến dựa trên “phương pháp đá”. Tính thơm và phản thơm của các cấu trúc thu được được tiếp cận từ các phương pháp GIMIC (the Gauge-Including Magnetically Induced Current), ACID (The anisotropy of the Induced Current Density) trong khi phương pháp ACID và ELF (The electron localization function) giúp xác định độ bất định xứ của các điện tử trong cấu trúc. Nguyên lý nhảy cóc được sử dụng để xây dựng các cấu trúc boron thuần bao gồm B<sub>24</sub> (và các trạng thái tích điện dianion, dication của nó), B<sub>50</sub>, và B<sub>56</sub> và từ đó làm sáng tỏ một phần cơ chế phát triển độc đáo của các cluster boron. Mô hình điện tử trong hình trụ rỗng (HCM – the hollow cylinder model) được sử dụng để giải thích tính bền, tính cộng hưởng của các cấu trúc hình ống như B<sub>27</sub>Sc<sub>2</sub> + , B<sub>14</sub>FeLi<sub>2</sub>, RhPdB<sub>18</sub> + và IrPtB<sub>18</sub> + ... từ đó đưa ra khả năng xây dựng các dây nano từ các đơn vị là các cấu trúc này. Mô hình HCM cũng được sử dụng để giải thích cho tính bền của các cấu trúc dạng giả ống lần đầu tiên được tìm thấy B<sub>20</sub>Si, B<sub>22</sub>Si, và B<sub>24</sub>Si.

Số hồ sơ lưu: HCM-019-2022

### 10403. Hoá lý

85328.01-2023 **Xây dựng cơ chế động học chi tiết cho phản ứng gốc tự do NH<sub>2</sub> với các hydrocarbon không bão hòa quan trọng/** PGS. TS. Huỳnh Kim Lâm, ThS. Nguyễn Thanh Hiếu; ThS. Mai Văn Thanh Tâm; ThS. Lê Thanh Xuân; CN. Dương Văn Minh - TP. Hồ Chí Minh - Viện Khoa học và Công nghệ Tính toán, TP Hồ Chí Minh, 2020; 12/2018 - 10/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Nghiên cứu xây dựng và kiểm chứng cơ chế động học chi tiết (bao gồm các thông số nhiệt động học của các chất tham gia phản ứng và hằng số tốc độ của các kênh phản ứng sơ cấp) cho các phản ứng giữa gốc tự do NH<sub>2</sub> với các hydrocarbon không bão hòa quan trọng, cụ thể là C<sub>2</sub>H<sub>4</sub>, C<sub>2</sub>H<sub>2</sub>, C<sub>4</sub>H<sub>6</sub>, ...tiết ở các điều kiện khí quyển và điều kiện cháy. Đồng thời tìm hiểu cơ chế phản ứng của các phản ứng tiêu đề (NH<sub>2</sub> + C<sub>2</sub>H<sub>4</sub>/C<sub>2</sub>H<sub>2</sub>/C<sub>4</sub>H<sub>6</sub>) được xây dựng thông qua tính toán bề mặt thế năng (PES) với các phương pháp cấu trúc điện tử chính xác. Trong khuôn khổ cơ học thống kê, dữ liệu nhiệt động lực học của các phân tử liên quan và hằng số tốc độ cho tất cả các kênh phản ứng sơ cấp sẽ được tính toán cụ thể.

Số hồ sơ lưu: HCM-055-2022

### 10509. Các khoa học môi trường

84778.01-2023 **Giải pháp công nghệ xử lý, quản lý nước thải sinh hoạt phân tán (quy mô hộ gia đình và cụm dân cư) cho khu vực nông thôn tại một số tỉnh Bắc Trung**

**BỘ”./ PGS. TS. Trần Thị Việt Nga, ThS. Nguyễn Thúy Liên; TS. Phạm Duy Đông; TS. Đỗ Hồng Anh; ThS. Trần Hoài Sơn; TS. Nguyễn Lan Hương; ThS. Dương Thu Hằng; ThS. Nguyễn Việt Anh; ThS. Hoàng Ngọc Hà; ThS. Đinh Thị Phương - Hà Nội - Trường Đại học Xây dựng Hà Nội, 2021; 12/2020 - 11/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)**

Đánh giá thực trạng xử lý nước thải sinh hoạt nông thôn ở các tỉnh Bắc Trung Bộ; Đề xuất mô hình tổ chức quản lý và giải pháp công nghệ để xử lý nước thải sinh hoạt (quy mô hộ gia đình và cụm dân cư) cho khu vực nông thôn tại một số tỉnh Bắc Trung Bộ. Đề xuất cơ chế chính sách và tài chính để áp dụng và nhân rộng nhằm nâng cao hiệu quả xử lý nước thải sinh hoạt nông thôn các tỉnh Bắc Trung Bộ

Số hồ sơ lưu: 20860

**85378.01-2023 Đánh giá hiện trạng bisphenol a và phthalates trong bùn đáy, nước thải và nước mặt trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh và đánh giá rủi ro đến sức khỏe con người/ TS. Trần Bích Châu, Lê Xuân Vĩnh; Trần Thị Thu Dung; Lê Ngọc Tuấn; Đặng Thị Thanh Lê; Trương Thị Cẩm Trang; Trần Thị Diễm Thúy; Nguyễn Quang Long; Nguyễn Bích Ngọc; Nguyễn Thảo Nguyên - TP. Hồ Chí Minh - Đại học Khoa học Tự nhiên, TP. Hồ Chí Minh, 2020; 12/2016 - 09/2019. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)**

Xây dựng quy trình xử lý mẫu để phân tích BPA và phthalates

trong mẫu nước mặt, nước thải, bùn, trầm tích. Đánh giá ô nhiễm các nguồn thải chính BPA và phthalates vào môi trường nước TP. Hồ Chí Minh. Đánh giá ô nhiễm các nguồn thải chính BPA và phthalates vào môi trường trầm tích khu vực tiếp nhận. Đánh giá tải lượng ô nhiễm BPA và phthalates. Đánh giá sự tồn lưu BPA và phthalates trong nguồn nước cấp và nước đầu ra của các nhà máy cấp nước (6 nhà máy) tại TP. Hồ Chí Minh. Đánh giá rủi ro BPA và phthalates đến sức khỏe con người.

Số hồ sơ lưu: HCM-022-2022

**85395.01-2023 Nghiên cứu tác động của biến đổi khí hậu tới phân bố dân cư, phát triển cơ sở hạ tầng cấp nước sạch, vệ sinh môi trường và đề xuất các giải pháp thích ứng/ ThS. Nguyễn Phú Bảo, ThS. Nguyễn Thị Nhạn; PGS. TS. Phạm Hồng Nhật; ThS. Trần Tuấn Việt; ThS. Trần Thị Thơ; CN. Lê Phương Dung; TS. Nguyễn Vũ Hoàng Phương; ThS. Phạm Thị Kim Ngân; TS. Nguyễn Thị Minh Hòa; ThS. Hà Tuấn Anh - TP. Hồ Chí Minh - Viện Nhiệt đới Môi trường, 2021; 09/2019 - 02/2021. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)**

Lựa chọn, xây dựng bộ chỉ thị cho đánh giá tác động của biến đổi khí hậu (BĐKH). Xây dựng phát triển về phân bố dân cư, hạ tầng cấp nước sạch và vệ sinh môi trường TP. Hồ Chí Minh. Đánh giá tác động của BĐKH bằng chỉ số tổn thương (Vulnerability Index) đến phân bố dân cư, hạ tầng cấp nước sạch và vệ

sinh môi trường. Đánh giá rủi ro khí hậu (climate risk) đến đến phân bố dân cư, hạ tầng cấp nước sạch và vệ sinh môi trường. Xây dựng các giải pháp và chiến lược thích ứng.

Số hồ sơ lưu: HCM-016-2022

### 10609. Di truyền học

84718.01-2023 **Bảo tồn, lưu giữ nguồn gen vi sinh vật thú y/ ThS.** Đỗ Thị Thu Thúy, TS. Lưu Quỳnh Hương; TS. Đào Thị Hà Thanh; ThS. Dương Như Ngọc; TS. Nguyễn Thị Lan Anh - Hà Nội - Viện thú y, 2021; 01/2021 - 12/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Lưu giữ, bảo quản ổn định 20 chủng giống vi sinh vật (02 chủng cúm, 06 chủng *Campylobacter*, 07 chủng *E. coli*, 04 chủng *Salmonella*, 01 chủng *Mycoplasma*). Hồi phục, bảo tồn, kiểm định các đặc tính sinh hóa và kiểm tra gen độc lực *spiA*, *spvC* và *pagK* và gen kháng kháng sinh (*bla*TEM, *tetA* và *mrc-1*) của 02 chủng vi khuẩn *Salmonella typhimurium* (HNST01, HNST02) và 02 chủng vi khuẩn *Salmonella enteritidis* (HNSE01, HNSE02) có nguồn gốc từ gà. Tư liệu hóa nguồn gen của 04 chủng *Salmonella*.

Số hồ sơ lưu: 20812

### 10612. Động vật học

84646.01-2023 **Nghiên cứu đề xuất giải pháp bảo tồn loài Thạch sùng mí Cát Bà (*Goniurosaurus catbaensis*) tại Vườn Quốc gia Cát Bà/ ThS.** Phạm Văn Thương, Nguyễn Xuân Khu; Ngô Thị Thu Phương; Vũ Hồng Vân; Nguyễn Thị Trang; Đỗ Thị Mai Hoa; Phạm Văn

Phúc; Nguyễn Văn Dinh; Hà Minh Châu; Nguyễn Nam Thắng; Nguyễn Thế Lực; Nguyễn Văn Thiết; Vũ Văn Hường; Vũ Hồng Vĩ; Nguyễn Quang Khải; Vũ Quang Mạnh; Đoàn Đức Lâm; Đỗ Xuân Thiệp; Đỗ Thị Hạt ; Nguyễn Thị Huyền - Hải Phòng - Vườn Quốc gia Cát Bà, 2021; 11/2019 - 10/2021. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Tổng quan tài liệu và những vấn đề lý thuyết có liên quan. Nghiên cứu đánh giá hiện trạng quần thể Thạch sùng mí Cát Bà (*Goniurosaurus catbaensis*) tại Vườn Quốc gia Cát Bà. Nghiên cứu xác định đặc điểm sinh thái, sinh học loài Thạch sùng mí Cát Bà (*Goniurosaurus catbaensis*) tại Vườn Quốc gia Cát Bà. Nghiên cứu xác định và đánh giá các nhân tố đe dọa đối với loài Thạch sùng mí Cát Bà (*Goniurosaurus catbaensis*) và sinh cảnh tại Vườn Quốc gia Cát Bà. Nghiên cứu đề xuất một số giải pháp bảo tồn loài Thạch sùng mí Cát Bà (*Goniurosaurus catbaensis*) tại Vườn Quốc gia Cát Bà.

Số hồ sơ lưu: HPG.2022.010

### 10613. Sinh học biển và nước ngọt

84195.01-2023 **Nghiên cứu đa dạng di truyền giống cá Butis và đặc điểm sinh học của loài *B. humeralis* và loài *B. koilomatodon* ở vùng ven biển Đồng bằng sông Cửu Long / TS.** Đinh Minh Quang, PGS.TS. Trần Đắc Định; PGS.TS. Trương Trọng Ngôn; TS. Huỳnh Văn Tiên; ThS. Nguyễn Minh Thành; ThS. Trần Thanh Lâm; CN. Nguyễn Thị Kiều Tiên; CN. Trần

Hoàng Ty - Cần Thơ - Trường Đại Học Cần Thơ, 2022; 01/2019 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Xác định được chỉ thị phân tử DNA ở ty thể (gen COI và Cytb) của giống cá Butis phục vụ cho công tác đánh giá đa dạng di truyền và phân loại học. Bổ sung được dẫn liệu về hình thức tăng trưởng, hệ số điều kiện và sự biến động của những đặc điểm này theo giới tính, nhóm chiều dài cá, mùa vụ và điểm thu mẫu của hai loài cá *B. humeralis* và *B. koilomatodon* ở khu vực nghiên cứu (KVNC). Xác định được tính ăn, phổ thức ăn và sự biến động của những đặc điểm này theo nhóm chiều dài, mùa vụ và điểm thu mẫu của hai loài cá *B. humeralis* và *B. koilomatodon* ở KVNC. Xác định được một số đặc điểm sinh học sinh sản như mùa sinh sản, sức sinh sản và chiều dài thành thực đầu tiên của hai loài cá *B. humeralis* và *B. koilomatodon* ở KVNC. Cung cấp được các thông số sinh học quần thể của hai loài cá *B. humeralis* và *B. koilomatodon* để làm cơ sở đánh giá khả năng khai thác của chúng ở KVNC.

Số hồ sơ lưu: 20495

84493.01-2023 **Bí ẩn của thiên nhiên trong bóng tối: Nghiên cứu khu hệ động vật thủy sinh trong hang động núi đá vôi ở Việt Nam phục vụ cho đánh giá đa dạng sinh học và quan trắc môi trường/** TS. Trần Đức Lương, TS. Lê Hùng Anh; PGS. TS. Hồ Thanh Hải; ThS. Hoàng Anh Tuấn; TS. Nguyễn Đình Tạo; ThS. Đặng Văn Đông - Hà Nội - Viện Sinh thái và Tài nguyên sinh

vật, 2021; 08/2018 - 08/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Khám phá các taxon mới cho khu hệ và cập nhật đầy đủ về đặc trưng đa dạng sinh học của quần xã động vật thủy sinh trong hang động ở các vùng núi đá vôi điển hình ở nước ta trong mối tương quan với điều kiện môi trường nước trong hang động, làm cơ sở khoa học để quan trắc đa dạng sinh học và môi trường nước thông qua xây dựng bộ chỉ thị đa dạng sinh học cho hệ thống thủy vực ngầm hang động đá vôi.

Số hồ sơ lưu: 20655

84499.01-2023 **Đáp ứng của sinh vật phù du với động học chu trình sinh địa hóa trong vùng ảnh hưởng của sông Mê Kông/** GS. TS. Đoàn Như Hải, GS.TS. Nguyễn Ngọc Lâm; TS. Phan Tấn Lượm; TS. Trương Sĩ Hải Trình; ThS. Nguyễn Thị Mai Anh; ThS. Huỳnh Thị Ngọc Duyên; ThS. Trần Thị Minh Huệ; CN. Nguyễn Tâm Vinh - Khánh Hòa - Viện Hải Dương học, 2022; 08/2017 - 08/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Đánh giá: Biến động đặc trưng thành phần quần xã và đặc trưng hình thái/chức năng sinh thái (traits) sinh vật phù du vùng ảnh hưởng của sông Mê Kông; Tác động tức thời của biến động khí hậu (như ENSO) đến cấu trúc quần xã và các đặc trưng về vi lưới thức ăn trong vùng cửa sông Mê Kông; Trong mục tiêu này các số liệu thực địa và thí nghiệm được đánh giá trong năm có hoạt động El Nino +



ngay sau thời kỳ El Nino (2016-2017) và năm hậu El nino (2017-2018); Biến động mùa và giữa các năm của vùng lưỡi sông (plume) Mê Kông.

Số hồ sơ lưu: 20653

84629.01-2023 **Nghiên cứu xây dựng mô hình dự báo xu hướng thay đổi hệ sinh thái rừng ngập mặn trong bối cảnh biến đổi khí hậu ở các tỉnh ven biển Bắc Bộ/ PGS. TS. Nguyễn Thị Hồng Hạnh, ThS. Lê Đắc Trường; TS. Phạm Hồng Tính; ThS. Nguyễn Xuân Tùng; ThS. Nguyễn Bích Ngọc; TS. Vũ Văn Doanh; ThS. Võ Văn Thành; ThS. Nguyễn Thị Hoài Thương; TS. Bùi Thị Thu; ThS. Nguyễn Khắc Thành - Hà Nội - Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội, 2022; 01/2018 - 11/2021. (Đề tài cấp Bộ)**

Đánh giá thực trạng và nguyên nhân gây biến đổi diện tích rừng ngập mặn các tỉnh ven biển Bắc Bộ (Quảng Ninh, Hải Phòng, Thái Bình, Nam Định và Ninh Bình). Xây dựng các mô hình toán dự báo xu hướng thay đổi rừng ngập mặn ven biển Bắc Bộ theo kịch bản Biến đổi khí hậu 2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường. Đề xuất bốn nhóm giải pháp (Giải pháp quản lý; Giải pháp kinh tế; Giải pháp sinh thái và môi trường; Giải pháp kỹ thuật) để bảo tồn và phát triển rừng ngập mặn trong điều kiện biến đổi khí hậu và nước biển dâng.

Số hồ sơ lưu: 20772

84709.01-2023 **Nghiên cứu công nghệ ứng dụng enzyme trong sản xuất Collagen từ nguồn lợi Sữa biển Việt Nam/ TS. Trần Mạnh Hà, TS. Phạm Thế Thu; PGS.TS. Nguyễn Văn Quân; TS. Chu Văn Thuộc; TS. Đỗ Mạnh Hào; ThS. Phạm Thị Kha; TS. Lê Thanh Tùng; TS. Đào Thị Ánh Tuyết; ThS. Nguyễn Quang Hưng; CN. Ngô Văn Linh - Hải Phòng - Viện Tài nguyên và Môi trường biển, 2020; 01/2019 - 06/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)**

Phân tích, đánh giá và lựa chọn nguyên liệu phù hợp. Nghiên cứu thử nghiệm các quy trình công nghệ enzyme tách chiết Collagen từ Sữa biển phù hợp với điều kiện Việt Nam. Đánh giá hiệu năng tách chiết và thiết lập quy trình công nghệ tách chiết collagen phù hợp. Thử nghiệm quy trình tách chiết collagen từ sữa biển Việt Nam ở quy mô pilot 100kg nguyên liệu / mẻ. Triển khai mô hình tách chiết Collagen từ Sữa biển Việt Nam quy mô 1000 - 2000kg/mẻ áp dụng cho nghề khai thác và chế biến nguồn lợi Sữa của Việt Nam. Nghiên cứu sản xuất thử nghiệm thực phẩm chức năng dạng viên nang uống với hàm lượng collagen  $\geq 200$  mg/viên,. Đánh giá mức độ an toàn và xây dựng tiêu chuẩn cơ sở cho các sản phẩm collagen, viên nang collagen từ sữa biển Việt Nam. Thăm dò thị hiếu, hoàn thiện công nghệ và thị trường hóa các sản phẩm từ collagen sữa biển Việt Nam. Đánh giá hiệu quả kinh tế, xã hội và môi trường

Số hồ sơ lưu: 20816

**10616. Công nghệ sinh học**

84559.01-2023 **Bảo tồn, lưu giữ nguồn gen vi sinh vật bảo vệ thực vật/** ThS. Mai Văn Quân, ThS. Ngô Quang Huy; TS. Nguyễn Mạnh Hùng; ThS. Hà Thị Thu Thủy; TS. Trần Văn Huy - Hà Nội - Viện Bảo vệ thực vật, 2021; 01/2021 - 12/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Tổng quan tình hình nghiên cứu trong và ngoài nước. Tiến hành lưu giữ, bảo quản nguồn gen vi sinh vật, thu thập, phân loại, bổ sung và đánh giá nguồn gen vi sinh vật. Xác định tên loài vi sinh vật bằng công nghệ sinh học trong ngân hàng gen. Rà soát, đề xuất danh mục nguồn gen dự kiến khỏi danh mục bảo tồn, lưu giữ tiến tới tư liệu hóa nguồn gen và tra đổi thông tin tư liệu nguồn gen.

Số hồ sơ lưu: 20577

**2. Khoa học kỹ thuật và công nghệ**

83725.01-2023 **Nghiên cứu phát triển và ứng dụng công nghệ xử lý ảnh để theo dõi, phân loại tự động sự phát triển của phôi trứng gia cầm, ứng dụng trong chăn nuôi công nghệ cao/** ThS. Đoàn Hồng Quang, ThS. Nguyễn Huy Công; ThS. Lê Hồng Minh; CN. Nguyễn Huy Hưng; ThS. Nguyễn Văn Đưa; KS. Đặng Anh Đức; ThS. Nguyễn Chí Long; ThS. Nguyễn Hoàng Long; ThS. Lê Quốc Tuấn; ThS. Nguyễn Tuấn Hùng; CN. Đoàn Văn Quân; ThS. Thái Doãn Nguyên; ThS. Vũ Xuân Mạnh; KS. Nguyễn Huy Khấn; ThS. Trần Văn Hiệp; KTV. Phạm Gia Lương - Hà Nội - Trung tâm Công nghệ Vi điện tử và

Tin học, 2021; 01/2020 - 12/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Tổng quan về quy trình, kỹ thuật ấp trứng gia cầm; Nghiên cứu các kỹ thuật phát hiện phôi trứng và tách từng phôi trứng trong ảnh dùng để phân loại; Nghiên cứu các kỹ thuật nhận dạng và xây dựng mô hình nhận dạng cho hệ thống; Xây dựng hệ thống giám sát, điều khiển thông số lò ấp và phân loại tự động sự phát triển của phôi trứng; Thử nghiệm hệ thống.

Số hồ sơ lưu: 20251

84174.01-2023 **Nghiên cứu, xây dựng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về thiết bị trạm gốc 5G/** KS. Đặng Thanh Hiệu, Phạm Hùng Sơn; Vũ Trọng Thịnh; Trần Quốc Bình; Nguyễn Văn Dương; Hồ Đức Lượng; Vương Thế Bình; Nguyễn Văn Trung; Tạ Giang Nam; Nguyễn Mạnh Trường; Đỗ Thúy Phương; Hoàng Mạnh Hùng; Thiệu Quang Hùng; Vương Dương Minh; Phạm Hùng Thắng; Nguyễn Văn Khoa; Nguyễn Thị Hương Liên - Hà Nội - Cục Viễn thông, 2021; 02/2021 - 11/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu, khảo sát thực trạng quản lý và nhu cầu sử dụng trong nước về thiết bị trạm gốc 5G. Nghiên cứu khảo sát tình hình chuẩn hóa về thiết bị trạm gốc 5G của một số nước trên thế giới; một số tổ chức chuẩn hóa trên thế giới. Nghiên cứu đánh giá thực trạng công nghệ, kỹ thuật và thử nghiệm đối với thiết bị trạm gốc 5G. Xây dựng dự thảo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về thiết bị trạm gốc 5G.

Số hồ sơ lưu: 20485

85256.01-2023 **Nghiên cứu, thiết kế, cải tạo xe ô tô hiệu Toyota Hiace thành mô hình Tổng thành xe ô tô phục vụ đào tạo nghề tại Trường Cao đẳng nghề Vĩnh Long/** ThS. Huỳnh Minh Hiệp, ThS. Huỳnh Minh Hiệp; ThS. Trịnh Trung Duy; ThS. Nguyễn Trường Giang - Vĩnh Long - Trường Cao đẳng Nghề Vĩnh Long, 2021; 09/2021 - 05/2022. (Đề tài cấp Cơ sở)

Thiết kế, cải tạo xe hết hạn sử dụng thành mô hình tổng thành xe ô tô phục vụ đào tạo, đáp ứng mục đích giảng dạy của giáo viên và phù hợp với chương trình đào tạo học sinh, sinh viên học nghề công nghệ ô tô trình độ sơ cấp, trung cấp, cao đẳng hiện nay của nhà trường. Tiết kiệm chi phí mua thiết bị đào tạo nghề. Mô hình thể hiện rõ các cơ cấu hoạt động của ô tô, phù hợp với ý đồ sư phạm của giảng viên.

Số hồ sơ lưu: VLG.CS002.2022-0000341

85269.01-2023 **Nghiên cứu chế tạo bộ đầu dao phay mặt đầu, phay rãnh đuôi én phục vụ giảng dạy tại Trường Cao đẳng nghề Vĩnh Long/** ThS. Hoàng Thanh Giang, ThS. Hoàng Thanh Giang; ThS. Lê Văn Ký; KS. Đặng Hữu Đạt - Vĩnh Long - Trường Cao đẳng Nghề Vĩnh Long, 2021; 10/2021 - 05/2022. (Đề tài cấp Cơ sở)

Hoàn thành bộ đầu dao phay mặt đầu, phay rãnh đuôi én, lắp được trên máy phay cơ vạn năng PBM Đài

Loan, phay được chi tiết đạt độ nhám từ cấp 5 đến cấp 7 theo tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 2511-95, tháo lắp mũi dao nhanh và chính xác, đảm bảo yêu cầu kỹ thuật của chi tiết sau khi gia công. Số lượng sản phẩm đạt được: 4 đầu dao phay mặt đầu gắn mũi hợp kim và 2 dao phay rãnh đuôi én.

Số hồ sơ lưu: VLG.CS001.2022-0000340

85281.01-2023 **Điều khiển và đánh pan hệ thống lạnh bằng máy tính bảng hay điện thoại di động/** ThS. Trần Anh Tuấn, ThS. Trần Anh Tuấn; ThS. Nguyễn Quang Minh; ThS. Nguyễn Phú Hưng - Vĩnh Long - Trường Cao đẳng Nghề Vĩnh Long, 2022; 09/2021 - 05/2022. (Đề tài cấp Cơ sở)

Nghiên cứu chế tạo mô hình hệ thống lạnh phục vụ công tác giảng dạy. Có thể tạo ra nhiều Pan (5 Pan), nhằm đa dạng hóa các loại hư hỏng thường gặp, tạo ra nhiều tình huống để học sinh có thể rèn luyện, nâng cao tay nghề. Điều khiển tạo Pan từ xa, khởi động hoặc tắt hệ thống từ xa thông qua máy tính bảng hoặc điện thoại di động bằng giọng nói sử dụng các kết nối thông dụng như wifi hoặc bluetooth.

Số hồ sơ lưu: VLG.CS003.2022-0000342

85292.01-2023 **Nghiên cứu hoàn thiện quy trình công nghệ sản xuất, chế biến đồ uống giải khát lên men từ chè Thái Nguyên – Trà Kombucha/** ThS. Trần Thanh Việt, ThS. Trần Thanh Việt; TS. Lê

Đình Phái; ThS. Hồ Đức Tuấn; ThS. Phạm Lê Hương; TS. Nguyễn Thị Thu Hà; PGS.TS. Trần Đăng Khánh; TS. Nguyễn Thị Thanh Bình; ThS. Trần Thị Hiền; CN. Lê Quỳnh Liên - Công ty CP tập đoàn Vgreen - Công ty CP tập đoàn Vgreen, 2022; 10/2020 - 05/2021. (Đề tài cấp Tỉnh/Thành phố)

Nghiên cứu thành công quy trình sản xuất đồ uống giải khát lên men từ chè Thái Nguyên; Sản xuất thử nghiệm thành công được 200.000 lít đồ uống Trà Kombucha; Bước đầu hình thành mô hình sản xuất thử nghiệm đồ uống giải khát lên men từ chè Thái Nguyên – Trà Kombucha. Quy trình sản xuất Trà Kombucha có khả năng nghiên cứu hoàn thiện, ứng dụng vào sản xuất và thương mại hóa sản phẩm. Sản xuất thử nghiệm Trà Kombucha quy mô 200.000 lít; Mô hình công nghệ, thiết bị sản xuất trà Kombucha 2.000 lít/ngày; Tiêu chuẩn cơ sở; Báo cáo nghiên cứu các loại nguyên liệu từ chè, đánh giá chất lượng và nhu cầu thị trường; Báo cáo đánh giá chất lượng sản phẩm; Đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ; Báo cáo nghiên cứu thiết kế bao bì, đóng gói, tem nhãn và hệ thống phân phối, showroom.

Số hồ sơ lưu: TNN-2022-01

### **20102. Kỹ thuật xây dựng**

84512.01-2023 **Xây dựng lý thuyết phân tích sức kháng của dầm-cột thép gia cường bằng hai tấm dán GFRP/** TS. Phạm Văn Phê, TS. Bùi Thanh Quang; PGS. TS.

Nguyễn Xuân Huy; TS. Nguyễn Trung Kiên; TS. Tạ Duy Hiền; TS. Đào Sỹ Đán - Hà Nội - Trung tâm Nghiên cứu và Ứng dụng Công nghệ Xây dựng, 2022; 09/2019 - 09/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Phát triển các lý thuyết phân tích để tính toán sức kháng tối đa, sức kháng ổn định phi tuyến, sức kháng ổn định đàn hồi cho dầm, cột thép gia cường bằng hai tấm dán GFRP thông qua các lớp chất kết dính. Khảo sát ảnh hưởng của các đặc trưng cơ học và kích thước hình học của vật liệu GFRP và chất kết dính tới các sức kháng để xác định hiệu quả của giải pháp gia cường sử dụng hai tấm dán GFRP. Xây dựng và hoàn thiện đường cong quan hệ giữa sức kháng và chiều dài không giảm của dầm, cột thép gia cường hai tấm dán GFRP. Thiết lập ranh giới giữa sức kháng tối đa, sức kháng ổn định phi tuyến, sức kháng ổn định đàn hồi. Phân tích được các yếu tố ảnh hưởng của ứng suất dư, biến dạng ban đầu, khuyết tật ban đầu trong kết cấu thép tới các sức kháng của dầm thép gia cường tấm dán GFRP.

Số hồ sơ lưu: 20629

84517.01-2023 **Mô hình lý thuyết xác định khả năng chịu lực cắt và mô men của cột bê tông cốt thép có thép đai dạng xoắn ốc/** TS. Ngô Sĩ Huy, TS. Nguyễn Văn Dũng; TS. Mai Thị Hồng; ThS. Lê Thị Thanh Tâm; TS. Huỳnh Trọng Phước - Thanh Hóa - Trường Đại học Hồng Đức, 2022; 08/2018 - 08/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)



Xây dựng mô hình lý thuyết để xác định khả năng chịu lực cắt và mô men của cột bê tông cốt thép sử dụng thép đai dạng xoắn ốc. Nghiên cứu các mô hình lý thuyết xác định khả năng chịu lực cắt và mô men cho các cột được thiết kế với thép đai thông thường, từ đó phát triển lên cho các cột được thiết kế với đai hình xoắn ốc bằng cách đưa vào các hệ số phản ánh sự ảnh hưởng của kết cấu đai xoắn ốc đến khả năng chịu lực cắt và mô men của cột bê tông cốt thép. Thu thập các dữ liệu thí nghiệm về các cột sử dụng thép đai hình xoắn ốc, áp dụng mô hình vừa tìm được để kiểm chứng, đánh giá kết quả.

Số hồ sơ lưu: 20624

### **20103. Kỹ thuật kết cấu và đô thị**

84692.01-2023 Nghiên cứu ứng dụng kết cấu dầm liên hợp nhịp vừa và nhỏ sử dụng dầm thép I cán nóng ở Việt Nam/ PGS. TS. Hồ Xuân Nam, TS. Lê Bá Anh; ThS. Triệu Minh Đông; KS. Nguyễn Bá Sơn; ThS. Lê Hà Linh; KS. Nguyễn Anh Tuấn; ThS. Hồ Xuân Ba; ThS. Trần Hoài Nam; ThS. Nguyễn Thạch Bích; ThS. Nguyễn Ngọc Lan; KS. Nguyễn Bảo Lâm; TS. Thái Minh Quân - Hà Nội - Trường Đại học Giao thông vận tải, 2022; 01/2021 - 03/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu lịch sử phát triển và những ưu điểm nhược điểm của dầm thép I cán nóng, từ đó phân tích khả năng ứng dụng của loại dầm này trong thiết kế và thi công cầu ở Việt Nam. Nghiên cứu cơ sở lý thuyết tính toán và thiết kế dầm thép I cán

nóng, đưa ra được các bộ bản vẽ định hình áp dụng cho các chiều dài nhịp thông thường tại Việt Nam. Tiến hành phân tích trên mô hình số bằng phương pháp phần tử hữu hạn có xét đến sự làm việc phi tuyến của vật liệu để đánh giá hệ số an toàn của thiết kế dầm thép I cán nóng. Kết quả phân tích cho thấy, dầm thép I cán nóng thỏa mãn các điều kiện ở các trạng thái giới hạn. Tiến hành đánh giá hiệu quả kinh tế kỹ thuật của việc áp dụng dầm thép I cán nóng cho các công trình cầu ở Việt Nam thông qua việc so sánh với các phương án kết cấu nhịp sử dụng các loại dầm bê tông cốt thép dự ứng lực phổ biến hiện nay, bao gồm dầm bản, dầm chữ I và dầm super T.

Số hồ sơ lưu: 20800

### **20104. Kỹ thuật giao thông vận tải**

84196.01-2023 Thúc đẩy áp dụng Hệ thống quản lý an toàn giao thông đường bộ theo tiêu chuẩn TCVN ISO 39001:2014 vào các tổ chức, doanh nghiệp Việt Nam/ CN. Trần Thị Ngọc Anh, ThS. Vũ Hoàng Minh; ThS. Nguyễn Thị Hải Xuân; KS. Phùng Mạnh Chi; KS. Trần Anh Tuấn; KS. Nguyễn Hoài Nam; KS. Trần Khánh Vũ; CN. Trần Văn Đức; ThS. Trần Dũng Sỹ; ThS. Nguyễn Trường Danh; ThS. Bùi Khánh Tùng; ThS. Đoàn Trung Dũng; KS. Nguyễn Lâm Hoàng; KS. Lê Nhật Thành; CN. Nguyễn Ngọc Anh; KS. Trịnh Hồng Minh, CN. Nguyễn Thị Thu Hạnh, CN. Vũ Hồng Thủy; ThS. Hoàng Thị Thanh Tuyền - Hà Nội - Trung tâm Chứng nhận Phù hợp (QUACERT), 2021;

10/2018 - 04/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Phổ biến, hướng dẫn áp dụng Hệ thống quản lý an toàn giao thông đường bộ theo tiêu chuẩn ISO 39001 cho 300 tổ chức, doanh nghiệp Việt Nam. Xây dựng năng lực cho đội ngũ chuyên gia tư vấn, chuyên gia đánh giá Hệ thống quản lý an toàn giao thông đường bộ theo tiêu chuẩn ISO 39001. Xây dựng chương trình chứng nhận Hệ thống quản lý an toàn giao thông đường bộ theo tiêu chuẩn ISO 39001 phù hợp với chuẩn mực quốc tế. Hình thành được các tổ chức, doanh nghiệp thí điểm áp dụng thành công Hệ thống quản lý an toàn giao thông đường bộ theo tiêu chuẩn ISO 39001.

Số hồ sơ lưu: 20494

**84549.01-2023 Nghiên cứu ứng dụng lý thuyết khối để đánh giá nguy cơ trượt lở trên mái dốc đá dọc tuyến quốc lộ; thử nghiệm từ km 0 đến km 80 trên quốc lộ 3B/PGS. TS. Phí Trường Thành, TS. Trần Thị Hồng Minh; TS. Nguyễn Quốc Phi; TS. Văn Đức Tùng; TS. Phí Hồng Thịnh; TS. Dương Mạnh Hùng; ThS. Nguyễn Thị Phương Thanh; ThS. Lê Trung Kiên; ThS. Đỗ Mạnh Tuấn; ThS. Nguyễn Quang Minh - Hà Nội - Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội, 2021; 01/2018 - 06/2021. (Đề tài cấp Bộ)**

Sử dụng lý thuyết khối tìm kiếm các khối nguy cơ trượt trên bề mặt mái dốc đá; Phân tích, xác định các kiểu khối nguy cơ trượt và mô hình hóa chúng trong không gian ba chiều

(3D); Phân vùng và đánh giá các khối nguy cơ trượt trên mái dốc đá, đưa ra các dự báo phòng tránh và giảm thiểu dọc tuyến quốc lộ 3B. Phát triển ứng dụng phương pháp phân tích kinh điển xác định các kiểu trượt trên bề mặt mái dốc đá của Hoek và Bray năm 2004 và xác định khối có nguy cơ trượt trên bề mặt mái dốc đá theo phương pháp Lý thuyết khối của Goodman và Shi năm 1985 để nhận dạng các khối có nguy cơ trượt trên bề mặt mái dốc đá.

Số hồ sơ lưu: 20628

**85267.01-2023 Nghiên cứu chế tạo IoT DataLogger cho Hệ Thống Đèn Giao thông thông minh/ ThS. Nguyễn Quang Vũ, Lê Đình Việt Hải; Lê Trọng Nhân; Phan Đình Thế Duy; Nguyễn Trần Hữu Nguyên; Nguyễn Ngọc Tùng; Bùi Hải Đăng - TP. Hồ Chí Minh - Văn phòng Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh, 2021; 06/2019 - 12/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)**

Nghiên cứu về Internet of Thing (IoT), vi điều khiển, các loại cảm biến, các module tích hợp, màn hình điều khiển, các phương pháp kết nối điều khiển. Nghiên cứu các kỹ thuật lập trình phần mềm ứng dụng tương tác với mạch điều khiển và tìm hiểu kết cấu, hoạt động của một số loại bộ đèn điều khiển giao thông. Tiến hành thiết kế bảng vẽ mạch điều khiển vi xử lý tích hợp các module, cảm biến và màn hình cảm ứng. Xây dựng mạch điều khiển vi xử lý tích hợp các module, cảm biến và màn hình cảm ứng... Từ đó, xây dựng sa bàn và thử nghiệm thiết bị trên sa bàn và

lắp đặt, chạy thử nghiệm trên 3 cột giao thông tại Đại học Quốc gia TP.HCM

Số hồ sơ lưu: HCM-047-2022

### 20105. Kỹ thuật thủy lợi

84658.01-2023 Đề xuất giải pháp khoa học công nghệ và quản lý cải thiện chất lượng nước tưới mặt ruộng trong công trình thủy lợi thuộc lưu vực sông Nhuệ, sông Đáy/ ThS.Trần Hưng, PGS.TS. Trần Quốc Thương; PGS.TS. Đoàn Doãn Tuấn; ThS. Trần Việt Dũng; KS. Dư Văn Châu; ThS. Phạm Anh Tuấn; ThS. Trần Hương Cẩm; ThS. Nguyễn Việt Hùng; TS. Nguyễn Thị Kim Dung; ThS. Phạm Đình Kiên; ThS. Nguyễn Thị Loan - Hà Nội - Viện Tài nguyên Nước và Môi trường Đông Nam Á, 2022; 10/2020 - 11/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Đề xuất giải pháp khoa học công nghệ xử lý ô nhiễm cải thiện chất lượng nước tưới mặt ruộng trong vùng nghiên cứu trên cơ sở xác định được nguồn thải chính gây ô nhiễm nước tưới mặt ruộng, tác động của ô nhiễm nước tới năng suất, cơ cấu cây trồng nông nghiệp, thủy sản; Xây dựng bộ dữ liệu cơ bản về vị trí nguồn xả thải và tiếp nhận nguồn thải điển hình (gắn liền với vị trí mô hình thí điểm). Các cơ quan quản lý có thể truy cập dữ liệu trực tuyến; Đề xuất giải pháp và xây dựng 02 mô hình tổ chức quản lý cải thiện chất lượng nước mặt ruộng trong công trình thủy lợi thuộc lưu vực sông Nhuệ, sông Đáy.

Số hồ sơ lưu: 20783

84794.01-2023 Nghiên cứu đề xuất mô hình đầu tư xây dựng và quản lý khai thác hệ thống thủy lợi nội đồng khi chuyển đổi đất trồng lúa sang các cây trồng có giá trị kinh tế cao, nhằm thích ứng với biến đổi khí hậu, phục vụ xây dựng nông thôn mới ở Đồng bằng Sông Cửu Long/ TS. Nguyễn Tuấn Anh, : ThS. Doãn Quang Huy; TS. Trần Văn Đạt; TS. Đặng Ngọc Hạnh; PGS.TS. Đinh Vũ Thanh; ThS. Giang Như Chăm; ThS. Nguyễn Mạnh Hà; PGS.TS. Vũ Thị Minh; TS. Diệp Tố Uyên; TS. Nguyễn Hữu Dũng; ThS. Nguyễn Tài Thiện; ThS. Đoàn Thị Cẩm Hồng - Hà Nội - Viện kinh tế và quản lý thủy lợi, 2022; 11/2020 - 11/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Đánh giá thực trạng đầu tư và quản lý hệ thống thủy lợi nội đồng trên đất trồng lúa được chuyển đổi sang cây hoa màu và cây ăn trái ở vùng ĐBSCL. Đánh giá năng lực và nhu cầu tham gia đầu tư xây dựng và quản lý vận hành HTTL nội đồng trên đất trồng lúa đã chuyển đổi sang cây hoa màu và cây ăn trái. Đề xuất mô hình đầu tư xây dựng, quản lý vận hành HTTL nội đồng hợp lý khi chuyển đổi đất lúa sang cây hoa màu và cây ăn trái nhằm thích ứng với biến đổi khí hậu và phục vụ xây dựng nông thôn mới. Thử nghiệm 01 mô hình quản lý khai thác hệ thống thủy lợi nội đồng hợp lý, phục vụ xây dựng NTM. Xây dựng sổ tay hướng dẫn đầu tư xây dựng, quản lý vận hành hệ thống thủy lợi nội đồng khi chuyển đổi đất trồng lúa sang

sang cây hoa màu và cây ăn trái phục vụ xây dựng NTM.

Số hồ sơ lưu: 20869

85323.01-2023 **Đánh giá khả năng chịu tải của vịnh Đồng Tranh, vịnh Gành Rái và cửa Soài Rạp trước các sức ép về gia tăng dân số và tăng trưởng kinh tế ở vùng hạ lưu hệ thống sông Đồng Nai/** TS. Lê Ngọc Tuấn, ThS. Nguyễn Văn Trọng; ThS. Trần Xuân Hoàng; ThS. Nguyễn Văn Bằng; ThS. Trần Thị Thúy; TS. Dương Thị Thúy Nga; TS. Trần Thị Mai Phương; ThS. Trần Tuấn Hoàng; ThS. Nguyễn Văn Trọng; CN. Đoàn Thanh Huy - TP. Hồ Chí Minh - Viện Khí tượng thủy văn, hải văn và môi trường, 2020; 07/2018 - 06/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Xác định và đánh giá các nguồn thải xả nước thải vào vịnh Đồng Tranh, vịnh Gành Rái và cửa sông Soài Rạp trong mối quan hệ với sự gia tăng dân số và phát triển kinh tế vùng hạ lưu hệ thống sông Đồng Nai. Đánh giá hiện trạng chất lượng nước (nhiệt độ, DO, BOD, SS, N-NH<sub>4</sub>, N-NO<sub>3</sub>, P-PO<sub>4</sub>, *Coliform*) và khả năng chịu tải (SS, N-NH<sub>4</sub>, N-NO<sub>3</sub>, P-PO<sub>4</sub>, *Coliform*) của vịnh Đồng Tranh, vịnh Gành Rái và cửa sông Soài Rạp (có xem xét các kịch bản BĐKH). Từ đó, đề xuất được các giải pháp quản lý môi trường và giảm thiểu ô nhiễm tại vịnh Đồng Tranh, vịnh Gành Rái và cửa sông Soài Rạp.

Số hồ sơ lưu: HCM-059-2022

## 20201. Kỹ thuật điện và điện tử

84541.01-2023 **Nghiên cứu tương tác trường gần trong vật liệu biến hóa cho hiệu ứng truyền qua cảm ứng điện từ và hấp thụ đa dải tần/** TS. Bùi Sơn Tùng, GS. TS. Vũ Đình Lâm; TS. Bùi Xuân Khuyên; ThS. Trần Văn Huỳnh; ThS. Nguyễn Thị Mai - Hà Nội - Viện Khoa Học Vật Liệu, 2022; 09/2019 - 03/2022. (Đề tài cấp Quốc gia)

Áp dụng mô hình lý thuyết của tương tác trường gần vào thiết kế và mô phỏng EIT-MM và MPA đa dải tần hoạt động ở vùng tần số GHz. Chế tạo và đo đạc thực nghiệm EIT-MMs và MPAs. Nghiên cứu đặc trưng điện từ của cấu trúc EIT-MMs và MPAs. Làm rõ cơ chế của cấu trúc hấp thụ đa dải tần EIT-MMs và MPAs. Nghiên cứu vai trò của các vật liệu cấu thành (điện môi, kim loại) đối với hiệu ứng EIT và hiệu ứng hấp thụ đa dải tần. Khảo sát sự phụ thuộc vào các tham số hình học của tính chất điện từ của cấu trúc EIT-MM và MPA đa dải tần. Sắp xếp và xây dựng quy trình chế tạo để thu được cấu trúc EIT-MM và MPA đa dải tần trên tương tác trường gần ở vùng tần số GHz.

Số hồ sơ lưu: 20630

84553.01-2023 **Màng mỏng sắt điện với đặc trưng áp điện cao và khả năng hoạt động ổn định trong thời gian dài nhằm ứng dụng trong các linh kiện vi cảm biến và vi truyền động/** GS. TS. Vũ Ngọc Hùng, PGS.TS. Ngô Đức Quân; TS. Nguyễn Đức Minh; TS. Nguyễn Thị



Quỳnh Chi; ThS. Đặng Thị Hà; KS. Trịnh Thị Trang - Hà Nội - Viện Đào tạo Quốc tế về Khoa học Vật liệu (ITIMS), 2021; 12/2018 - 12/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Khảo sát sự thay đổi của độ phân cực sắt điện dư và hệ số áp điện trong quá trình hoạt động của màng mỏng sắt điện  $Pb(Zr,Ti)O_3/PbZrO_3$  (PZT/PZ) phủ trên điện cực Pt. Tìm hiểu vai trò của lớp đệm và điện cực oxit đến việc tăng cường tính chất áp điện và hạn chế đặc tính mỏi trong các màng mỏng PZT/PZ với cấu trúc dạng tụ điện. Tiến hành vai trò của lớp đệm và điện cực oxit đến việc tăng cường tính chất áp điện và hạn chế đặc tính mỏi trong các màng mỏng PZT/PZ với cấu trúc dạng tụ điện.

Số hồ sơ lưu: 20582

84722.01-2023 **Phát triển, xây dựng các thuật toán và chương trình xử lý, phân tích số liệu Thăm dò điện đa cực 2D cải tiến và trường thế (Từ và Trọng lực)/** PGS. TS. Vũ Đức Minh, ThS. Viengthong Xayavong; ThS. Đỗ Anh Chung; ThS. Phạm Thành Luân - Hà Nội - Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, 2022; 04/2020 - 03/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Xây dựng các thuật toán mới xử lý, phân tích số liệu Thăm dò điện đa cực 2D cải tiến và Từ, Trọng lực. Xây dựng được các chương trình xử lý, phân tích số liệu Thăm dò điện đa cực 2D cải tiến và Từ, Trọng lực bằng ngôn ngữ Matlab theo các thuật toán đã được thiết lập nêu trên. Áp dụng thử nghiệm các thuật toán và

chương trình mới xử lý, phân tích số liệu Thăm dò điện đa cực 2D cải tiến để tìm nước ngầm ở CHDCND Lào, có so sánh với các kết quả lỗ khoan cho kết quả tốt. Áp dụng các thuật toán và chương trình mới xử lý, phân tích số liệu Từ và Trọng lực để xác định biên của nguồn gây dị thường ở khu vực Tuần Giáo, thuộc Tây Bắc Việt Nam cho kết quả có độ phân giải, độ chính xác cao và có thể tránh sinh ra các biên thứ cấp.

Số hồ sơ lưu: 20817

84889.01-2023 **Thiết kế, chế tạo bộ thực hành phục vụ đào tạo IoT ( Internet of Things) cho sinh viên ngành Kỹ thuật Cơ điện tử./** ThS. Trần Thanh Tùng, ThS. Đào Minh Đức; TS. Phạm Văn Anh; ThS. Bùi Trung Kiên - Quảng Ngãi - Trường Đại học Phạm Văn Đồng, 2022; 01/2021 - 06/2022. (Đề tài cấp Cơ sở)

Nhằm mục đích trang bị cho sinh viên ngành Kỹ thuật Cơ điện tử những kiến thức cơ bản nền tảng của hệ thống IoT bao gồm cấu trúc, các giao thức thực hiện và ứng dụng IoT. Hình thành ý tưởng, thiết kế và hiện thực ứng dụng hệ thống IoT vào thực tế. Bên cạnh đó, sinh viên sẽ được phát triển kỹ năng làm việc nhóm, thái độ tích cực, chủ động để đáp ứng tốt hơn cho công việc của mình.

Số hồ sơ lưu: QNI-2022-005

**20203. Tự động hoá (CAD/CAM, v.v..) và các hệ thống điều khiển, giám sát; công nghệ điều khiển số bằng máy tính (CNC),..**

84193.01-2023 **Nghiên cứu , thiết kế , chế tạo thiết bị sấy rau , củ, quả bằng năng lượng mặt trời theo công nghệ sấy hiệu ứng nhà kính và điều khiển thông minh** / ThS. Nguyễn Trung Kiên, PGS.TS. Bùi Trung Thành; ThS. Phạm Quang Phú; ThS. Dương Tiến Đoàn; ThS. Trần Việt Hùng; TS. Phạm Công Duy; ThS. Lê Đình Nhật Hoài; ThS. Nguyễn Minh Cường; KS. Nguyễn Nhân Sâm - Hồ Chí Minh - Trường Đại học Công nghiệp TP. Hồ Chí Minh, 2021; 01/2020 - 06/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Tổng quan về sấy bằng năng lượng mặt trời trên thế giới và trong nước. Tổng quan về sấy hiệu ứng nhà kính và ứng dụng. Tổng quan về điều khiển thông minh và các kết quả ứng dụng trong thực tiễn đối với kỹ thuật sấy thế giới và trong nước. Tổng quan về 3 loại vật liệu sấy (Vùng trồng và phân bố, sản lượng, nhu cầu thị trường trong nước và xuất khẩu). Tìm hiểu về vật liệu sấy theo hướng nghiên cứu của đề tài. Xác định được các thông số nhiệt vật lý của các vật liệu đã khảo sát sử dụng trong tính toán sấy (Khối lượng riêng, khối lượng thể tích, hệ số dẫn nhiệt, nhiệt dung riêng). Làm chủ công nghệ sấy rau, củ, quả bằng năng lượng mặt trời theo hiệu ứng nhà kính và điều khiển thông minh có cấp bổ sung nguồn nhiệt bên ngoài. Chế tạo được 01 thiết bị sấy bằng năng lượng mặt trời theo hiệu

ứng nhà kính và điều khiển thông minh.

Số hồ sơ lưu: 20497

84523.01-2023 **Nghiên cứu phát triển ứng dụng thu thập thông tin trên thiết bị di động và Webform trong điều tra thống kê/** ThS. Cao Quang Thành, CN. Vũ Huy Thường, CN. Phạm Thị Minh Thu, CN. Lý Hồng Hải, CN. Vũ Đình Tùng, CN. Lê Đông Hải, ThS. Lê Thiên Hinh, ThS. Đặng Trung Nam; KS. Lê Quyết Thắng; ThS. Nguyễn Thanh Liêm; KS. Lê Thanh Thuận; KS. Trần Mỹ Châu; CN. Huỳnh Ngọc Bích Liên; ThS. Trần Quốc Huy; CN. Ngô Bích Diệp - Hà Nội - Cục Thu thập dữ liệu và Ứng dụng công nghệ thông tin thống kê, 2021; 05/2020 - 07/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Tổng quan nghiên cứu về xây dựng ứng dụng thu thập thông tin trên thiết bị di động và webform trong điều tra thống kê. Nghiên cứu kinh nghiệm quốc tế về xây dựng và áp dụng các ứng dụng thu thập thông tin trên thiết bị di động và webform trong điều tra thống kê. Nghiên cứu đề xuất giải pháp công nghệ và quy trình xây dựng ứng dụng thu thập thông tin trên thiết bị di động và Webform trong điều tra thống kê. Nghiên cứu đề xuất quy trình tổ chức điều tra thống kê sử dụng thiết bị di động và webform (quy trình áp dụng các ứng dụng). Thử nghiệm ứng dụng thu thập thông tin trên thiết bị di động và webform

trong Điều tra thí điểm Tổng điều tra kinh tế năm 2021.

Số hồ sơ lưu: 20616

**84715.01-2023 Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của Bảo tàng Tuổi trẻ Việt Nam/** TS. Nguyễn Việt Hùng, TS. Phạm Bá Khoa; ThS. Đỗ Thị Thuý Hằng; ThS. Lê Thị Lanh; ThS. Nguyễn Đức Kiên; ThS. Nguyễn Sỹ Nam; KS. Lê Ngọc Huân; CN. Hoàng Anh Dũng; CN. Phạm Thanh Tuấn; CN. Vũ Thị Thảo - Hà Nội - Bảo tàng Tuổi trẻ Việt Nam, 2021; 01/2021 - 12/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu cơ sở lý luận và thực tiễn xây dựng các giải pháp ứng dụng công nghệ thông tin nhằm nâng cao hiệu quả trong hoạt động của Bảo tàng Tuổi trẻ Việt Nam. Nghiên cứu thực trạng việc ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của Bảo tàng Tuổi trẻ Việt Nam hiện nay. Nghiên cứu các yếu tố, điều kiện để ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của Bảo tàng Tuổi trẻ Việt Nam. Xây dựng các giải pháp để ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của Bảo tàng Tuổi trẻ Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: 20807

#### **20204. Các hệ thống và kỹ thuật truyền thông**

**84169.01-2023 Nghiên cứu, xây dựng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tương thích điện từ đối với thiết bị âm thanh không dây dải tần từ 25 MHz đến 2000 MHz/** ThS. Nguyễn Xuân Hải, Vũ Trọng Đại; Nguyễn Văn Nhân; Lê Đức Cường;

Nguyễn Triệu Khải; Đỗ Thúy Phương; Nguyễn Thị Hương Liên - Hà Nội - Cục Viễn thông, 2022; 02/2021 - 12/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Nhằm mục tiêu là vừa phát triển Chính phủ số, kinh tế số, xã hội số, vừa hình thành các doanh nghiệp công nghệ số Việt Nam có năng lực đi ra toàn cầu, ngày 03 tháng 6 năm 2020 Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 749/QĐ-TTg Phê duyệt “Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”, trong đó nhiệm vụ, giải pháp tạo nền móng chuyển đổi số về phát triển hạ tầng số có yêu cầu quy hoạch lại băng tần, phát triển hạ tầng mạng di động 5G; nâng cấp mạng di động 4G; sớm thương mại hóa mạng di động 5G; triển khai các giải pháp để phổ cập điện thoại di động thông minh tại Việt Nam; xây dựng quy định và lộ trình yêu cầu tích hợp công nghệ 4G, 5G đối với các sản phẩm điện thoại di động và các thiết bị Internet vạn vật (IoT) được sản xuất và nhập khẩu để lưu thông trên thị trường trong nước.

Số hồ sơ lưu: 20476

**84173.01-2023 Nghiên cứu, xây dựng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng dịch vụ 5G/** ThS. Vương Thế Bình, Phạm Hùng Sơn; Mai Thị Thủy; Nguyễn Văn Nhân; Vũ Trọng Thịnh; Nguyễn Văn Dương; Đỗ Thúy Phương; Đặng Thanh Hiệu; Nguyễn Phi Tuyền; Tạ Giang Nam; Nguyễn Mạnh Trường; Hoàng Mạnh Hùng; Vương Dương Minh; Phạm Hùng Thắng; Thiệu

Quang Hùng; Nguyễn Văn Khoa; Nguyễn Văn Trung; Lưu Trường Sơn - Hà Nội - Cục Viễn thông, 2022; 02/2021 - 11/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu, khảo sát thực trạng quản lý và nhu cầu chuẩn hóa về chất lượng dịch vụ 5G. Khảo sát được tình hình chuẩn hoá chất lượng dịch vụ 5G của các tổ chức chuẩn hoá cũng như tình hình chuẩn hoá của một số quốc gia trên thế giới. Phân tích, lựa chọn tài liệu tham chiếu chính. Xây dựng dự thảo quy chuẩn.

Số hồ sơ lưu: 20486

84194.01-2023 **Nghiên cứu, sửa đổi quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về phơi nhiễm trường điện từ đối với trạm gốc điện thoại di động mặt đất công cộng/** KS. Trần Quốc Toàn, Nguyễn Đức Nam; Điền Văn Dũng; Ứng Văn Nguyên; Bùi Ngọc Dũng; Vũ Thành Công - Hà Nội - Cục Viễn thông, 2021; 02/2021 - 12/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu các quy định về kiểm định trạm gốc điện thoại di động mặt đất công cộng ở Việt Nam. Nghiên cứu, khảo sát về tình hình kiểm định trạm gốc điện thoại di động mặt đất công cộng ở Việt Nam. Nghiên cứu tình hình tiêu chuẩn hóa của các tổ chức quốc tế và của một số nước về phơi nhiễm sóng điện từ đối với trạm gốc điện thoại động mặt đất công cộng. Nghiên cứu phương pháp đo kiểm, đánh giá phơi nhiễm trường điện từ đối với các trạm gốc điện thoại di động mặt đất công cộng của một số nước trên thế giới.

Nghiên cứu, đề xuất tài liệu tham chiếu chính và hình thức áp dụng quy chuẩn kỹ thuật. Xây dựng dự thảo quy chuẩn sửa đổi quy chuẩn QCVN 8:2010/BTTTT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về phơi nhiễm trường điện từ của các trạm gốc điện thoại di động mặt đất công cộng áp dụng tại Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: 20493

## 20302. Chế tạo máy nói chung

84522.01-2023 **Phát triển phương pháp thị giác tự động phát hiện bu-lông bị lỏng trong các liên kết bu-lông cỡ lớn bằng mô hình học sâu nhanh hơn** / TS. Huỳnh Thanh Cảnh, PGS. TS. Hồ Đức Duy; TS. Hoàng Nhật Đức; TS. Trần Xuân Linh - Đà Nẵng - Trường Đại học Duy Tân, 2022; 04/2020 - 04/2022. (Đề tài cấp Quốc gia)

Phát triển phương pháp thị giác mới tự động hoàn toàn dựa trên Faster regional CNN để cải thiện tốc độ và độ chính xác của việc chuẩn đoán bu-lông bị lỏng. Xây dựng các mô hình đồ họa 3D của mỗi nối bu-lông, và sử dụng mô hình này để tạo ra bộ dữ liệu dung để huấn luyện mô hình học sâu. Kiểm tra tính khả thi và thực tiễn của phương pháp thị giác dựa trên mô hình học sâu bằng thực nghiệm trên các mô hình qui mô phòng thí nghiệm và trên các liên kết bu-lông cỡ lớn của các công trình cầu thực tế tại Đà Nẵng. Nghiên cứu sự ảnh hưởng của điều kiện thiếu ánh sáng và sự rỉ sét lên khả năng phát hiện bu-lông lỏng của phương pháp thị giác.



Số hồ sơ lưu: 20618

#### **20304. Chế tạo máy động lực**

85371.01-2023 **Nghiên cứu, thiết kế, chế tạo hệ thống thiết bị bốc dỡ xi măng dạng rời từ xà lan/** PGS. TS. Lưu Thanh Tùng, ThS. Vũ Như Phan Thiện; CN. Trần Song Bảo Trúc; ThS. Lương Văn Tới; TS. Đinh Bá Hùng Anh; TS. Phan Thị Mai Hà; ThS. Lê Nhân; KS. Nhan Minh Tiến - TP. Hồ Chí Minh - Đại học Bách khoa TP Hồ Chí Minh, 2020; 12/2018 - 11/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Nghiên cứu thực trạng và các phương pháp dỡ tải xi măng dạng rời. Thiết kế thiết bị bốc dỡ hàng xi măng dạng rời. Tiến hành thực nghiệm kiểm nghiệm hoạt động của các thông số kỹ thuật hệ thống vít tải, cánh gạt trên một mô hình giả lập cỡ nhỏ. Tính toán thiết kế điện động lực, điều khiển và thủy lực. Chế tạo hệ thống bốc dỡ xi măng.

Số hồ sơ lưu: HCM-025-2022

#### **20305. Kỹ thuật cơ khí và chế tạo máy nông nghiệp**

84170.01-2023 **Nghiên cứu thăm dò khả năng thiết kế và chế tạo máy phân loại quả tự động theo trọng lượng ứng dụng trong công nghiệp chế biến rau quả/** ThS. Hoàng Văn Mạnh, ThS. Hoàng Văn Mạnh; TS. Lê Xuân Hảo; TS. Trần Hồng Thao; TS. Đậu Thế Nhu; ThS. Hà Thị Hồng Điệp; ThS. Nguyễn Ngọc Tuấn; KS. Phạm Đức Dũng; ThS. Nguyễn Đức Vinh; KS. Nguyễn Đức Hiệp; KS. Cao Đăng

Minh - Hà Nội - Viện cơ điện nông nghiệp và công nghệ sau thu hoạch, 2022; 01/2020 - 12/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Hiện nay ở nước ta việc phân loại rau quả chủ yếu thực hiện thủ công, năng suất thấp dễ gây ra sai sót do lỗi con người. Việc chủ động sản xuất được các máy phân loại, đáp ứng yêu cầu thực tế, đặc biệt với hàng hóa xuất khẩu là rất cần thiết. Trong phạm vi nghiên cứu này, đề tài đã tạo ra mô hình thí nghiệm và nghiên cứu được một số thông số cơ bản làm cơ sở cho việc thiết kế và chế tạo máy phân loại phù hợp với điều kiện sản xuất trong nước và có thể mở rộng cho nhiều đối tượng rau quả khác nhau đáp ứng được yêu cầu của sản xuất.

Số hồ sơ lưu: 20474

84503.01-2023 **Nghiên cứu thiết kế, chế tạo một số thiết bị và máy công tác chuyên dụng liên hợp với máy kéo có khả năng kéo bám và ổn định cao phục vụ trồng và chăm sóc rừng/** TS. Đoàn Văn Thu, TS. Tô Quốc Huy; TS. Lê Xuân Phúc; TS. Nguyễn Trọng Tuấn; ThS. Nguyễn Văn Minh; ThS. Nguyễn Văn Giáp; TS. Bùi Việt Đức; PGS.TS. Đỗ Hữu Quyết; TS. Bùi Trọng Thủy; ThS. Cao Chí Công; ThS. Trần Anh Trung; ThS. Phạm Đình Mạnh; ThS. Đỗ Trung Thực; ThS. Vũ Công Cảnh; ThS. Nông Văn Nam - Hà Nội - Viện Khoa học lâm nghiệp Việt nam, 2022; 01/2018 - 12/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Cơ giới hóa các khâu trồng, chăm sóc rừng, giảm lao động thủ công, góp phần thâm canh, nâng cao năng suất, chất lượng rừng trồng. Lựa chọn được máy kéo có tính năng kỹ thuật phù hợp, thiết kế cải tiến hệ thống di động, hệ thống điều khiển để làm việc ổn định ở độ dốc đến 25%. Thiết kế, chế tạo được các thiết bị, máy công tác: Xử lý thực bì, vật liệu hữu cơ sau khai thác năng suất 1,5 - 2,0 ha/ca; Máy tạo hồ trồng rừng năng suất 180 - 200 hố/h; Cày chăm sóc rừng năng suất 1,8 - 2,0 ha/ca; Rơ moóc vận chuyển tải trọng 2,0 tấn liên hợp với máy kéo công suất từ 45 - 65 mã lực, thực hiện các khâu trồng, chăm sóc rừng trên đất dốc.

Số hồ sơ lưu: 20647

85345.01-2023 **Nghiên cứu, thiết kế, chế tạo thiết bị giám sát để điều khiển chế độ sấy lúa tối ưu cho máy sấy tháp/** ThS. Lê Thanh Sơn, TS. Lê Khánh Điền ; PGS.TS. Lê Tất Hiện; TS. Đào Vũ Trường Sơn; KS. Ngô Đình Duy Khanh; CN. Lê Trần Danh; ThS. Đoàn Lê Trung Thắng; KS. Phạm Văn Duy; KS. Dương Văn Minh Triệu; KS. Lê Hữu Duyên; Trần Quang Tuyền; KS. Phạm Hà Vĩnh Phúc - TP. Hồ Chí Minh - Công ty TNHH Kỹ Thuật Công Nghiệp Đồng Tâm, 2021; 07/2019 - 06/2021. (Đề tài cấp Tỉnh/Thành phố)

Nghiên cứu tổng quan để xây dựng phương pháp đo và khảo nghiệm máy sấy tháp. Nghiên cứu xây dựng chế độ sấy bằng phương pháp thực nghiệm và thiết kế hệ

thống cơ cấu chấp hành phục vụ điều khiển tháp sấy . Đồng thời , nghiên cứu, thiết kế, chế tạo và tích hợp các thiết bị giám sát , thiết kế phần mềm điều khiển giám sát hệ thốn g sấy tháp. Tiến hành vận hành thử nghiệm kết quả nghiên cứu vào sản xuất để đánh giá khả năng phát triển sản phẩm phục vụ sản xuất và nâng cao năng lực cho đơn vị nghiên cứu.

Số hồ sơ lưu: HCM-035-2022

### 20311. Kỹ thuật cơ khí tàu thủy

84635.01-2023 **Nghiên cứu hệ thống điều khiển bước chân vịt trong các chế độ trên tàu Thái Bình Dương/** PGS.TS. Đào Minh Quân, TS. Vương Đức Phúc; ThS. Tống Lâm Tùng - Hải Phòng - Trường Đại học Hàng hải Việt Nam, 2018; 10/2017 - 05/2018. (Đề tài cấp Cơ sở)

Khái quát chung về chân vịt biển bước. Xây dựng được hệ thống thực hiện điều khiển và giám sát có sử dụng màn hình HMI, điện thoại cho hệ thống điều khiển chân vịt biển bước cụ thể có nhiều chức năng như hệ thống trong thực tế. Mô hình cũng đã được mang xuống thực tế để kiểm tra độ chính xác.

Số hồ sơ lưu: HPG.2022.002

### 20312. Kỹ thuật cơ khí và chế tạo thiết bị khai khoáng

84728.01-2023 **Nghiên cứu thiết kế chế tạo máy sàng rung công có năng suất từ 550 t/h ÷ 650 t/h để phân loại than/** ThS. Nguyễn Hải Long, KS. Nguyễn Xuân Bách; KS. Đặng Văn Phôi; KS. Đỗ Xuân Vững; Vương Việt Phương; Đỗ Tiến

Dũng; Nguyễn Văn Việt; Nguyễn Đại Dương Anh; TS. Nguyễn Văn Xô; ThS. Trần Việt Linh; TS. Nguyễn Huy Thế; TS. Nguyễn Đăng Tấn; ThS. Phạm Văn Tiến; ThS. Nguyễn Thanh Tùng; ThS. Nguyễn Thế Hoàng; Bùi Đức Báu; Đỗ Đăng Hoàn - Quảng Ninh - Công ty Cổ phần Cơ khí Mạo Khê - Vinacomin, 2022; 01/2019 - 06/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Làm chủ thiết kế, công nghệ chế tạo máy sàng rung cong có năng suất 550-650 t/h dùng để phân loại than phù hợp với nhu cầu sử dụng trong thực tế của Việt Nam; Chế tạo 01 máy sàng rung cong có năng suất 550 – 650 t/h để phân loại than; Làm chủ công nghệ lắp đặt, vận hành bảo dưỡng máy sàng rung cong; Nâng cao năng lực tự thiết kế, chế tạo thiết bị sàng rung cong ở trong nước.

Số hồ sơ lưu: 20821

#### **20401. Sản xuất hóa học công nghiệp nói chung (nhà máy, sản phẩm)**

84554.01-2023 Nghiên cứu mô phỏng các tính chất tán xạ Raman tăng cường bề mặt của các hợp chất thuốc trừ sâu hóa học trên vật liệu nano/ TS. Đào Duy Quang, TS. Ngô Thị Chinh; TS. Bùi Thế Huy; TS. Nguyễn Thị Thái An - Đà Nẵng - Trường Đại học Duy Tân, 2022; 04/2019 - 04/2022. (Đề tài cấp Quốc gia)

Xây dựng tối ưu hóa cấu trúc hình học và cấu trúc điện tử của cá phân tử thuốc trừ sâu. Các loại hợp chất này thường chứa các vòng thơm

và hệ nguyên tố phức tạp như C/H/O/N/S/O/P/CL. Phân tích các kiểu tương tác của các hệ tử nghiên cứu với các mô hình cluster kim loại của Ag, Au và Cu và một số kim loại quý khác như Pt, Ni... bằng phương pháp DFT, và sự ảnh hưởng của các kiểu tương tác này lên các mode dao động của phổ Raman thu được. Các mô hình slab mở rộng tuần hoàn của kim loại cũng được sử dụng để khảo sát các kiểu tương tác được xác định từ mô hình cluster kim loại.

Số hồ sơ lưu: 20606

85311.01-2023 **Chế tạo hệ xúc tác oxy hóa sâu trên cơ sở  $\text{Co}_3\text{O}_4/\text{CeO}_2$  có hình thái khác nhau để xử lý benzene, toluene, ethyl benzene và xylene (BTEX) trong pha khí/** TS. Đặng Bảo Trung, ThS. Phan Hồng Phương; CN. Nguyễn Thị Hạnh; CN. Lê Thanh Quang; TS. Nguyễn Trí - TP. Hồ Chí Minh - Trung tâm Phát triển Khoa học và Công nghệ Trẻ, 2021; 12/2019 - 12/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/Thành phố)

Nghiên cứu, chế tạo chất mang  $\text{CeO}_2$  có các hình thái khác nhau: nanorods (r- $\text{CeO}_2$ ), nanoparticles (p- $\text{CeO}_2$ ) và nanocubes (c- $\text{CeO}_2$ ) bằng phương pháp thủy nhiệt và nghiên cứu các tính chất của chất mang. Tiến hành chế tạo và nghiên cứu các tính chất và hoạt tính của hệ xúc tác  $\text{Co}_3\text{O}_4/\text{r-CeO}_2$ ,  $\text{Co}_3\text{O}_4/\text{p-CeO}_2$ ,  $\text{Co}_3\text{O}_4/\text{c-CeO}_2$  với tiền chất, hàm lượng  $\text{Co}_3\text{O}_4$  và điều kiện nung khác nhau trong phản ứng oxy hóa p-xylene. Đồng thời nghiên cứu và chế tạo các tính chất và hoạt tính xúc

tác  $\text{Co}_3\text{O}_4$  biến tính một lượng nhỏ Pd (0,1%kl) mang trên 03 dạng chất mang  $\text{CeO}_2$  trong phản ứng oxy hóa p-xylene. Khảo sát hoạt tính 06 xúc tác có thành phần tốt nhất trong phản ứng oxy hóa các hợp chất BTEX trong pha khí.

Số hồ sơ lưu: HCM-042-2022

#### 20402. Kỹ thuật quá trình hóa học nói chung

84546.01-2023 **Thiết kế oxit kim loại bán dẫn loại p cấu trúc khung nano 3 chiều biến tính bằng kim loại và oxit ứng dụng trong cảm biến khí/** TS. Đỗ Đăng Trung, TS. Khúc Quang Trung; TS. Nguyễn Đức Cường; GS. TS. Nguyễn Văn Hiếu; ThS. Lê Thị Hồng Hiệp; CN. Nguyễn Thị Minh Thư - Hà Nội - Trường Đại học Phòng cháy chữa cháy, 2021; 12/2018 - 10/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Phát triển thành công các phương pháp hóa học đơn giản để tổng hợp các cấu trúc nano ba chiều (3D) trên cơ sở oxit kim loại bán dẫn loại p. Các phương pháp tổng hợp có thể mở rộng trên nhiều loại vật liệu cho cả oxit kim loại bán dẫn loại p và loại n, với sự kiểm soát hình thái, thành phần. Vật liệu nano với cấu trúc nano ba chiều có tính chất nhạy khí tốt với độ chọn lọc cao, hoạt động ổn định, thời gian đáp ứng và phục hồi nhanh. Nắm bắt được các yếu tố ảnh hưởng đến tính chất nhạy khí trên cơ sở oxit kim loại bán dẫn như hình thái, độ xốp và biến tính bề mặt bằng các thành phần khác như oxit kim loại và kim loại quý. Tham gia đào tạo chất lượng

cao trong lĩnh vực khoa học và công nghệ nano.

Số hồ sơ lưu: 20613

#### 20403. Kỹ thuật hoá dược

84649.01-2023 **Nghiên cứu xây dựng quy trình tách chiết Collagen từ Sứa *Rhopilema hispidum* (Vanhoffen, 1888) tại Hải Phòng/** TS. Phạm Thế Thư, TS. Trần Mạnh Hà; CN. Đào Hương Ly; ThS. Phạm Thị Kha; CN. Nguyễn Văn Minh; CN Lê Bá Hoàng Hiệp; CN. Nguyễn Thị Kim Anh; ThS. Nguyễn Thị M.Huyền; CN. Nguyễn Huy Hoàng; TS. Trần Hồng Quang; ThS. Lê Văn Trọng; TS. Trần Thị Kim Chi; ThS. Phạm Xuân Huy - Hải Phòng - Viện Tài nguyên và Môi trường biển, 2021; 12/2019 - 10/2021. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Tổng quan tài liệu và những vấn đề lý thuyết có liên quan. Nghiên cứu lựa chọn kỹ thuật xử lý nguyên liệu Sứa. Nghiên cứu tiền xử lý nguyên liệu sứa bằng dung môi Naoh và  $\text{C}_2\text{H}_5\text{OH}$  nhằm loại bỏ tạp chất phi collagen. Nghiên cứu xác định công nghệ và điều kiện tối ưu trong tách collagen từ Sứa. Nghiên cứu xác định điều kiện tối ưu trong giai đoạn thụ tinh sạch và thu nhận sản phẩm collagen. Xác định hiệu suất tách chiết của công nghệ, độ an toàn của sản phẩm collagen tách chiết từ Sứa. Đề xuất quy trình tách chiết collagen từ Sứa.

Số hồ sơ lưu: HPG.2022.013

#### 20404. Kỹ thuật hoá vô cơ

84542.01-2023 **Nghiên cứu cải thiện tính chất multiferroic của**



vật liệu có cấu trúc perovskite  $ABO_3$  ( $BiFeO_3$ ,  $BaTiO_3$ ,  $PbTiO_3$ ) pha tạp ion 3d, 4f và vật liệu tổ hợp perovskite-spinel ( $ABO_3-MFe_2O_4$ ,  $M=Co, Ni, Fe$ )/ TS. Lê Thị Mai Oanh, GS. TS. Nguyễn Văn Minh; PGS. TS. Đỗ Danh Bích; ThS. Lâm Thị Hằng; TS. Đoàn Thị Thúy Phượng - Hà Nội - Trường Đại học sư phạm Hà Nội, 2022; 12/2018 - 12/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Chế tạo thành công vật liệu  $ABO_3$  pha tạp ion 3d, 4f và đồng pha pha tạp ion 3d và 4f dưới dạng bột và dạng màng bằng phương pháp sol-gel, spin-coating và bốc bay xung laser. Vật liệu kết tinh tốt, đơn pha cấu trúc và biểu hiện các đặc tính sắt điện và sắt từ tốt. Thông qua việc nghiên cứu các tính chất cấu trúc, tính chất điện và từ của các hệ mẫu chế tạo, đề tài hệ thống được sự ảnh hưởng của ion 3d và 4f lên các đặc tính vật lý của các vật liệu nền và đặc biệt là khả năng cải thiện tính chất multiferroic. Từ đó đưa ra nhận định về loại tạp chất và thành phần tạp chất tối ưu cho mục đích nghiên cứu vật liệu multiferroic.

Số hồ sơ lưu: 20635

### **20501. Kỹ thuật nhiệt trong luyện kim**

84178.01-2023 Nghiên cứu công nghệ nung phân hủy kiềm tinh quặng monazit Việt Nam/ ThS. Hoàng Xuân Thi, KS. Ngô Quang Tuyền; CN. Hoàng Thị Tuyền; ThS. Nguyễn Nho Lân; ThS. Nguyễn Thị Mến; KS. Trần Xuân Vịnh - Hà Nội - Viện công nghệ xạ

hiểm, 2021; 01/2021 - 12/2021. (Đề tài cấp Cơ sở)

Tổng quan quặng monazit, phân bố trên thế giới và Việt Nam, các công nghệ chế biến monazit và dây chuyền pilot của Ấn Độ (60 tấn/năm) chuyển giao cho Việt Nam năm 1991; Nghiên cứu thực nghiệm ảnh hưởng của 4 thông số công nghệ nung phân hủy đến hiệu suất phân hủy monazit và chuyển hóa đất hiếm (TREEs), uran (U), thori (Th) là: Kích cỡ hạt tinh quặng, tỉ lệ trộn theo khối lượng kiềm: tinh quặng, nhiệt độ và thời gian nung phân hủy; Trên kết quả thực nghiệm thu được, đề xuất quy trình công nghệ nung phân hủy kiềm tinh quặng monazit Việt Nam; và Tổng kết đánh giá những kết quả đã đạt được và đề xuất.

Số hồ sơ lưu: 20482

### **20502. Kỹ thuật và công nghệ sản xuất kim loại và hợp kim đen**

84521.01-2023 Nghiên cứu gia công và tạo hình cho vật liệu thép có độ cứng cao thông qua hỗ trợ gia nhiệt/ GS. TS. Nguyễn Đức Toàn, TS. Phạm Thị Hoa; TS. Mạc Thị Bích; ThS. Luyện Thế Thanh - Hà Nội - Viện Cơ khí, 2022; 03/2020 - 02/2022. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu đặc tính của loại vật liệu có độ cứng cao khi gia nhiệt bằng các phương pháp gia nhiệt khác nhau. Nghiên cứu những ưu điểm của phương pháp gia công gia nhiệt và so sánh với phương pháp gia công thông thường thông qua đánh giá

ảnh hưởng của quá trình gia nhiệt đến tính gia công vật liệu thép có độ cứng cao. Xây dựng các mô hình mô phỏng và thực nghiệm: nhiệt độ bề mặt phôi, chiều sâu thấm nhiệt, chất lượng bề mặt, lực gia công/tạo hình. Nghiên cứu mối quan hệ của các thông số đầu vào và các thông số đầu ra (nhiệt độ bề mặt phôi, chiều sâu thấm nhiệt, chất lượng bề mặt, lực gia công/tạo hình) khi gia công thông thường và gia công nhiệt. Tối ưu hóa các thông số công nghệ như công suất nguồn nhiệt, thông số gia công: tốc độ gia công, lượng tiến dụng cụ... nhằm đạt được yêu cầu đầu ra là tốt nhất.

Số hồ sơ lưu: 20622

#### **20507. Vật liệu xây dựng**

84505.01-2023 **Ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ trong sản xuất gạch xi măng cốt liệu từ các nguyên liệu sẵn có ở tỉnh Lạng Sơn/** KS. Nguyễn Trọng Thành, CN. Hoàng Văn Tài; KS. Vũ Duy Vinh; KTV. Trương Công Hạnh; KTV. Phạm Trung Hà; CN. Trần Thị Thu Hương; CN. Nguyễn Thị Quý - Lạng Sơn - Công ty Cổ phần Liên doanh Công nghệ Gạch không nung Lạng Sơn, 2021; 07/2018 - 06/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Ứng dụng thành công công nghệ mới trong sản xuất gạch không nung, nhằm giảm thiểu ô nhiễm môi trường và tiết kiệm nhiên liệu; xây dựng được mô hình sản xuất hàng hóa phục vụ phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Lạng Sơn. Tiếp nhận, làm chủ và triển khai dây chuyền công nghệ sản xuất gạch không nung từ

cát, đá mịn, xi măng và nguồn nguyên liệu tại chỗ có sẵn có tại huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn. Tiếp nhận và làm chủ 03 quy trình công nghệ sản xuất gạch không nung từ đá mịn, cát, xi măng và nguyên liệu sẵn có khác tại tỉnh Lạng Sơn phù hợp với điều kiện của tỉnh.

Số hồ sơ lưu: 20645

84508.01-2023 **Sản xuất xi măng giàu sunfat từ phế phẩm công nghiệp gồm xỉ hạt lò cao, tro bay và bột thạch cao tổng hợp từ công nghệ khử lưu huỳnh/** TS. Nguyễn Hoàng Anh, GS. TS. Ta-Peng Chang; PGS. TS. Bùi Lê Anh Tuấn; TS. Huỳnh Trọng Phước; TS. Trần Vũ An; TS. Trần Nguyễn Phương Lan - Hà Nội - Trường Đại Học Cần Thơ, 2022; 04/2019 - 04/2022. (Đề tài cấp Quốc gia)

Đề xuất nghiên cứu hiện tại liên quan đến việc khám phá ra một loại xi măng thân thiện với môi trường có đủ tính hydrate như xi măng truyền thống nhưng được sản xuất từ hầu như rác thải rắn công nghiệp. Nhằm mục đích ban đầu khẳng định khả năng ứng dụng của chất kết dính thân thiện này thay cho xi măng truyền thống, hệ thống lý thuyết về cơ chế phản ứng thủy hóa và tính chất cơ lý và tính bền vững của loại xi măng tiềm năng cần được nhất quán nghiên cứu. Ngoài ra, tiềm năng của việc áp dụng loại xi măng thân thiện này trong kết cấu công trình cũng được kỳ vọng chứng minh rõ dựa vào kết quả nghiên cứu về khả năng làm việc hòa hợp giữa bê tông và cốt thép và tính bền vững của cốt thép và tính bền vững của

cốt thép được bao bọc bởi bê tông được chế tạo từ loại xi măng giàu tiềm năng này.

Số hồ sơ lưu: 20644

84545.01-2023 **Mô hình hóa và đồng nhất hóa vật liệu nhiều thành phần bị nứt và không bị nứt/** PGS. TS. Trần Anh Bình, GS.TSKH. Phạm Đức Chính; TS. Đỗ Quốc Hoàng; TS. Nguyễn Thị Hải Như; ThS. Trần Nguyên Quyết; ThS. Phạm Văn Hoàn - Hà Nội - Viện Tin học xây dựng, 2021; 08/2019 - 08/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Đưa ra các công thức đơn giản để dự đoán tính chất của các loại vật liệu đàn hồi nhiều thành phần. Nghiên cứu vật liệu có hình dạng cốt liệu phức tạp hoặc hình dạng bất kỳ. Nghiên cứu sự ảnh hưởng của hình dạng cốt liệu tới tính chất của vật liệu. Ứng dụng phương pháp số (phần tử hữu hạn, phần tử hữu hạn mở rộng, phần tử biên, phương pháp trường pha) nhằm đồng nhất hóa, dự báo tính chất hữu hiệu của vật liệu bị nứt, vật liệu trong quá trình bị hư hại, vật liệu có cốt liệu bị bao bọc bởi một lớp trung gian.

Số hồ sơ lưu: 20611

85264.01-2023 **Nghiên cứu bằng phương pháp số các quá trình lưu chuyển của bê tông tươi sử dụng phương pháp Thủy động lực học các hạt trơn (SPH)/** TS. Hồ Xuân Thịnh, TS. Trần Đức Thiện; TS. Nguyễn Thế Dương - TP. Hồ Chí Minh - Viện khoa học và công nghệ tính toán, 2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Nghiên cứu tổng quan các loại bê tông, đặc tính lưu biến, khả năng làm việc hữu quả, các quá trình lưu chảy (lưu chất phi Newton, Bingham và thixotropic), phương pháp vận chuyển/bơm bê tông tươi. Phân tích, phát triển các mô hình lưu biến cho bê tông tươi và xây dựng mô hình số sử dụng phương pháp phi lưới SPH dựa vào các dữ kiện hiện có về đặc tính lưu biến của bê tông tươi để nghiên cứu sự sụt áp, trường áp suất và vận tốc trong các đường ống có kết cấu từ đơn giản đến phức tạp. Tiến hành mô phỏng trên máy tính hiệu năng cao.

Số hồ sơ lưu: HCM-048-2022

### 20509. Vật liệu kim loại

85353.01-2023 **Điều chỉnh tính chất điện tử và quang học của các đơn lớp dichalcogen kim loại chuyển tiếp bằng lớp phủ polyme và thay đổi áp suất/** TS. Phạm Hồ Mỹ Phương, PGS. TS. Đỗ Ngọc Sơn; ThS. Võ Khương Điền; NCS. Ông Kim Lệ; NCV. Dương Văn Long; NCV. Nguyễn Minh Tâm - TP. Hồ Chí Minh - Viện khoa học và công nghệ tính toán, 2020; 12/2018 - 08/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Nghiên cứu các tính chất điện tử và quang học của hệ dichalcogen  $\text{MoS}_2$  và  $\text{WS}_2$  đơn lớp dưới ảnh hưởng của hấp phụ các phân tử polymer. Đánh giá tính chất điện tử và quang học của hệ dichalcogen  $\text{MoS}_2$  và  $\text{WS}_2$  đơn lớp có hấp phụ polymer dưới tác động của áp suất. Qua đó đưa ra các điều chỉnh tính chất điện tử và quang học của các

đơn lớp dichalcogen kim loại chuyển tiếp bằng lớp phủ polyme và thay đổi áp suất phù hợp.

Số hồ sơ lưu: HCM-053-2022

### **20599. Kỹ thuật vật liệu và luyện kim khác;**

84525.01-2023 **Phát triển phương pháp không lưới để phân tích ứng xử cơ học của tấm vật liệu cơ tính biến thiên tựa trên nền đàn hồi./** TS. Vũ Tân Văn, TS. Trương Quang Hùng; TS. Nguyễn Huỳnh Tấn Tài; TS. Nguyễn Cảnh Tuấn; KS. Tăng Văn Út Kiến - Thành phố Hồ Chí Minh - Trường Đại học Kiến trúc Thành phố Hồ Chí Minh, 2022; 04/2019 - 04/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Đề xuất mới phương pháp số không lưới với kỹ thuật nội suy moving Kriging (MKI) kết hợp với lý thuyết biến dạng cắt bậc cao thu gọn bán 3-chiều (R-QSDT) dùng cho việc phân tích ứng xử cơ học như: khả năng, dao động và ổn định cấu kết cấu tấm vật liệu cơ tính biến thiên có lỗ rỗng trên nền đàn hồi. Phân tích không lưới của các tấm có cơ tính biến thiên với lý thuyết biến dạng cắt hàm mũ arctangent mới 4-biến. Phương pháp không lưới hiệu quả dựa trên lý thuyết biến dạng cắt tinh giản logarithm tựa 3-chiều dùng cho phân tích các tấm có cơ tính biến thiên tựa trên nền đàn hồi. Phân tích dao động tự do và uốn tĩnh của các tấm cơ tính biến thiên có lỗ rỗng đặt trên nền đàn hồi sử dụng phương pháp không lưới Phân tích dao động tự do của tấm cơ tính biến thiên nhiều lớp đặt

trên nền đàn hồi sử dụng lý thuyết biến dạng cắt tinh giản nghịch đảo sinusoidal tựa 3-chiều mới.

Số hồ sơ lưu: 20638

### **20601. Kỹ thuật và thiết bị y học**

84180.01-2023 **Thiết kế chế tạo thiết bị Plasma lạnh sử dụng H<sub>2</sub>O<sub>2</sub> để tiệt trùng dụng cụ y tế./** ThS. Chu Thị Minh Hoa, ThS. Phan Thị Cảnh; TS. Nguyễn Tuấn Anh; KS. Phạm Trung Kiên; CN. Nguyễn Minh Tân; KS. Nguyễn Đức Hùng; TS. Phạm Quang Hoài; KS. Thái Quang Tùng; KS. Lê Thị Kim Dung; KS. Phạm Văn Chính - Hà Nội - Trung Tâm Công Nghệ Laser, 2021; 01/2020 - 12/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Trình bày một số khái niệm và cơ sở lý thuyết liên quan đến tiệt trùng bằng plasma khí hydrogen peroxide. Thiết kế, chế tạo các khối cấu thành thiết bị plasma lạnh sử dụng H<sub>2</sub>O<sub>2</sub>. Tích hợp, căn chỉnh, đo lường thiết bị. Thử nghiệm thiết bị: Tiến hành các phép đo thông số kỹ thuật và chạy thử nghiệm thiết bị. Tóm tắt, bàn luận những nội dung chính đã thực hiện, đánh giá hoạt động của thiết bị, những tồn tại hạn chế và khuyến nghị hoàn thiện thiết bị hướng đến khả năng đưa ra thị trường.

Số hồ sơ lưu: 20483

### **20701. Kỹ thuật môi trường và địa chất, địa kỹ thuật**

84556.01-2023 **Một số vấn đề trong thực thi chính sách bảo vệ môi trường của Đài Loan và những gợi mở cho Việt Nam/** TS. Vũ Thùy Dương, TS. Nguyễn Đình



Đáp; ThS. Chủ Thị Bích Thu; PGS. TS. Phùng Thị Huệ; TS. Trần Thị Hải Yến; TS. Nguyễn Thị Bích Nguyệt; TS. Trần Thu Minh; ThS. Trịnh Quốc Hùng; ThS. Vũ Lê Hằng; ThS. Dương Thị Huệ - Hà Nội - Văn phòng - Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam, 2021; 10/2020 - 12/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Làm rõ quá trình phát triển chính sách môi trường của Đài Loan, phân tích những vấn đề nổi bật trong thực thi chính sách bảo vệ môi trường của Đài Loan và đưa ra một số kinh nghiệm gợi mở cho Việt Nam. Nhận diện quá trình hình thành và phát triển chính sách môi trường của Đài Loan. Làm rõ những vấn đề nổi bật trong thực thi chính sách bảo vệ môi trường của Đài Loan. Đưa ra một số bài học kinh nghiệm gợi mở cho Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: 20640

84558.01-2023 **Nghiên cứu cơ sở khoa học và thực tiễn đề xuất phương pháp lượng giá thiệt hại về môi trường do sự cố hoá chất độc trong sản xuất phân bón và hoá chất bảo vệ thực vật/** ThS. Trần Bích Hồng, CN. Trần Thị Giang; ThS. Hàn Trần Việt; ThS. Mai Thị Thu Huệ; PGS. TS. Phạm Ngọc Cảnh; TS. Trần Ngọc Tâm; ThS. Lê Minh Ngọc; ThS. Vũ Tất Đạt; KS. Nguyễn Văn Sáng; TS. Bùi Hoài Nam - Hà Nội - Viện Khoa học Môi trường, 2021; 07/2018 - 11/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu cơ sở khoa học về lượng giá thiệt hại về môi trường đối với sự cố hóa chất độc trong sản xuất

phân bón, hóa chất bảo vệ thực vật (lân hữu cơ). Tìm hiểu kinh nghiệm thế giới về lượng giá thiệt hại về môi trường đối với sự cố hóa chất độc trong sản xuất phân bón, hóa chất bảo vệ thực vật. Phân tích, đánh giá thực trạng, nguy cơ và ảnh hưởng đến môi trường do sự cố hóa chất độc trong sản xuất phân bón và hóa chất bảo vệ thực vật tại Việt Nam. Đề xuất quy trình, phương pháp lượng giá thiệt hại về môi trường do sự cố hóa chất độc trong sản xuất phân bón, hóa chất bảo vệ thực vật.

Số hồ sơ lưu: 20595

84575.01-2023 **Nghiên cứu định lượng nhân tố kháng kháng sinh trong môi trường nước mặt và đánh giá rủi ro an ninh nguồn nước địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh/** TS. Lê Thái Hoàng, TS. Phạm Thị Phương Thùy; TS. Phạm Thị Hoa; TS. Trần Tiến Khôi; PGS. TS. Nguyễn Đức Hoàng; ThS. Đinh Thị Lan Anh - Hà Nội - Trường Đại học Quốc tế, 2022; 12/2018 - 11/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Thiết lập các phương pháp có độ nhạy và chính xác cao để phát hiện và định lượng sự tồn dư kháng sinh, vi khuẩn kháng kháng sinh (ARB), gen kháng kháng sinh (ARGs) trong các mẫu nước mặt. Xây dựng bộ dữ liệu cơ bản về hiện trạng các loại kháng kháng sinh trên sông Đổng Nai khu vực Tp.HCM và so sánh giữa các địa điểm mẫu để đánh giá tác động của các hoạt động của con người đối với kháng kháng sinh. Đánh giá tác động của các điều kiện hoá lý thay đổi trong môi

trường đối với sự phát triển và tồn tại của các nhân tố kháng kháng sinh. Đánh giá nguy cơ lây nhiễm vi khuẩn kháng kháng sinh tới cộng đồng có tiếp xúc với nguồn nước bị ô nhiễm.

Số hồ sơ lưu: 20643

**84660.01-2023 Nghiên cứu xây dựng mô hình đánh giá tiềm năng quặng graphit đới sông Hồng bằng các phương pháp toán địa chất kết hợp GIS/** ThS. Nguyễn Chí Công, ThS. Trần Xuân Trường; PGS. TS. Bùi Hoàng Bắc; TS. Phan Việt Sơn; TS. Khương Thế Hùng; TS. Nguyễn Quốc Phi; ThS. Nguyễn Khắc Hoàn Giang; ThS. La Mai Sơn; ThS. Đỗ Văn Định; KS. Vũ Đình Tài - Hà Nội - Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội, 2022; 01/2018 - 06/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu áp dụng các phương pháp toán địa chất sử dụng trong đánh giá tài nguyên khoáng sản graphit đới sông Hồng khu vực Lào Cai - Yên Bái. Nghiên cứu lựa chọn hệ phương pháp toán địa chất dự báo tài nguyên khoáng sản graphit đới sông Hồng khu vực Lào Cai - Yên Bái. Thành lập sơ đồ dự báo tiềm năng quặng graphit đới sông Hồng nhằm tạo luận cứ khoa học và cơ sở định hướng công tác tìm kiếm, thăm dò và đầu tư phát triển mỏ graphit đới sông Hồng.

Số hồ sơ lưu: 20776

**85393.01-2023 Nghiên cứu sử dụng bùn thải nhà máy nước Thủ Đức và Bình An làm vật liệu san lấp/** PGS.TS. Đỗ Quang Minh, Nguyễn Vũ Uyên Nhi; Huỳnh Ngọc

Minh; Kiều Đỗ Trung Kiên; Phạm Trung Kiên - TP. Hồ Chí Minh - Trường Đại học Bách khoa TP. Hồ Chí Minh, 2020; 05/2019 - 10/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Khảo sát chung về bùn thải: nguồn gốc phát sinh, khối lượng hàng ngày. Những vấn đề về môi trường khi xử lý (kim loại nặng, ảnh hưởng tạp chất hữu cơ, chất độc hại khác...). Kiểm tra thành phần hóa, khoáng, kích thước hạt bùn thải, thành phần tạp chất hữu cơ và phụ gia tro bay. Hoạt tính kiềm, hoạt tính cường độ của bùn thải, phụ gia tro bay. Chế thử sản phẩm VLSL bằng phương pháp polymer, xử lý nhiệt theo hai phương án: Microwave và chung áp (ưu tiên kỹ thuật xử lý nhiệt bằng microwave do phù hợp với kỹ thuật tạo hình ép tại đơn vị phối hợp là Công ty Trung Hậu). Kiểm tra các thông số kỹ thuật của sản phẩm. Tính toán các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật. Đề xuất công nghệ trên cơ sở các thông số trong tính toán kinh tế - kỹ thuật.

Số hồ sơ lưu: HCM-018-2022

#### **20704. Viễn thám**

**85228.01-2023 Hệ thống bản đồ cảnh báo rủi ro (hazard map system) dùng các cảm biến năng lượng thấp và dữ liệu viễn thám/** PGS. TS. Phạm Quốc Cường, PGS. TS. Trần Ngọc Thịnh; TS. Lê Trọng Nhân; TS. Phan Hiền Vũ; ThS. Nguyễn Quốc Tuấn; KS. Nguyễn Xuân Minh; TS. Phạm Hoàng Anh; TS. Nguyễn Trần Hữu Nguyên; KS. Ngô Đức Minh; ThS. Võ Tấn Phương - TP. Hồ Chí Minh - Trường

Đại học Bách khoa - Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh, 2021; 11/2018 - 05/2021. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Xây dựng khung sườn bản đồ cảnh báo rủi ro, nguy hiểm có thể tiếp nhận thông tin từ nhiều nguồn khác nhau như các cảm biến, ảnh vệ tinh, camera quan sát, v.v...Tiến hành thiết kế và hiện thực các nốt cảm biến có khả năng thu thập các thông tin về nhiệt độ, nồng độ khí CO và CO<sub>2</sub> và nồng độ bụi. Đồng thời, xây dựng mô hình phân tích rút trích dữ liệu về nhiệt độ bề mặt, ô nhiễm không khí (CO, CO<sub>2</sub> và nồng độ bụi) trong khu vực TPHCM dựa vào ảnh chụp vệ tinh và thông tin thu được từ các cảm biến. Từ mô hình này, có thể tiến hành phân tích và đưa ra các giá trị tương ứng cho các vùng không thể lắp đặt/chưa lắp đặt cảm biến. Nghiên cứu cung cấp một ứng dụng hoàn chỉnh cho người sử dụng thông qua môi trường mạng để người sử dụng có thể biết được các thông tin về ô nhiễm không khí cũng như nhiệt độ bề mặt thành phố.

Số hồ sơ lưu: HCM-036-2022

#### **20705. Khai thác mỏ và xử lý khoáng chất**

84677.01-2023 Nghiên cứu, thiết kế hệ thống đo lường, giám sát tự động thời gian thực một số thành phần môi trường trong khai thác khoáng sản. Áp dụng thử nghiệm tại một số khu vực điển hình vùng than Thái Nguyên/ ThS. Nguyễn Văn Hách, ThS. Bùi Thị Thùy; ThS. Nguyễn Anh Tuấn; PGS.TS. Lê Trung Thành; ThS.

Nguyễn Thị Hồng Loan; ThS. Lê Thị Vui; ThS. Nguyễn Đức An; ThS. Vũ Văn Huân; Trịnh Minh Cương; ThS. Lê Duy Tiến - Hà Nội - Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội, 2022; 01/2018 - 12/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Xây dựng hệ thống tích hợp các công nghệ mạng cảm biến không dây (Wireless sensor networks-WSN), WebGIS, internet vạn vật (IoT) ứng dụng trong thiết kế hệ thống quan trắc tự động một số thông số môi trường tại các mỏ khai thác than lộ thiên và mỏ hầm lò. Mục tiêu cụ thể gồm: Thiết kế, chế tạo, xây dựng hệ thống phần cứng, phần mềm hệ thống tự động đo lường, giám sát từ xa và thời gian thực một số thông số môi trường khí và nước thải trong các mỏ hầm lò và lộ thiên như CO, CO<sub>2</sub>, CH<sub>4</sub>, NO<sub>2</sub>, bụi PM10, PM2.5, khói, độ pH và độ đục của nước (water turbidity) sử dụng mạng cảm biến không dây. - Xây dựng dựng các thuật toán, cảnh báo tự động qua SMS, email khi giá trị vượt ngưỡng và thiết lập một số bản đồ trực tuyến lan truyền sử dụng tích hợp các công nghệ kết nối Internet qua 3G/4G/wifi, Internet of Things (IoT), WebGIS và điện toán đám mây.

Số hồ sơ lưu: 20793

#### **20707. Kỹ thuật đại dương**

84175.01-2023 Nghiên cứu ảnh hưởng của ENSO tới các yếu tố khí tượng thủy văn và môi trường biển trên khu vực Biển Đông phục vụ công tác dự báo và quản lý môi trường biển/ TS. Lê Quốc Huy, TS.

Nguyễn Xuân Hiền; TS. Phạm Tiến Đạt; TS. Công Thanh; TS. Trần Đức Trứ; TS. Nguyễn Thị Thanh; ThS. Khương Văn Hải; ThS. Nguyễn Thị Lan; ThS. Đặng Linh Chi; KS. Nguyễn Hồng Hạnh - Hà Nội - Viện khoa học Khí tượng thủy văn và Biến đổi khí hậu, 2021; 07/2018 - 11/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Xây dựng hồ sơ thuyết minh đề cương nhiệm vụ KH&CN. Thu thập số liệu, tài liệu khí tượng, thủy văn, hải văn, môi trường biên khu vực Biển Đông; Đánh giá đặc điểm biến động các yếu tố khí tượng, thủy văn, hải văn, môi trường biên khu vực Biển Đông. Đánh giá tác động của ENSO tới các đặc trưng khí tượng thủy văn và môi trường biển. Đánh giá sự biến động của các yếu tố khí tượng thủy văn và môi trường biển khu vực Biển Đông trong các thời kỳ của ENSO. Đánh giá khả năng dự báo sự ảnh hưởng của ENSO đến các yếu tố khí tượng thủy văn và môi trường biển phục vụ công tác dự báo.

Số hồ sơ lưu: 20492

#### **20708. Kỹ thuật bờ biển**

84526.01-2023 Nghiên cứu khả năng chịu kéo động và khả năng kháng ăn mòn của bê tông tính năng cao gia cường cốt sợi sử dụng trong kết cấu công trình bảo vệ bờ biển/ TS. Trần Ngọc Thanh, TS. Trần Ngọc Thanh; TS. Phạm Tiến Cường; TS. Trần Tuấn Kiệt; TS. Ngô Trí Thường; ThS. Nguyễn Nhật Huy - Hà Nội - Trường Đại học Giao thông vận tải Thành phố Hồ Chí

Minh, 2022; 09/2019 - 09/2022. (Đề tài cấp Quốc gia)

Đánh giá khả năng chịu kéo động của bê tông tính năng cao gia cường cốt sợi; Đề xuất mô hình đánh giá khả năng chịu kéo động của bê tông tính năng cao gia cường cốt sợi; Đánh giá ứng xử bám dính giữa sợi thép và bê tông trong môi trường ăn mòn; Đề xuất biện pháp nâng cao khả năng kháng ăn mòn của bê tông tính năng cao gia cường cốt sợi. Thí nghiệm để phát hiện sức kháng của bê tông tính năng cao gia cường cốt sợi khi chịu tải trọng tĩnh và động. Kết hợp giữa phân tích lý thuyết và kết quả thực nghiệm đề xuất mô hình đánh giá khả năng chịu kéo động của bê tông tính năng gia cường cốt sợi.

Số hồ sơ lưu: 20636

84661.01-2023 Nghiên cứu kỹ thuật trồng Bần không cánh (*Sonneratia apetala* Buch-Ham) góp phần phòng chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu ở vùng cửa sông, ven biển Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ/ TS. Lê Văn Thành, TS. Đoàn Đình Tam; PGS. TS. Hà Thị Mừng; TS. Đinh Thanh Giang; TS. Hoàng Việt Anh; TS. Nguyễn Bá Triệu; TS. Lê Sơn; ThS. Phạm Ngọc Thành; ThS. Đỗ Thị Kim Nhung; ThS. Đoàn Thanh Tùng; ThS. Trần Văn Cao; ThS. Nguyễn Thanh Hải; ThS. Hà Thị Hiền; KS. Tạ Văn Hân; KS. Nguyễn Tiến Hưng; KS. Hà Đình Long; KTV. Phạm Thị Ngân - Hà Nội - Viện Khoa học lâm nghiệp Việt nam, 2022; 01/2017 - 12/2021. (Đề tài cấp Bộ)



Điều tra đánh giá thực trạng gây trồng Bần không cánh hiện nay và chọn địa điểm xây dựng mô hình thí nghiệm. Nghiên cứu một số đặc điểm sinh lý, sinh thái và vật hậu. Chọn cây trội, khảo nghiệm giống và đánh giá đa dạng di truyền của 6 xuất xứ Bần không cánh được khảo nghiệm. Nghiên cứu kỹ thuật nhân giống, kỹ thuật trồng, xây dựng hướng dẫn kỹ thuật nhân giống và kỹ thuật trồng Bần không cánh

Số hồ sơ lưu: 20779

84716.01-2023 **Nghiên cứu và phát triển ứng dụng bê tông cường độ cao sử dụng hàm lượng tro bay lớn trong các kết cấu công trình ven biển và hải đảo/** TS. Tống Tôn Kiên, TS. Nguyễn Trọng Lâm; TS. Bùi Thị Thanh Huyền; TS. Bùi Danh Đại; TS. Bùi Thế Anh; PGS.TS. Nguyễn Mạnh Phát; ThS. Vũ Thanh Hùng; TS. Lê Mạnh Cường; ThS. Nguyễn Tuấn Minh; PGS.TSKH. Bạch Đình Thiên - Hà Nội - Viện Nghiên cứu và ứng dụng vật liệu xây dựng nhiệt đới, 2022; 08/2020 - 12/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu lý thuyết và kinh nghiệm thực tiễn về bê tông sử dụng hàm lượng tro bay lớn và bê tông cốt thép trong công trình biển trên thế giới và ở Việt Nam, Quảng Ninh. Đánh giá hiện trạng phế thải tro xỉ của nhà máy nhiệt điện và điều kiện làm việc của các kết cấu bê tông, BTCT trong công trình ven biển và hải đảo ở Quảng Ninh. Nghiên cứu thiết kế tối ưu thành phần bê tông chất lượng cao sử dụng hàm lượng tro bay lớn thay thế xi măng poóc

lăng. Chế tạo và thực nghiệm ứng xử kết cấu BTCT sử dụng bê tông chất lượng cao tro bay lớn trong công trình biển. Xây dựng chỉ dẫn kỹ thuật và phân tích hiệu quả Kinh tế - Kỹ thuật- môi trường của bê tông chất lượng cao tro bay lớn.

Số hồ sơ lưu: 20815

### **20799. Kỹ thuật môi trường khác**

84655.01-2023 **Nghiên cứu ứng dụng mô hình kinh tế để lượng hoá tác động của thiên tai và đề xuất giải pháp giảm thiểu tác động tiêu cực đến trồng trọt, thủy sản, cơ sở hạ tầng có xét đến yếu tố biến đổi khí hậu/** TS. Đỗ Văn Quang, TS. Phạm Thị Thanh Trang; TS. Trương Đức Toàn; TS. Lê Văn Chính; TS. Nguyễn Thiện Dũng; TS. Đặng Ngọc Hạnh; TS. Phùng Mai Lan; TS. Nguyễn Ánh Tuyết; TS. Đỗ Văn Chính; ThS. Phạm Thị Bích Ngoan - Hà Nội - Trường Đại học Thủy lợi, 2022; 01/2019 - 06/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Xây dựng các biến số và mối tương quan của thiên tai (bão, hạn, mặn), BĐKH đến trồng trọt, thủy sản, cơ sở hạ tầng khu vực Miền Trung. Nghiên cứu ứng dụng được các mô hình kinh tế và phương pháp đánh giá, lượng hóa các yếu tố do thiên tai (bão, hạn, mặn) có xét đến yếu tố BĐKH đến trồng trọt, thủy sản, cơ sở hạ tầng. Đánh giá và lượng hóa được các tác động kinh tế của thiên tai (bão, hạn, mặn) có xét đến yếu tố BĐKH đến trồng trọt, thủy sản, cơ sở hạ tầng khu vực Miền Trung (áp dụng cho 2 tỉnh Nghệ An, Bình Thuận). Đề xuất các

giải pháp về chính sách theo từng địa phương, lĩnh vực, ngành liên quan, gợi ý các hướng hỗ trợ, cách thức công cụ quy định để phòng chống, ứng phó và giảm thiểu tác động của thiên tai khu vực Miền Trung (áp dụng cho 2 tỉnh Nghệ An, Bình Thuận). Xây dựng tài liệu hướng dẫn, phần mềm sử dụng mô hình kinh tế để lượng hóa tác động của thiên tai đến trồng trọt, nuôi trồng thủy sản, cơ sở hạ tầng có xét đến yếu tố BĐKH.

Số hồ sơ lưu: 20774

### **20899. Công nghệ sinh học môi trường khác**

84666.01-2023 **Nghiên cứu cơ sở lý luận và thực tiễn, xây dựng hệ thống công khai, minh bạch cho các hoạt động giảm nhẹ phát thải KNK trong quản lý chất thải/ TS.** Nguyễn Thị Lệ Hằng, TS. Phạm Thị Thanh Thủy; TS. Nguyễn Tiến Thành; ThS. Nguyễn Ngọc Khải; ThS. Trần Chấn Nam; ThS. Nguyễn Thùy Dung; ThS. Lê Hải Triều; TS. Đỗ Huy Dương; PGS.TS. Trịnh Lê Hùng; ThS. Phạm Lê Tuấn - Hà Nội - Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội, 2022; 02/2018 - 06/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu tổng quan về các vấn đề liên quan đến đề tài ; Nghiên cứu, xác định hệ thống công khai minh bạch các hoạt động giảm nhẹ phát thải KNK trong quản lý chất thải; Nghiên cứu xây dựng bộ tiêu chí đánh giá mức độ công khai , minh bạch các hành động giảm nhẹ phát thải KNK trong quản lý chất thải ; Thử nghiệm phương pháp đo đạc

phát thải KNK trong quản lý chất thải tại Thành phố Hà Nội .

Số hồ sơ lưu: 20787

### **20902. Các công nghệ sản phẩm sinh học (các sản phẩm được chế tạo sử dụng vật liệu sinh học làm nguyên liệu), vật liệu sinh học, chất dẻo sinh học, nhiên liệu sinh học, các hóa chất được chiết tách từ sinh học, các vật liệu mới có nguồn gốc sinh học.**

84511.01-2023 **Nghiên cứu phổ và đặc trưng động học của các khối chất lỏng hình thành trong quá trình phân rã tia phun diesel và nhiên liệu sinh học/ TS.** Phạm Xuân Phương, PGS. TS. Nguyễn Hoàng Vũ; PGS. TS. Nguyễn Trung Kiên; PGS. TS. Lương Đình Thi ; TS. Phạm Văn Thìn ; ThS. Nguyễn Quang Mạnh - Hà Nội - Học viện Kỹ thuật quân sự , 2022; 04/2019 - 04/2022. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu đặc trưng động học (ví dụ: vận tốc, gia tốc, thể tích, giá trị We, Re địa phương) của các khối chất lỏng trong quá trình phân rã tia phun. Đánh giá các mô hình phân rã tia phun hiện hành và phương pháp tiếp cận để bổ sung các đặc trưng động học vào các mô hình. Xây dựng mô hình phân rã tia phun nhiên liệu truyền thống (diesel) khi tính đến đặc trưng động học của các khối nhiên liệu hình thành trong quá trình phân rã tia phun. Nghiên cứu, mở rộng mô hình phân rã tia phun nhiên liệu truyền thống đã xây dựng ở phần 3 cho nhiên liệu sinh học khi tính đến đặc trưng phổ và động học của các khối nhiên liệu hình

thành trong quá trình phân rã tia phun. Xem xét, so sánh đánh giá kết quả thu được trên vòi phun mô hình với vòi phun thực common-rail (vòi phun thực sử dụng trên các động cơ diesel hiện đại.

Số hồ sơ lưu: 20646

### **21002. Các quy trình nano (các ứng dụng ở cấp nano). (Vật liệu sinh học kích thước không phải nano được xếp vào 209)**

84555.01-2023 **Hỗ trợ thương mại hóa quy trình công nghệ sản xuất hỗn dịch nano bạc 1000 ppm và một số sản phẩm từ hỗn dịch này/** TS. Lê Quang Thảo, ThS. Dương Minh Tân; Vũ Đoàn Huy; BS. Dương Ngọc Hương; ThS. Nguyễn Văn Hà; Phan Nguyễn Trường Thắng; PGS.TS. Trần Việt Hùng; Lê Quang Hòa; ThS. Phan Hiền Lương; PGS.TS. Đoàn Cao Sơn - Hà Nội - Viện Kiểm nghiệm thuốc Trung ương, 2021; 01/2019 - 06/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu, điều tra nhu cầu thị trường và xây dựng phương án thương mại hóa các sản phẩm nano bạc. Hoàn thiện, nâng cao và chuyển giao quy trình công nghệ bào chế các sản phẩm có chứa nano bạc, nhằm đưa sản phẩm tốt nhất đến tay người tiêu dùng. Tiến tới thương mại hóa các sản phẩm có chứa nano bạc bằng các chiến lược truyền thông tiếp cận thị trường, xây dựng các tài liệu truyền thông, kịch bản truyền thông để đưa sản phẩm đến tay người tiêu dùng.

Số hồ sơ lưu: 20575

### **21101. Kỹ thuật thực phẩm**

85349.01-2023 **Hoàn thiện qui trình phân tích hàn the (borat) bằng kỹ thuật icp – oes và khảo sát hàm lượng hàn the trong một số loại thực phẩm trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh/** ThS. Nguyễn Hoàng Ngọc Hân, Phan Thanh Long; Đỗ Trường Giang; Nguyễn Đức Tuyên; Đinh Văn Hiệp; Nguyễn Thị Bạch Yến - TP. Hồ Chí Minh - Trung tâm Dịch vụ Phân tích Thí nghiệm Tp. Hồ Chí Minh, 2020; 09/2019 - 12/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/Thành phố)

Nghiên cứu, xác định điều kiện tối ưu của các yếu tố ảnh hưởng chính đến qui trình xử lý mẫu: dung môi chiết, phương pháp chiết và thời gian chiết. Xác nhận giá trị sử dụng của qui trình phân tích borate trên thiết bị quang phổ phát xạ nguyên tử plasma ICP – OES trên các nền mẫu giả lập: chả lụa; chả cá; mì sợi; chả chay. Khảo sát hàm lượng borate trong các dạng thực phẩm trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh. Hình thành một số dữ liệu bao quát, thực tế, mới nhất về tình hình sử dụng borate trong sản phẩm thịt, cá, mì sợi và thực phẩm chay tại một số chợ, quán ăn, quầy bán thực phẩm nhỏ lẻ thành phố Hồ Chí Minh trong năm 2019 – 2020. Từ đó, đưa ra cảnh báo về xu hướng sử dụng borate trong các dạng thực phẩm này.

Số hồ sơ lưu: HCM-052-2022

85359.01-2023 **Nghiên cứu sản xuất bột trà xanh giàu polyphenol, cafein, EGCG từ lá cây trà (*Camellia Sinensis*) và ứng dụng**

**trong thực phẩm, mỹ phẩm/** GS.TS. Đồng Thị Anh Đào, KS. Nguyễn Thị Nguyên; ThS. Nguyễn Thị Hồng Hạnh; KS. Nguyễn Thị Thanh Phượng; ThS. Lê Thị Thúy; CN. Nguyễn Thắng - TP. Hồ Chí Minh - Đại học Bách khoa TP Hồ Chí Minh, 2021; 09/2019 - 07/2021. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Xử lý nguyên liệu bằng nhiệt để bất hoạt enzym: nhiệt độ cao như chần hoặc hấp, nhiệt độ thấp bằng phương pháp lạnh đông. Giảm hàm ẩm của nguyên liệu đến hàm ẩm tối hạn bằng phương pháp sấy nhiệt đối lưu hoặc sấy bằng vi sóng chuẩn bị cho quá trình nghiền. Tạo bột mịn cho nguyên liệu đã sấy bằng phương pháp nghiền: nghiền bi, nghiền búa, nghiền bằng lưỡi dao. Trích ly các hoạt chất và thành phần dinh dưỡng ra khỏi nguyên liệu bằng hệ dung môi ethanol-nước và hệ enzym thủy phân có thể kết hợp với phương pháp vật lý như siêu âm, vi sóng. Áp dụng bột trà xanh bảo quản bánh tươi (bánh bông lan) và xúc xích tươi thay thế chất bảo quản tổng hợp hóa học.

Số hồ sơ lưu: HCM-028-2022

**85377.01-2023 Nghiên cứu sử dụng bã malt bia để thay thế một phần bột mì trong quy trình sản xuất bánh quy giàu chất xơ/** GS. TS. Lê Văn Việt Mẫn, TS. Trần Thị Thu Trà; TS. Tôn Nữ Minh Nguyệt; PGS.TS. Lê Nguyễn Đoàn Duy; ThS. Trần Thị Hồng Hạnh; KS. Nguyễn Thị Nguyên; KS. Huỳnh Trung Việt; BSCK1. Tã Thị Lan; KS. Lê Hùng Triết; TS. Đoàn Ngọc

Nhuận - TP. Hồ Chí Minh - Trường Đại học Bách khoa TP. Hồ Chí Minh, 2020; 11/2019 - 09/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Khảo sát ảnh hưởng của kích thước hạt bã malt bia đến chất lượng bánh quy. Khảo sát ảnh hưởng của tỷ lệ bã malt sử dụng đến chất lượng bánh quy. Thử nghiệm vận hành quy trình sản xuất bánh quy giàu chất xơ có sử dụng bã malt tại một cơ sở sản xuất. Xác định chỉ số đường huyết cho hai mẫu bánh quy giàu chất xơ.

Số hồ sơ lưu: HCM-023-2022

### **3. Khoa học y, dược**

**84639.01-2023 Nghiên cứu ứng dụng kỹ thuật điều trị co cứng cơ cho bệnh nhân sau đột quỵ bằng thuốc Botulinum Toxin nhóm A với máy điện cơ tại Bệnh viện Hữu nghị Việt Tiệp/** TS. Nguyễn Thị Thu Hiền, ThS. Ngô Văn Dũng; ThS. Nguyễn Tuấn Lượng; ThS. Chu Thị Thuận; BSCK1. Trần Thanh Hương; KTV. Hoàng Thị Mai Phương - Hải Phòng - Bệnh viện Hữu nghị Việt Tiệp- Hải Phòng, 2021; 12/2019 - 04/2021. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Thực trạng các kỹ thuật điều trị co cứng cơ tại Bệnh viện Hữu nghị Việt Tiệp và một số bệnh viện lớn. Nghiên cứu kỹ thuật điều trị co cứng cơ cho bệnh nhân sau đột quỵ bằng thuốc Botulinum Toxin nhóm A qua các thang điểm lâm sàng và bằng phương pháp sinh lý thần kinh điện cơ EMG, phản xạ H. Nghiên cứu kỹ thuật điều trị co cứng cơ cho bệnh nhân sau đột quỵ bằng thuốc Botulinum Toxin nhóm A bằng



phương pháp sinh học cơ học đo tầm vận động khớp, đo sức cản. Đánh giá mối tương quan các chỉ số trong các phương pháp thang điểm lâm sàng, sinh lý thần kinh điện cơ và sinh cơ học trên các bệnh nhân cơ cứng cơ sau đột quỵ não. Hoàn thiện quy trình ứng dụng tiêm cơ cứng cơ cho bệnh nhân sau đột quỵ não bằng thuốc Botulinum Toxin nhóm A với máy điện cơ.

Số hồ sơ lưu: HPG.2022.005

85319.01-2023 **Đặc điểm dịch tễ học tiền đái tháo đường ở đối tượng trên 40 tuổi tại thành phố Thái Nguyên và xây dựng giải pháp quản lý, dự phòng ở tuyến cơ sở/ TS. BS Nguyễn Thu Hương, TS. BS Nguyễn Thu Hương; CN Nguyễn Bá Thắng; Ths. Phan Bích Hòa, Ths, BSKKI. Vũ Thị Hiền; Ths. BS. Nguyễn Thu Giang; Ths.CN. Nguyễn Đức Thành; ThS. Nguyễn Thị Kim Phúc - Bệnh viện Trung ương Thái Nguyên - Bệnh viện Trung ương Thái Nguyên, 2022; 03/2017 - 03/2019. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)**

Khảo sát đặc điểm dịch tễ học Tiền Đái tháo đường ở đối tượng trên 40 tuổi tại thành phố Thái Nguyên nhằm xây dựng mô hình sàng lọc, theo dõi, dự phòng, quản lý và điều trị tiền đái tháo đường tại tuyến cơ sở. Xác định đặc điểm dịch tễ học tiền đái tháo đường trên 40 tuổi tại thành phố Thái Nguyên. Đồng thời cũng đưa ra được một số mối liên quan đến tiền đái tháo đường. Xây dựng được mô hình quản lý, dự phòng tiền đái tháo đường ở

đối tượng trên 40 tuổi tại thành phố Thái Nguyên. Các kết quả của đề tài có tính ứng dụng cao và đặc biệt có thể áp dụng rộng rãi ở tất cả các bệnh viện, đồng thời bổ sung thêm dữ liệu khoa học về những quan điểm chẩn đoán tiên đái tháo đường hiện nay, cung cấp những thông tin cần thiết để đưa ra những liệu pháp can thiệp hành vi, các giải pháp để hạn chế bệnh đái tháo đường, ngăn ngừa được tình trạng gia tăng bệnh đái tháo đường typ 2, giảm chi phí y tế về căn bệnh này.

Số hồ sơ lưu: TNN-2022-07

### **30204. Hệ tim mạch**

84566.01-2023 **“Nghiên cứu sử dụng tế bào gốc tự thân trong điều trị đột quỵ não”/ PGS.TS. Nguyễn Hoàng Ngọc, TS. Nguyễn Văn Tuyển; PGS.TS. Lý Tuấn Khải; TS. Lê Đình Toàn; ThS. Lê Chi Viện; TS. Nguyễn Quang Lĩnh; TS. Đinh Thị Hải Hà; ThS. Nguyễn Cẩm Thạch; BSKKII. Nguyễn Văn Thạch; TS. Nguyễn Trọng Tuyển; BSKKI. Hồ Xuân Trường; PGS.TS. Nguyễn Minh Lý; BSKKI. Tạ Đức Thao; BSKKI. Nguyễn Thị Loan; ThS. Nguyễn Thị Cúc; BS. Nguyễn Hải Linh - Hà Nội - Bệnh viện Trung ương Quân đội 108, 2021; 07/2018 - 04/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)**

Tiến hành thu gom, chiết tách, xử lý, bảo quản và đánh giá chất lượng khối tế bào gốc tủy xương tự thân trên bệnh nhân đột quỵ nhồi máu não. Nghiên cứu, xây dựng chỉ định, quy trình sử dụng tế bào gốc tủy xương tự thân điều trị bệnh nhân đột quỵ nhồi máu não. Qua đó, đánh



giá kết quả điều trị bằng tế bào gốc tủy xương tự thân trên bệnh nhân đột quy nhồi máu não.

Số hồ sơ lưu: 20570

85293.01-2023 **Thử nghiệm chế tạo màng ghép mạch máu từ màng tim lợn/** ThS. Lê Thị Vĩ Tuyết, Trần Lê Bảo Hà; Nguyễn Thị Ngọc Mỹ; Trần Lê Bảo Hà - TP. Hồ Chí Minh - Trung tâm Phát triển Khoa học và Công nghệ Trẻ, 2020; 12/2019 - 11/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Xây dựng và hoàn thiện thuyết minh đề tài Thử nghiệm chế tạo màng ghép mạch máu từ màng tim lợn. Đồng thời, xây dựng quy trình xử lý màng tim lợn vô bào bằng Glutaraldehyde. Đánh giá đặc tính phân hủy in vitro của màng và đánh giá độc tính in vitro của màng đã tạo theo tiêu chuẩn ISO 10993. Tiến hành đánh giá khả năng hỗ trợ sự bám và tăng sinh của tế bào tiền thân nội mô trên màng. Thử nghiệm chế tạo màng ghép mạch máu từ màng tim lợn

Số hồ sơ lưu: HCM-044-2022

85346.01-2023 **Đánh giá hiệu quả của phẫu thuật tim ít xâm lấn./** TS. Nguyễn Hoàng Định, Võ Tuấn Anh; Nguyễn Thị Thu Trang; Lê Minh Khôi; Phạm Trần Việt Chương; Vũ Tam Thiện; Trần Thị Thanh Thủy - TP. Hồ Chí Minh - Bệnh viện Đại học Y dược Tp Hồ Chí Minh, 2020; 12/2017 - 10/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Đánh giá tính khả thi và an toàn của phẫu thuật tim ít xâm lấn qua

nguyên cứu tỉ lệ tai biến và tử vong sớm. Đồng thời, đánh giá kết quả trung hạn qua siêu âm tim và cải thiện triệu chứng của bệnh nhân cho tới thời điểm 3 năm sau phẫu thuật. Tiến hành xây dựng bộ quy trình kỹ thuật chuẩn trong việc chỉ định điều trị, kỹ thuật phẫu thuật cho Bệnh viện Đại học Y Dược và triển khai đến các trung tâm khác.

Số hồ sơ lưu: HCM-051-2022

### **30206. Huyết học và truyền máu**

85234.01-2023 **Nghiên cứu sản xuất các bộ mẫu ngoại kiểm cho xét nghiệm huyết thanh học HBsAg và anti-HCV/** TS. Nguyễn Thị Minh Thuận, Trần Tôn; Trần Thanh Nhân; Lê Duy Hoàng Chương; Phạm Diễm Thu; Phùng Thị Hoàng Nhi - TP. Hồ Chí Minh - Trung tâm Khoa học công nghệ Dược Sài Gòn, 2021; 10/2019 - 03/2021. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Nghiên cứu xây dựng quy trình sản xuất các bộ mẫu chuẩn (bộ panel mẫu) cho chương trình thử nghiệm thành thạo xét nghiệm độc lập huyết thanh học HBsAg và anti-HCV. Đồng thời, xây dựng quy trình sản xuất các bộ mẫu chuẩn (bộ panel mẫu) cho chương trình thử nghiệm thành thạo xét nghiệm đồng thời huyết thanh học HBsAg và anti-HCV. Từ những nghiên cứu trên tiến hành ứng dụng các bộ mẫu ngoại kiểm đã sản xuất để thực hiện thử chương trình thử nghiệm thành thạo xét nghiệm huyết thanh học HBsAg và anti-HCV cho các phòng xét nghiệm ở khu vực phía Nam và Tây

Nguyên tham gia chương thử nghiệm thành thạo.

Số hồ sơ lưu: HCM-034-2022

### **30211. Ngoại khoa (Phẫu thuật)**

84540.01-2023 **Nghiên cứu đặc điểm giải phẫu, mô học một số động mạch có thể ứng dụng bắc cầu trong điều trị bệnh lý động mạch vành/** GS. TS. Lê Văn Cường, ThS. Võ Thành Nghĩa; TS. Đoàn Văn Phụng; TS. Văn Hùng Dũng; TS. Đoàn Thị Phương Thảo; TS. Nguyễn Hoàng Vũ; PGS. TS. Dương Văn Hải; PGS. TS. Trần Quyết Tiến - Thành phố Hồ Chí Minh - Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh, 2022; 07/2018 - 01/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Xác định được các đặc điểm giải phẫu, mô học của động mạch ngực trong, động mạch quay, động mạch vị mạc nối, động mạch mũ đùi ngoài và động mạch thượng vị dưới ứng dụng bắc cầu trong điều trị bệnh lý động mạch vành. Xây dựng sổ tay đặc điểm giải phẫu, mô học của động mạch ngực trong, động mạch quay, động mạch vị mạc nối, động mạch mũ đùi ngoài và động mạch thượng vị dưới ứng dụng bắc cầu trong điều trị bệnh lý động mạch vành.

Số hồ sơ lưu: 20654

84641.01-2023 **Nghiên cứu xây dựng quy trình kỹ thuật ứng dụng vật cuống mạch liên tạo hình khuyết hồng phần mềm bàn ngón tay tại Bệnh viện hữu nghị Việt Tiệp/** TS. Phạm Văn Trung, BS. Nguyễn Đức Tiến; BS. Phạm Xuân

Hùng; BS. Hoàng Văn Tiền; BS. Bùi Thanh Sơn; BS. Lê Anh Tuấn; BS. Lê Thị Phương Linh; BS. Phạm Việt Cường; CN. Nguyễn Thị Thanh Hiền - Hải Phòng - Bệnh viện Hữu nghị Việt Tiệp- Hải Phòng, 2021; 12/2019 - 04/2021. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Tổng quan tài liệu và những vấn đề có liên quan. Đánh giá hiệu quả các phương pháp phẫu thuật điều trị các khuyết hồng phần mềm bàn ngón tay hiện nay. Nghiên cứu xác định tiêu chuẩn lựa chọn bệnh nhân phục vụ nghiên cứu. Nghiên cứu đánh giá mức độ tổn thương khuyết hồng phần mềm và tổn thương phối hợp qua chuẩn đoán lâm sàng và cận lâm sàng. Nghiên cứu xác định loại vật cuống mạch liên ứng dụng để che phủ, tạo hình khuyết hồng tại các vị trí bàn ngón tay. Nghiên cứu xác định nguồn cấp máu cho vật cuống mạch liên, vị trí trục mạch và mạch xuyên. Nghiên cứu thiết kế vật cuống mạch liên theo tính chất và hình dạng thành phần tổn thương. Nghiên cứu kỹ thuật bóc tách vật cuống mạch liên che phủ khuyết hồng. Nghiên cứu đánh giá tình trạng vật sau mổ. Hoàn thiện và đề xuất quy trình kỹ thuật ứng dụng vật cuống mạch liên tạo hình khuyết hồng phần mềm bàn ngón tay.

Số hồ sơ lưu: HPG.2022.006

### **30217. Bệnh về khớp**

85121.01-2023 **Đánh giá mật độ xương và các yếu tố liên quan ở bệnh nhân đái tháo đường tuýp 2 bằng phương pháp DEXA tại Bệnh viện Nội tiết Thanh Hóa năm**

**2019-2020/ Hà Khánh Dư, - Thanh Hóa - Bệnh viện Nội tiết Thanh Hóa, 2021. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)**

Tổng quan về loãng xương ở bệnh nhân đái tháo đường tuýp 2. Đánh giá mật độ xương ở bệnh nhân đái tháo đường tuýp 2 bằng phương pháp DEXA. Xác định một số yếu tố liên quan đến mật độ xương ở bệnh nhân đái tháo đường tuýp 2. Đề xuất giải pháp hạn chế giảm mật độ xương ở bệnh nhân đái tháo đường tuýp 2.

Số hồ sơ lưu: THA-027-2022

### **30218. Nội tiết và chuyển hoá (bao gồm cả đái tháo đường, rối loạn hoocmon)**

**85258.01-2023 Hệ thống hỗ trợ thu thập và trực quan hóa thông tin sức khỏe: ứng dụng giám sát thai phụ đái tháo đường thai kỳ/ PGS.TS. Huỳnh Trung Hiếu, ThS.BS. Phạm Ngọc Đoàn Trang ThS. Lê Trọng Ngọc; PGS.TS.BS. Huỳnh Nguyễn Khánh Trang; BS.CK1.Ngô Thanh Hà; ThS. Hồ Đắc Quán; TS. Phạm Thị Thiết; ThS. Nguyễn Thị Phi Loan; ThS. Võ Quang Hoàng Khang; KS. Nguyễn Thành Danh; KS. Bùi Thị Thanh Hồng - TP. Hồ Chí Minh - Trường Đại học Công nghiệp thành phố Hồ Chí Minh, 2020; 11/2018 - 11/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)**

Khảo sát, xây dựng các hệ thống hỗ trợ thu thập và trực quan hóa dữ liệu trong y tế. Thiết kế và hiện thực hệ thống hỗ trợ thu thập thông tin y tế và trực quan hóa dữ liệu thu thập. Triển khai hệ thống thu thập dữ liệu

đối với bệnh nhân đái tháo đường thai kỳ và đánh giá mức độ tuân thủ chỉ định của bệnh nhân.

Số hồ sơ lưu: HCM-050-2022

**85379.01-2023 Nghiên cứu ứng dụng sóng cao tần trong điều trị nhân giáp lành tính/ TS. Trần Thanh Vỹ, Lê Quang Đình; Nguyễn Hoàng Bắc; Nguyễn Lâm Vương; Trần Thị Mai Thủy; Hồ Tấn Bằng - TP. Hồ Chí Minh - Đại học Y Dược TP. Hồ Chí Minh, 2020; 04/2019 - 10/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)**

Đánh giá tính hiệu quả và an toàn của phương pháp điều trị nhân giáp lành tính bằng sóng cao tần tại bệnh viện Đại Học Y Dược TP. Hồ Chí Minh. Xây dựng quy trình chuẩn ứng dụng sóng cao tần trong điều trị nhân giáp lành tính. Xây dựng chương trình đào tạo, tổ chức huấn luyện và chuyển giao kỹ thuật cho các cơ sở y tế trong nước.

Số hồ sơ lưu: HCM-021-2022

### **30221. Ung thư học và phát sinh ung thư**

**84539.01-2023 Tăng cường hiệu suất đốt nhiệt bằng cách nghiên cứu chế tạo hệ vật liệu nano lai và vật liệu tổ hợp từ tính – plasmon định hướng ứng dụng trong y sinh/ TS. Phạm Hồng Nam, GS.TSKH. Nguyễn Xuân Phúc; PGS. TS. Đỗ Hùng Mạnh; ThS. Nguyễn Hoài Nam; ThS. Tạ Ngọc Bách - Hà Nội - Viện Khoa Học Vật Liệu, 2022; 09/2019 - 03/2022. (Đề tài cấp Quốc gia)**

Nghiên cứu chế tạo hệ vật liệu tổ hợp hai pha từ cứng-từ mềm với từ cứng là hệ vật liệu  $\text{Co}_{1-x}\text{Zn}_x\text{Fe}_2\text{O}_4$  và từ mềm là hệ vật liệu  $\text{Mn}_{1-x}\text{Zn}_x\text{Fe}_2\text{O}_4$  có kích thước hạt trong vùng tối ưu theo lý thuyết đáp ứng tuyến tính và đơn phân tán. Nghiên cứu chế tạo vật liệu lai từ-plasmon với vật liệu từ là 2 hệ  $\text{Co}_{1-x}\text{Zn}_x\text{Fe}_2\text{O}_4$  và  $\text{Mn}_{1-x}\text{Zn}_x\text{Fe}_2\text{O}_4$  và vật liệu plasmon là  $\text{TiN}_{1-x}$  và  $\text{Ag}$  với các cấu trúc khác nhau. Nghiên cứu hiệu ứng từ-nhiệt, quang-nhiệt và kết hợp từ/quang-nhiệt của các cấu trúc tổ hợp và cấu trúc lai chế tạo được. Tiến hành khảo sát khả năng đáp ứng các yêu cầu nhiệt trị ung thư thông qua thử độc tính tế bào và khả năng tiêu diệt tế bào ung thư.

Số hồ sơ lưu: 20602

84995.01-2023 **Nghiên cứu hiệu quả điều trị bướu giáp nhân lành tính bằng phương pháp tiêm cồn qua da dưới hướng dẫn siêu âm tại Nghệ AN/ Phan THê Dũng, Ths Phan Thê Dũng; Ths Nguyễn Thị Cẩm Nhung; BSCKII Nguyễn Thanh Bình; ThS Phạm Văn Thạch; BSCKII Luyện Văn Trinh; BSCKI Lê Thị Anh Đào; Ths Lê Thị Giang; BSCKII Nguyễn Xuân Hồng; DSCKI Bùi Huy Cường; BSCKI Nguyễn Tuấn - Nghệ An - Bệnh viện Nội tiết Nghệ An, 2019; 07/2019 - 10/2021. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)**

Xây dựng được quy trình tối ưu điều trị bướu giáp nhân lành tính bằng phương pháp tiêm cồn dưới hướng dẫn siêu âm, góp phần nâng

cao hiệu quả điều trị, làm tiền đề cho các cơ sở y tế áp dụng trong công tác điều trị, giảm gánh nặng về kinh tế cho gia đình người bệnh cũng như toàn xã hội. Xây dựng quy trình tối ưu cho phương pháp tiêm cồn qua da điều trị bướu giáp nhân lành tính. Đánh giá hiệu quả điều trị bướu giáp nhân lành tính bằng phương pháp tiêm cồn dưới hướng dẫn siêu âm.

Số hồ sơ lưu: NAN\_KQNC\_2021

85016.01-2023 **Ứng dụng kỹ thuật xạ trị điều biến cường độ trong điều trị ung thư vòm họng trên hệ thống máy xạ trị gia tốc tuyến tính tại Nghệ AN/ Nguyễn Hải Hoàng, Ths Nguyễn Hải Hoàng; PGS.TS Nguyễn Quang Trung; Ths Nguyễn Viets Bình; Bs Trần Xuân Yên; Ths Phan Thị Anh Yên; Ths Phạm Vĩnh Hùng; Ths Nguyễn Khánh Toàn; Ths Ngô Vi Tiến; Ths Nguyễn Văn Việt; BSCKII Dương Đình Phùng - Nghệ An - Bệnh viện Ung bướu NGHệ An, 2020; 04/2020 - 10/2021. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)**

Đánh giá hiệu quả bước đầu của kỹ thuật xạ trị điều biến cường độ trong ung thư vòm họng, là tiền đề để bệnh viện tiếp tục phát triển một cách vững chắc trong thời gian tiếp theo đồng thời mang lại hiệu quả kinh tế, hiệu quả xã hội, trở thành điểm sáng của nền y tế tỉnh nhà, góp phần nâng cao hiệu quả điều trị ung thư vòm họng tại tỉnh Nghệ An

Số hồ sơ lưu: NAN\_2021\_06



**30230. Y học thể thao, thể dục**

84348.01-2023 **Biện pháp hỗ trợ tâm lý và hồi phục sau vận động cho vận động viên đội tuyển khuyết tật môn Cử tạ và Ném lao Việt Nam/** PGS.TS. Vũ Việt Bảo, TS. Võ Quốc Thắng; TS. Nguyễn Đăng Khánh; PGS.TS. Lưu Thiên Sương; TS. Lê Thị Mỹ Hạnh; BS. CK 1. Vũ Lưu Ly; ThS. Võ Châu Tường; ThS. Lê Quang Thái; CN. Đặng Văn Phúc; ThS. Phạm Cao Cường - Hồ Chí Minh - Trường Đại học Thể dục Thể thao thành phố Hồ Chí Minh, 2021; 01/2020 - 12/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Tổng quan cơ sở khoa học về biện pháp hỗ trợ tâm lý và hồi phục sau vận động cho vận động viên đội tuyển khuyết tật môn Cử tạ và Ném lao Việt Nam. Đánh giá thực trạng các biện pháp hỗ trợ tâm lý và hồi phục sau tập luyện của vận động viên đội tuyển khuyết tật môn cử tạ và ném lao Việt Nam. Xác định các biện pháp hỗ trợ tâm lý và hồi phục sau tập luyện cho vận động viên đội tuyển khuyết tật môn cử tạ và ném lao Việt Nam. Tiến hành tổ chức thực nghiệm một số biện pháp hỗ trợ tâm lý, một số bài tập hồi phục sau vận động và đánh giá hiệu quả việc ứng dụng thực nghiệm cho vận động viên đội tuyển khuyết tật môn cử tạ và ném lao Việt Nam

Số hồ sơ lưu: 20599

**30301. Khoa học về chăm sóc sức khỏe và dịch vụ y tế (bao gồm cả quản trị bệnh viện, tài chính y tế,..)**

85263.01-2023 **Nghiên cứu xây dựng mô hình dự báo tác động của biến đổi khí hậu đối với sức khỏe cộng đồng theo các kịch bản cập nhật tại Thành phố Hồ Chí Minh/** PGS.TS. Đặng Văn Chính, - TP. Hồ Chí Minh - Viện Y tế Công cộng TP. Hồ Chí Minh, 2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Nghiên cứu xác định mối liên quan các yếu tố khí hậu thời tiết với một số bệnh không lây nhiễm, bệnh nhiễm và xây dựng mô hình dự báo tác động của biến đổi khí hậu đối với sức khỏe cộng đồng theo các kịch bản cập nhật tại TP. Hồ Chí Minh. Đánh giá tính an toàn và khả năng ứng phó của cơ sở y tế TP. Hồ Chí Minh trước tác động của biến đổi khí hậu.

Số hồ sơ lưu: HCM-049-2022

**30299. Y học lâm sàng khác**

84644.01-2023 **Nghiên cứu ứng dụng một số Maeker sinh học trong chuẩn đoán sớm, tiên lượng nhiễm khuẩn huyết và sốc nhiễm khuẩn tại Bệnh viện Hữu nghị Việt Tiệp/** ThS. Lê Bá Long, ThS. Lưu Thị Thanh Duyên; BSCKII. Nguyễn Thị Ngoan; ThS. Đặng Thị Thanh Hà; ThS. Nguyễn Anh Tuấn; BS. Nguyễn Công Lượng; BS. Trần Thị Mận; BS. Lương Duy Thịnh; Bùi Thị Nhi; Phạm Trung Hùng; Mai Thị Lệ Huyền; Vũ Mạnh Toàn; ThS. Lại Thị Quỳnh - Hải Phòng - Bệnh viện Hữu nghị Việt Tiệp- Hải



Phòng, 2021; 06/2019 - 09/2021.  
(Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Thông tin khái quát về nhiễm khuẩn huyết và sốc nhiễm khuẩn. Tổng quan về vai trò của các marker phân tử trong chuẩn đoán và tiên lượng nhiễm khuẩn huyết và sốc nhiễm khuẩn. Nghiên cứu, đánh giá thực trạng nhiễm khuẩn huyết và sốc nhiễm khuẩn tại Bệnh viện Hữu nghị Việt Tiệp. Nghiên cứu các phương pháp chuẩn đoán và điều trị nhiễm khuẩn huyết và sốc nhiễm khuẩn. Xác định tiêu chuẩn chuẩn đoán bệnh nhân phục vụ nghiên cứu. Nghiên cứu định lượng nồng độ các marker sinh học trong huyết thanh của bệnh nhân tại các thời điểm nhập viện. Đề xuất quy trình ứng dụng một số marker sinh học trong chuẩn đoán sớm, tiên lượng nhiễm khuẩn huyết và sốc nhiễm khuẩn.

Số hồ sơ lưu: HPG.2022.008

### **30302. Chính sách và dịch vụ y tế**

84689.01-2023 **Các yếu tố ảnh hưởng đến sự cảm thông của nhân viên đối với sự hài lòng của khách hàng trong lĩnh vực dịch vụ y tế/ PGS. TS. Trần Hà Minh Quân, PGS.TS. Ngô Việt Liêm; TS. Nguyễn Thị Nguyệt Quế - Tp. Hồ Chí Minh - Trường đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh, 2021; 11/2017 - 05/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)**

Nghiên cứu tập trung đánh giá mối quan hệ giữa sự cảm thông, sự thể hiện cảm xúc của nhân viên với chất lượng dịch vụ và sự vui thích của khách hàng thông qua sự tương

tác giữa các bác sĩ và bệnh nhân từ 23 bệnh viện công và tư nhân với 11 chuyên khoa khác nhau ở thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Trước tiên, nhóm nghiên cứu tiến hành khảo sát cơ sở lý thuyết và những nghiên cứu trước có liên quan đến sự cảm thông, đặc biệt trong lĩnh vực dịch vụ tương tác cá nhân, từ đó xác định khe hồng nghiên cứu và phát triển mô hình cũng như các giả thuyết nghiên cứu để lấp những khe hồng này.

Số hồ sơ lưu: 20798

85320.01-2023 **Giải pháp nâng cao sự hài lòng của người dân đối với dịch vụ y tế công lập trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh/ TS. Trần Anh Tuấn, - TP. Hồ Chí Minh - Viện Nghiên cứu phát triển Tp. Hồ Chí Minh, 2021; 08/2019 - 02/2021. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)**

Tổng quan về dịch vụ y tế công lập trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh trong giai đoạn hiện nay. Nghiên cứu, đánh giá sự hài lòng của người dân đối với dịch vụ y tế công lập trên địa bàn thành phố và sự hài lòng trong công việc của đội ngũ nhân viên y tế tại các bệnh viện công lập. Qua đó đưa ra các giải pháp nâng cao sự hài lòng của người dân đối với dịch vụ y tế công lập trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh

Số hồ sơ lưu: HCM-041-2022

### **30305. Y tế môi trường và công cộng**

84678.01-2023 **Nghiên cứu hành vi nguy cơ về sức khỏe và các yếu tố dự báo ở lứa tuổi trung học phổ thông/ PGS. TS. Đặng Hoàng**

Minh, PGS.TS. Trần Thành Nam; PGS.TS. Đỗ Ngọc Khanh; ThS. Hồ Thu Hà; ThS. Nguyễn Thị Minh Hằng; ThS. Nguyễn Thị Thương - Hà Nội - Trường Đại học Giáo dục, 2022; 07/2017 - 07/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Xây dựng cơ sở lý luận, khái niệm công cụ cho đề tài, bao gồm tổng quan các nghiên cứu về và các mô hình lý thuyết lý giải hành vi nguy cơ đến sức khỏe ở trẻ vị thành niên và các yếu tố liên quan,. Xây dựng bộ công cụ đo lường về: nhân khẩu và điều kiện kinh tế xã hội, hành vi nguy cơ đến sức khỏe, các vấn đề về sức khỏe tâm thần, sự kiểm soát của cha mẹ, chiết khấu tri hoãn, hiểu biết về hành vi nguy cơ về sức khỏe, chuẩn mực hành vi của cha mẹ và bạn bè. Đánh giá tỉ lệ các hành vi nguy cơ đến sức khỏe ở học sinh THPT và mô tả trong mối quan hệ với các đặc điểm nhân khẩu và kinh tế-xã hội. Phân tích mối quan hệ giữa các yếu tố: các vấn đề sức khỏe tâm thần, sự kiểm soát của cha mẹ, chiết khấu tri hoãn, hiểu biết về hành vi nguy cơ về sức khỏe, chuẩn mực hành vi của cha mẹ và bạn bè với hành vi nguy cơ đến sức khỏe ở học sinh THPT.

Số hồ sơ lưu: 20796

### **30308. Bệnh truyền nhiễm**

84359.01-2023 **Nghiên cứu một số đặc điểm dịch tễ và gánh nặng chi phí điều trị của Viêm não vi rút tại 3 tỉnh Tây Bắc Việt Nam, 2017-2018/** PGS. TS. Trần Như Dương, GS.TS. Vũ Sinh Nam; TS. Hoàng Minh Đức; TS. Ngũ Duy

Nghĩa; ThS. Vũ Vi Quốc; ThS. Ngô Huy Tú; PGS.TS. Nguyễn Thị Hiền Thanh; TS. Nguyễn Thị Thu Thủy; TS. Nguyễn Thị Thường; TS. Vũ Trọng Dục; ThS. Phạm Thị Cẩm Hà; ThS. Trần Mạnh Tùng; CN. Trần Ngọc Thanh; ThS. Nguyễn Công Khanh; ThS. Trần Anh Tú; ThS. Lưu Nguyên Thắng; ThS. Nguyễn Minh Hồng; ThS. Nguyễn Hồng Sơn; CN. Lê Thị Hiền Thu; CN. Vũ Thị Bích Hậu; CN. Nguyễn Thị Thu Trang; TS. Trần Thị Nguyễn Hòa; CN. Đào Thị Hải Anh; BS. Nguyễn Thế Anh; CN. Vũ Mạnh Hùng; TS. Trần Vũ Phong; TS. Trần Công Tú; ThS. Trần Chí Cường; ThS. Trần Hải Sơn; BS. Nguyễn Văn Sửu; BS. Nguyễn Tiến Dũng; BS. Đoàn Ngọc Hùng; PGS.TS. Nguyễn Thị Thi Thơ - Hà Nội - Viện Vệ sinh Dịch tễ Trung ương, 2022; 06/2017 - 12/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Đẩy mạnh việc tiêm vắc xin VNNB cho cả trẻ em và người lớn trong chương trình tiêm chủng mở rộng cũng như ngoài chương trình tiêm chủng mở rộng; Tăng cường tuyên truyền cho người dân về bệnh VNVR và các biện pháp phòng bệnh. Vận động cộng đồng xây dựng chuồng trại gia súc, gia cầm tập trung và xa nhà ở; Cần tiếp tục và mở rộng những nghiên cứu về dịch tễ học (nguồn truyền nhiễm của bệnh, yếu tố nguy cơ, ...); gánh nặng bệnh tật liên quan tới VNVR để có bức tranh tổng thể và toàn diện hơn.

Số hồ sơ lưu: 20634

85112.01-2023 **Đánh giá miễn dịch cộng đồng đối với bệnh bạch**

**hầu trong cộng đồng dân cư tỉnh Kon Tum.**/ TS. Lê Văn Tuấn, ThS Nguyễn Thị Tuyết Vân; Nguyễn Hoàng Quân; TS. Ngô Thị Hải Vân; ThS Lê Thị Vĩnh Lạc; ThS. Nguyễn Lê Mạnh Hùng; Nguyễn Thị Thu Trâm; ThS. Phạm Thị Lệ Hà; Trần Đình Sơn; ThS. Nguyễn Thị Thu Hà; ThS. Đỗ Ngọc Hòa; Đặng Công Lân; Nguyễn Thị Vân; Nguyễn Thị Loan; Phạm Thị Hà Phương; Phạm Thị Phương Như; Nguyễn Quốc Việt; Sử Thị Kiều Trang; Dương Văn Thanh; Lê Quỳnh Trang - Viện Vệ sinh Dịch tễ Tây Nguyên - Viện Vệ sinh Dịch tễ Tây Nguyên, 2022; 11/2019 - 11/2021. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Đề tài nhằm đánh giá tỷ lệ miễn dịch cộng đồng đối với bệnh bạch hầu trong cộng đồng dân cư đang sinh sống tại tỉnh Kon Tum, 2019-2020.; Đánh giá hiệu giá kháng thể kháng độc tố bạch hầu theo giới tính, dân tộc, nhóm tuổi, nghề nghiệp, tình trạng tiêm chủng vắc xin, 2019-2020.

Số hồ sơ lưu: 04.2022

### 30309. Dịch tễ học

85347.01-2023 **Khảo sát mức độ nhiễm vi sinh vật và đánh giá khả năng kháng kháng sinh của Salmonella spp . trong thực phẩm tại khu vực thành phố Hồ Chí Minh**/ Ths. Trương Huỳnh Anh Vũ, Huỳnh Yên Hà; Lê Thành Thọ; Lương Sơn Tùng; Phan Thị Ngọc Diệp; Bao Thị Kim Hồng; Trần Hà Phương Dung; Nguyễn Thanh Dân; Nguyễn Thị Hồng Hiều; Lê Thị Anh Thư - TP. Hồ Chí Minh - Trung tâm

Dịch vụ phân tích thí nghiệm Thành phố Hồ Chí Minh, 2021; 09/2019 - 09/2021. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Phân tích và xác định mức độ nhiễm vi sinh vật chỉ thị cho các nhóm thực phẩm tại khu vực thành phố Hồ Chí Minh . Khảo sát và đánh giá mức độ kháng kháng sinh của Salmonella spp. phân lập từ các nhóm thực phẩm khác nhau . Phát hiện sự hiện diện của integron nhóm I, II, III và gen kháng kháng sinh đối với Salmonella spp . có kiểu hình đa kháng bằng kỹ thuật PCR .

Số hồ sơ lưu: HCM-030-2022

### 30310. Sức khỏe nghề nghiệp; tâm lý ung thư học, Hiệu quả chính sách và xã hội của nghiên cứu y sinh học

85136.01-2023 **Nghiên cứu thực trạng tai nạn thương tích và giải pháp can thiệp đào tạo đối với ngư dân và thuyền viên khu vực duyên hải Bắc bộ**/ GS.TS Nguyễn Trường Sơn, TS. Nguyễn Văn Tâm; PGS. TS. Trần Thị Quỳnh Chi; TS. Nguyễn Bảo Nam; ThS. Triệu Thị Thúy Hương; ThS. Lương Xuân Tuyên; ThS. Đoàn Thị Phương; ThS. Đỗ Thị Hải; ThS. Nguyễn Thị Yên; ThS. Nguyễn Hoàng Việt Đức; ThS. Dương Văn Hải; ThS. Nguyễn Thị Vân Anh; ThS. Nguyễn Tuấn Đức; ThS. Phan Thị Mai; ThS. Đàm Thị Hải Vân; BS. Trương Thị An; BS. Phạm Thị Hồng Quế; ThS. Ngô Thị Thanh Huyền; BS. Hà Sỹ Tuyên; BS. Trần Thái Sơn; ThS. Đỗ Thị Huế - Hà Nội - Viện Y học Biển, 2021. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu điều kiện lao động trên tàu của ngư dân đánh bắt hải sản xa bờ và của thuyền viên viễn dương. Thực trạng tai nạn thương tích của ngư dân và thuyền viên. Một số yếu tố liên quan tới tai nạn thương tích của ngư dân và thuyền viên. Xử lý cấp cứu ban đầu của ngư dân và thuyền viên khi bị tai nạn thương tích. Kết quả giải pháp can thiệp đào tạo phòng chống tai nạn thương tích cho ngư dân, thuyền viên.

Số hồ sơ lưu: 20721

### **30403. Dược liệu học; cây thuốc; con thuốc; thuốc Nam, thuốc dân tộc**

84198.01-2023 **Nghiên cứu và phát triển chế phẩm hỗ trợ điều trị bệnh đái tháo đường typ 2 từ một số loài (đặc hữu) vùng Tây Nam Bộ thuộc chi *Hibiscus L.* và *Decaschistia Wight & Arn.* họ **Bông (Malvaceae)**/ PGS.TS. Đỗ Quyên, ThS. Phạm Tuấn Anh; ThS. Nghiêm Đức Trọng; TS.Đỗ Thị Nguyệt Quế; TS. Hoàng Việt Dũng; TS. Nguyễn Văn Bạch; ThS. Nguyễn Văn Liệu; TS. Trần Minh Ngọc; CN. Cao Ngọc Giang; PGS.TS. Lê Thị Lý - Hà Nội - Trường Đại học Dược Hà Nội, 2022; 10/2017 - 11/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)**

Điều tra, sàng lọc tác dụng hạ đường huyết của một số loài thuộc chi *Hibiscus L.* và chi *Decaschistia Wight & Arn* ở miền Tây Nam Bộ; Đánh giá trữ lượng của 2 loài có tác dụng hạ đường huyết mạnh nhất. Nghiên cứu thành phần hóa học và tác dụng hạ đường huyết của 02 loài

*Hibiscus sp.* và *Decaschistia sp.* có tác dụng hạ glucose huyết mạnh nhất. Xác định được thành phần hóa học chính có tác dụng hạ đường huyết và chỉ ra được cơ chế tác dụng hạ đường huyết (in vitro, in vivo và in silico) của 2 loài trên. Nghiên cứu chiết xuất được cao định chuẩn chứa nhóm chất có hoạt tính hạ đường huyết làm nguyên liệu bán thành phẩm để từ đó bào chế được chế phẩm hỗ trợ điều trị đái tháo đường. Đồng thời, đánh giá tác dụng hạ glucose huyết trên mô hình ĐTĐ typ 2; thử độc tính cấp và bán trường diễn của cao định chuẩn. Phát triển 01 chế phẩm từ cao định chuẩn có tác dụng hạ đường huyết mạnh nhất, không có độc tính hoặc có độc tính rất thấp so với liều có tác dụng. Sau khi xây dựng được công thức và quy trình bào chế viên nang từ cao định chuẩn; xây dựng tiêu chuẩn và nghiên cứu độ ổn định của chế phẩm được thực hiện.

Số hồ sơ lưu: 20496

84209.01-2023 **Nghiên cứu phát triển chế phẩm hỗ trợ điều trị sốt xuất huyết từ lá Đu đủ (*Carica papaya*) và một số dược liệu ở vùng Tây Nam Bộ/ TS. Nguyễn Văn Tài, ThS. Nguyễn Thị Thu Trang; PGS.TSKH. Nguyễn Minh Khởi; TS. Trần Minh Ngọc; TS. Trần Thị Liê; TS. Lê Thị Xoan; TS. Phạm Thị Nguyệt Hằng; PGS.TS. Nguyễn Thị Thu Hương; PGS.TS. Lê Thị Lý; ThS. Thái Hồng Hạnh - Hà Nội - Viện Dược Liệu, 2021; 01/2019 - 04/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)**



Lá Đu đủ đã được nhiều nước trên thế giới nghiên cứu và phát triển thành chế phẩm chăm sóc sức khỏe có tác dụng chống suy giảm tiểu cầu trên các mô hình động vật thực nghiệm gây suy giảm tiểu cầu bởi hóa chất hoặc virus. Đặc biệt, nhiều nghiên cứu lâm sàng đã chỉ ra, uống dịch chiết hoặc các chế phẩm dạng viên hoặc dạng siro bào chế từ lá Đu đủ có tác dụng chống suy giảm tiểu cầu, giảm được số ca bệnh có tiểu cầu giảm đến mức nguy hiểm, giảm số ngày nằm viện, giảm được chi phí cho người dân. Vì vậy, việc nghiên cứu phát triển sản phẩm chăm sóc sức khỏe theo hướng hỗ trợ điều trị bệnh SXH từ lá Đu đủ ở Việt Nam là vô cùng cấp thiết, vừa có ý nghĩa khoa học và giá trị kinh tế cao. Góp phần nâng cao năng lực khoa học công nghệ, giảm gánh nặng bệnh tật, đảm bảo an toàn xã hội.

Số hồ sơ lưu: 20480

84532.01-2023 **Nghiên cứu công nghệ sản xuất hoạt chất nhân sâm Saponin Rh, Rg và chế phẩm adenosine, cordycepin, Polysaccharide, protein trọng lượng phân tử thấp từ *Cordyceps militaris***/ TS. Trịnh Đắc Hoàn, TS. Trần Đức Phần; PGS. TS. Bùi Thị Nhung; Bác sĩ. ThS. Nguyễn Văn Phú; ThS. Nguyễn Đức Điền; ThS. Lê Huy Hoàng; ThS. Vũ Duy Nhân; TS. Lê Đức Anh; CN. Chu Nguyễn Mai Phương; CN. Trần Văn Khanh; TS. Nguyễn Thị Hương; TS. Đinh Thế Dũng; ThS. Nguyễn Thị Nhân; ThS. Phạm Tuấn Anh; ThS. Khuất Hoàng Bình; ThS. Nguyễn Thu Hương; ThS. Phạm Thu Hạnh; ThS.

Phạm Như Hoàn; ThS. Phạm Xuân Thọ; ThS. Ngô Văn Hoàn; KS. Phan Văn Cường; ThS. Đinh Văn Long; ThS. Đoàn Tuấn Anh; KS. Phan Thế Thu; CN. Nguyễn Văn Đồng; ThS. Ngô Minh Tiến; ThS. Đỗ Thị Thủy; CN. Trần Thị Nguyệt; ThS. Nguyễn Đình Dương; ThS. Nguyễn Văn Sơn; ThS. Nguyễn Việt Hưng; TS. Phùng Xuân Thịnh; TS. Nguyễn Văn Cảnh; TS. Nguyễn Hữu Vân; TS. Phạm Quang Thuận; ThS. Đỗ Vĩnh Trường; KS. Vũ Thành Đồng - Hà Nội - Viện Hóa học - Vật liệu, 2022; 01/2019 - 06/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Sử dụng công nghệ kéo dài tuổi thọ của sản phẩm mà vẫn giữ được các tính chất cần thiết bằng các tác động sinh học, hóa học, vật lý nhằm cho phép kéo dài thời gian sử dụng, phân phối và lưu trữ, cung cấp thêm dinh dưỡng cần thiết cho cơ thể. Ngoài ra, việc bổ sung và cải thiện hương vị, màu sắc, trạng thái... của sản phẩm phẩm cũng nhằm nâng tình hấp dẫn và tiện lợi cho sản phẩm. Bên cạnh đó, việc sinh ra lợi nhuận kinh tế, tạo điều kiện việc làm cho nhiều nhân lực cũng là những ưu điểm nổi bật của nền công nghiệp này.

Số hồ sơ lưu: 20603

#### 4. Khoa học nông nghiệp

84636.01-2023 **Xây dựng mô hình sản xuất giống invitro cây Sâm cau (*Curculigo orchoides* Gaetn.) và trồng thử nghiệm tại Vườn Quốc gia Cát Bà**/ ThS. Vũ Hồng Vân, ThS. Nguyễn Thị Trang; ThS. Nguyễn Xuân Khu; KS. Ngô



Thị Thu Phương; Đỗ Thị Mai Hoa; ThS. Phạm Văn Phúc; ThS. Phạm Văn Thương; ThS. Vũ Văn Hùng; KS. Đỗ Xuân Thiệp; CN. Đỗ Thị Hại; ThS. Nguyễn Văn Dinh; KS. Phạm Văn Cảnh; KS. Đào Ngọc Hiếu; KS. Nguyễn Trung Thành; KS. Đặng Văn Thắng; CN. Dương Đức Tuyên; ThS. Mai Sỹ Luân; CN. Bùi Thị Hồng; KTV. Đào Thị Hoài; ThS. Ngô Thị Hải Linh; KS. Đặng Thị Phương Hảo - Hải Phòng - Vườn Quốc gia Cát Bà, 2021; 09/2018 - 05/2021. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Chuẩn bị đầy đủ cơ sở vật chất trang thiết bị phục vụ dự án. Tiếp nhận chuyển giao thành công 02 quy trình công nghệ do Công ty Cổ phần Biopharm Hòa Bình chuyển giao và đào tạo cán bộ kỹ thuật. Xây dựng mô hình trồng thực nghiệm: mô hình sản xuất giống invitro cây Sâm cau; mô hình trồng cây Sâm cau từ giống có nguồn gốc invitro; với 02 quy mô dưới tán rừng: 0,3 ha và trên vùng đất trống; 0,1 ha. Đề xuất các mô hình: mô hình sản xuất giống invitro cây Sâm cau; mô hình trồng và chăm sóc cây Sâm cau từ giống có nguồn gốc invitro dưới tán rừng tại Vườn quốc gia Cát Bà; mô hình trồng và chăm sóc cây Sâm cau từ giống có nguồn gốc invitro trên vùng đất trống tại Vườn Quốc gia Cát Bà.

Số hồ sơ lưu: HPG.2022.003

85244.01-2023 **Xây dựng mô hình nuôi cá Chêm (*Lates calcarifer* Bloch, 1790) trong ao đất tại các vùng bị ảnh hưởng của xâm nhập mặn ở tỉnh Vĩnh Long/**

ThS. Phạm Việt Nam, ThS. Phạm Việt Nam; ThS. Võ Thị Dung; ThS. Phạm Trường Giang; ThS. Nguyễn Văn Giang - Khánh Hòa - Viện nghiên cứu Nuôi trồng thủy sản 3, 2022; 06/2018 - 07/2021. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Tiến hành khảo sát các vùng bị xâm nhập mặn đang nuôi thủy sản, từ đó đánh giá hiện trạng và năng lực tham gia dự án của từng hộ và chọn 03 điểm nuôi và hộ dân tham gia dự án. Khảo sát và lựa chọn triển khai 03 điểm mô hình tại 03 hộ nuôi, với 01 điểm nuôi tại xã Hiếu Hạnh, huyện Vũng Liêm và 02 điểm nuôi tại xã Phú Thành, huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long. Sau 10 tháng thả nuôi, chỉ có 01 điểm tại xã Hiếu Hạnh, huyện Vũng Liêm đạt yêu cầu đề ra. Sau 10 tháng thả nuôi trong ao đất cá đạt kích cỡ chiều dài thân và khối lượng thân trung bình (42,9cm/con và 1036,1g/con), tỉ lệ sống đạt 70%; thu được sản lượng 2551,5kg/mô hình và tỉ suất lợi nhuận đạt 14,99%.

Số hồ sơ lưu: VLG.TI006.2022-0000272

85295.01-2023 **Nghiên cứu xây dựng mô hình sử dụng phân bón hữu cơ nano và chế phẩm sinh học trong sản xuất chè an toàn tại tỉnh Thái Nguyên/** ThS. Bùi Thị Minh Tuyết, ThS. Bùi Thị Minh Tuyết; TS. Vũ Văn Thư; TS. Hoàng Công Mạnh; PGS.TS. Hồ Quang Đức; TS. Hoàng Tuấn Hiệp; TS. Bùi Thị Ngọc Dung; ThS. Bùi Mạnh Thắng - Viện Khoa học và Công nghệ Phát triển Nông Lâm nghiệp - Viện Khoa học và công nghệ phát triển nông lâm

nghiệp, 2022; 10/2019 - 10/2021.  
(Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Đánh giá được hiệu quả của phân hữu cơ nano UPLML và chế phẩm sinh học Neemferno9 (đến năng suất, chất lượng chè thương phẩm làm cơ sở cho việc nhân rộng mô hình trong sản xuất chè an toàn tại tỉnh Thái Nguyên. Báo cáo đánh giá thực trạng sản xuất, sử dụng phân bón, thuốc bảo vệ thực vật đối với cây chè trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên; Quy trình sử dụng phân hữu cơ UPLML công nghệ nano và chế phẩm sinh học Neemferno (NTV No1) cho sản xuất chè an toàn; Báo cáo kết quả xây dựng mô hình ứng dụng phân bón hữu cơ UPLML nano và chế phẩm sinh học NTV-No1 (Neemferno) đối với cây chè; Đề xuất các giải pháp nhân rộng mô hình ứng dụng sử dụng phân bón hữu cơ UPLML công nghệ nano và chế phẩm sinh học NTV-No1 (Neemferno) cho cây chè trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

Số hồ sơ lưu: TNN-2022-04

**85306.01-2023 Ứng dụng khoa học công nghệ xử lý môi trường chăn nuôi kết hợp sản xuất phân hữu cơ phục vụ sản xuất an toàn bền vững/** TS. Phạm Văn Ngọc, TS. Phạm Văn Ngọc; ThS. Nguyễn Thị Mai Thảo; TS. Đặng Thị Hồng Phương; ThS. Nguyễn Thị Quỳnh; TS. Nguyễn Thế Huân; TS. Lưu Thị Xuyên; TS. Hoàng Kim Diệu - Trường Đại học Nông lâm - Trường Đại học Nông Lâm, 2022; 06/2019 - 12/2021. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Nghiên cứu kỹ thuật xử lý môi trường chăn nuôi, tạo nguyên liệu và sản xuất được phẩm phân bón hữu cơ sử dụng có hiệu quả trên cây chè, cây rau và cây ăn quả. Kết quả dự án thực hiện đủ chủng loại sản phẩm, đạt và vượt về lượng, khối lượng sản phẩm theo thuyết minh được phê duyệt. Dự án đã thực hiện được: Quy trình xử lý môi trường chăn nuôi lợn làm nguyên liệu sản xuất phân hữu cơ; Quy trình xử lý môi trường chăn nuôi gà làm nguyên liệu sản xuất phân hữu cơ; Quy trình sản xuất của dự án có khả năng tiếp tục nghiên cứu hoàn thiện, ứng dụng vào sản xuất và thương mại hóa sản phẩm.

Số hồ sơ lưu: TNN-2022-05

**85310.01-2023 Xây dựng mô hình ứng dụng nông nghiệp công nghệ cao cho một số giống cây ăn quả trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên/** TS. Bùi Văn Quang, TS. Bùi Văn Quang; TS. Trần Trung Kiên; TS. Hà Duy Trường; ThS. Phạm Quốc Toán; ThS. Đào Thanh Tùng; KS. Nguyễn Bạch Thư; KS. Nguyễn Quỳnh Anh; KS. Hoàng Trường Anh; CN. Lê Thị Nga - Trung tâm đào tạo, nghiên cứu giống cây trồng và vật nuôi - Trung tâm Đào tạo, Nghiên cứu Giống cây trồng và vật nuôi, 2022; 08/2019 - 02/2022. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Đánh giá thực trạng sản xuất cây ăn quả tại huyện Đại Từ và thành phố Thái Nguyên; Xây dựng được mô hình ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất một số loại cây ăn quả (bưởi đào đường, mít siêu sớm

da xanh, xoài Đài Loan, bưởi da xanh) cũng như hướng dẫn kỹ thuật trồng và chăm sóc các loại cây này. Kết quả dự án thực hiện đủ chủng loại sản phẩm, đạt về số lượng, khối lượng sản phẩm theo thuyết minh được phê duyệt. Dự án đã thực hiện được: 6ha cây ăn quả (03ha mô hình bưởi đào đường, 01ha mô hình mít siêu sớm da xanh, 01ha mô hình xoài Đài Loan, 01ha mô hình bưởi da xanh); Hoàn thiện 04 hướng dẫn kỹ thuật trồng và chăm sóc: bưởi đào đường, mít siêu sớm da xanh, xoài Đài Loan, bưởi da xanh; Tổ chức thành công lớp tập huấn với 120 người tham gia; 01 Báo cáo tổng kết dự án.

Số hồ sơ lưu: TNN-2022-06

#### **40102. Thổ nhưỡng học**

73893.01-2023 **Điều tra, chỉnh lý bản đồ đất và xây dựng hệ thống thông tin chất lượng đất đai nhằm sử dụng hợp lý tài nguyên đất phục vụ phát triển nông nghiệp tỉnh Quảng Nam./** ThS. Phạm Đức Thọ, CN. Hoàng Trọng Quý; TS. Lương Đức Toàn; KS. Nguyễn Dân Trí; ThS. Đinh Văn Hà; ThS. Lê Thị Mỹ Hảo; TS. Nguyễn Văn Đạo; TS. Vũ Mạnh Quyết; ThS. Phạm Ngọc Sơn; ThS. Hoàng Thị Thu Hường - Hà Nội - Viện Thổ Nhưỡng Nông hóa, 2018; 09/2015 - 08/2018. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Xây dựng được bộ cơ sở dữ liệu về số lượng và chất lượng đất nông nghiệp tỉnh Quảng Nam. Đánh giá mức độ thích hợp đất đai và xác định

các yếu tố hạn chế về đất đối với các cây trồng chính của tỉnh Quảng Nam. Đề xuất phương án bố trí cơ cấu cây trồng phù hợp và các giải pháp khoa học và công nghệ nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng đất. Xây dựng được cơ sở dữ liệu tài nguyên đất sản xuất nông nghiệp và đất đồi núi chưa sử dụng trực tuyến và phần mềm quản lý, khai thác sử dụng dữ liệu với 05 Module chính: Hiện thị bản đồ và in ấn; Thống kê số liệu; Trích xuất, báo cáo; Lọc dữ liệu bản đồ; Quản trị hệ thống.

Số hồ sơ lưu: QNM-2022-001

#### **40103. Cây lương thực và cây thực phẩm**

84485.01-2023 **Biểu hiện gen mã hóa nhân tố phiên mã dehydration responsive element binding của đậu tương (GmDREB) để tăng khả năng chịu hạn ở cây chuyển gen/ GS.** TS. Chu Hoàng Mậu, TS. Nguyễn Thị Ngọc Lan; PGS. TS. Vũ Thị Thu Thủy; TS. Phạm Thị Thanh Nhân; ThS. Trần Thị Hồng - Thái Nguyên - Trường Đại học Sư phạm-Đại học Thái Nguyên, 2021; 12/2018 - 12/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Tạo được cây đậu tương biến đổi gen có sự biểu hiện mạnh nhân tố phiên mã DREB và làm tăng khả năng chịu hạn của cây chuyển gen. Thiết kế được và đánh giá hoạt động của vector biểu hiện mang gen GmDREB. Xác định được sự có mặt và sự biểu hiện của gen GmDREB ở cây đậu tương chuyển gen, bao gồm: phân tích PCR đối với genomic DNA, Southern

blot, Real time RT-PCR, Western blot và ELISA đối với cây tái sinh và cây chuyển gen trồng trong nhà lưới. Đánh giá được khả năng chịu hạn của cây đậu tương chuyển gen GmDREB so với đối chứng không chuyển gen.

Số hồ sơ lưu: 20657

**84571.01-2023 Nghiên cứu phát triển nguồn vật liệu phục vụ chọn tạo giống ngô trái cây giàu chất kháng ô xy hóa anthocyanin/** TS. Phạm Quang Tuân, KS. Nguyễn Thị Nguyệt Anh; GS.TS. Vũ Văn Liết; KS. Đoàn Thị Yến; ThS. Hoàng Thị Thuỳ; ThS. Dương Thị Loan; ThS. Vũ Thị Xuân Bình - Hà Nội - Học viện Nông nghiệp Việt Nam, 2022; 01/2020 - 12/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Đánh giá và sàng lọc nguồn vật liệu di truyền ngô trái cây dựa trên kiểu hình, đánh giá khả năng kết hợp chung của các dòng ngô trái cây như lai thử khả năng kết hợp chung theo mô hình lai đỉnh và đánh giá các tổ hợp lai đỉnh. Nghiên cứu, phát triển dòng thuần ngô trái cây, phát triển dòng thuần bằng phương pháp tự thụ phấn và nhận biết QTL điều khiển tính trạng hàm lượng đường cao của các dòng trái cây bằng chỉ thị phân tử đồng thời nhận biết QTL điều khiển tính trạng vỏ hạt mỏng của các dòng trái cây, tiến tới phân nhóm đa dạng di truyền và chọn lọc dòng ưu tú.

Số hồ sơ lưu: 20583

**84708.01-2023 Nghiên cứu ứng dụng công nghệ chỉ thị phân tử và chỉnh sửa hệ gen trong chọn tạo**

**giống lúa năng suất, chất lượng, chống chịu sâu bệnh và bất lợi ngoại cảnh./** ThS. Nguyễn Thị Nhung, KS. Trần Mạnh Báo; ThS. Nguyễn Thị Tuyết; ThS. Nguyễn Phạm Hùng; KS. Trần Thị Duyên; KS. Nguyễn Văn Thọ; KS. Trần Thị Phương; TS. Nguyễn Duy Phương; GS.TS. Phạm Xuân Hội; TS. Võ Thị Minh Tuyền; TS. Nguyễn Thị Minh Nguyệt; TS. Nguyễn Văn Cửu; ThS. Nguyễn Thị Thu Hà; ThS. Phạm Thu Hằng; ThS. Nguyễn Bá Ngọc; ThS. Phan Quốc Mỹ - Thái Bình - Công ty cổ phần Tập đoàn Thai Binh Seed, 2022; 06/2018 - 12/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu và ứng dụng thành công công nghệ chỉ thị phân tử và chỉnh sửa hệ gen trong chọn tạo và cải tạo các tính trạng nông sinh học quý các giống lúa trong sản xuất phục vụ tái cơ cấu ngành lúa gạo.

Chọn tạo và cải tiến thành công tính trạng năng suất, chất lượng, khả năng chống chịu sâu bệnh và bất lợi ngoại cảnh (chịu hạn, mặn) một số giống lúa chủ lực trong sản xuất, đảm bảo năng suất và hiệu quả kinh tế tăng ít nhất là 10% so với giống gốc, đóng góp phát triển kinh tế - xã hội quốc gia/địa phương.

Số hồ sơ lưu: 20814

**84710.01-2023 Nghiên cứu chọn tạo giống lúa ngắn ngày, chất lượng cao, năng suất cao phục vụ nội tiêu và xuất khẩu/** ThS. Trần Thị Tiệp, ThS. Nguyễn Thị Nhung; KS. Nguyễn Văn Thọ; TS. Khuất Hữu Trung; TS. Nguyễn Văn Hoan; KS. Nguyễn Thị Nguyệt; KS. Trần



Mạnh Báo; KS. Trần Thị Duyên; KS. Nguyễn Trọng Căn; ThS. Đặng Cao Cường - Thái Bình - Công ty cổ phần Tập đoàn ThaiBinh Seed, 2022; 08/2016 - 12/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Chọn tạo và phát triển các giống lúa mới, có năng suất cao tối thiểu tăng 10% so với các giống cùng loại đang sử dụng trong sản xuất, chất lượng tốt, giá trị xuất khẩu hoặc giá trị thương mại đạt trên 600 USD/tấn; chống chịu với sâu bệnh hại chính (rầy nâu, đạo ôn và bạc lá) và điều kiện ngoại cảnh bất thuận khác; thích ứng với điều kiện biến đổi khí hậu và các vùng sinh thái khác nhau ở miền Bắc và miền Trung. Giống được công nhận chính thức và bảo hộ trên toàn quốc và là giống chủ lực cho sản xuất ở các vùng trồng lúa chính trên 10 năm, phục vụ phát triển sản xuất lúa gạo Việt Nam năng suất cao, chất lượng cao.

Số hồ sơ lưu: 20818

84790.01-2023 **Nghiên cứu chọn tạo giống ngô nếp, ngô đường năng suất cao, chất lượng tốt cho các tỉnh phía Bắc.**/ TS. Nguyễn Thị Nhài, TS. Đặng Ngọc Hạ; TS. Đỗ Văn Dũng; TS. Ngô Thị Minh Tâm; TS. Nguyễn Hữu Hùng; ThS. Nguyễn Văn Trường; ThS. Nguyễn Văn Diện; KTV. Nguyễn Thị Hạnh; KTV. Lê Thị Dung; KTV. Nguyễn Khắc Lợi; KTV. Trần Thị Bích Liên; ThS. Nguyễn Thị Phương Hạnh; ThS. Nguyễn Thị Hương Lan; TS. Nguyễn Đức Anh; ThS. Phạm Thế Cường - Hà Nội - Viện Nghiên cứu

ngô, 2022; 01/2017 - 12/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Dòng thuần: 10-15 dòng thuần ngô nếp, ngô đường có đặc điểm nông sinh học tốt, khả năng kết hợp cao, năng suất hạt ngô nếp  $\geq 1,5$  tấn/ha, năng suất hạt ngô đường  $\geq 0,8$  tấn/ha. - 01 giống ngô nếp lai đơn, năng suất bắp tươi 12 - 15 tấn/ha, hạt khô 5 - 6 tấn/ha. Chất lượng ăn tươi ngon (dẻo, thơm, đậm), hàm lượng amylopectin  $> 90\%$ , được công nhận sản xuất thử. 01 giống đường lai đơn, năng suất bắp tươi 12 - 16 tấn/ha, độ đường Brix 14-16, vỏ hạt mỏng, được công nhận sản xuất thử. 02 quy trình sản xuất hạt giống và quy trình thâm canh cho giống ngô nếp và ngô đường mới chọn tạo. 04 mô hình (02 mô hình ngô nếp  $\times 1,0$  ha/m hình, năng suất bắp tươi 12 - 15 tấn/ha; 02 mô hình ngô đường  $\times 0,5$  ha/m hình, năng suất bắp tươi 12 - 16 tấn/ha). Hiệu quả kinh tế tăng  $\geq 15\%$  so với giống đại trà.

Số hồ sơ lưu: 20857

85127.01-2023 **Ứng dụng khoa học công nghệ xây dựng mô hình hợp tác, liên kết sản xuất lúa nếp cẩm tại các huyện miền núi tỉnh Thanh Hóa đạt VietGAP, gắn với xây dựng thương hiệu và truy xuất nguồn gốc cho sản phẩm gạo nếp cẩm xứ Thanh**/ TS. Trần Thị Ân, - Thanh Hóa - Công ty TNHH Tư vấn & chuyển giao công nghệ Việt Thanh, 2021; 01/2019 - 06/2021. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Xây dựng mô hình liên kết sản xuất lúa nếp cẩm theo tiêu chuẩn



VietGAP. Xây dựng và công bố tiêu chuẩn chất lượng gạo nếp cẩm xứ Thanh. Thiết kế logo, nhãn hàng hóa, tem truy xuất nguồn gốc sản phẩm. Chế biến gạo theo tiêu chuẩn chất lượng công bố và đóng bao sản phẩm. Đánh giá hiệu quả của mô hình liên kết sản xuất, chế biến tiêu thụ gạo nếp cẩm xứ Thanh.

Số hồ sơ lưu: THA-032-2022

85204.01-2023 **Phát triển sản xuất hàng hóa giống lúa lai Thanh Ưu 4 tại các huyện miền núi tỉnh Thanh Hóa/** ThS. Trịnh Cao Sơn, KS. Vũ Thị Mừng; KS. Mai Thị Hằng; KS. Nguyễn Thị Lâm; Lê Thị Hoài Thu; Vũ Thị Ánh Tuyết; Vũ Văn Đài - Thanh Hóa - Công ty Cổ phần Giống cây trồng và phát triển nông nghiệp Lam Sơn, 2016; 07/2014 - 07/2016. (Đề tài cấp Tỉnh/Thành phố)

Khảo sát và xây dựng chi tiết kế hoạch triển khai dự án, xây dựng mô hình. Đào tạo cán bộ kỹ thuật và tập huấn cho nông dân. Xây dựng mô hình sản xuất giống lúa lai F1. Xây dựng mô hình sản xuất lúa thương phẩm Thanh Ưu 4. Xây dựng mô hình thu hoạch và chế biến gạo Thanh Ưu 4. Mở các hội nghị đầu bờ đánh giá hiệu quả kỹ thuật, hiệu quả kinh tế, rút kinh nghiệm để ổn định quy trình. Xúc tiến thị trường tiêu thụ và đề xuất giải pháp triển khai mở rộng mô hình sản xuất.

Số hồ sơ lưu: THA-037-2022

#### 40104. Cây rau, cây hoa và cây ăn quả

84529.01-2023 **Xây dựng mô hình liên kết trồng, chế biến và tiêu thụ sản phẩm từ cây gấc trên địa bàn một số tỉnh phía Bắc phục vụ xây dựng nông thôn mới/** TS.Nguyễn Văn Lục, ThS. Không Thị Thanh; ThS. Hoàng Thị Mai; ThS. Dương Văn Quân; ThS. Vũ Kiều Sâm; ThS. Phạm Thị Bình; ThS. Đào Thị Vân Anh; ThS. Nguyễn Văn Quang; ThS. Vũ Mạnh Trường; KS. Lê Anh Tuấn; ThS. Nguyễn Đà Giang - Hà Nội - Trường Đại học Nông - Lâm Bắc Giang, 2021; 10/2020 - 11/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Xây dựng các mô hình trồng, chế biến và tiêu thụ sản phẩm từ cây gấc trên cơ sở ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ để thúc đẩy phát triển chuỗi giá trị, nâng cao thu nhập cho người dân, phục vụ xây dựng nông thôn mới tại một số tỉnh phía Bắc. Xây dựng 01 mô hình trồng, chăm sóc và thu hái gấc trên diện tích tối thiểu 15 hecta, hiệu quả kinh tế trong khâu thâm canh gấc tối thiểu 15% so với canh tác hiện tại; 01 mô hình sơ chế và bảo quản gấc quy mô 100 tấn nguyên liệu/năm; giá trị sản phẩm tăng tối thiểu 15% so với khách tươi sau khi trừ chi phí sơ chế và bảo quản. Mô hình sản xuất bột màng gấc sấy khô 500 tấn nguyên liệu/năm; giá trị sản phẩm tăng tối thiểu 25% so với giá bán gấc tươi sau khi trừ chi phí sản xuất. Thiết kế nhãn mác cho 2 dòng sản phẩm (bột màng gấc sấy khô và đồ uống giàu hoạt chất sinh học từ gấc)

Số hồ sơ lưu: 20610

84576.01-2023 **Nghiên cứu chọn tạo giống nhãn năng suất, chất lượng cao, chống chịu bệnh chổi rồng cho các tỉnh phía Nam/** TS. Nguyễn Văn Hòa, ThS. Đào Thị Bé Bảy; TS. Trần Thị Oanh Yên; KS. Hồ Thị Ngọc Hải; ThS. Nguyễn Nhật Trường; KS. Huỳnh Văn Chánh; TS. Trần Thị Mỹ Hạnh; TS. Nguyễn Thành Hiếu; KS. Đặng Quốc Chương; TS. Nguyễn Thị Kim Thoa - Tiền Giang - Viện cây ăn quả Miền Nam, 2020; 01/2015 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Tuyển chọn dòng nhãn có năng suất cao, chống chịu khá với bệnh chổi rồng. Khảo nghiệm so sánh các dòng nhãn tuyển chọn từ lai, đột biến có năng suất cao, thịt quả dày, hạt nhỏ có khả năng chống chịu khá “bệnh chổi rồng” công nhận tạm thời cho sản xuất. Chọn lọc dòng nhãn có triển vọng từ lai, đột biến được trồng khảo nghiệm. Nghiên cứu tạo vật liệu mới bằng phương pháp lai hữu tính và xử lý đột biến tia gamma trên mầm hạt nhãn. Phân tích tính đa dạng di truyền giữa nhóm giống/dòng nhãn thu thập, lai, đột biến bằng chỉ thị phân tử SSR/ISSR, ứng dụng các chỉ thị này trong xác định giống/dòng nhãn mới tạo ra.

Số hồ sơ lưu: 20625

84627.01-2023 **Xây dựng mô hình ứng dụng đồng bộ tiến bộ kỹ thuật để phát triển Cam, Bưởi theo chuỗi giá trị trên đất dốc vùng Tây Bắc/** KS. Phùng Hữu Hoàn, KS. Đỗ Khắc Tăng; KS. Lê

Văn Phong; TS. Hoàng Thị Giang; ThS. Đinh Xuân Tuấn; ThS. Nguyễn Mạnh Hiếu; ThS. Vũ Việt Hưng; ThS. Nguyễn Ngọc Cường; KS. Phí Hồng Long; KS. Hoàng Thị Ngọc Lý; KS. Phạm Văn Đạt - Hà Nội - Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng & Thương mại Quang Hà Điện Biên, 2021; 05/2018 - 02/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Xây dựng mô hình 20 ha trồng mới cây bưởi, cam (01 mô hình bưởi 10 ha ở Điện Biên và 01 mô hình cam 10 ha ở Hòa Bình) ứng dụng kỹ thuật tiên tiến, phù hợp với điều kiện địa phương (gồm thiết kế vườn, phân bón, bảo vệ đất, giống, tạo hình, rải vụn, BVTV, giữ ẩm và tưới tiết kiệm nước...) bền vững, giúp cây sinh trưởng, phát triển tốt hơn, tăng khả năng phòng trừ sâu bệnh hại cây; sinh trưởng và phát triển tăng hơn các vườn bưởi cùng tuổi cây. Xây dựng được mô hình 20 ha trồng mới cây bưởi, cam (01 mô hình bưởi 10 ha ở Điện Biên và 01 mô hình cam 10 ha ở Hòa Bình) ứng dụng kỹ thuật tiên tiến, phù hợp với điều kiện địa phương (gồm thiết kế vườn, phân bón, bảo vệ đất, giống, tạo hình, rải vụn, BVTV, giữ ẩm và tưới tiết kiệm nước...) bền vững, giúp cây sinh trưởng, phát triển tốt hơn, tăng khả năng phòng trừ sâu bệnh hại cây; sinh trưởng và phát triển tăng hơn các vườn bưởi cùng tuổi cây. Xây dựng mô hình ứng dụng đồng bộ các TBKT để trồng mới và cải tạo vườn cam, bưởi hiện có để nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, giảm chi phí sản xuất và nâng cao thu nhập của người dân tại vùng Tây

Bắc tối thiểu 50% so với phương pháp canh tác truyền thống.

Số hồ sơ lưu: 20768

**84657.01-2023 Nghiên cứu hoàn thiện kỹ thuật rải vụ thu hoạch một số cây ăn quả chủ lực vùng Nam bộ (thanh long, nhãn, chôm chôm, sầu riêng và xoài) phục vụ nội tiêu và xuất khẩu/** TS. Mai Văn Tri, ThS. Vũ Thị Hà; ThS. Nguyễn Tuấn Vũ; KS. Chu Thị An; KS. Trần Thị Vân; KS. Huỳnh Thị Bích Tuyền; TS. Lê Quốc Điền; ThS. Nguyễn Văn Sơn; KS. Nguyễn Minh Hải; TS. Trương Vĩnh Hải - Tiền Giang - Viện cây ăn quả Miền Nam, 2022; 01/2018 - 06/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Điều tra, đánh giá hiện trạng (vùng sản xuất, nhu cầu thị trường, giá bán, lịch thời vụ), kỹ thuật XLRH trái vụ và đề xuất lịch rải vụ của 5 cây ăn quả (thanh long, xoài, nhãn, sầu riêng, chôm chôm) vùng Nam Bộ; Nghiên cứu và xây dựng quy trình kỹ thuật XLRH trái vụ; và Xây dựng mô hình áp dụng quy trình kỹ thuật XLRH trái vụ cho 5 loại cây ăn quả ở vùng Nam bộ.

Số hồ sơ lưu: 20770

**84696.01-2023 Nghiên cứu khai thác và phát triển nguồn gen cam Tây Giang tại Quảng Nam/** PGS. TS. Khuất Hữu Trung, TS. Phạm Thị Lý Thu; ThS. Văn Đình Hải; KS. Ngô Văn Luận; TS. Đồng Thị Kim Cúc; ThS. Phạm Thị Mai; KS. Thiều Quốc Kỳ; TS. Nguyễn Thị Bích Ngọc; TS. Lê Hà Hải; TS. Nguyễn Thúy Điệp; ThS. Phan

Thanh Phương; CN. Lê Hoàng Linh; TS. Nguyễn Hữu Hà - Hà Nội - Viện di truyền nông nghiệp, 2022; 01/2018 - 12/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Xây dựng bộ tư liệu về các đặc tính nông sinh học và giá trị kinh tế của nguồn gen cam Tây Giang có giá trị ở vùng sinh thái phía Tây tỉnh Quảng Nam. Tuyển chọn nguồn vật liệu ưu tú (cây đầu dòng 10 cây) phục vụ cho công tác nhân giống mở rộng sản xuất. Thiết lập các vườn giống gốc để lưu giữ nguồn gen quý các cây S0, S1 (diện tích 2.000 m<sup>2</sup>), làm cơ sở cho việc nghiên cứu và phục vụ sản xuất lâu dài. Xây dựng vườn nhân giống (500 m<sup>2</sup>) trong nhà cách ly cung cấp 5000 cây giống/năm phục vụ sản xuất. Xây dựng các quy trình kỹ thuật canh tác tiên tiến, có hiệu quả kinh tế cao, phù hợp với yêu cầu của các giống được chọn lọc và điều kiện cụ thể của vùng trồng. Xây dựng mô hình trồng mới (05 ha) đạt tỷ lệ sống tối thiểu 95%. Xây dựng mô hình canh tác (05 ha) có khả năng sinh trưởng, phát triển tốt, đạt hiệu quả kinh tế tăng thêm 15% so với đại trà. Xây dựng quy trình sản xuất nước cam ép từ nguồn nguyên liệu cam tươi Tây Giang và sản xuất thử mặt hàng nước ép (1.000 lít) từ quả cam Tây Giang.

Số hồ sơ lưu: 20809

**84697.01-2023 Ứng dụng tiến bộ kỹ thuật xây dựng mô hình sản xuất giống và trồng cây ăn quả chất lượng cao theo hướng VietGAP tại Hà Tĩnh/** ThS. Dương

Thị Ngân, ThS. Trần Thị Thúy Anh; CN. Nguyễn Thị Hà; CN. Trần Hậu Vy; ThS. Nguyễn Cao Cường; CN. Lê Cao Anh; KS. Nguyễn Thị Thủy; TS. Vũ Việt Hưng; TS. Nguyễn Thị Tuyết - Hà Tĩnh - Trung tâm Ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ Hà Tĩnh, 2022; 08/2018 - 01/2022. (Đề tài cấp Quốc gia)

Chuyển giao và tiếp nhận thành công các quy trình công nghệ sản xuất cây giống; trồng thâm canh, thu hoạch các cây ăn quả: cam CS1, táo 05, ổi 0ĐL1 nhằm chủ động cây giống có chất lượng cao và kỹ thuật thâm canh phù hợp góp phần nâng cao hiệu quả nghề trồng cây ăn quả, tăng thu nhập cho người dân, thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội tỉnh Hà Tĩnh.

Số hồ sơ lưu: 20808

**84755.01-2023 Nghiên cứu chọn tạo giống Cà phê với chất lượng cao cho các vùng trồng cà phê tập trung ở Tây Nguyên/** ThS. Đinh Thị Tiểu Oanh, ThS. Hoàng Quốc Trung; ThS. Nguyễn Thị Thanh Mai; ThS. Đào Hữu Hiền; KS. Trần Hoàng Ân; KS. Trần Thị Bích Ngọc; ThS. Nguyễn Đình Thoảng; ThS. Lê Văn Bốn; ThS. Lại Thị Phúc; KTV. Hạ Thục Huyền - Đắk Lắk - Viện khoa học kỹ thuật nông lâm nghiệp Tây Nguyên, 2022; 08/2018 - 12/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Chọn tạo và công nhận được 2 giống cà phê với mới có năng suất trên 2,7 tấn nhân/ha, đảm bảo các tiêu chí chất lượng cao (giống có kích thước hạt lớn > 17 g; hàm

lượng caffeine < 2,2%; chất lượng cà phê tách (thể chất, hương thơm, vị và hậu vị, độ chua, đắng) trên cơ sở đánh giá thang điểm CQI đạt trên 70/100 điểm, có khả năng chống chịu bệnh gỉ sắt và chịu hạn (tiết kiệm 30% lượng nước tưới so với giống đại trà), thích ứng với biến đổi khí hậu và được trồng tại các vùng trồng phù hợp, giống được công nhận và bảo hộ. Xây dựng quy trình kỹ thuật canh tác cà phê cho giống mới chất lượng cao bền vững; Quy trình nhân giống cà phê bằng phương pháp in vitro cho giống mới chọn lọc. Xây dựng mô hình sản xuất giống mới cho 5 tỉnh Tây Nguyên (Đắk Lắk, Gia Lai, Đắk Nông, Lâm Đồng, Kon Tum), quy mô 5 ha/mô hình (riêng tỉnh Đắk Lắk 10 ha/mô hình), các mô hình được canh tác theo quy trình canh tác cà phê chất lượng cao, bền vững.

Số hồ sơ lưu: 20853

**84761.01-2023 Ứng dụng tiến bộ kỹ thuật để phát triển bưởi da xanh tại huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng/** ThS. Ngô Thị Hạnh, ThS. Ngô Thị Thu Vân; ThS. Nguyễn Thị Ngọc Trang; KS. Đặng Công Đào; CN. Ngô Thanh Bình; Nguyễn Văn Phước; KS. Lê Quốc Điền; KS. Huỳnh Văn Chánh; KS. Nguyễn Phước Sang; TS. Võ Hữu Toại; TS. Đoàn Hữu Tiến - Đà Nẵng - Phòng Nông nghiệp và PTNT huyện Hòa Vang, Đà Nẵng, 2022; 08/2017 - 07/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Sản xuất gốc ghép: Gốc ghép được sản xuất từ hạt bưởi lông cổ cò



ở miền Nam chống chịu và sạch bệnh. Khi cây 5-6 lá thật, tưới đủ ẩm thường xuyên cho tới khi cây con phát triển ổn định. Lưu ý về phân bón, làm cỏ, tưới nước, phòng trừ sâu bệnh theo quy trình; Chuẩn bị mắt ghép sạch bệnh: lấy mắt ghép từ cây bưởi đầu dòng sạch bệnh. Nếu như việc sử dụng gốc ghép là một tiến bộ kỹ thuật trong nhân giống bưởi thì giống mắt ghép lại đóng vai trò quyết định tương lai của vườn cây ăn quả như khả năng sinh trưởng, phát triển, năng suất, chất lượng

Số hồ sơ lưu: 20855

84779.01-2023 **Ứng dụng khoa học và công nghệ xây dựng mô hình sản xuất lúa chất lượng cao theo tiêu chuẩn VietGAP cho hệ canh tác lúa - tôm tỉnh Cà Mau/ KS. Phạm Văn Mịch, TS. Đào Minh Sô; ThS. Nguyễn Thị Thanh Huyền; KS. Nguyễn Văn Hải; ThS. Lê Bình Trọng; KS. Trần Văn Đoài; KS. Lương Thanh Nha; KS. Nguyễn Kiều Nương; CN. Huỳnh Ngọc Phương Thúy; CN. Phạm Đình Trường Giang; Trung cấp. Lư Minh Lập - Cà Mau - Trung tâm Giống Nông nghiệp tỉnh Cà Mau, 2020; 11/2017 - 10/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)**

Dự án "Ứng dụng khoa học và công nghệ xây dựng mô hình sản xuất lúa chất lượng cao theo tiêu chuẩn VietGAP cho hệ canh tác lúa - tôm tỉnh Cà Mau" nhằm tạo ra sản phẩm lúa gạo có chất lượng tốt, nâng cao hiệu quả sản xuất. Cơ quan chuyển giao công nghệ đã chuyển

giao hạt giống siêu nguyên chủng giống lúa Tài nguyên đục và Tép hành; Quy trình sản xuất hạt giống lúa nguyên chủng, quy trình sản xuất lúa đặc sản cổ truyền theo tiêu chuẩn VietGap.

Số hồ sơ lưu: 20859

84969.01-2023 **Ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ xây dựng mô hình phục hồi và phát triển giống hồng bản địa Nam Đàn/ KS. Hồ Sỹ Hải, Ngô Hoàng Linh; Nguyễn Quang Huy; Ngụy Khắc Đức; Nguyễn Văn Khả; Ngô Thị Oanh; Trần Văn Phú; Đặng Văn Quát; Nguyễn Quốc Hiếu - Nghệ An - Trung tâm ứng dụng tiến bộ KH&CN, 2018; 07/2018 - 01/2021. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)**

Xây dựng tiêu chuẩn bình tuyển giống hồng bản địa Nam Đàn . Tuyển chọn 20 - 25 cây ưu tú để lấy mắt ghép phục vụ vườn ươm sản xuất giống hồng bản địa Nam Đàn . Xây dựng mô hình vườn ươm sản xuất giống hồng bản địa Nam Đàn , quy mô 350 m<sup>2</sup>, công suất đạt 5.000 cây giống/năm lấy mắt ghép từ cây ưu tú đã tuyển chọn . Xây dựng mô hình trồng trình diễn giống hồng bản địa Nam Đàn , quy mô 02 ha, nguồn giống từ vườn ươm sản xuất giống . Xây dựng mô hình cải tạo , phục hồi vườn hồng hộ gia đình , quy mô 03 ha, mắt ghép phục vụ mô hình từ cây ưu tú đã tuyển chọn . Hoàn thiện bộ quy trình cải tạo , phục hồi , nhân giống, trồng thâm canh cây hồng Nam Đàn . Bồi dưỡng, tập huấn cán bộ kỹ thuật và 30 hộ dân nắm vững và làm chủ các quy trình kỹ thuật



nhân giống, trồng thâm canh, cải tạo và phục hồi vườn hồng Nam Đàn.

Số hồ sơ lưu:  
NAN\_KQNC\_2022-002

85198.01-2023 **Nghiên cứu một số đặc điểm sinh thái học, biện pháp kỹ thuật trồng, giải pháp bảo tồn, khai thác và phát triển cây Bò khai (*Erythrolalum scandens* Blume) tại Vườn Quốc gia Bến En, Thanh Hóa/** KS. Nguyễn Đình Hiếu, - Thanh Hóa - Ban quản lý Vườn Quốc gia Bến En, 2021; 05/2018 - 05/2021. (Đề tài cấp Tỉnh/Thành phố)

Tổ chức chuyên tham quan học tập kinh nghiệm sản xuất giống và xây dựng mô hình trồng Bò khai. Điều tra hiện trạng, đặc tính sinh vật học, kiến thức bản địa về cây Bò khai tại Vườn quốc gia Bến En tỉnh Thanh Hóa. Nghiên cứu một số biện pháp kỹ thuật nhân giống cây Bò khai tại Vườn quốc gia Bến En. Thực hiện nhân giống cây Bò khai để triển khai mô hình. dựng mô hình thử nghiệm trồng cây Bò khai tại Vườn quốc gia Bến En. Đề xuất phương án chuyển giao kết quả và giải pháp bảo tồn, khai thác và phát triển tại Vườn quốc gia Bến En và những địa phương có điều kiện tương tự.

Số hồ sơ lưu: THA-034-2022

#### **40105. Cây công nghiệp và cây thuốc**

84349.01-2023 **Xây dựng mô hình liên kết sản xuất nhân giống, nuôi trồng và chế biến nấm đông trùng hạ thảo, sả và nghệ cho đồng**

**bào dân tộc miền núi tại Tam Đảo tỉnh Vĩnh Phúc góp phần xây dựng nông thôn mới** / ThS. Đặng Thị Tân Mai, Nguyễn Văn Quang ThS. Đinh Quốc Dũng; TS. Bùi Tường Minh; CN. Nguyễn Tuấn Cường; ThS. Trần Thị Thu Trang; ThS. Cao Thị Lan; ThS. Nguyễn Thị Lý; CN. Nguyễn Văn Quang; CN. Lê Anh Minh; ThS. Phạm Mạnh Hùng; ThS. Đặng Mỹ Lợi; CN. Cao Quang Tuấn - Vĩnh Phúc - Công ty Cổ phần Thương mại dịch vụ Đầu tư Hoa Việt, 2020; 01/2019 - 03/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Xây dựng mô hình liên kết về nhân giống, nuôi trồng và chế biến nấm Đông trùng hạ thảo, cây sả và cây nghệ tạo sản phẩm có giá trị gia tăng cao, tăng thu nhập, xóa đói giảm nghèo cho đồng bào dân tộc miền núi tại tỉnh Vĩnh Phúc. Hoàn thiện quy trình kỹ thuật nhân giống, trồng, chăm sóc, thu hoạch, sơ chế và bảo quản sả và nghệ theo hướng tiêu chí GACP - WHO tại tỉnh Vĩnh Phúc. Hoàn thiện quy trình kỹ thuật nhân giống, nuôi trồng, chăm sóc, thu hoạch, sơ chế và bảo quản nấm đông trùng hạ thảo.

Số hồ sơ lưu: 20608

84561.01-2023 **Xây dựng mô hình liên kết sản xuất, chế biến, tiêu thụ sản phẩm từ cây dược liệu theo tiêu chuẩn GACP-WHO cho đồng bào dân tộc miền núi tại tỉnh Bắc Giang/** TS. Nguyễn Tuấn Điệp, TS. Nguyễn Tuấn Dương; ThS. Trần Thế Hiệp; ThS. Nguyễn Thị Thanh Nguyên; ThS. Dương Quốc Hùng; ThS. Không Thị Thanh; DS. Ngô

Văn Văn; TS. Lê Công Hùng; ThS. Dương Văn Quân - Bắc Giang - Trường Đại học Nông - Lâm Bắc Giang, 2021; 03/2020 - 05/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Xây dựng mô hình trồng, chăm sóc, thu hái, sơ chế và bảo quản Cà gai leo, trên địa bàn huyện Yên Thế với tổng diện tích 05 ha đạt chất lượng theo tiêu chuẩn Dược điển Việt Nam V; Xây dựng mô hình trồng, chăm sóc, thu hái, sơ chế và bảo quản Hoài sơn, trên địa bàn huyện Sơn Động với tổng diện tích 05 ha đạt chất lượng theo tiêu chuẩn Dược điển Việt Nam V; Tiến hành sản xuất thử nghiệm Trà túi lọc Cà gai leo; tinh bột Hoài sơn áp dụng quy trình của Công ty TNHH MTV phát triển thảo dược Hoa Hoa; Xây dựng 01 mô hình liên kết sản xuất, chế biến, tiêu thụ cây Hoài sơn; Tổ chức đào tạo cho 06 cán bộ kỹ thuật cơ sở về kỹ thuật trồng trọt, sơ chế, thu hái và bảo quản Cà gai leo, Hoài sơn theo một số tiêu chuẩn của GACP-WHO. Tổ chức đào tạo, tập huấn cho 200 hộ dân về kỹ thuật nhân giống, trồng và chăm sóc, thu hái, bảo quản và chế biến các sản phẩm từ Cà gai leo, Hoài sơn đạt năng suất cao.

Số hồ sơ lưu: 20614

**84690.01-2023 Nghiên cứu thành phần và đề xuất các loài song mây có giá trị kinh tế cao cho bảo tồn và gây trồng theo vùng sinh thái/** TS. Nguyễn Quốc Dụng, KS. Nguyễn Thị Thanh Hải; KS. Nguyễn Quang Vinh; ThS. Lê Mạnh

Tuân; ThS. Nguyễn Bảo Quốc; ThS. Hoàng Minh Anh; TS. Nguyễn Đình Hùng; ThS. Nguyễn Trọng Hiếu; ThS. Vũ Văn Thành; KS. Nguyễn Thị Bích Phượng - Hà Nội - Viện Điều tra, quy hoạch rừng, 2021; 01/2020 - 12/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu, xác định được thành phần và phân bố của loài song mây theo các vùng sinh thái. Xác định được danh lục các loài cần phải bảo tồn và mức độ đe dọa, và đề xuất các khu vực đưa vào bảo tồn. Xác định được danh lục các loài có giá trị kinh tế cao và đề xuất mô hình ở các khu vực gây trồng phát triển trên một số vùng sinh thái.

Số hồ sơ lưu: 20791

**84691.01-2023 Nghiên cứu quy trình nhân giống cây chè tím (Camellia sinensis) bằng nuôi cấy mô nhằm duy trì và phát triển giống chè quý hiếm/** TS. Nguyễn Hồng Chiên , TS. Nguyễn Văn Thiệp; KS. Nguyễn Thị Thu Hà ; ThS. Trịnh Thị Kim Mỹ ; ThS. Nguyễn Thị Kim Oanh ; ThS. Hà Thị Vân Anh ; ThS. Phạm Huy Quang ; KS. Nguyễn Thị Kim Linh; KS. Nguyễn Hải Yến - Phú Thọ - Viện Khoa học kỹ thuật nông lâm nghiệp miền núi phía Bắc, 2021; 01/2020 - 12/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Trên cơ sở kế thừa những kết quả nghiên cứu về nhân giống chè bằng kỹ thuật nuôi cấy mô của Viện Khoa học kỹ thuật nông lâm nghiệp miền núi phía Bắc, dựa vào đó đề tài sẽ tiến hành lựa chọn loại vật liệu và hóa chất phù hợp để tiến hành nội dung nghiên cứu môi trường nuôi

cây chè tím. Khai thác các tài liệu, công trình nghiên cứu đã công bố từ nguồn trong nước và quốc tế để phục vụ công tác triển khai nội dung nghiên cứu ươm cây nuôi cấy mô ngoài vườn ươm. Kế thừa các phương pháp nghiên cứu về phân bón, nghiên cứu về ảnh hưởng các điều kiện chăm sóc ngoài vườn ươm lưu giữ tại Bộ môn Công nghệ sinh học và Bảo vệ thực vật cũng như tại Viện MNPB, dựa vào đó đề tài sẽ tiến hành theo dõi, đánh giá sinh trưởng và phát triển của các cây chè in vitro.

Số hồ sơ lưu: 20782

**85018.01-2023 Ứng dụng tiến bộ KHCN xây dựng mô hình sản xuất và chế biến Giảo cổ lam, hoài sơn, và mướp đắng rừng theo hướng sản xuất hàng hóa trên địa bàn huyện Kỳ Sơn/ PHan Văn Khoa, Phan Văn Khoa; Nguyễn Văn Luân; Lương Thị Thu; Lê Anh Tuấn; Nguyễn Hữu Tranh; Vi Văn Khánh; Dền Bá Lòng; Vừ Bá Rùa; Lê Thị Tú; Phan Thị Loan - Nghệ An - Hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp, TTCN Hương Sơn, 2020; 10/2018 - 10/2021. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)**

Hoàn thiện được quy trình kỹ thuật trồng Giảo cổ lam, hoài sơn, quy trình chế biến giảo cổ lam, hoài sơn, mướp đắng rừng phù hợp với điều kiện tỉnh Nghệ An mang lại hiệu quả kinh tế, xã hội và môi trường, nâng cao thu nhập cho người dân, tạo ra sản phẩm có chất lượng

Số hồ sơ lưu: NAN\_2021\_07

#### **40106. Bảo vệ thực vật**

84168.01-2023 **Nghiên cứu sử dụng các loài nấm đối kháng để kiểm soát Phytophthora spp. gây bệnh thối rễ, thối gốc trên cây ăn quả có múi ở vùng miền núi phía Bắc/ TS. Phùng Mạnh Hùng, ThS. Hán Thị Hồng Xuân; ThS. Trần Anh Ngọc; ThS. Hà Quang Thương; ThS. Đỗ Hải Long; ThS. Đỗ Thế Việt; KS. Đỗ Quốc Huy - Phú Thọ - Viện Khoa học Kỹ thuật Nông lâm nghiệp miền núi phía Bắc, 2022; 02/2022 - 02/2022. (Đề tài cấp Bộ)**

Đưa ra Báo cáo đánh giá tình hình gây hại của các loài Phytophthora trên cây ăn quả có múi tại các vùng sản xuất tập trung ở vùng miền núi phía Bắc. Chọn lọc 02 chủng nấm đối kháng có khả năng kiểm soát trên 70% bệnh thối rễ, thối gốc trên cây ăn quả có múi do nấm Phytophthora spp. gây ra ở vùng miền núi phía Bắc. Từ đó chọn lọc một số chủng nấm đối kháng có hoạt tính, dùng để kiểm soát các loài Phytophthora gây bệnh thối rễ, thối gốc trên cây ăn quả có múi ở vùng miền núi phía Bắc.

Số hồ sơ lưu: 20473

#### **40107. Bảo quản và chế biến nông sản**

84500.01-2023 **Nghiên cứu công nghệ và hoàn thiện thiết bị chế biến một số sản phẩm có giá trị gia tăng từ quả dưa hấu/ ThS. Nguyễn Thị Hương Trà, TS. Nguyễn Thị Hồng Hà; ThS. Nguyễn Ngọc Huyền; ThS. Nguyễn Thị Thu Huyền; TS. Lê Xuân Hào; ThS. Vũ Thu Diễm; ThS. Nguyễn Tuấn; ThS.**

Đỗ Thị Thu Hiền; KS. Lê Văn Thanh; KS. Nguyễn Thành Trung; PGS.TS. Phạm Anh Tuấn; KS. Lê Thị Trang - Hà Nội - Viện cơ điện nông nghiệp và công nghệ sau thu hoạch, 2022; 01/2018 - 12/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Xây dựng được quy trình công nghệ và hoàn thiện thiết bị chế biến một số sản phẩm có giá trị gia tăng từ quả dưa hấu (nước dưa hấu cô đặc, yogurt-probiotic dưa hấu dạng uống, thạch dưa hấu và thức ăn ủ chua từ phế phụ phẩm của quá trình chế biến dưa hấu), đảm bảo chất lượng thương mại, dinh dưỡng, cảm quan, an toàn thực phẩm. Ứng dụng có hiệu quả các sản phẩm tại doanh nghiệp chế biến thực phẩm và đồ uống để giải quyết đầu ra cho sản phẩm dưa hấu.

Số hồ sơ lưu: 20652

84530.01-2023 **Hỗ trợ thương mại hóa quy trình công nghệ nuôi trồng, sơ chế và bảo quản rong câu chỉ vàng (*Gracilaria tenuistipitata*)**/ KS. Nguyễn Hoài Lâm, Nguyễn Văn Bàu; KS. Vũ Kim Liên; CN. Trịnh Lan Phương; CN. Vũ Thị Hồng; CN. Nguyễn Thị Thu Hiền; ThS. Lại Duy Phương; ThS. Đỗ Mạnh Dũng; ThS. Đặng Minh Dũng; KS. Nguyễn Mạnh Dương; CN. Đoàn Bích Châm; ThS. Nguyễn Xuân Sinh; CN. Nguyễn Hồng Nhật; CN. Trương Thị Ngọc Ánh; Vũ thị Minh Đức; Đinh Thu Hằng; CN. Nhữ Thị Duyên - Hải Phòng - Công ty Cổ phần công nghệ và dịch vụ Minh Phát, 2021; 01/2020 - 06/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Hoàn thiện quy trình nhân giống rong câu chỉ vàng. Hoàn thiện và thương mại hóa được quy trình nuôi trồng, sơ chế và bảo quản rong câu chỉ vàng. Phân tích thị trường và phương án thương mại hóa quy trình nuôi trồng, sơ chế, bảo quản rong câu chỉ vàng; Quy trình nhân giống rong câu chỉ vàng được hoàn thiện; Quy trình nuôi trồng, sơ chế bảo quản rong câu chỉ vàng được hoàn thiện

Số hồ sơ lưu: 20639

84630.01-2023 **Nghiên cứu các biện pháp kỹ thuật giai đoạn sau thu hoạch nhằm kéo dài thời gian bảo quản quả na/** ThS. Nguyễn Đức Hạnh, ThS. Nguyễn Thị Thùy Linh; ThS. Nguyễn Hoàng Việt; ThS. Kiều Văn Quang; ThS. Nguyễn Thị Thu Hương; ThS. Hoàng Thị Tuyết Mai; KS. Lê Thị Minh Trang; KS. Đinh Lê Khanh; KTV. Nguyễn Thị Toàn - Hà Nội - Viện nghiên cứu rau quả, 2022; 01/2020 - 12/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Xây dựng bảng độ già thu hái và tiêu chuẩn nguyên liệu quả na phục vụ cho mục đích bảo quản tươi. Đề xuất biện pháp kỹ thuật trong giai đoạn sau thu hoạch nhằm kéo dài thời gian bảo quản trên 15 ngày, tỉ lệ thối hỏng dưới 10% đảm bảo chất lượng và an toàn thực phẩm.

Số hồ sơ lưu: 20773

84793.01-2023 **Xây dựng mô hình chuỗi cung ứng số để ứng dụng thương mại điện tử cho nông sản - Áp dụng cho chuỗi cung ứng Vải thiều Bắc Giang và Tôm hùm**



**Phú Yên/** ThS.Đỗ Hoàng Anh, TS. Trần Thị Ngọc Diệp; KS. Trần Chí Dũng; TS. Trần Anh Quân; TS. Nguyễn Việt Thắng; KS. Nguyễn Minh Khoa; ThS. Nguyễn Thị Hồng Việt; TS. Trần Ngọc Hưng; ThS. Ngô Đình Nhân; ThS. Trịnh Huỳnh Quang Cảnh; ThS. Đỗ Thị Kim Hương; ThS. Trương Trung Hiếu; KS. Nguyễn Thị Ngọc Hồng; KS. Lê Quốc Khánh; KS. Nguyễn Văn Thành; CN. Hồ Đức Hoàn - TP. Hồ Chí Minh - Công ty CP Logistics những ngôi sao liên kết, 2021; 11/2020 - 05/2022. (Đề tài cấp Quốc gia)

Đánh giá được thực trạng chuỗi cung ứng vải thiều Lục Ngạn và tôm hùm Phú Yên tại thị trường trong nước, thực trạng xuất khẩu đi các nước, nguyên nhân và kết quả; Xây dựng 03 mô hình và mô tả được nguyên lý vận hành của chuỗi cung ứng số ứng dụng thương mại điện tử cho nông sản. Xây dựng chương trình đào tạo nông dân tham gia chuỗi cung ứng và tham gia giao dịch trên sàn cho nông dân và các bên liên quan trong chuỗi cung ứng. Đề xuất các giải pháp nhân rộng mô hình áp dụng cho các sản phẩm nông sản Việt Nam

Số hồ sơ lưu: 20872

#### **40202. Di truyền và nhân giống động vật nuôi**

84184.01-2023 **Nghiên cứu chọn tạo dòng lợn nái tổng hợp và lợn đực cuối cùng từ nguồn gen nhập nội có năng suất, chất lượng cao phục vụ chăn nuôi tại các tỉnh phía Bắc/** TS. Trịnh Hồng Sơn, ThS.

Phạm Duy Phẩm; TS. Trịnh Quang Tuyên; TS. Nguyễn Thị Hương; ThS. Nguyễn Long Gia; PGS.TS. Đỗ Đức Lực; TS. Trần Thị Bích Ngọc; Tống Duy Hưng; Nguyễn Thành Nam; Nguyễn Kim Tiệp - Hà Nội - Viện Chăn nuôi, 2022; 01/2017 - 12/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu chọn tạo 02 dòng lợn nái ông bà. Nghiên cứu lai tạo 02 tổ hợp lợn nái bố mẹ. (3) Nghiên cứu chọn tạo 02 dòng lợn đực cuối cùng. Nghiên cứu khả năng sản xuất giữa lợn đực cuối cùng và lợn cái bố mẹ tạo lợn thương phẩm. Xác định chế độ dinh dưỡng phù hợp với từng giai đoạn sản xuất của các dòng lợn ông bà, bố mẹ, đực cuối cùng và lợn thương phẩm được tạo ra. Xây dựng quy trình chăm sóc nuôi dưỡng và vệ sinh phòng bệnh cho các dòng lợn ông bà, bố mẹ, đực cuối cùng và lợn thương phẩm được tạo ra

Số hồ sơ lưu: 20491

84538.01-2023 **Nghiên cứu chọn tạo 2 dòng ngan từ ngan R41 nhập nội và ngan Trâu Việt Nam/** TS. Trần Ngọc Tiến, TS. Nguyễn Thị Nga; ThS. Tạ Thị Hương Giang; TS. Nguyễn Quý Khiêm; ThS. Phạm Thùy Linh; ThS. Phạm Thị Kim Thanh; ThS. Trần Thị Hà; ThS. Lê Xuân Sơn; KS. Đặng Thị Phương Thảo; ThS. Nguyễn Thị Tâm; ThS. Nguyễn Thị Quê - Hà Nội - Viện Chăn nuôi, 2021; 01/2018 - 12/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu chọn tạo 2 dòng ngan, cụ thể: Tạo hai tổ hợp lai 3/4 ngan R41 (thể hệ xuất phát) và chọn lọc định hướng tính trạng theo năng



suất cá thể trong gia đình qua 3 thế hệ để chọn lọc cố định 2 dòng ngan mới. Đồng thời, nghiên cứu khả năng sản xuất của ngan thương phẩm, đánh giá khả năng sinh trưởng và cho thịt của ngan thương phẩm. Qua đó xây dựng quy trình chăn nuôi cho ngan sinh sản và thương phẩm, xây dựng quy trình chăn nuôi cho ngan sinh sản và xây dựng quy trình chăn nuôi cho ngan thương phẩm

Số hồ sơ lưu: 20590

84579.01-2023 **Nghiên cứu chọn tạo dòng lợn đực cuối cùng, dòng lợn nái tổng hợp và xây dựng được các quy trình công nghệ chăn nuôi lợn để đạt năng suất và chất lượng cao phục vụ chăn nuôi tại các tỉnh phía Nam/** TS. Nguyễn Hữu Tinh, GS. TS. Lã Văn Kính; TS. Đoàn Vĩnh; ThS. Trần Văn Hào; ThS. Nguyễn Văn Hợp ; ThS. Phạm Ngọc Trung ; ThS. Nguyễn Thị Lan Anh; ThS. Lã Thị Thanh Huyền ; KS. Phạm Ngọc Thảo ; ThS. Nguyễn Thanh Vân; ThS. Nguyễn Thị Yên - Bình Dương - Viện Chăn nuôi, 2021; 01/2017 - 12/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu chọn tạo hai dòng lợn nái ông bà có tiềm năng sinh sản và sinh trưởng cao để tạo hai tổ hợp lợn nái lai bố mẹ có tiềm năng sản xuất. Từ đó tiến hành nghiên cứu chọn tạo dòng lợn đực cuối cùng có tiềm năng sản xuất nhằm tạo tổ hợp lợn thương phẩm. Đồng thời, tìm hiểu về nhu cầu dinh dưỡng, xác định tiêu chuẩn ăn và xây dựng quy trình chăm sóc nuôi dưỡng, quy trình

vệ sinh phòng bệnh phù hợp với các dòng lợn ông bà, bố mẹ, đực cuối cùng và lợn thương phẩm được tạo ra.

Số hồ sơ lưu: 20571

#### **40203. Thức ăn và dinh dưỡng cho động vật nuôi**

84787.01-2023 **Xây dựng mô hình liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị thịt lợn bản địa (lợn Mường Khương và lợn Lũng) cho một số tỉnh Trung du và miền núi phía Bắc phục vụ xây dựng nông thôn mới/** TS. Hoàng Quốc Chính, ThS. Lê Như Thịnh; ThS. Nguyễn Ngọc Lương; ThS. Trương Thị Minh; ThS. Nguyễn Thị Thanh Thủy; TS. Nguyễn Thạc Hòa; ThS. Phạm Đức Hồng; ThS. Trần Sơn Hà; ThS. Nguyễn Mạnh Cường; ThS. Phạm Duy Khánh; TS. Đào Bình An; TS. Lê Thúy Hằng; TS. Nguyễn Khắc Anh; KS. Đỗ Ngọc Tuyên; KS. Trần Văn Thắng; CN. Nguyễn Khắc Trung; ThS. Lê Tiến Dũng - Hà Nội - Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Khoa học Công nghệ Miền Trung, 2022; 01/2019 - 03/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Xây dựng được mô hình liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị thịt lợn (Mường Khương và lợn Lũng) tại một số tỉnh Trung du miền núi phía Bắc. 02 mô hình tổ hợp tác tại 2 tỉnh Phú Thọ và Lào Cai nuôi 60 con lợn nái sinh sản và 6-10 con lợn đực; sản xuất được 1.000 con giống/năm; quy mô 6-10 con nái/hộ cung cấp con giống cho mô hình ; 03 mô hình tổ hợp tác tại 02 tỉnh Phú Thọ và Lào Cai nuôi 1.000 con lợn thương

phẩm/năm; 03 mô hình liên kết theo chuỗi để tiêu thụ sản phẩm từ sản xuất – giết mổ - tiêu thụ lợn (lợn Mường Khương và lợn Lũng) đảm bảo an toàn thực phẩm và truy xuất nguồn gốc; Hoàn thiện 04 quy trình công nghệ nuôi lợn (Mường Khương và lợn Lũng) sinh sản và thương phẩm an toàn (được Bộ Nông Nghiệp và Phát triển Nông thôn chấp nhận); Đào tạo 20 kỹ thuật viên; tập huấn 300 lượt nông dân về quy trình chăn nuôi lợn (Mường Khương và lợn Lũng); Kết quả của dự án được các tỉnh Phú Thọ và Lào Cai chấp thuận.

Số hồ sơ lưu: 20870

#### **40204. Nuôi dưỡng động vật nuôi**

84536.01-2023 **Nghiên cứu chọn tạo một số dòng gà lông màu hướng thịt, hướng trứng cho năng suất chất lượng cao phục vụ tái cơ cấu ngành chăn nuôi/ TS .Nguyễn Quý Khiêm, ThS. Phạm Thùy Linh; ThS. Đào Thị Bích Loan; ThS. Nguyễn Thị Tình; ThS. Lê Ngọc Tân; TS. Trần Ngọc Tiến; ThS. Lê Xuân Sơn; ThS. Nguyễn Thị Mười; ThS. Phạm Thị Như Tuyết; TS. Hồ Xuân Tùng - Hà Nội - Viện Chăn nuôi, 2021; 01/2017 - 12/2021. (Đề tài cấp Bộ)**

Nghiên cứu chọn tạo 8 dòng gà (2 dòng gà của giống gà LV; 2 dòng gà của giống gà Mía; 2 dòng gà của giống gà Ri; 2 dòng gà của giống gà Ai Cập) của 04 giống gà: LV, Mía, Ri, Ai cập. Đồng thời, nghiên cứu xác định 6 tổ hợp lai gà bố mẹ hướng thịt và 02 tổ hợp lai gà bố mẹ hướng trứng. Tiến hành nghiên cứu

xây dựng quy trình chăm sóc nuôi dưỡng, thú y phòng bệnh cho gà lông màu hướng thịt, trứng.

Số hồ sơ lưu: 20591

84798.01-2023 **Nghiên cứu hoàn thiện quy trình thu gom, xử lý phân và xác hữu cơ từ các trang trại chăn nuôi gà để sản xuất phân bón hữu cơ/ KS. Nguyễn Anh Bắc, TS. Trần Hải Đăng; KS. Trần Quang Tính; KS. Vũ Ngọc Khôi; KS. Trần Công Minh; KS. Phạm Văn Cương; PGS.TS. Đỗ Thị Lan; TS. Trần Thị Phả; ThS. Dương Thị Minh Hòa; ThS. Hoàng Thị Lan Anh - Hà Nội - Công ty TNHH TM Trang trại Việt, 2022; 11/2020 - 11/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)**

Đánh giá thực trạng chăn nuôi gà và thực trạng liên kết quản lý, thu gom, xử lý phế phụ phẩm (xác hữu cơ và phân gà) tại các trang trại gà trên địa bàn tỉnh Đồng Nai; Nghiên cứu cải tiến lò gia nhiệt xử lý phân gà với công suất 10 tấn/h và lò gia nhiệt xác hữu cơ gà với công suất 1 tấn/h đảm bảo tiêu diệt hết toàn bộ các mầm bệnh, các bào tử nấm gây hại, *E.coli*, *Salmonella* mà vẫn giữ được các dinh dưỡng cần thiết cho cây trồng; Nghiên cứu hoàn thiện quy trình quản lý, thu gom, xử lý và sản xuất phân hữu cơ từ phân và xác hữu cơ cho các trang trại chăn nuôi gà với quy mô 200 tấn/ngày; Xây dựng mô hình liên kết quản lý, xử lý, thu gom và sản xuất phân bón hữu cơ từ phân và xác hữu cơ trong các trang trại chăn nuôi gà với quy mô 200 trang trại; Xây dựng quy trình sử dụng phân hữu cơ từ phân và xác

hữu cơ gà đẻ sản xuất rau và dưa lưới an toàn; Xây dựng mô hình trình diễn ứng dụng về phân bón hữu cơ để sản xuất rau và dưa lưới an toàn phục vụ xây dựng nông thôn mới; Tập huấn chuyên gia công nghệ và nhân rộng kết quả của đề tài.

Số hồ sơ lưu: 20873

#### **40299. Khoa học công nghệ chăn nuôi khác**

84633.01-2023 **Nghiên cứu thuần hóa và thử nghiệm nuôi thương phẩm cá đối mục (*Mugil cephalus* Linnaeus, 1758) trong ao đầm nước ngọt tại Hải Phòng/** ThS. Ngô Xuân Ba, ThS. Nguyễn Thị Hồng Duyên; KS. Đào Bá Điện; ThS. Đỗ Đức Thịnh; ThS. Bùi Thị Phương; ThS. Nguyễn Trân Hưng; Lương Thái Hoàng - Hải Phòng - Chi cục Thủy sản Hải Phòng, 2021; 09/2019 - 08/2021. (Đề tài cấp Tỉnh/Thành phố)

Tiến hành nghiên cứu xây dựng quy trình và thực nghiệm thuần hóa cá đối mục. Nghiên cứu thử nghiệm nuôi thương phẩm cá đối mục từ nguồn giống thuần hóa trong ao đầm nước ngọt. Hoàn thiện và đề xuất quy trình nuôi thương phẩm cá đối mục từ nguồn giống thuần hóa trong ao đầm nước ngọt. Tổng kết và đánh giá kết quả thực hiện của đề tài.

Số hồ sơ lưu: HPG.2022.007

#### **40403. Quản lý và bảo vệ rừng**

84303.01-2023 **Xây dựng mô hình liên kết chủ rừng nhỏ thực hiện quản lý rừng bền vững và cấp chứng chỉ rừng tại Yên Bái và Quảng Trị/** TS. Trần Lâm Đồng,

TS. Nguyễn Văn Bích; TS. Nguyễn Văn Thịnh; ThS. Nguyễn Thị Thu Phương; KS. Nguyễn Thùy Dương; KS. Nguyễn Văn Tuấn; ThS. Phạm Tiến Dũng; ThS. Trần Anh Hải; ThS. Nguyễn Huy Hoàng; ThS. Hồ Trung Lương; CN. Nguyễn Đức Lâm; CN. Đỗ Nhân Đạo; TS. Lưu Cảnh Trung; TS. Triệu Thái Hưng; ThS. Lê Thị Hạnh; ThS. Hoàng Thanh Sơn; ThS. Trần Đức Mạnh; ThS. Lý Thị Thanh Huyền; ThS. Trịnh Ngọc Bon; KS. Nguyễn Việt Cường - Hà Nội - Viện Nghiên cứu Lâm sinh, 2021; 01/2020 - 06/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Xây dựng các tài liệu hướng dẫn xây dựng mô hình liên kết chủ rừng nhỏ thực hiện quản lý rừng bền vững và cấp chứng chỉ rừng. Đồng thời, xây dựng mô hình thí điểm về liên kết chủ rừng nhỏ thực hiện quản lý rừng bền vững và cấp chứng chỉ rừng theo các tiêu chuẩn quản lý rừng bền vững quốc gia, liên kết với doanh nghiệp tạo chuỗi cung ứng sản phẩm phục vụ ngành công nghiệp chế biến gỗ lâm sản. Đề xuất mô hình liên kết phù hợp để chủ rừng nhỏ thực hiện quản lý rừng bền vững và cấp chứng chỉ rừng theo các tiêu chuẩn quản lý rừng bền vững quốc gia tại Yên Bái và Quảng Trị.

Số hồ sơ lưu: 20572

#### **40404. Sinh thái và môi trường rừng**

84776.01-2023 **Giải pháp tổ chức sinh kế sử dụng bền vững hệ sinh thái rừng đặc dụng có sự tham gia của cộng đồng dân cư vùng đệm gắn với khoán bảo vệ**

**rừng ở Vườn quốc gia Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang/** KS. Nguyễn Văn Tiệp, TS. Nguyễn Chí Thành; TS. Lê Hữu Phú; ThS. Nguyễn Văn Trung; ThS. Phạm Hồng Dũng; ThS. Đặng Minh Lạp; ThS. Huỳnh Văn Tiến; ThS. Nguyễn Thanh Phong; ThS. Hồ Văn Phú; ThS. Lê Minh Dũng; ThS. Phạm Duy; ThS. Hồ Văn Vinh; ThS. Hà Văn Long; ThS. Nguyễn Hồng Quân; ThS. Nguyễn Tấn Chiến - Hà Nội - Vườn quốc gia Phú Quốc, 2022; 11/2020 - 11/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Đánh giá được hiện trạng các mô hình sinh kế của cộng đồng dân cư vùng đệm ở Vườn quốc gia Phú Quốc. Đánh giá được tiềm năng, hiện trạng tài nguyên du lịch và các sản phẩm du lịch sinh thái của Vườn quốc gia Phú Quốc. Xây dựng được 02 mô hình sinh kế bền vững trên cơ sở sử dụng bền vững hệ sinh thái rừng đặc dụng có sự tham gia của cộng đồng địa phương, doanh nghiệp kinh doanh du lịch sinh thái, chính quyền địa phương và Ban quản lý Vườn quốc gia Phú Quốc. Đề xuất được cơ chế, chính sách phù hợp để thực hiện mô hình sinh kế sử dụng bền vững hệ sinh thái rừng đặc dụng có sự tham gia của các bên có liên quan.

Số hồ sơ lưu: 20858

**85283.01-2023 Nghiên cứu ảnh hưởng của biến đổi khí hậu đến khả năng dự trữ carbon của các hệ sinh thái tự nhiên rừng ngập mặn Cần Giờ và đề xuất các giải pháp thích ứng/** TS. Nguyễn Văn Thịnh, Đỗ Phong Lưu; Ngô Trung Dũng;

Avilov Vitali; Zhirenko Nicolay; Huỳnh Đức Hoàn; Đặng Văn Đông; Trần Tuấn Hoàng; Hồ Công Toàn; Nguyễn Thái Sơn - TP. Hồ Chí Minh - Trung tâm nhiệt đới Việt - Nga - chi nhánh phía Nam, 2020; 06/2019 - 12/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Lựa chọn các sinh cảnh rừng tự nhiên để tiến hành nghiên cứu, thiết lập ô tiêu chuẩn có kích thước 20 x 20m, xây dựng sơ đồ các điểm nghiên cứu và xác định thành phần thực vật và 1 số chỉ tiêu lâm sinh trong các ô nghiên cứu. Nghiên cứu, đánh giá mối tương quan của nhiệt độ, độ ẩm không khí, nước biển dâng và nồng độ CO<sub>2</sub> đến quá trình quang hợp của thực vật ngập mặn. Đồng thời, nghiên cứu, đánh giá mối tương quan của nhiệt độ, độ ẩm không khí và nồng độ CO<sub>2</sub> đến quá trình hô hấp của hệ sinh thái rừng ngập mặn. Sử dụng kịch bản biến đổi khí hậu cho khu vực TP. HCM của tác giả Nguyễn Kỳ Phùng và kịch bản biến đổi khí hậu năm 2016 để dự báo ảnh hưởng của biến đổi khí hậu đến khả năng dự trữ Carbon của rừng ngập mặn đến năm 2030 và 2050. Qua đó, đề xuất các giải pháp thích ứng.

Số hồ sơ lưu: HCM-045-2022

#### **40405. Giống cây rừng**

**84352.01-2023 Nghiên cứu khai thác và phát triển nguồn gen sơn ta (*Rhus succedanea* L.) tại một số tỉnh trung du và miền núi phía Bắc, Việt Nam/** TS. Nguyễn Hữu La, ThS. Đào Bá Yên; TS. Nguyễn Xuân Trường; TS. Nguyễn



Hồng Chiên; ThS. Nguyễn Văn Chung; ThS. Nguyễn Thị Kim Thư; ThS. Trần Văn Hùng; ThS. Lê Thị Trang; ThS. Nguyễn Thị Thu Cúc; KS. Lê Thị Ý Yên - Phú Thọ - Viện Khoa học Kỹ thuật Nông lâm nghiệp miền núi phía Bắc, 2021; 10/2017 - 09/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Khai thác và phát triển được nguồn gen sơn ta có năng suất và chất lượng nhựa cao tại một số tỉnh trung du và miền núi phía Bắc, Việt Nam. Điều tra hiện trạng trồng sơn, đánh giá đặc điểm sinh vật học, tính đa dạng di truyền và giá trị sử dụng của nguồn gen cây Sơn ta; Xây dựng 02 quy trình: Kỹ thuật nhân giống bằng phương pháp ghép, trồng thâm canh cây sơn và kỹ thuật khai thác, sơ chế, bảo quản nhựa sơn; Tuyển chọn được tối thiểu 90 cây trội từ 3 xuất xứ có sản lượng nhựa tăng  $\geq 20\%$  so với quần thể tại địa phương; Xây dựng 03ha vườn tập hợp giống kết hợp khảo nghiệm xuất xứ tại 03 tỉnh, mỗi tỉnh 01 ha; Xây dựng 15 ha mô hình bằng cây ghép tại 03 tỉnh, mỗi tỉnh 05 ha. Đào tạo, tập huấn nâng cao trình độ kỹ thuật nhân giống, trồng thâm canh và khai thác nhựa sơn cho nông dân vùng miền núi phía Bắc.

Số hồ sơ lưu: 20619

#### **40502. Di truyền học và nhân giống thủy sản**

75647.01-2023 **Ứng dụng tiến bộ kỹ thuật thử nghiệm ương giống cá bớp (*rachycentron canadum*) giai đoạn từ trứng lên cá giống tại Quảng Ngãi.**/ KS. Phạm Tấn Quang, KS. Phạm Tấn

Quang; KS. Đào Tư Hiền; KS. Nguyễn Hữu Hoàng; KS. Nguyễn Thị Ánh Dung; CN. Vũ Xuân Lộc; Hồ Thanh Quang - Quảng Ngãi - Trung tâm Giống tỉnh Quảng Ngãi, 2019; 07/2016 - 12/2018. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Cá bớp là đối tượng nuôi biển được người dân trong tỉnh quan tâm trong thời gian gần đây vì cá bớp là đối tượng dễ nuôi, hiệu quả kinh tế cao, lợi nhuận lớn, ít rủi ro hơn nuôi một số đối tượng khác như tôm hùm, tôm chân trắng ... Cá bớp là đối tượng nuôi biển có giá trị kinh tế cao, nhu cầu xuất khẩu lớn nên đã được Ngành nông nghiệp đưa vào quy hoạch nuôi biển tại một số địa phương trong tỉnh (Lý Sơn, Đức Phổ, Bình Sơn). Việc sản xuất con giống tại chỗ thích nghi tốt với điều kiện thời tiết, khí hậu Quảng Ngãi, cung cấp cho người nuôi để thúc đẩy nghề nuôi cá bớp thương phẩm phát triển bền vững.

Số hồ sơ lưu: QNI-2019-008-TH

84502.01-2023 **Sản xuất thử nghiệm giống và nuôi thương phẩm nguồn gen cá Măng (*Chanos chanos Forsskal, 1775*)/ TS. Tạ Thị Bình, TS. Nguyễn Đình Vinh; TS. Phạm Mỹ Dung; ThS. Trần Thị Kim Ngân; ThS. Trương Thị Thành Vinh; ThS. Phạm Anh Đức; KS. Bùi Hào Quang; ThS. Phạm Tùng; KS. Nguyễn Đình Tý; KS. Nguyễn Đăng Dự - Nghệ An - Trường Đại học Vinh, 2022; 01/2018 - 10/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)**

Hoàn được quy trình công nghệ sản xuất giống và nuôi thương phẩm

cá măng góp phần bảo tồn nguồn gen, đa dạng hóa đối tượng nuôi và cải thiện chất lượng môi trường nước trong ao nuôi tôm he thương phẩm. Xây dựng được bộ tiêu chuẩn cơ sở cá măng bố mẹ và cá giống; Xây dựng được quy trình sản xuất giống: tỷ lệ thành thực cá bố mẹ > 60%, tỷ lệ tham gia sinh sản > 60%; tỷ lệ trứng thụ tinh > 65%; tỷ lệ nở > 80%; tỷ lệ sống từ cá bột lên cá hương > 15%, cá hương lên cá giống (4-6cm) > 80%; Xây dựng quy trình nuôi thương phẩm cá măng trong ao: tỷ lệ sống > 75%; năng suất 8 - 10 tấn/ha/vụ; Xây dựng quy trình nuôi ghép cá măng với tôm trong ao: năng suất > 500 kg cá/ha/vụ.

Số hồ sơ lưu: 20648

**84634.01-2023 Nghiên cứu xây dựng quy trình nhân giống san hô trên bể và thử nghiệm trồng san hô tái tạo, phục hồi hệ sinh thái rạn san hô tại Khu bảo tồn biển Bạch Long Vỹ/** ThS. Lương Hữu Toàn, KS. Nguyễn Như Hà; KS. Lê Văn Ngọc; NCS. Nguyễn Chí Hiếu; NCS. Đào Minh Đông; NCS. Đỗ Anh Duy; ThS. Trần Văn Hương; ThS. Phùng Văn Giới; KS. Bùi Minh Tuấn; ThS. Nguyễn Việt Chương; ThS. Đào Việt Hương; ThS. Lương Thanh Hải; CN. Nguyễn Thị Ngọc Hường; ThS. Vũ Duy An; KS. Vũ Minh Quang; CN. Nguyễn Thị Thanh Hiền; CN. Lê Văn Hoàng - Hải Phòng - Ban Quản lý Khu bảo tồn biển Bạch Long Vỹ, 2021; 05/2019 - 04/2021. (Đề tài cấp Tỉnh/Thành phố)

Nghiên cứu xây dựng quy trình nhân giống san hô trên bể, quy mô: sản xuất 1.000 tập đoàn san hô giống ở kích cỡ 1.5-3.5 cm ( $\pm$  0.5 cm). Nghiên cứu xây dựng quy trình phục hồi san hô ngoài môi trường tự nhiên từ nguồn giống sản xuất nhân tạo, quy mô: 5.000 m<sup>2</sup>. Kết quả môi trường quan trắc tại địa điểm trồng phục hồi và rạn lân cận đều thích hợp cho san hô phát triển. Độ phủ của san hô tự nhiên tại các khu vực trồng phục hồi dao động 9,4% - 12,6%; khu vực rạn lân cận có độ phủ cao hơn dao động 18,8% - 26%.

Số hồ sơ lưu: HPG.2022.001

**84789.01-2023 Bảo tồn, lưu giữ nguồn gen và giống thủy sản khu vực miền Bắc/** TS. Võ Văn Bình, TS. Vũ Văn In; ThS. Lê Ngọc Khánh; ThS. Nguyễn Hải Sơn; KS. Nguyễn Hữu Quân; KS. Ngô Khánh Thùy Linh; KS. Phạm Văn Thìn; KS. Đinh Thị Hạnh; KS. Trần Trọng Lượng; PGS.TS. Đặng Thị Lụa; ThS. Vũ Thị Trang - Bắc Ninh - Viện Nghiên cứu nuôi trồng thủy sản I, 2021; 01/2021 - 12/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Nhiệm vụ “Bảo tồn, lưu giữ nguồn gen và giống thủy sản khu vực miền Bắc” được triển khai hàng năm và thuộc mục tiêu lâu dài là bảo tồn đa dạng sinh học, lưu giữ, an toàn nguồn gen và nâng cao chất lượng giống thủy sản nhằm phát triển bền vững nghề nuôi thủy sản khu vực miền Bắc. Các nguồn gen hải sản và vi tảo được lưu giữ tại Trung tâm quốc gia giống hải sản miền Bắc, tại Cát Bà, Hải Phòng;

Nguồn gen thủy sản nước ngọt được lưu giữ tại Trung tâm quốc gia giống thủy sản miền Bắc tại Chí Linh, Hải Dương

Số hồ sơ lưu: 20854

#### 40503. Bệnh học thủy sản

84185.01-2023 Nghiên cứu sàng lọc và chế tạo chế phẩm phòng và trị bệnh chính của cá tra, tôm sú, tôm thẻ chân trắng, tôm càng xanh tại vùng Tây Nam Bộ từ cây dược liệu/ TS. Phùng Văn Trung, TS. Lê Ngọc Hùng; ThS. Phạm Hồng Ngọc; CN. Nguyễn Thành Long; PGS.TS. Nguyễn Huy Hoàng; ThS. Nguyễn Thị Biên Thùy; ThS. Phan Thị Yên; ThS. Ngô Thị Ngọc Thủy; TS. Bùi Quang Tề; KS. Đặng Thị Hợi - Hà Nội - Trung tâm Nghiên cứu và Chuyển giao Công nghệ, 2022; 12/2018 - 04/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Khảo sát và đánh giá cập nhật hiện trạng một số bệnh chính, các tác nhân gây bệnh đối với cá tra và tôm nước lợ. Khảo sát về tình hình sử dụng các loại thuốc, trong đó có các loại chế phẩm từ dược liệu đang được người nuôi cá tra và tôm sử dụng để phòng và điều trị cho cá tra và tôm ở vùng Tây Nam bộ. Khảo sát, đánh giá và sàng lọc một số cây dược liệu chứa các hợp chất có hoạt tính sinh học phù hợp để chế tạo chế phẩm dùng hỗ trợ điều trị và phòng một số bệnh thường gặp của cá tra, tôm nước lợ. Nghiên cứu quy trình công nghệ phân lập, sàng lọc các hoạt chất; phân tích hàm lượng hoạt chất, chiết xuất, làm giàu hoạt chất từ cây dược liệu có hoạt tính sinh

học tốt; lựa chọn các loại thành phần phù hợp để hỗ trợ và điều trị các bệnh của cá tra, tôm nước lợ. Nghiên cứu thành phần và công nghệ chế tạo chế phẩm từ các thành phần dược liệu được lựa chọn, các chế phẩm có các tính chất phù hợp với qui trình nuôi cá tra và tôm nước lợ. Nghiên cứu các tính chất kháng khuẩn, kháng virus... của các hợp chất đã được sàng lọc và các chế phẩm được chế tạo. Xây dựng tiêu chuẩn cơ sở cho một số các nguyên liệu và chế phẩm đã được nghiên cứu.

Số hồ sơ lưu: 20481

#### 40504. Nuôi trồng thủy sản

75730.01-2023 Ứng dụng tiến bộ kỹ thuật thử nghiệm sản xuất giống và nuôi thương phẩm lươn đồng (*Monopterus albus*) tại Quảng Ngãi/ KS. Võ Thành Nhân, KS. Võ Thành Nhân; KS. Đào Tư Hiền; KS. Nguyễn Hữu Hoàng; KS. Nguyễn Thị Ánh Dung; CN. Vũ Xuân Lộc; Tô Ngọc Sâm - Quảng Ngãi - Trung tâm Giống tỉnh Quảng Ngãi, 2019; 06/2016 - 11/2018. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Lươn đồng là đối tượng nuôi nước ngọt được người dân trong tỉnh quan tâm trong thời gian gần đây vì lươn đồng là loài dễ nuôi, có đặc điểm sinh sản, sinh trưởng phù hợp tại địa phương. Quy trình kỹ thuật nuôi mới, mật độ 200-250 con/m<sup>2</sup>, năng suất cao, nuôi lươn không cần nhiều diện tích, công lao động nên dễ triển khai nuôi tại các hộ nông thôn, sử dụng lao động nhàn rỗi. Triển vọng phát triển nuôi lươn đồng thành đối tượng nuôi mới, chủ lực

trong nuôi thủy sản sản nước ngọt tại địa phương là rất thực tế và cần thiết. Để đáp ứng yêu cầu của người nuôi trên địa bàn tỉnh nhà và nâng cao chất lượng, hiệu quả của mô hình nuôi, nguồn giống đảm bảo chất lượng phải được ưu tiên.

Số hồ sơ lưu: QNI-2019-007

84564.01-2023 **Nghiên cứu xây dựng hệ thống nuôi tôm trong nhà (ISPS) theo công nghệ Nhật Bản ở khu vực miền Bắc góp phần phục vụ xây dựng nông thôn mới bền vững/** TS. Lê Việt Dũng, TS. Trương Đình Hoài; ThS. Đoàn Thị Ninh; ThS. Phạm Thị Lam Hồng; PGS.TS. Kim Văn Vạn; TS. Đoàn Thanh Loan; ThS. Đặng Tiến Dũng; ThS. Đỗ Hoàng Hiệp; KS. Trần Thị Phương Thảo - Hà Nội - Học viện Nông nghiệp Việt Nam, 2021; 03/2020 - 06/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Phát triển sản xuất tôm hiệu quả bền vững, tạo nguồn nguyên liệu chất lượng cao cho nhà máy chế biến, đạt tiêu chuẩn vệ sinh an toàn thực phẩm góp phần xây dựng nông thôn mới bền vững. Nghiên cứu ứng dụng thành công công nghệ nuôi tôm ISPS ở điều kiện miền Bắc Việt Nam. Xây dựng thành công mô hình sản xuất tôm sạch bền vững trong nhà trong điều kiện miền Bắc. Tiếp nhận được công nghệ ISPS vào miền Bắc Việt Nam sẽ là thành công lớn về mặt khoa học công nghệ cũng như về quy trình sản xuất tôm chất lượng cao đủ tiêu chuẩn xuất khẩu sang Nhật.

Số hồ sơ lưu: 20637

84645.01-2023 **Nghiên cứu xây dựng mô hình nuôi kết hợp cá hói (*Scatophagus argus*), tôm sú (*Penneus monodon*) và cua biển (*Scylla serrata*) tại Hải Phòng/** ThS. Đỗ Mạnh Dũng, ThS. Nguyễn Xuân Sinh; ThS. Lại Duy Phương; ThS. Đặng Minh Dũng; ThS. Phạm Thành Công; TS. Phạm Xuân Chính - Hải Phòng - Trung tâm Phát triển Nghề cá Vịnh Bắc Bộ, 2021; 11/2019 - 10/2021. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Tổng quan tài liệu và những vấn đề lý thuyết có liên quan. Xây dựng quy trình nuôi kết hợp cá hói (*Scatophagus argus*), tôm sú (*Penneus monodon*) và cua biển (*Scylla serrata*) tại Hải Phòng. Xây dựng và thực nghiệm mô hình nuôi kết hợp cá hói (*Scatophagus argus*), tôm sú (*Penneus monodon*) và cua biển (*Scylla serrata*) tại Hải Phòng. Đánh giá hiệu quả kinh tế - kỹ thuật của mô hình nuôi thương phẩm.

Số hồ sơ lưu: HPG.2022.009

84648.01-2023 **Nghiên cứu, đánh giá tổng thể hiện trạng nghề nuôi ngao và đề xuất giải pháp quản lý nhằm phát triển bền vững nghề nuôi ngao tại Hải Phòng/** ThS. Hà Tân, ThS. Phạm Văn Khải; ThS. Nguyễn Đức Toàn; ThS. Lê Thùy Dương; KS. Phạm Thị Hải Yến; ThS. Đỗ Đức Hưng; ThS. Võ Thị Hồng Phương; KS. Đào Bá Điện; NCV. ThS. Trương Văn Tuấn; NCV. TS. Bùi Thanh Hùng - Hải Phòng - Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Hải Phòng, 2021;



07/2019 - 08/2021. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Nghiên cứu đánh giá thực trạng nghề nuôi ngao của thành phố Hải Phòng. Nghiên cứu đánh giá hiện trạng chất lượng môi trường và xu thế biến động của môi trường tại và khu vực nuôi ngao tại Hải Phòng. Nghiên cứu, xác định các yếu tố môi trường tự nhiên tác động đến các hoạt động nuôi ngao tại Hải Phòng. Nghiên cứu, đánh giá hiện trạng thực hiện cơ chế chính sách, quản lý, quy hoạch và một số hoạt động kinh tế xã hội tác động đến nghề nuôi ngao tại Hải Phòng. Nghiên cứu, đề xuất giải pháp quản lý, cơ chế chính sách phát triển nghề nuôi ngao phù hợp điều kiện thành phố. Nghiên cứu, đề xuất một số giải pháp nuôi ngao bền vững phù hợp điều kiện thành phố. Tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện đề tài.

Số hồ sơ lưu: HPG.2022.012

84796.01-2023 **Nghiên cứu , thiết kế , xây dựng hệ thống xử lý nước nuôi tôm theo nguyên tắc tuần hoàn và sử dụng năng lượng mặt trời, phục vụ xây dựng nông thôn mới** / TS. Bùi Thị Lan Hương, TS. Hà Mạnh Thắng; PGS.TS. Mai Văn Trinh; TS. Đào Văn Thông; ThS. Đỗ Thị Hải; ThS. Lê Thị Thanh Thủy; ThS. Đỗ Thị Thủy; ThS. Hà Thị Thúy; ThS. Mai Văn Tài; KS. Trần Thị Tâm; ThS. Đinh Tiến Dũng; TS. Nguyễn Văn Thiết; ThS. Đỗ Thị Hồng Dung; ThS. Trương Thanh Ka; CN. Lê Thị Thúy Hồng; ThS. Nguyễn Thị Thắm; ThS. Phạm Thị Thu Thủy - Hà Nội - Viện Môi

trường Nông nghiệp, 2021; 12/2020 - 11/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Xử lý nước nuôi tôm theo nguyên tắc tuần hoàn, giảm thiểu việc thay thế và bổ sung nước, tiết kiệm năng lượng bằng cách sử dụng năng lượng mặt trời cho các hoạt động sục khí và xử lý nước nuôi tôm của các hộ nuôi trồng thủy sản đáp ứng được các tiêu chí nông thôn mới; Xây dựng 01 quy trình xử lý nước nuôi tôm theo nguyên tắc tuần hòa ít thay nước; Thiết kế 01 hệ thống xử lý nước nuôi tôm theo nguyên tắc tuần hoàn giảm thay nước, tiết kiệm năng lượng; Xây dựng 01 mô hình xử lý nước nuôi tôm quy mô 5000m<sup>2</sup>.

Số hồ sơ lưu: 20874

85124.01-2023 **Xây dựng hệ thống giám sát, cảnh báo và điều khiển thông số môi trường ao nuôi trồng thủy sản trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa**/ ThS. Hoàng Văn Quý, - Thanh Hóa - Trường Đại học Hồng Đức, 2021. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Tổng quan tình hình nghiên cứu và cách tiếp cận giải pháp phát triển công nghệ giám sát cảnh báo và điều khiển ao nuôi trồng thủy sản. Điều tra, khảo sát các vùng nuôi trồng thủy sản trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa và nghiên cứu xây dựng bản thiết kế hình hệ thống giám sát, cảnh báo và điều khiển thông số môi trường ao nuôi trồng thủy sản. Xây dựng hệ thống phần mềm giám sát, cảnh báo và điều khiển các thông số ao nuôi thủy sản. Lắp đặt, vận hành thử

nghiệm và kiểm thử toàn bộ chức năng hệ thống.

Số hồ sơ lưu: THA-030-2022

#### **40599. Khoa học công nghệ thủy sản khác**

84637.01-2023 **Nghiên cứu xây dựng mô hình nuôi cá bằng công nghệ “sông trong ao” tại Hải Phòng/** ThS. Nguyễn Hữu Xuân, KS. Nguyễn Thị Hà; KS. Nguyễn Thị Hồng Duyên; ThS. Đào Mạnh Dũng; KS. Bùi Trọng Duy; KS. Nguyễn Văn Thê; KTV. Nguyễn Trọng Nghiệp - Hải Phòng - Trung tâm Giống và Phát triển Nông nghiệp công nghệ cao, 2021; 07/2019 - 06/2021. (Đề tài cấp Tỉnh/Thành phố)

Tổng quan tài liệu và những vấn đề liên quan. Nghiên cứu thiết kế, lắp đặt hệ thống “sông trong ao”; quy mô: 5.000 m<sup>2</sup> ao, 02 sông/ao; 02 vụ nuôi. Nghiên cứu xây dựng quy trình nuôi cá bằng công nghệ “sông trong ao”. Đánh giá hiệu quả và hoàn thiện mô hình nuôi cá bằng công nghệ “sông trong ao”.

Số hồ sơ lưu: HPG.2022.004

### **5. Khoa học xã hội**

83479.01-2023 **Đóng góp của đồng bào các tôn giáo tỉnh Vĩnh Long trong sự nghiệp cách mạng giải phóng dân tộc và xây dựng, bảo vệ Tổ quốc (1930 - 2020)/** ThS. Lê Quang Đạo, ThS. Lê Hồng Đào; CN. Trần Thanh Lâm; CN. Đào Thanh Tuấn; CN. Trương Quang Phú; KS. Nguyễn Trọng Danh; ThS. Nguyễn Thanh Bằng. - tỉnh Vĩnh Long - Ủy ban Mặt trận Tổ quốc

Việt Nam tỉnh Vĩnh Long, 2021; 12/2020 - 09/2021. (Đề tài cấp Tỉnh/Thành phố)

Ghi nhận sự đóng góp của đồng bào các tôn giáo ở Vĩnh Long trong sự nghiệp giải phóng dân tộc và xây dựng, bảo vệ Tổ quốc thời gian qua. Làm rõ các hoạt động yêu nước trong công cuộc cách mạng giải phóng dân tộc và xây dựng, bảo vệ Tổ quốc của đồng bào các tôn giáo tỉnh Vĩnh Long từ khi có Đảng đến nay. Làm nguồn tư liệu để Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp trong tỉnh nghiên cứu, vận dụng vào nhiệm vụ công tác Mặt trận đạt hiệu quả. Làm nguồn tư liệu tuyên truyền, giáo dục lịch sử truyền thống của các tôn giáo trong tỉnh trong sự nghiệp cách mạng giải phóng dân tộc và xây dựng, bảo vệ Tổ quốc.

Số hồ sơ lưu: VLG.TI041.2021-0000221

84177.01-2023 **Giải pháp phát triển du lịch cộng đồng dựa trên khai thác các giá trị văn hóa truyền thống của đồng bào các dân tộc thiểu số trong xây dựng nông thôn mới tại Điện Biên và Cao Bằng/** TS. Hồ Lương Xinh, ThS. Trần Thị Ngọc; ThS. Nguyễn Mạnh Thắng; TS. Hồ Văn Bắc; TS. Bùi Thị Thanh Tâm; TS. Trần Lê Thị Bích Hồng; TS. Bùi Đình Hòa; ThS. Lưu Thị Thùy Linh; TS. Nguyễn Thị Tuyết Nhung; ThS. Nguyễn Thị Hằng; ThS. Nguyễn Thị Mai Trang; ThS. Nguyễn Thanh Bình; ThS. Lò Văn Tiến; ThS. Nguyễn Ngọc Thê; ThS. Nguyễn Tiên Cường; ThS. Trần Quý Hùng;

ThS. Lê Thanh Bình; ThS. Nguyễn Thanh Hiếu; ThS. Nguyễn Thị Yến; ThS. Bùi Xuân Hồng; ThS. Đặng Thị Bích Huệ; ThS. Nguyễn Quốc Huy; ThS. Đoàn Thị Thanh Hiền; ThS. Nguyễn Thị Hiệp; ThS. Nguyễn Thị Thu Hà - Thái Nguyên - Trường Đại học Nông lâm - Đại học Thái Nguyên, 2022; 11/2020 - 11/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Hệ thống hóa cơ sở lý luận, thực tiễn về phát triển DLCĐ dựa trên việc khai thác các giá trị văn hóa truyền thống của đồng bào các DTTS trong XDNTM và nhận diện, phân tích được kinh nghiệm thành công về phát triển DLCĐ ở một số nước trên thế giới và một số địa phương của Việt Nam. Đánh giá thực trạng phát triển DLCĐ dựa trên việc khai thác các giá trị văn hóa truyền thống của đồng bào các DTTS trong XDNTM tại tỉnh Điện Biên và Cao Bằng giai đoạn 2011-2020. Nhận diện bối cảnh, yêu cầu phát triển DLCĐ trong XDNTM bền vững và những vấn đề đặt ra cho việc phát triển DLCĐ dựa trên việc khai thác các giá trị văn hóa truyền thống của đồng bào các DTTS giai đoạn sau năm 2020. Xây dựng hướng dẫn phát triển DLCĐ dựa trên việc khai thác các giá trị văn hóa truyền thống của đồng bào các DTTS trong XDNTM. Đề xuất các giải pháp phát triển DLCĐ dựa trên việc khai thác các giá trị văn hóa truyền thống của đồng bào các DTTS giai đoạn 2021- 2025.

Số hồ sơ lưu: 20477

85245.01-2023 **Khai thác giá trị văn hóa dân gian nhằm phát triển du lịch tỉnh Thái Nguyên/** PGS.TS. Phạm Thị Phương Thái, PGS.TS. Phạm Thị Phương Thái; ThS. Hoàng T. Phương Nga; TS. Bùi Linh Huệ; TS. Đỗ T. Vân Hương; ThS. Nguyễn Ngọc Lan; ThS. Lê Đình Hải; ThS. Trần Thế Dương - Đại học Thái Nguyên - Đại học Thái Nguyên, 2022; 10/2017 - 10/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Nghiên cứu khai thác giá trị văn hóa dân gian nhằm phát triển du lịch Thái Nguyên theo định hướng đưa du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn của tỉnh Thái Nguyên trong thời kỳ tới, đồng thời gìn giữ, phát huy những giá trị văn hóa đó theo hướng bền vững. Nghiên cứu tiềm năng và giá trị văn hóa dân gian, đánh giá hiệu quả thực tế việc khai thác giá trị văn hóa dân gian nhằm phát triển du lịch tỉnh Thái Nguyên của một số dân tộc trên địa bàn tỉnh, tập trung vào dân tộc Tày; Nghiên cứu, củng cố, nâng cao chất lượng sản phẩm du lịch từ chất liệu văn hóa dân gian, chú trọng những sản phẩm du lịch gắn với văn hóa dân gian đồng bào Tày (trang phục, ẩm thực, tín ngưỡng, lễ hội...); Xây dựng và đưa vào khai thác 01 tour du lịch với lộ trình Bảo tàng văn hóa các dân tộc Việt Nam – làng nghề chèo Tân Cương – Hồ Núi Cốc – Khu nhà sàn Thái Hải đặc trưng cho giá trị văn hóa dân gian của tỉnh Thái Nguyên; xây dựng và đưa vào thực hiện 01 điểm du lịch theo hướng không gian trải nghiệm; Thiết kế bộ sản phẩm truyền thông quảng bá du

lịch Thái Nguyên theo hướng gắn với giá trị văn hóa dân gian; Đề xuất giải pháp phát triển du lịch gắn với các giá trị văn hóa dân gian cho cộng đồng địa phương.  
Số hồ sơ lưu: TNN-2022-03

85250.01-2023 **Nghiên cứu, biên soạn giáo trình học phần “Thực tiễn và kinh nghiệm xây dựng, phát triển ở tỉnh Vĩnh Long” thuộc chương trình Trung cấp lý luận chính trị/** ThS. Nguyễn Thị Thanh Thu, ThS. Nguyễn Thị Thanh Thúy; ThS. Trần Thị Thanh Thúy; ThS. Thái Trường An; CN. Nguyễn Văn Sơn; ThS. Nguyễn Toàn Thắng; ThS. Lê Hoàng Mỹ; ThS. Lê Thị Kim Liên; CN. Vũ Thị Thanh Loan; ThS. Dương Quốc Thạnh; ThS. Lương Trọng Nghĩa - Vĩnh Long - Trường Chính Trị Phạm Hùng, 2022; 10/2021 - 06/2022. (Đề tài cấp Cơ sở)

Nghiên cứu hệ thống cơ sở, thu thập thông tin về điều kiện tự nhiên, lịch sử, văn hóa, kinh tế, xã hội, an ninh quốc phòng, xây dựng Đảng, xây dựng hệ thống chính trị,... tỉnh Vĩnh Long phục vụ xây dựng, chuẩn hóa giáo trình, bài liệu giảng dạy. Biên soạn tài liệu phục vụ chương trình giảng dạy trung cấp lý luận chính trị, học phần "Thực tiễn và kinh nghiệm xây dựng, phát triển ở tỉnh Vĩnh Long", theo hướng dẫn của Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

Số hồ sơ lưu: VLG.CS004.2022-0000343

85270.01-2023 **Sản xuất dung dịch sát khuẩn phục vụ phòng**

**chống dịch Covid-19/** KS. Nguyễn Hữu Dũng, KS. Nguyễn Hữu Dũng; ThS. Đặng Nguyệt Minh; ThS. Nguyễn Phương Vân - Vĩnh Long - Trung tâm Ứng dụng khoa học công nghệ Vĩnh Long, 2022; 09/2021 - 06/2022. (Đề tài cấp Cơ sở)

Sản xuất 350-500 lít dung dịch sát khuẩn đạt tiêu chuẩn Bộ Y tế phù hợp thị hiếu người tiêu dùng. Xây dựng mô hình điểm ứng dụng dung dịch sát khuẩn tại các cơ quan, cơ sở y tế, trường học trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long (15 điểm mô hình).

Số hồ sơ lưu: VLG.CS005.2022-0000344

85368.01-2023 **Xây dựng mô hình nhà nông làm du lịch gắn với bảo tồn, khai thác và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc trên địa bàn tỉnh Hà Giang/** CN. Nguyễn Thị Ngát, ThS. Trần Xuân Thủy ; CN. Trần Quốc Việt ; CN. Nguyễn Văn Tài. - Hà Giang - Hội Nông dân tỉnh Hà Giang, 2022; 08/2020 - 03/2022. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Thiết kế xây dựng mô hình khung (về không gian, cơ chế hoạt động...). Áp dụng mô hình khung để xây dựng 3 mô hình “Nhà Nông làm du lịch gắn với bảo tồn, khai thác và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc tại 3 điểm: Thôn Lô Lô Chải, xã Lũng Cú, huyện Đồng Văn; Thôn Hạ Thành, xã Phương Độ, TP. Hà Giang; Thôn Cốc Pảng, xã Du Già, huyện Yên Minh thành làng du lịch cộng đồng có tính đặc thù để khai thác phục vụ khách du lịch. Tăng thu nhập cho 30 hộ hội viên nông dân, góp phần xóa đói giảm nghèo, nâng



cao đời sống vật chất, tinh thần cho người dân tại 3 điểm xây dựng mô hình. Đánh giá việc áp dụng mô hình nhà nông làm du lịch và đề xuất giải pháp.

Số hồ sơ lưu: HSDKTTKHCN-HG-2022

### 50102. Tâm lý học chuyên ngành

84670.01-2023 **Biên soạn Từ điển tham vấn tâm lý/** PGS. TS. Vũ Ngọc Hà, TS. Nguyễn Thị Thanh Hảo; PGS.TS. Trần Thị Lệ Thu; TS. Bùi Thị Thu Huyền; TS. Nguyễn Thị Thanh Nga; TS. Lê Thị Hải Chi; ThS. Phạm Thị Huyền; ThS. Trịnh Thị Ly - Hà Nội - Viện Từ điển học và Bách khoa thư Việt Nam, 2022; 08/2020 - 12/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Cuốn từ điển được viết không chỉ dành cho các nhà tham vấn tâm lý, mà dành cho tất cả mọi người làm công việc trợ giúp, những người đang đi tìm kiếm sự hướng dẫn và giúp đỡ. Đây cũng là nguồn tài liệu cho bất kỳ ai đang làm việc trong các lĩnh vực cung cấp dịch vụ chăm sóc như dịch vụ xã hội, sức khỏe, giáo dục, chăm sóc tinh thần và công tác xã hội. Với sự khác biệt như vậy, hy vọng cuốn Từ điển sẽ là công cụ tra cứu hữu ích không chỉ cho những người hành nghề tham vấn tâm lý mà còn cho cả cộng đồng.

Số hồ sơ lưu: 20780

### 50201. Kinh tế học; Trắc lượng kinh tế học; Quan hệ sản xuất kinh doanh

84347.01-2023 **Kinh tế chính trị học trong phát triển kinh tế số trên thế giới hiện nay/** TS. Trương

Nam Trung, ThS. Nguyễn Thị Minh Tân; PGS.TS. An Như Hải; TS. Lê Bá Tâm; ThS. Phùng Lê Dung; ThS. Đỗ Hồng Việt; ThS. Nguyễn Mạnh Cường; ThS. Hà Thị Vân Anh; ThS. Nguyễn Thị Quỳnh Anh - Hà Nội - Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, 2021; 01/2020 - 12/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Kinh tế số, đặc trưng và xu hướng phát triển kinh tế số trên thế giới hiện trong thời đại cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Nghiên cứu tác động của kinh tế số đến lý luận và xu hướng phát triển của kinh tế chính trị học. Dự báo những xu hướng mới trong phát triển kinh tế số đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 và đề xuất cách tiếp cận mới về kinh tế chính trị học trong phát triển Kinh tế số ở Việt Nam hiện nay.

Số hồ sơ lưu: 20598

84514.01-2023 **Xây dựng mô hình Vườn mẫu phát triển kinh tế VAC (Vườn, Ao, Chuồng) theo hướng nông nghiệp hữu cơ ở một số tỉnh trung du miền núi phía Bắc/** TS. Phan Văn Ngọc, ThS. Nguyễn Đức Thịnh; ThS. Phạm Văn Thành; GS. TS. Ngô Thế Dân; TS. Chu Mạnh Thắng; TS. Đỗ Văn Hòa; ThS. Nguyễn Thị Thu Hương; TS. Nguyễn Văn Thông; TS. La Văn Công; TS. Trần Trung Kiên; KS. Bùi Đức Thành; ThS. Nguyễn Tiến Hưng - Hà Nội - Trung tâm nghiên cứu & phát triển cộng đồng nông thôn, 2021; 01/2020 - 06/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Điều tra thực trạng về tình hình sản xuất VAC, phân tích đánh giá hiệu

quả kinh tế, giải quyết việc làm, giảm thiểu chất thải các loại mô hình VAC gắn với bao tiêu, tiêu thụ sản phẩm ở một số huyện trung du, miền núi phía Bắc. Xây dựng 09 mô hình vườn mẫu được quy hoạch theo thiết kế 3D ở 03 tỉnh trung du, miền núi phía Bắc theo các nhóm đặc điểm đặc trọng về địa hình, thổ nhưỡng, diện tích, loại hình sản xuất... Xây dựng 09 mô hình chăn nuôi gà đồi đảm bảo sản phẩm sản xuất an toàn sinh học. Xây dựng 03 mô hình liên kết (tổ hợp tác, hợp tác xã, nhóm hộ gia đình) trang trại để hợp tác với doanh nghiệp tiêu thụ sản phẩm theo chuỗi có truy xuất nguồn gốc theo mã định danh sản phẩm. Đề xuất các chính sách và giải pháp cụ thể phát triển mô hình vườn mẫu cho các tỉnh trung du, miền núi phía Bắc nhằm nâng cao thu nhập của hộ gia đình và tạo ra sản phẩm đạt tiêu chuẩn vệ sinh an toàn thực phẩm, xây dựng môi trường nông thôn xanh sạch, đẹp.

Số hồ sơ lưu: 20633

**84535.01-2023 Xây dựng bộ khung tiêu chí nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam/** TS. Phạm Minh Điền, TS. Hoàng Xuân Hòa; TS. Trịnh Mai Vân; GS.TSKH. Lê Du Phong; GS.TS. Đỗ Đức Bình; TS. Phạm Ngọc Thắng; GS.TS. Nguyễn Đông Phong; PGS.TS. Phạm Ngọc Linh; GS.TS. Trần Thị Vân Hoa; PGS.TS. Nguyễn Thanh Hà; PGS.TS. Trần Kim Chung; ThS. Nguyễn Quốc Điền; TS. Nguyễn Đức Huy; TS. Bùi Trung Hải; TS. Trịnh Ngọc Tuấn; TS. Nguyễn Mạnh

Hùng; TS. Trịnh Thế Truyền; TS. Nguyễn Kế Nghĩa; PGS.TS. Trần Thị Thanh Tú; TS. Phạm Sỹ Long; ThS. Nguyễn Nhất Linh; TS. Nguyễn Bích Ngọc ; TS. Trịnh Chi Mai; TS. Đỗ Thị Thu Thủy; ThS. Nguyễn Văn Đại; ThS. Trương Văn Thanh; ThS. Nguyễn Thị Quỳnh Hương; TS. Tạ Thu Phương; TS. Trần Phước Huy; TS. Nguyễn Thị Thúy Hồng ; NCS. Trần Minh Quang - Hà Nội - Trường Đại học kinh tế Quốc dân, 2022; 06/2019 - 12/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu cơ sở lý luận về nền kinh tế thị trường và các tiêu chí kinh tế thị trường trên thế giới. Tìm hiểu thực trạng xây dựng và phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa của Việt Nam và những vấn đề đặt ra để đáp ứng với các quy định quốc tế. Qua đó đưa ra một số đề xuất xây dựng khung tiêu chí nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam trong thời gian tới .

Số hồ sơ lưu: 20594

**84544.01-2023 Nghiên cứu đề xuất tiêu chí “chủ động phòng chống, an toàn trước thiên tai , thích ứng biến đổi khí hậu” và giải pháp thực hiện, phục vụ phát triển bền vững nông thôn mới giai đoạn sau 2020/** PGS. TS. Dương Đức Tiến, PGS.TS. Nguyễn Hữu Hué; TS. Nguyễn Thị Thu Hương; TS. Nguyễn Tiến Thái ; TS. Dương Đức Toàn; TS. Trần Văn Toàn ; PGS.TS. Lê Xuân Khâm ; ThS. Đào Kim Lưu ; ThS. Trần Thị Thúy Lam ; ThS. Lê Thị Minh Hà ; ThS. Nguyễn Hữu

Thành; ThS. Phạm Văn Tuấn; ThS. Nguyễn Phương Nam; ThS. Trịnh Văn Khoa - Hà Nội - Viện Kỹ Thuật Công Trình, 2022; 12/2019 - 06/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Cơ sở lý luận và thực tiễn chủ động phòng, chống thiên tai đáp ứng yêu cầu xây dựng nông thôn mới giai đoạn sau 2020. Tiên hành xây dựng tiêu chí “chủ động phòng chống, an toàn trước thiên tai, thích ứng biến đổi khí hậu” phục vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn sau 2020. Đồng thời, xây dựng 03 mô hình chủ động phòng chống, an toàn trước thiên tai, thích ứng biến đổi khí hậu ở các địa phương đại diện. Qua đó, đưa ra các giải pháp thực hiện tiêu chí, phù hợp với điều kiện cụ thể từng vùng, miền.

Số hồ sơ lưu: 20587

84557.01-2023 **Nghiên cứu đề xuất chính sách, giải pháp thúc đẩy Hợp tác xã nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao vào sản xuất, chế biến, tiêu thụ nông sản/** TS. Nguyễn Thị Thu Phương, ThS. Đỗ Thị Nhài; PGS.TS. Mai Thanh Cúc; PGS.TS. Quyền Đình Hà (A); PGS.TS. Phạm Bảo Dương; PGS.TS. Nguyễn Thị Minh Hiền; TS. Nguyễn Minh Đức; TS. Quyền Đình Hà (B); GS.TS. Lê Huy Hàm; ThS. Nguyễn Ngọc Luân; PGS.TS. Bùi Văn Đoàn; TS. Nguyễn Ích Tân; TS. Đỗ Thị Thanh Huyền; ThS. Đinh Văn Thắng; ThS. Nguyễn Thị Phương; ThS. Nguyễn Thị Nhuận; ThS. Nguyễn Văn Tuyền; ThS. Nguyễn Minh Đức; CN. Bùi Thanh Hào; CN. Trương Thị Cẩm Anh - Hà

Nội - Học viện Nông nghiệp Việt Nam, 2021; 01/2019 - 12/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Luận giải cơ sở lý luận và thực tiễn về chính sách, giải pháp thúc đẩy Hợp tác xã nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao vào sản xuất, chế biến, tiêu thụ nông sản. Đánh giá thực trạng chính sách, giải pháp thúc đẩy Hợp tác xã nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao vào sản xuất, chế biến, tiêu thụ nông sản; phân tích các yếu tố ảnh hưởng, rút ra hạn chế và nguyên nhân của các hạn chế. Tiến hành tổng kết các mô hình Hợp tác xã và đề xuất chính sách, giải pháp thúc đẩy Hợp tác xã nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao vào sản xuất và chế biến, tiêu thụ nông sản trong thời gian tới.

Số hồ sơ lưu: 20584

84560.01-2023 **Đánh giá tác động của dịch bệnh Covid-19 đến ngành du lịch vùng Đồng bằng sông Cửu Long: nghiên cứu trường hợp Thành phố Cần Thơ/** TS. Huỳnh Văn Đà, PGS.TS. Đào Ngọc Cảnh; TS. Nguyễn Trọng Nhân; ThS. Trương Thị Kim Thủy - Hà Nội - Trường Đại Học Cần Thơ, 2021; 10/2020 - 10/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Phân tích, đánh giá được các tác động của dịch bệnh Covid-19 đến ngành du lịch thành phố Cần Thơ. Đánh giá khả năng phục hồi của ngành du lịch thành phố Cần Thơ trước tác động của dịch bệnh Covid - 19. Qua đó, đề xuất giải pháp phục hồi ngành du lịch Thành phố Cần Thơ trong bối cảnh Đồng bằng sông

Cửu Long một cách bền vững và hiệu quả nhất.

Số hồ sơ lưu: 20592

84577.01-2023 **Nghiên cứu phương pháp luận xây dựng bản đồ sáng chế phục vụ dự báo xu hướng phát triển công nghệ và hoạch định chính sách/** TS. Phạm Ngọc Pha, ThS. Nguyễn Hồng Điệp; ThS. Đỗ Thị Thùy Dương; CN. Nguyễn Thị Thu; CN. Đỗ Thị Quỳnh Anh; TS. Phạm Ngọc Hiếu; ThS. Trương Nguyệt Ánh; KS. Nguyễn Công Đức; CN. Hà Thị Hoài Thương; ThS. Hà Diệu Linh; CN. Đỗ Phương Nhung - Hà Nội - Viện Khoa học và Công nghệ Việt Nam - Hàn Quốc, 2021; 07/2020 - 03/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Tổng quan về bản đồ sáng chế và tìm hiểu kinh nghiệm lập bản đồ sáng chế của một số tổ chức trên thế giới để từ đó rút ra bài học kinh nghiệm cho Việt Nam. Nghiên cứu phương pháp luận và quy trình lập bản đồ sáng chế. Xây dựng phần mềm cơ sở lập bản đồ sáng chế, tiến tới ứng dụng công cụ lập bản đồ sáng chế về lĩnh vực IoT trong nông nghiệp.

Số hồ sơ lưu: 20573

85200.01-2023 **Ứng dụng KHCN xây dựng mô hình chuỗi giá trị sản xuất nông nghiệp theo hướng an toàn thực phẩm gắn với du lịch cộng đồng tại huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hóa/** KS. Hà Khắc Điệp, - Thanh Hóa - Trung tâm dịch vụ nông nghiệp Bá Thước,

2020; 08/2018 - 08/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Điều tra, khảo sát bổ sung điều kiện tự nhiên, kinh tế xã hội vùng triển khai dự án, thiết kế mô hình và lựa chọn hộ tham gia dự án. Xây dựng mô hình chăn nuôi gà Ri theo hướng an toàn thực phẩm, mô hình sản xuất lúa chất lượng cao theo phương pháp canh tác lúa cải tiến SRI. Xây dựng các bản hướng dẫn kỹ thuật sản xuất lúa chất lượng cao theo phương pháp canh tác lúa cải tiến (SRI), nuôi gà ri theo hướng an toàn thực phẩm phù hợp với điều kiện của địa phương.

Số hồ sơ lưu: THA-035-2022

85236.01-2023 **Tài liệu hướng dẫn triển khai và quản lý khu công nghệ thông tin tập trung/** PGS.TS. Trần Tiến Khoa, - TP. Hồ Chí Minh - Đại học Quốc tế, 2021. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Nghiên cứu xây dựng mô hình quản trị chung phục vụ triển khai Khu công nghệ thông tin tập trung trên cơ sở nghiên cứu hoàn thiện qui trình đang vận hành của Công ty TNHH MTV Phát triển công viên phần mềm Quang Trung (QTSC). Xây dựng hình ảnh thương hiệu của QTSC trong cộng đồng doanh nghiệp công nghệ thông tin và trong giới học thuật nhằm giúp gia tăng nhận dạng thương hiệu cho phát triển Chuỗi Công Viên phần mềm Quang Trung. Đồng thời, xây dựng qui trình và các tiêu chí đánh giá giúp từng bước phát triển khu công nghệ thông tin tập trung theo hướng phát triển bền vững. Nghiên cứu, xây



dựng mô hình phát triển khu công nghệ thông tin tập trung theo hướng phát triển bền vững và xây dựng qui trình vườn ươm Công nghệ thông tin và trí tuệ nhân tạo nhằm giúp phát triển cộng đồng khởi nghiệp tại Khu công nghệ thông tin tập trung. Tiến tới xây dựng chương trình đào tạo quản lý vận hành và khai thác cho cán bộ công nhân viên của khu công nghệ thông tin tập trung và phát triển trên cơ sở lấy QTSC là một tình huống điển hình để rút ra bài học kinh nghiệm cho việc xây dựng và phát triển các thành viên mới tham gia vào Chuỗi Công Viên phần mềm Quang Trung.

Số hồ sơ lưu: HCM-033-2022

85350.01-2023 **Đề án định hướng phát triển các khu chế xuất và công nghiệp thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2021 - 2025 và tầm nhìn đến năm 2030/** ThS. Đào Xuân Đức, TS. Nguyễn Tấn Khuyên; GS. TS. Nguyễn Trọng Hoài; ThS. Nguyễn Khánh Duy; ThS. Nguyễn Thị Lan Hương; CN. Trần Việt Hà; ThS. Trần Thanh Tùng; ThS. Bùi Thị Nữ; Ths. Huỳnh Phúc Nguyên Thịnh; ThS. Lương Vinh Quốc Duy; ThS. Nguyễn Văn Viên; ThS. Nguyễn Thanh Bình - TP. Hồ Chí Minh - Ban quản lý các khu chế xuất và công nghiệp TP. Hồ Chí Minh, 2021; 10/2019 - 06/2021. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Tổng quan tài liệu về phát triển Khu chế xuất - Khu công nghiệp (KCX-KCN). Phân tích các yếu tố môi trường bên ngoài: xu hướng công nghệ, các hiệp định thương mại

tự do thế hệ mới, và bối cảnh quốc tế. Phân tích các yếu tố môi trường bên ngoài: các chính sách chung đối với cả nước và vùng, sự phát triển kinh tế của cả nước, sự phát triển các KCN, KCX của các tỉnh, thành phố khác. Phân tích hiện trạng phát triển KCN, KCX của TP. Hồ Chí Minh. Các quan điểm phát triển, tầm nhìn dài hạn, mục tiêu chính của đề án và một số hành động chiến lược. Các biện pháp thúc đẩy chuyển đổi các khu công nghiệp hiện hữu theo hướng hiệu quả hơn. Đề xuất triển khai thí điểm một hoặc một số KCN mới. Đề xuất mô hình, cơ chế quản lý nhà nước đối với các KCN, KCX phù hợp.

Số hồ sơ lưu: HCM-029-2022

85366.01-2023 **Phát triển các ngành công nghiệp trọng yếu của thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2030/** TS. Trương Minh Huy Vũ, ThS. Nguyễn Ngọc Ánh; PGS.TS Nguyễn Đức Lộc; ThS. Bùi Anh Thư; TS. Trần Anh Tiến; ThS. Nguyễn Thị Tuyết Thanh; CN. Hoàng Văn Mận; ThS. Nguyễn Thị Phương; ThS. Lê Thị Bích Ngọc; CN Phan Trương Hưng Thịnh - TP. Hồ Chí Minh - Khu công nghệ phần mềm ĐHQG TP.HCM, 2020; 12/2018 - 12/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Cơ sở pháp lý và thực trạng chính sách của thành phố đối với sự phát triển của doanh nghiệp trong bối cảnh cuộc CMCN 4.0. Đánh giá tình hình hoạt động và tăng trưởng của bốn ngành công nghiệp trọng yếu tại TP. Hồ Chí Minh hiện nay.

Đánh giá mức độ hiệu quả và các yếu tố tác động đến tính hiệu quả hoạt động sản xuất của các ngành công nghiệp trọng yếu. Trạng thái phát triển doanh nghiệp hướng tới mục tiêu Cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Dự báo tình hình phát triển của bốn ngành công nghiệp trọng yếu trong giai đoạn 2020-2025 (định hướng 2030). Đề xuất các giải pháp phát triển bốn ngành công nghiệp trọng yếu trong giai đoạn 2020-2025 và định hướng phát triển đến năm 2030.

Số hồ sơ lưu: HCM-026-2022

### 50202. Kinh doanh và quản lý

83772.01-2023 **Xây dựng và phát triển thương hiệu doanh nghiệp tỉnh Vĩnh Long/** ThS. Nguyễn Thanh Tân, TS. Thiên Sanh Đại; CN. Hà Thị Xuân Hải; CN. Phan Thị Thanh Hà; CN. La Thị Minh Phương; CN. Lê Thị Nga; CN. Lê Huỳnh Như; CN. Lê Văn Tài; CN. Phan Minh; CN. Huỳnh Thị Ngọc Trâm; CN. Võ Trùng Dương; ThS. Phạm Thị Bích Nga; ThS. Lý Thái Bảo; CN. Nguyễn Thị Kim Dung - Vĩnh Long - Viện quản trị quốc tế, 2021; 06/2018 - 04/2021. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Đánh giá thực trạng xây dựng và phát triển thương hiệu của doanh nghiệp tỉnh Vĩnh Long; Hỗ trợ doanh nghiệp tỉnh Vĩnh Long xây dựng được thương hiệu mạnh, có khả năng cạnh tranh cấp vùng, cấp quốc gia; Xây dựng bộ tiêu chí và phương pháp đánh giá thương hiệu mạnh có khả năng cạnh tranh cấp vùng, cấp quốc gia;

Xây dựng được 20 thương hiệu mạnh cho doanh nghiệp tỉnh Vĩnh Long theo tiêu chí; Đề xuất giải pháp duy trì và nhân rộng kết quả xây dựng và phát triển thương hiệu cho các doanh nghiệp trong tỉnh.

Số hồ sơ lưu: VLG.TI002.2022-0000267

84302.01-2023 **Quản lý hải quan đối với hàng hóa xuất, nhập khẩu trong hoạt động thương mại điện tử/** ThS. Trần Đức Hùng, ThS. Nguyễn Thu Huyền; ThS. Nguyễn Phương An; CN. Phạm Thanh Hoa; ThS. Đặng Thị Thu Phương; ThS. Nguyễn Thị Phượng; ThS. Nguyễn Văn Hoàn; ThS. Trần Mạnh Hùng; ThS. Vũ Việt Châu; ThS. Nguyễn Mạnh Tuấn - Hà Nội - Tổng cục hải quan, 2021; 06/2020 - 09/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Hệ thống hóa cơ sở lý luận và kinh nghiệm thực tiễn quản lý hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu , nhập khẩu trong thương mại điện tử . Phân tích , đánh giá thực trạng quản lý của hải quan Việt Nam đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu trong thương mại điện tử . Qua đó , đưa ra các giải pháp tăng cường quản lý của Hải quan Việt Nam đối với hàng hóa xuất khẩu , nhập khẩu trong thương mại điện tử : hoàn thiện cơ sở pháp lý , hoàn thiện cơ sở dữ liệu, giải pháp về nguồn nhân lực , công tác phối hợp trong quản lý hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu trong thương mại điện tử.

Số hồ sơ lưu: 20574

84335.01-2023 **Hoàn thiện chế độ kế toán đối với hộ kinh doanh ở Việt Nam/** ThS. Phạm Thị Loan, ThS. Trương Thị Mai Phương; CN. Phan Anh Quân; ThS. Phạm Thị Thanh; ThS. Nguyễn Thị Thanh Minh; ThS. Mai Thu Trang; CN. Lê Hà Trang; CN. Nguyễn Thị Thu - Hà Nội - Cục Quản lý giám sát kế toán, kiểm toán, 2021; 09/2020 - 12/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Khái quát cơ sở lý luận chung về chế độ kế toán đối với hộ kinh doanh và tìm hiểu kinh nghiệm của một số quốc gia về kế toán áp dụng cho các đơn vị kinh doanh quy mô nhỏ và rút ra bài học kinh nghiệm cho Việt Nam. Tìm hiểu thực trạng áp dụng chế độ kế toán hộ kinh doanh tại Việt Nam hiện nay. Qua đó, đưa ra các giải pháp nhằm hoàn thiện chế độ kế toán hộ kinh doanh.

Số hồ sơ lưu: 20576

84336.01-2023 **Phổ biến tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia; đào tạo, hướng dẫn doanh nghiệp xây dựng, áp dụng tiêu chuẩn cơ sở năm 2020/** ThS. Đỗ Quang Long, ThS. Nguyễn Duy Trinh; ThS. Trần Thị Thanh Xuân; ThS. Bùi Ngọc Bích; ThS. Mần Thùy Giang; CN. Phùng Quang Minh - Hà Nội - Viện Tiêu chuẩn Chất lượng Việt Nam, 2021; 01/2020 - 05/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Phổ biến, hướng dẫn áp dụng 04 Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia (QCVN): (gồm 01 QCVN về Thép hình cán nóng, 01 QCVN về Mũ bảo hiểm cho người đi mô tô, xe máy, 01

QCVN về xăng, nhiên liệu điêzen và nhiên liệu sinh học, 01 QCVN về Khí dầu mỏ hóa lỏng) và 26 Tiêu chuẩn quốc gia trong 6 lĩnh vực, gồm: thép, mũ bảo hiểm, xăng, nhiên liệu điêzen, nhiên liệu sinh học, khí dầu mỏ hóa lỏng, quản lý nguồn nhân lực và hướng dẫn trách nhiệm xã hội cho 400 doanh nghiệp, các cơ quan quản lý, tổ chức thử nghiệm, tổ chức chứng nhận của các vùng miền trong cả nước. Nâng cao nghiệp vụ xây dựng, áp dụng tiêu chuẩn cơ sở cho doanh nghiệp. Tuyên truyền, quảng bá hoạt động tiêu chuẩn hóa tới doanh nghiệp.

Số hồ sơ lưu: 20579

84345.01-2023 **Hoàn thiện chuẩn mực kế toán Việt Nam trong lĩnh vực nông nghiệp/** TS. Bùi Thị Thu Hương, TS. Đỗ Thị Lan Hương; TS. Nguyễn Thị Hồng Vân; TS. Nguyễn Thu Hoài; ThS. Nguyễn Thị Phương Tuyền; ThS. Nguyễn Hương Giang; ThS. Bùi Tố Quyên; ThS. Phạm Phương Anh; CN. Nguyễn Thị Hoàng Yến; CN. Nguyễn Xuân Huy - Hà Nội - Học viện tài chính, 2021; 12/2020 - 12/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Hệ thống hóa và làm rõ các vấn đề lý luận cơ bản về kế toán trong lĩnh vực nông nghiệp theo thông lệ quốc tế. Đồng thời, hệ thống hóa thực trạng các chuẩn mực kế toán Việt nam trong lĩnh vực nông nghiệp hiện nay. Khảo sát và trình bày được thực trạng vận dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam trong lĩnh vực nông nghiệp. Đánh giá thực trạng chuẩn mực kế toán Việt Nam

trong lĩnh vực nông nghiệp hiện nay. Qua đó, đề xuất một số khuyến nghị hoàn thiện chuẩn mực kế toán Việt Nam trong lĩnh vực nông nghiệp.

Số hồ sơ lưu: 20589

84360.01-2023 **Thuế thu nhập doanh nghiệp đối với doanh nghiệp nhỏ và siêu nhỏ ở Việt Nam: Thực trạng và khuyến nghị chính sách.**/ CN. Lê Minh Khiêm, ThS. Nguyễn Thị Kim Oanh; ThS. Nguyễn Thu Thủy; ThS. Cao Thị Thanh Lan; ThS. Phan Thị Hồng Nhung; CN. Phạm Thị Quỳnh; ThS. Nguyễn Thị Bích Thủy; CN. Nguyễn Thị Thanh Hà; ThS. Nguyễn Công Hiếu; ThS. Vũ Thị Lệ Quyên; ThS. Trần Thu Hà - Hà Nội - Vụ Chính sách thuế, 2021; 09/2020 - 09/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Tổng kết, đánh giá về chính sách thuế thu nhập doanh nghiệp đối với doanh nghiệp nhỏ và siêu nhỏ trong giai đoạn qua nhằm phát hiện những tồn tại, hạn chế. Đề xuất giải pháp về chính sách thuế thu nhập doanh nghiệp nhằm hỗ trợ, phát triển doanh nghiệp nhỏ và siêu nhỏ, phù hợp với bối cảnh phát triển kinh tế xã hội trong giai đoạn tới. Nghiên cứu về chính sách thuế thu nhập doanh nghiệp, phương pháp tính thuế thu nhập doanh nghiệp đối với doanh nghiệp nhỏ và siêu nhỏ.

Số hồ sơ lưu: 20641

84361.01-2023 **Các nhân tố ảnh hưởng đến việc tự nguyện áp dụng chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế (IFRS) tại các doanh nghiệp Việt Nam/** TS. Nguyễn Thu

Hiên, TS. Bùi Thị Hằng; TS. Nguyễn Đăng Núi; TS. Nguyễn Quang Hưng; TS. Nguyễn Tuấn Anh; TS. Trần Phương Anh; TS. Đào Ngọc Hà; ThS. Nguyễn Công Định; ThS. Vũ Quỳnh Nga; ThS. Đặng Thị Ngọc Nhung - Hà Nội - Học viện tài chính, 2022; 12/2020 - 12/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến việc tự nguyện áp dụng IFRS tại các DN Việt Nam. Nghiên cứu giúp các cơ quan quản lý Nhà nước ở Việt Nam trong quá trình sửa đổi, bổ sung và ban hành mới một số cơ chế tài chính liên quan đến việc áp dụng IFRS; các cơ quan quản lý kế toán ở Việt Nam ban hành các chính sách hỗ trợ và giải thích kịp thời liên quan đến áp dụng IFRS cho các DN; các DN xây dựng chính sách và kế hoạch cụ thể để chuẩn bị cho quá trình chuyển sang áp dụng IFRS trong tương lai.

Số hồ sơ lưu: 20651

84509.01-2023 **Hoàn thiện chính sách tài chính nhằm thúc đẩy đầu tư tư nhân cho ứng phó với biến đổi khí hậu ở Việt Nam/** TS. Phạm Thị Vân Anh, TS. Trương Thị Mỹ Nhân; TS. Nguyễn Ngọc Toàn; PGS. TS. Đoàn Hương Quỳnh; TS. Trần Thanh Thu; TS. Nguyễn Thị Bảo Hiên; TS. Hồ Quỳnh Anh; TS. Bạch Thị Thanh Hà; ThS. Vũ Thị Tuyết Thanh; TS. Hồ Sỹ Ngọc - Hà Nội - Học viện tài chính, 2021; 12/2020 - 12/2021. (Đề tài cấp Bộ)



Làm rõ thực trạng tính sách tài chính nhằm thúc đẩy đầu tư tư nhân cho ứng phó với biến đổi khí hậu tại Việt Nam; đánh giá những điểm đã đạt được và những hạn chế còn tồn tại; đề xuất một số giải pháp hoàn thiện chính sách tài chính nhằm thúc đẩy đầu tư tư nhân cho ứng phó với biến đổi khí hậu trong giai đoạn 2021- 2030, tầm nhìn 2050.

Số hồ sơ lưu: 20650

**84510.01-2023 Lựa chọn mô hình phân tích dự báo giá cả phục vụ công tác điều hành giá của Bộ Tài chính/** ThS. Nguyễn Xuân Định, CN. Ngô Thị Thu Trang; ThS. Nguyễn Sơn Vĩnh; ThS. Bùi Khánh Ly; CN. Hoàng Thiên Long; ThS. Nguyễn Thị Quỳnh Hương; ThS. Nguyễn Thị Thanh Hương; CN. Lê Đăng Trung Dũng; ThS. Trương Thị Huyền Hạnh; ThS. Đào Thị Phương - Hà Nội - Cục Quản lý giá, Bộ Tài chính, 2021; 09/2020 - 12/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Tổng hợp, phân tích các mô hình dự báo đảm bảo cán bộ quản lý có thể tiếp cận và áp dụng với những mô hình công nghệ mới nhất, tiên tiến nhất. Phân tích, tổng hợp các mô hình dự báo cũng chính là quá trình đánh giá lại tác động của các mô hình đã được áp dụng trong quá khứ vào xây dựng kịch bản điều hành giá của Bộ Tài Chính. Công tác dự báo cũng đặt ra yêu cầu vô cùng cấp thiết đối với việc phải xây dựng, hoàn thiện hệ thống cơ sở dữ liệu về giá đảm bảo thống nhất, đầy đủ đồng thời định hướng tương lai đây không chỉ là cơ sở dữ liệu về giá mà còn phải tổng hợp, phân tích được

đa chiều các biến số kinh tế để làm nền tảng vững chắc cho việc ứng dụng các mô hình dự báo giá cả thị trường trong tương lai.

Số hồ sơ lưu: 20631

**84516.01-2023 Hệ thống Báo cáo tài chính đối với các đơn vị sự nghiệp công lập ở Việt Nam/** TS. Vũ Đức Chính, ThS. Hồ Thị Vinh; ThS. Trần Thị Thu Hương; ThS. Đào Thị Thu Hà; CN. Đỗ Thị Thu Hiền; ThS. Nguyễn Hoàng Tùng; ThS. Nguyễn Thị Thu Trang - Hà Nội - Cục Quản lý giám sát kế toán, kiểm toán - Bộ Tài chính, 2021; 06/2020 - 09/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Hệ thống hóa và làm rõ hơn các vấn đề chung về đơn vị sự nghiệp công lập, hệ thống báo cáo tài chính áp dụng cho các đơn vị sự nghiệp công lập. Trong đó làm rõ các nội dung cơ bản của cơ chế tài chính và chuẩn mực kế toán công, là những yếu tố tác động quan trọng nhất đến mục đích, yêu cầu, nội dung và hình thức của báo cáo tài chính áp dụng cho đơn vị sự nghiệp công lập. Phân tích và đánh giá thực trạng các quy định hiện hành về báo cáo tài chính đối với các đơn vị sự nghiệp công lập và thực trạng tổ chức thực hiện việc lập báo cáo tài chính của các đơn vị sự nghiệp công lập. Từ đó chỉ ra những ưu điểm, hạn chế trong quy định pháp lý về báo cáo tài chính đối với các đơn vị sự nghiệp công lập, của khâu tổ chức thực hiện lập báo cáo tài chính của các đơn vị. Việc nghiên cứu thực trạng tổ chức thực hiện có ý nghĩa thiết thực để đảm bảo có đầy đủ căn cứ xây dựng các quy định pháp lý

phù hợp, hiệu quả, khả thi đối với đơn vị kế toán, từ đó xác định các yêu cầu, nội dung thiết thực, mang lại hiệu quả xã hội tối ưu nhất.

Số hồ sơ lưu: 20626

**84519.01-2023 Nghiên cứu, xây dựng phương pháp đánh giá năng suất, hệ thống thu thập thông tin, theo dõi, đối sánh và đề xuất giải pháp nâng cao năng suất cho các doanh nghiệp ngành Công Thương/** TS. Phạm Thị Thu Trang, TS. Lương Văn Khôi; PGS. TS. Nguyễn Việt Hùng; PGS. TS. Nguyễn Thị Thùy Vinh; ThS. Lê Thị Ninh; ThS. Phan Thị Minh Hiền; ThS. Nguyễn Thanh Sơn; TS. Nguyễn Đoàn Trang; ThS. Trần Thị Thu Hà; ThS. Nguyễn Thị Hoàng Yên; ThS. Đỗ Văn Lâm; ThS. Nhữ Lê Thu Hương; ThS. Lê Thị Minh; CN. Bùi Hoài Nam - Hà Nội - Trung tâm Thông tin và Dự báo kinh tế - xã hội Quốc gia, 2021; 01/2019 - 12/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu xây dựng một tập hợp các phương pháp, công cụ, mô hình đánh giá năng suất, đánh giá các yếu tố tác động đến năng suất của các doanh nghiệp ngành công thương Việt Nam; Dựa trên số liệu thống kê tiến hành đánh giá, phân tích cập nhật về năng suất của doanh nghiệp ngành công thương và 8 ngành CNCL giai đoạn 2011-2018; Xác định các nhân tố tác động đến năng suất của các doanh nghiệp 8 ngành CNCL; Nghiên cứu xây dựng hệ thống thu thập thông tin, theo dõi, đối sánh phục vụ việc theo dõi, cập nhật, đánh giá thường xuyên việc cải tiến nâng cao năng suất của các DN

của 8 ngành CNCL; Đề xuất giải pháp nâng cao năng suất cho các DN 8 ngành CNCL.

Số hồ sơ lưu: 20621

**84533.01-2023 Chính sách tài chính cho phát triển khoa học và công nghệ tại Việt Nam đến năm 2030/** ThS. Nguyễn Hữu Tuấn, ThS. Nghiêm Thị Thúy Hằng; TS. Lê Thị Thùy Vân; ThS. Phạm Thanh Thủy; ThS. Ngô Thị Phương Thảo; ThS. Phạm Tiến Đạt; TS. Đào Quang Thủy; CN. Trần Văn Đức; KS. Lương Anh Tuấn - Hà Nội - Viện chiến lược và chính sách tài chính, 2021; 08/2020 - 08/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Phân tích, đánh giá thực trạng chính sách tài chính cho phát triển KH&CN tại Việt Nam thời gian qua, đánh giá kết quả đạt được, nhận diện hạn chế còn tồn tại, từ đó đề xuất các giải pháp hoàn thiện chính sách tài chính cho phát triển KH&CN tại Việt Nam đến năm 2030. Tập trung nghiên cứu các chính sách tài chính cho phát triển KH&CN (chính sách chi NSNN; chính sách miễn, giảm thuế, phí, lệ phí; chính sách tín dụng; chính sách khác); Nghiên cứu các chính sách tài chính liên quan đến phát triển KH&CN trong giai đoạn từ khi có Luật Khoa học và Công nghệ năm 2013 đến nay.

Số hồ sơ lưu: 20642

**84550.01-2023 Hỗ trợ thương mại hóa máy thu hoạch mía nguyên cây có trọng lượng nhẹ**

**phù hợp điều kiện canh tác ở Tây Ninh và Nam Bộ/** KS. Lê Ngọc Tĩnh, CN. Nguyễn Tấn Lộc ; KS. Trịnh Văn Trại ; CN. Nguyễn Khắc Hòa; KS. Nguyễn Duát Mơ ; ThS. Nguyễn Nhật Phi Long ; KS. Đoàn Quang Thái ; KS. Lê Hồng Chương ; ThS. Lê Quyết Tiến; TS. Hoàng Nghĩa Đạt - Tây Ninh - Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Một Thành Viên Lê Ngọc, 2021; 05/2020 - 06/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Hoàn thiện máy thu hoạch mía nguyên cây , bao gồm : róc lá , cắt gốc, cắt ngọn, đổ đồng. Thương mại hóa và chuyển giao công nghệ máy thu hoạch mía nguyên cây . Xây dựng phương án thương mại hóa máy thu hoạch mía nguyên cây . Có được bộ hồ sơ thiết kế hoàn thiện và quy trình công nghệ chế tạo máy thu hoạch mía nguyên cây (bán xích) thực hiện các công đoạn róc lá , cắt ngọn , đổ đồng, có trọng lượng nhẹ , phù hợp điều kiện canh tác mía ở khu vực Tây Ninh và Nam Bộ.

Số hồ sơ lưu: 20623

**84551.01-2023 Hoàn thiện quy trình giám định bảo hiểm y tế/** BS. Nguyễn Tấn Thao, DS. Lê Thu Hương; BS. Nguyễn Thị Thu Hà; ThS. Tô Hồng Lương; ThS. Trần Thị Nguyệt; DS. Nguyễn Thị Hằng; BS. Nguyễn Thị Hoa; ThS. Nguyễn Phúc Khoát; BS. Nguyễn Đăng Hồng; BS. Trần Văn Khá - Hà Nội - Trung tâm Giám định bảo hiểm y tế và Thanh toán đa tuyến, 2022; 07/2021 - 07/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Khảo sát, đánh giá thực trạng việc thực hiện Quy trình giám định bảo hiểm y tế (BHYT) ban hành kèm theo Quyết định số 1456/QĐ-BHXH ngày 01/12/2015 của Tổng Giám đốc BHXH Việt Nam. Xác định các nội dung cần xây dựng, sửa đổi, bổ sung. Từ đó, xây dựng quy trình giám định BHYT mới để thay thế Quy trình giám định BHYT ban hành kèm theo Quyết định số 1456/QĐ-BHXH.

Số hồ sơ lưu: 20586

**84562.01-2023 Hoàn thiện hệ thống kế toán áp dụng cho các quỹ tài chính nhà nước ở Việt Nam/** PGS. TS. Lưu Đức Tuyên, ThS. Hoàng Kim Yên; CN. Ngô Thúy Hạnh; ThS. Nguyễn Hoàng Long; ThS. Trần Thị Ánh Tuyết; ThS. Trần Thị Phương Thảo; ThS. Dương Thị Yên; ThS. Nguyễn Thị Thận; ThS. Bùi Thị Thuy - Hà Nội - Cục Quản lý, giám sát Kế toán, Kiểm toán, 2021; 06/2020 - 09/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu tài liệu về điều lệ hoạt động, cơ chế chính sách tài chính của từng quỹ tài chính nhà nước. Phân tích thực tiễn theo các điều kiện Việt Nam hiện nay: cơ chế quản lý tài chính đối với từng quỹ tài chính nhà nước, yêu cầu về thông tin báo cáo tài chính của đơn vị sử dụng vốn ngân sách nhà nước. Phương pháp phân tích, mô tả, so sánh nhằm đánh giá thực trạng của hệ thống kế toán của các quỹ tài chính nhà nước. Hệ thống hóa, phân tích, làm sáng tỏ những lý luận chung về quỹ tài chính

nhà nước và kế toán áp dụng đối với quỹ tài chính nhà nước.

Số hồ sơ lưu: 20612

84565.01-2023 **Thực trạng và giải pháp nhằm giảm tình trạng hưởng bảo hiểm xã hội một lần ở Việt Nam/** ThS. Lê Thị Quế, ThS. Bùi Thị Nhài; CN. Đinh Thị Thu Hiền; ThS. Dương Ngọc Ánh; ThS. Lê Thị Lan Anh; ThS. Nguyễn Mạnh Tú; ThS. Phạm Quốc Thái; ThS. Đặng Đình Thuận; ThS. Lưu Thị Thu Thủy; ThS. Lương Tuấn Anh - Hà Nội - Viện Khoa học bảo hiểm xã hội, 2022; 03/2021 - 03/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Đề xuất giải pháp và kiến nghị nhằm giảm số người hưởng BHXH một lần, góp phần bảo đảm mục tiêu mở rộng độ bao phủ, tăng số người hưởng lương hưu khi hết tuổi lao động và phát triển bền vững hệ thống BHXH trong dài hạn. Hệ thống hóa, phân tích và làm rõ các vấn đề về BHXH một lần, kết hợp với nghiên cứu kinh nghiệm quốc tế để rút ra bài học kinh nghiệm cho Việt Nam; Phân tích, đánh giá thực trạng hưởng BHXH một lần, đồng thời làm rõ các nhân tố ảnh hưởng đến thực trạng này ở Việt Nam trong những năm vừa qua. Đề xuất các giải pháp và kiến nghị nhằm giảm số người hưởng BHXH một lần ở Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: 20604

84569.01-2023 **Xây dựng chiến lược phát triển ngành Bảo hiểm xã hội Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045/** TS. Phạm

Lương Sơn, ThS. Hồ Minh Thế; ThS. Nguyễn Đức Hoà; ThS. Phan Văn Mến; ThS. Trần Văn Dũng, ThS. Lò Thị Hoán, ThS. Hoàng Văn Minh; ThS. Phạm Minh Thành; ThS. Bùi Thị Lan Hương; ThS. Nguyễn Minh Tuấn - Hà Nội - Viện Khoa học bảo hiểm xã hội, 2021; 06/2021 - 06/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu xây dựng chiến lược phát triển ngành bảo hiểm xã hội (BHXH) Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Nghiên cứu cơ sở lý luận của việc xây dựng chiến lược phát triển ngành BHXH Việt Nam; Đánh giá thực trạng chính sách và tình hình tổ chức thực hiện chính sách pháp luật bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế cũng như kết quả thực hiện các mục tiêu “Chiến lược phát triển ngành BHXH Việt Nam đến năm 2020”; Phân tích các yếu tố tác động đến xây dựng và tổ chức thực hiện chiến lược phát triển ngành BHXH Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Phân tích, dự báo xu hướng chính sách và yêu cầu, nhiệm vụ tổ chức thực hiện bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế trong giai đoạn tới để xây dựng chiến lược phát triển Ngành BHXH Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

Số hồ sơ lưu: 20620

84572.01-2023 **Nghiên cứu đề xuất các chính sách, giải pháp hỗ trợ chuyển đổi số cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa tại Việt Nam/** ThS. Chu Thái Hòa, CN. Phạm Ái Ninh; CN. Nguyễn Thị Thủy; CN.



Nguyễn Thị Lệ Quyên - Hà Nội - Viện công nghiệp phần mềm và nội dung số Việt Nam, 2021; 02/2021 - 11/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Tổng quan tình hình nghiên cứu và kinh nghiệm quốc tế về chuyển đổi số cho doanh nghiệp nhỏ và vừa. Tìm hiểu hiện trạng chuyển đổi của doanh nghiệp nhỏ và vừa tại Việt Nam như phân tích mức độ sẵn sàng trong chuyển đổi số; nghiên cứu một số doanh nghiệp nhỏ và vừa thực hiện chuyển đổi số và xác định các yêu cầu chiến lược của doanh nghiệp nhỏ và vừa để thực hiện chuyển đổi số ở Việt Nam. Qua đó, đề xuất chính sách, giải pháp hỗ trợ chuyển đổi số cho doanh nghiệp nhỏ và vừa tại Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: 20597

84583.01-2023 **Hỗ trợ thương mại hóa các chế phẩm sinh học phục vụ phát triển nông nghiệp bền vững**/ TS. Võ Thị Hạnh, KS. Lê Thị Bích Phượng; ThS. Lê Tấn Hưng; ThS. Trần Thanh Phong; ThS. Trương Thị Hồng Vân; KS. Lê Thị Hương; CN. Nguyễn Quang Thái Hưng; CN. Nguyễn Thảo Trinh; CN. Lê Văn Lợi; KS. Phạm Thị Pari - Long An - Công ty TNHH Sinh học Phương Nam, 2021; 01/2019 - 06/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Điều tra khảo sát, nghiên cứu thị trường về sản xuất và thương mại hóa các CPSH dùng trong cây trồng. Hoàn thiện quy trình công nghệ sản xuất các CPSH ở quy mô công nghiệp nhằm mục tiêu tăng công suất sản xuất, ổn định và đạt tiêu chuẩn chất lượng theo quy định của

nhà nước, giảm giá thành hơn so với các sản phẩm cạnh tranh. Phát triển thương mại hóa 6 chế phẩm sinh học, tiến hành các thủ tục xin giấy phép sản xuất và lưu hành sản phẩm, bảo hộ nhãn hiệu hàng hóa và sở hữu công nghiệp, thiết lập mô hình kinh doanh, tiếp thị, tìm đối tác phân phối và khách hàng.

Số hồ sơ lưu: 20578

84659.01-2023 **Hoàn thiện chính sách tài chính nhằm thu hút nguồn vốn ngoài ngân sách phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng**/ ThS. Trần Thị Hà, TS. Lê Quang Thuận; ThS. Trần Thị Quỳnh Hoa; ThS. Nguyễn Thị Phương Thúy; ThS. Đào Thị Phương Liên; ThS. Phạm Tiến Đạt; ThS. Đinh Thị Hải Oanh; TS. Nguyễn Hữu Dũng; ThS. Nguyễn Thị Hoa; CN. Nguyễn Thị Tuyết - Hà Nội - Viện chiến lược và chính sách tài chính, 2021; 08/2020 - 08/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Phân tích CSTC nhằm thu hút nguồn vốn ngoài ngân sách phát triển hệ thống KCHT trên các khía cạnh: Chính sách chi ngân sách tập trung vào việc phân tích chính sách đối với vốn đối ứng của Nhà nước trong các dự án hợp tác công tư, và trong các dự án sử dụng vốn viện trợ phát triển chính thức; Chính sách thuế, phí, lệ phí tập trung vào việc phân tích các ưu đãi về thuế, phí, lệ cho các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực KCHT, chính sách phí đối với các dự án BOT; Chính sách tín dụng tập trung vào việc phân tích các ưu đãi tín dụng từ các quỹ tín dụng của trung ương, các quỹ đầu tư

phát triển địa phương đối với các doanh nghiệp xây dựng KCHT.

Số hồ sơ lưu: 20775

84662.01-2023 **Giải pháp nâng cao chất lượng quản lý hoạt động khoa học của Bảo hiểm xã hội Việt Nam/** ThS. Nguyễn Minh Tuấn, ThS. Lê Thị Thanh Hà; Lương Tuấn Anh; Lương Tuấn Dũng; Trần Thu Trang; Lê Thủy Tiên; Nguyễn Kim Đức; Nguyễn Tiến Khải; Nguyễn Thị Dung; Nguyễn Mạnh Tú - Hà Nội - Viện Khoa học bảo hiểm xã hội, 2022; 02/2021 - 10/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu cơ sở lý luận về quản lý hoạt động khoa học và công nghệ (KH&CN). Kinh nghiệm của các tổ chức về công tác quản lý hoạt động KH&CN. Đánh giá thực trạng công tác quản lý hoạt động KH&CN của BHXH Việt Nam giai đoạn 2016-2020. Đề xuất giải pháp nâng cao chất lượng quản lý hoạt động KH&CN của BHXH Việt Nam, trong đó có các đề xuất về Quy trình quản lý hoạt động KH&CN và yêu cầu khai thác và sử dụng phần mềm quản lý hoạt động KH&CN.

Số hồ sơ lưu: 20777

84663.01-2023 **Hoàn thiện quản lý thuế đối với các tổ chức, cá nhân nước ngoài không có cơ sở thường trú nhưng có hoạt động kinh doanh hoặc thu nhập tại Việt Nam/** ThS. Nguyễn Quang Tiến, ThS. Nguyễn Xuân Tú; ThS. Vũ Thị Hiền; ThS. Vũ Hà My; CN. Nguyễn Thanh Huyền; CN. Trần Lê Cẩm Nhung; CN. Lê Linh Thu; CN. Đinh

Vũ Thùy Dương; CN. Ngô Thị Thúy Hà; CN. Trần Trọng Minh - Hà Nội - Tổng cục Thuế, 2022; 12/2020 - 12/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Hệ thống hóa cơ sở lý luận chung về quản lý thuế đối với các tổ chức, cá nhân nước ngoài không có cơ sở thường trú. Tổng hợp kinh nghiệm về quản lý thuế đối với các tổ chức, cá nhân nước ngoài không có cơ sở thường trú của một số quốc gia trên thế giới để rút ra bài học kinh nghiệm cho Việt Nam. Đánh giá thực trạng công tác quản lý thuế đối với các tổ chức, cá nhân nước ngoài không có cơ sở thường trú nhưng có hoạt động kinh doanh hoặc có thu nhập tại Việt Nam thời gian qua. Qua đó, chỉ ra những hạn chế, bất cập trong công tác quản lý đối với các tổ chức, cá nhân nước ngoài không có cơ sở thường trú tại Việt Nam, làm rõ những nguyên nhân của những hạn chế đó. Đề xuất giải pháp hoàn thiện quản lý thuế đối với các tổ chức, cá nhân nước ngoài không có cơ sở thường trú nhưng có hoạt động kinh doanh hoặc có thu nhập tại Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: 20786

84664.01-2023 **Nội luật hóa cam kết quốc tế trong lĩnh vực tài chính/** TS. Tô Nguyễn Cẩm Anh, ThS. Trần Hồng Nhung; ThS. Trần Thị Thu Hiền; ThS. Vũ Thanh Huyền; ThS. Trần Thị Hà; ThS. Lê Việt Hùng; ThS. Nguyễn Phương Chi; ThS. Ngô Thu Phương; ThS. Lý Quỳnh Anh ; CN. Dương Bảo Tùng - Hà Nội - Vụ Pháp chế, 2021; 09/2020 - 12/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Làm rõ cơ sở lý luận về điều ước quốc tế, cam kết quốc tế trong lĩnh vực tài chính; Nghiên cứu kinh nghiệm của một số quốc gia hoặc khu vực (nếu có) trong công tác nội luật hóa và đưa ra bài học cho Việt Nam; Đánh giá thực tiễn triển khai công tác nội luật hóa các cam kết quốc tế liên quan đến lĩnh vực tài chính tại Bộ Tài chính; Đề xuất giải pháp tăng cường công tác nội luật hóa cam kết quốc tế trong lĩnh vực tài chính.

Số hồ sơ lưu: 20788

84669.01-2023 **Mô hình phát triển du lịch theo hướng tăng trưởng xanh vùng duyên hải Nam Trung Bộ/** ThS. Nguyễn Thị Lan Hương, TS. Đỗ Thị Thanh Hoa; TS. Trương Sỹ Vinh; ThS. Nguyễn Hoàng Mai; ThS. Đinh Thị Thanh Hiền; ThS. Nguyễn Hoàng Mai; ThS. Đinh Thị Thanh Hiền; ThS. Phạm Văn Bảy; ThS. Nguyễn Thị Thủy; ThS. Nguyễn Thanh Bình; TS. Trần Huy Đức - Hà Nội - Viện nghiên cứu phát triển du lịch, 2021; 03/2020 - 12/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu đặc điểm và điều kiện phát triển du lịch theo hướng tăng trưởng xanh vùng DHNTB; Phân tích, đánh giá về thực trạng và những yếu tố tác động đến phát triển du lịch theo hướng tăng trưởng xanh khu vực vùng DHNTB; hiện trạng xây dựng và phát triển mô hình du lịch các tỉnh trong Vùng theo hướng tăng trưởng xanh; Đề xuất mô hình và cơ chế hoạt động chung về phát triển du lịch theo hướng tăng trưởng xanh trên cơ sở sử dụng hợp lý tài

nguyên, bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu, sử dụng hợp lý và phát huy hiệu quả các nguồn lực của vùng DHNTB; Đề xuất 01 (một) mô hình cụ thể (Vịnh Xuân Đài – Phú Yên), cơ chế quản lý, vận hành và áp dụng thử nghiệm cho một khu du lịch quốc gia thuộc vùng DHNTB.

Số hồ sơ lưu: 20784

84671.01-2023 **Chiến lược Ấn Độ - Thái Bình Dương của chính quyền Tổng thống Mỹ Donald Trump và những kiến nghị chính sách cho Việt Nam/** TS. Ngô Chí Nguyễn, ThS. Nguyễn Thị Tú Hoa; PGS.TS. Phan Văn Rân; PGS.TS. Thái Văn Long; PGS.TS. Nguyễn Thị Quế; ThS. Nguyễn Thị Minh Thảo; TS. Nguyễn Kỳ Sơn; TS. Bùi Hải Thiêm; TS. Đỗ Thanh Hải - Hà Nội - Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, 2020; 01/2019 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Phân tích bối cảnh và những nhân tố tác động đến việc định hình chiến lược của Chính quyền Tổng thống Trump đối với khu vực Ấn Độ - TBD. Làm rõ và phân tích nội dung cơ bản trong chiến lược của Chính quyền Trump đối với khu vực Ấn Độ - TBD cho tới nay, có đánh giá, so sánh với chiến lược “Tái cân bằng” sang châu Á - TBD của Chính quyền Obama để làm rõ những thay đổi, điều chỉnh trong chiến lược đối với khu vực của Mỹ dưới Chính quyền Trump. Dự báo xu hướng chính sách của Mỹ đối với khu vực trong thời gian tới và đánh giá tác động của những chính sách

đó tới những xu hướng chính trị - ngoại giao, kinh tế và an ninh - quốc phòng ở khu vực. Đánh giá tác động của chiến lược khu vực của Mỹ đối với Việt Nam và đưa ra những kiến nghị chính sách cho Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: 20781

84673.01-2023 **Đào tạo, hướng dẫn triển khai Thực hành tốt 5S tại các doanh nghiệp ngành Công Thương/** TS. Tăng Thị Hồng Loan, ThS. Trần Thị Thu Hương; KS. Trịnh Thu Hằng; KS. Phạm Minh Công; CN. Trần Võ Thị Trang; KS. Trịnh Khánh Hòa; KS. Phạm Minh Nguyệt; CN. Hoàng Thanh Hải; KS. Nguyễn Tất Thắng; ThS. Phạm Minh Thắng; ThS. Nguyễn Trọng Minh - Hà Nội - Công ty Cổ phần Tư vấn EPRO, 2018; 01/2017 - 12/2018. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nâng cao nhận thức và hỗ trợ các doanh nghiệp từ 10 ngành ưu tiên sau đây thực hiện 5S: dệt may, da giày, nhựa, thép, hóa chất, cơ khí chế tạo, năng lượng, sản xuất thiết bị điện tử - viễn thông, chế biến thực phẩm, khai thác và chế biến khoáng sản. Tổ chức 10 khóa tập huấn hướng dẫn áp dụng thực hành tốt 5S cho 250 cán bộ kỹ thuật từ doanh nghiệp thuộc 10 ngành ưu tiên trên toàn quốc, 4 khóa tại miền Bắc, 2 khóa tại miền Trung và 4 khóa tại miền Nam. Hướng dẫn triển khai và lập hồ sơ cấp chứng nhận thực hành tốt 5S cho 36 doanh nghiệp thuộc 10 ngành ưu tiên. Xây dựng 1 poster, 1 tài liệu hỏi đáp 5S, 1 thư viện ảnh thực hành 5S và 10 tài liệu hướng

đẫn thực hành tốt 5S cho 10 ngành công nghiệp.

Số hồ sơ lưu: 20794

84674.01-2023 **Cập nhật thông tin và phổ biến tình hình triển khai thực hiện các hoạt động về năng suất chất lượng của ngành công thương/** KS. Trịnh Thu Hằng, KS. Nguyễn Đỗ Trung; KS. Phạm Minh Công; KS. Lê Đức Thịnh; CN. Trần Võ Thị Trang; KS. Đào Thị Hiền; KS. Thạch Thị Quyên; KS. Phạm An Bình - Hà Nội - Công ty Cổ phần Tư vấn EPRO, 2019; 01/2019 - 12/2019. (Đề tài cấp Quốc gia)

Mở thêm ngôn ngữ tiếng Anh cho trang tin nscl.vn; Đăng tải nguyên dạng và dịch bằng hai ngôn ngữ 250 tin bài, 20 tài liệu; Tổng hợp 200 tin bài trong nước (dịch 100 tin bài), 200 tin bài nguồn nước ngoài (dịch 200 tin bài), viết và dịch 25 tin hoạt động và nghiên cứu, phỏng vấn; Bổ sung, cập nhật cơ sở dữ liệu mô hình điểm thực hiện cải tiến năng suất chất lượng thuộc Dự án; Báo cáo tổng kết nhiệm vụ. Cập nhật thông tin và phổ biến tình hình triển khai thực hiện các hoạt động năng suất chất lượng của ngành công thương, hỗ trợ thông tin quản lý các hoạt động năng suất chất lượng của ngành công thương.

Số hồ sơ lưu: 20792

84675.01-2023 **Thái độ của người dân vùng duyên hải Bắc Bộ đối với khai thác tài nguyên thiên nhiên ven biển hiện nay/** TS. Bùi Thị Vân Anh, ThS. Nguyễn Thị



Hòa; TS. Lưu Song Hà; ThS. Đoàn Thị Thu Hương; ThS. Cao Thị Thanh Nga; CN. Trần Ngọc Ánh - Hà Nội - Văn phòng - Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam, 2022; 06/2020 - 05/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Xây dựng cơ sở lý luận về thái độ đối với khai thác tài nguyên thiên nhiên ven biển. Làm rõ thực trạng thái độ của người dân vùng duyên hải Bắc Bộ đối với khai thác tài nguyên thiên nhiên ven biển hiện nay và các yếu tố ảnh hưởng. Trên cơ sở kết quả nghiên cứu thái độ của người dân vùng duyên hải Bắc Bộ đối với khai thác tài nguyên thiên nhiên ven biển, đề xuất một số giải pháp nhằm thúc đẩy thái độ tích cực của người dân đối với khai thác tài nguyên thiên nhiên ven biển hiện nay.

Số hồ sơ lưu: 20778

84676.01-2023 **Các giải pháp tài chính nhằm xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ**/ TS. Nguyễn Thị Hải Thu, ThS. Nguyễn Thúy Quỳnh; ThS. Đinh Ngọc Linh; ThS. Hoàng Quốc Trung; ThS. Hoàng Thị Yên; CN. Nguyễn Thị Mai; CN. Nguyễn Thị Chinh; CN. Ngô Mai Ngọc Quỳnh; ThS. Mai Xuân Long; ThS. Vũ Công Sơn - Hà Nội - Viện chiến lược và chính sách tài chính, 2020; 09/2019 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu cơ sở lý luận, làm rõ khái niệm, nội hàm của nền kinh tế độc lập tự chủ trong bối cảnh hội nhập, làm rõ các tiêu chí đánh giá tính độc lập tự chủ. Phân tích đánh giá thực tế mức độ độc lập tự chủ của nền kinh tế Việt Nam trên các

phương diện sản xuất, thương mại, đầu tư của nền kinh tế. Đề xuất một số giải pháp, khuyến nghị chính sách để tăng cường tính độc lập tự chủ của nền kinh tế Việt Nam trong bối cảnh hội nhập.

Số hồ sơ lưu: 20789

84688.01-2023 **Huy động nguồn lực tài chính cho đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn đến năm 2030**/ TS. Trần Thu Thủy, ThS. Nguyễn Thúy Quỳnh; ThS. Trương Bá Tuấn; ThS. Dương Hoàng Linh; CN. Đỗ Thị Thanh Sơn; ThS. Trần Việt Hưng; CN. Trần Văn Anh; ThS. Triệu Khánh Dur; ThS. Hoàng Quốc Trung; CN. Thái Thu Hồng - Hà Nội - Viện chiến lược và chính sách tài chính, 2021; 06/2020 - 06/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Phân tích, làm rõ luận cứ về nguồn lực tài chính, huy động nguồn lực tài chính cho đầu tư phát triển KCHT; những yếu tố tác động đến việc huy động nguồn lực cho phát triển KCHT. Khảo nghiệm kinh nghiệm của các nước về huy động nguồn lực cho phát triển KCHT để rút ra các bài học kinh nghiệm cho Việt Nam. Phân tích, đánh giá hiện trạng thu hút các nguồn lực tài chính cho đầu tư phát triển KCHT ở Việt Nam giai đoạn 2011-2020, trên cơ sở đó, xác định các rào cản, điểm nghẽn cần điều chỉnh cho giai đoạn tới, gắn với các yêu cầu, định hướng của Chiến lược phát triển KT-XH 10 năm 2021-2030, Kế hoạch phát triển KT-XH 5 năm 2021-2025. Kiến nghị các giải pháp về huy động nguồn lực

cho đầu tư phát triển KCHT giai đoạn 2021-2025 và tầm nhìn đến năm 2030 (bao gồm cả hệ thống các quan điểm, mục tiêu, bối cảnh và điều kiện thực hiện các giải pháp).

Số hồ sơ lưu: 20795

84694.01-2023 **Tập huấn, hỗ trợ áp dụng thí điểm công cụ quản lý hiệu suất tổng thể (TPM) cho các doanh nghiệp ngành công nghiệp/** ThS. Đinh Xuân Nghiêm, ThS. Bùi Thị Như Quỳnh; KS. Nguyễn Văn Tân; ThS. Bùi Ngọc Lê Đơn; ThS. Bùi Ngọc Dương; KS. Phạm Minh Công; CN. Trần Võ Thị Trang; KS. Trịnh Thu Hằng; KS. Trịnh Khánh Hòa; CN. Hà Thị Thanh Nga; KS. Phạm An Bình; CN. Hà Minh Tiến; KS. Nguyễn Văn Sơn; KS. Trịnh Giang Kiên; KS. Trần Khả Tiến; KS. Thạch Thị Quyên; ThS. Hoàng Thị Diệu Linh - Hà Nội - Công ty TNHH Trung tâm nghiên cứu Kinh tế và Công nghệ môi trường Q&G, 2019; 01/2018 - 12/2019. (Đề tài cấp Quốc gia)

Chương trình tập huấn: cán bộ của các doanh nghiệp sản xuất công nghiệp mà thiết bị đóng vai trò quan trọng trong việc tạo ra sản phẩm và chất lượng sản phẩm, ưu tiên các học viên từ doanh nghiệp tham gia mô hình trình diễn, các học viên làm công tác quản lý, điều phối sản xuất, làm việc trực tiếp với thiết bị thuộc các ngành công nghiệp: dệt may, da giày, nhựa, hóa chất, cơ khí, khai thác và chế biến khoáng sản, gốm sứ thủy tinh, rượu bia nước giải khát, và chế biến thực phẩm. Chương trình hướng dẫn thực

hành: Doanh nghiệp thuộc các ngành ưu tiên gồm: dệt may, da giày, nhựa, hóa chất, cơ khí, khai thác và chế biến khoáng sản, gốm sứ thủy tinh, rượu bia nước giải khát, và chế biến thực phẩm.

Số hồ sơ lưu: 20801

84702.01-2023 **Phòng ngừa và giải quyết tranh chấp giữa nhà đầu tư nước ngoài và Chính phủ Việt Nam trong lĩnh vực tài chính/** ThS. Hoàng Thái Sơn, TS. Tô Nguyễn Cẩm Anh; ThS. Vũ Thanh Huyền; ThS. Trần Hồng Nhung; ThS. Trần Thị Thu Hiền; ThS. Nguyễn Thị Kim Dung; ThS. Vũ Thu Thảo; ThS. Lưu Thị Thu Hà ; ThS. Nguyễn Mạnh Hùng; ThS. Đỗ Xuân Đoài - Hà Nội - Vụ Pháp chế, 2022; 12/2020 - 03/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu chi tiết xoay quanh vấn đề Giải quyết tranh chấp giữa nhà đầu tư nước ngoài và quốc gia tiếp nhận đầu tư. Đề tài đưa ra những lập luận, quan điểm lý luận đối với tranh chấp, luật nội ung và cơ chế giải quyết tranh chấp giữa nhà đầu tư nước ngoài và quốc gia tiếp nhận đầu tư để có thể vận dụng vào giải quyết loại hình tranh chấp này trong điều kiện của Việt Nam hiện nay. Đồng thời, nghiên cứu, đối chiếu những thực tiễn trong quy định pháp luật cũng như cách áp dụng các quy định đó tại Việt Nam với thực tiễn, kinh nghiệm quốc tế trong lĩnh vực này. Từ đó, đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu quả phòng ngừa và giải quyết cho Việt Nam khi giải quyết các tranh chấp đầu tư quốc tế

trong điều kiện phải thực thi cả những cam kết về ISDS theo các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới như CPTPP và EVFTA.

Số hồ sơ lưu: 20802

84707.01-2023 **Thực trạng công tác thông tin đối ngoại ngành Bảo hiểm xã hội và đề xuất kế hoạch thông tin đối ngoại giai đoạn 2020-2025/** ThS. Trần Thị Thu Trà, PGS.TS. Nguyễn Ngọc Oanh; TS. Lý Thị Hải Yến; ThS. Nguyễn Thị Thu Hương; ThS. Nguyễn Hải Hồng; ThS. Lương Tuấn Dũng; ThS. Phùng Thị Mai Oanh; ThS. Đoàn Thị Thu Trang; CN. Trần Thị Vân Anh - Hà Nội - Vụ Hợp tác quốc tế, Bảo hiểm xã hội Việt Nam, 2021; 11/2020 - 12/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu một số vấn đề chung về TTĐN, kinh nghiệm thực hiện của một số quốc gia và bộ, ngành, từ đó phân tích, làm rõ yêu cầu đặt ra đối với công tác TTĐN của ngành BHXH Việt Nam; Đánh giá thực trạng công tác TTĐN của ngành BHXH, làm rõ kết quả đạt được và những tồn tại, hạn chế; Đề xuất những nội dung cơ bản của kế hoạch TTĐN ngành BHXH đến năm 2030.

Số hồ sơ lưu: 20810

84714.01-2023 **Xây dựng mô hình sản xuất mỗi xã một sản phẩm (OCOP) ở một số tỉnh Bắc Trung Bộ/** ThS. Lê Trường Giang, ThS. Nguyễn Văn Trung; TS. Đỗ Văn Ngọc; ThS. Vũ Cao Trí; ThS. Nguyễn Thị Bạch Thông; ThS. Nguyễn Doãn Hùng; KS. Trần Hậu Hùng; CN. Nguyễn Thị Quỳnh Như;

TS. Trịnh Văn Tuấn; ThS. Vũ Văn Đoàn; ThS. Bùi Quang Dẫn; TS. Phạm Công Nghiệp; ThS. Nguyễn Diệu Linh; KS. Nguyễn Hà Thanh - Hà Nội - Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam, 2021; 01/2018 - 04/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Tạo ra mô hình sản xuất Mỗi xã một sản phẩm đại diện cho mỗi tỉnh góp phần phát triển các sản phẩm đặc trưng, bảo tồn giá trị của các ngành nghề truyền thống và có lợi thế của địa phương, thúc đẩy phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị, gắn sản xuất với chế biến tiêu thụ nông sản; tạo thêm việc làm, tăng thu nhập cho người dân, góp phần xây dựng nông thôn mới bền vững.

Số hồ sơ lưu: 20819

84777.01-2023 **Mô hình tổ chức, hoạt động công đoàn trong các tập đoàn kinh tế tư nhân ở Việt Nam/** TS. Lê Mạnh Hùng, TS. Nguyễn Đức Hữu; TS. Lê Thị Thúy Nga; ThS. Nguyễn Kim Thanh; TS. Nguyễn Thị Huyền; ThS. Nguyễn Ngọc Sơn; TS. Nguyễn Mạnh Thắng; TS. Phùng Thị Cẩm Châu; TS. Trần Thị Bảo Khanh; TS. Nguyễn Duy Đạt; ThS. Ma Thị Thanh Hiếu; ThS. Trương Thị Ly; ThS. Đàm Khắc Cử; TS. Nguyễn Thị Phương Mai; ThS. Nguyễn Chí Dũng - Hà Nội - Trường Đại học Công đoàn, 2022; 09/2021 - 05/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Hệ thống hóa cơ sở lý luận về mô hình tổ chức, hoạt động công đoàn trong các tập đoàn kinh tế tư nhân ở Việt Nam. Phân tích thực trạng mô hình tổ chức, hoạt động

công đoàn trong tập đoàn kinh tế tư nhân ở Việt Nam hiện nay. Đề xuất kiến nghị về hoàn thiện mô hình tổ chức, hoạt động công đoàn trong các tập đoàn kinh tế tư nhân ở Việt Nam trong thời gian tới.

Số hồ sơ lưu: 20856

**85252.01-2023 Đánh giá tác động của đại dịch covid-19 đến hoạt động của doanh nghiệp trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh và đề xuất giải pháp/** PGS.TS Trần Hoàng Ngân, Trần Văn Bích; Phan Văn Khiết; Trần Văn Phúc; Triệu Thành Sơn; Nguyễn Xuân Đóa; Võ Văn Tấn; Nguyễn Văn Thủy; Nguyễn Trúc Vân; Cao Ngọc Thành; Lê Chí Hùng; Phan Thụy Kiều - TP. Hồ Chí Minh - Viện Nghiên cứu phát triển Thành phố Hồ Chí Minh, 2021. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Nghiên cứu, đánh giá tình hình dịch bệnh và tổng thể nền kinh tế thế giới, khu vực, Việt Nam, TP.HCM năm 2020 và 8 tháng năm 2021 khi chống chịu các tác động của Đại dịch COVID-19. Đánh giá thực trạng hoạt động của doanh nghiệp trên địa bàn TP.HCM trước và sau khi bị ảnh hưởng cú sốc từ đại dịch COVID-19. Qua đó, đề xuất khung giải pháp để giúp doanh nghiệp vượt qua Đại dịch và hoạt động có hiệu quả hơn trong thời gian tới

Số hồ sơ lưu: HCM-032-2022

**85254.01-2023 Phân tích dữ liệu doanh nghiệp cho khu công nghệ cao Tp.HCM/** TS. Tân Hạnh, - TP. Hồ Chí Minh - Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông cơ sở tại

Tp. Hồ Chí Minh, 2021; 12/2019 - 06/2021. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Nghiên cứu, thu thập, xử lý và đánh giá các thông tin, tài liệu, số liệu liên quan đến lĩnh vực nghiên cứu, khảo sát hiện trạng quản lý tại khu Công nghệ cao TP.HCM và các đặc điểm dữ liệu về doanh nghiệp, dự án đầu tư; các yêu cầu nghiệp vụ, yêu cầu kết nối dữ liệu, yêu cầu bảo mật thông tin, yêu cầu về chất lượng phần mềm, tính thân thiện... . Phân tích và thiết kế hệ thống, xây dựng chương trình hệ thống khai thác và chia sẻ dữ liệu dùng chung. Tiến hành cài đặt và triển khai hệ thống thử nghiệm tại khu Công nghệ cao TP.HCM đồng thời tiến hành tập huấn, chuyển giao tài liệu kỹ thuật, tài liệu hướng dẫn cài đặt và sử dụng; hỗ trợ kỹ thuật trong quá trình dùng thử nghiệm hệ thống.

Số hồ sơ lưu: HCM-031-2022

**85278.01-2023 Lựa chọn danh mục đầu tư dựa trên các phương pháp ước lượng ma trận hiệp phương sai: nghiên cứu thực nghiệm trên thị trường chứng khoán Việt Nam/** ThS. Nguyễn Minh Nhật, ThS. Trần Anh Tuấn; TS. Bùi Diệu Anh; TS. Nguyễn Thị Ngọc Nga; PSG. TS. Nguyễn Đức Trung; TS. Mai Hoàng Bảo Ân; ThS. Phùng Thị Hồng Gấm; TS. Nguyễn Trần Phúc - TP. Hồ Chí Minh - Trung tâm Phát triển Khoa học và Công nghệ Trẻ, 2020; 12/2019 - 12/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)



Nghiên cứu cơ sở lý thuyết về sự tác động của ma trận hiệp phương sai đến kết quả lựa chọn danh mục đầu tư tối ưu trong lý thuyết danh mục hiện đại (MPT) đặc biệt trên thị trường tài chính nói chung và thị trường chứng khoán nói riêng của Việt Nam. Đồng thời nghiên cứu các phương pháp ước lượng ma trận hiệp phương sai phù hợp để tối ưu danh mục đầu tư của họ trên thị trường chứng khoán Việt Nam. Từ đó đưa ra các giải pháp nhằm giảm thiểu rủi ro và gia tăng hiệu quả trong hoạt động đầu tư và quản lý danh mục.

Số hồ sơ lưu: HCM-046-2022

85321.01-2023 **Nghiên cứu tăng quyền tự chủ ngân sách thành phố Hồ Chí Minh/ PGS.TS. Vương Đức Hoàng Quân, PGS.TS. Nguyễn Anh Phong; TS. Nguyễn Hoàng Anh; NCS.ThS. Bùi Quỳnh Nhi; NCS.ThS. Cao Thanh Bình; ThS. Trần Hoài Nhân; ThS. Phan Thị Kiều Hoa; NCS.ThS. Ngô Phú Thanh; CN. Nguyễn Thu Yên - TP. Hồ Chí Minh - Viện Nghiên cứu phát triển Tp. Hồ Chí Minh, 2020; 04/2019 - 07/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)**

Nghiên cứu và đánh giá thực trạng tự chủ tài chính ngân sách cho các tỉnh/thành theo quy định pháp quy và khả năng thực thi hiện nay cho các tỉnh/thành nói chung và thành phố Hồ Chí Minh nói riêng. Tìm hiểu những vấn đề tháo gỡ của nghị quyết 54 và khả năng thực thi những vấn đề mà nghị quyết 54 chưa tháo gỡ được cũng như những rào cản hay bất cập khi thực thi. Nghiên

cứu những đặc thù kinh tế, ngân sách tại thành phố Hồ Chí Minh theo xu hướng nền kinh tế chia sẻ và công nghệ 4.0. Đánh giá khả năng tự chủ tài chính ngân sách trên cơ sở phát triển kinh tế và ứng dụng công nghệ, nhất là tăng thu ngân sách dựa trên chính sách thuế từ nền kinh tế chia sẻ. Đề xuất một số giải pháp mở rộng /hiệu chỉnh tinh thần Nghị quyết 54, giúp triển khai hiệu quả phù hợp xu thế phát triển trên nền kinh tế chia sẻ và cuộc CM 4.0.

Số hồ sơ lưu: HCM-060-2022

85324.01-2023 **Đóng góp của lao động qua đào tạo giáo dục nghề nghiệp đối với tăng trưởng kinh tế tại Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2015-2020, tầm nhìn đến 2025-2030. Phân tích và kiến nghị giải pháp/ ThS. Nguyễn Văn Lâm, ThS. Nguyễn Trúc Vân; ThS. Trần Văn Bích; ThS. Nguyễn Thị Hoàng Ánh; ThS. Đặng Minh Sự; CN. Trần Anh Tuấn; ThS. Lâm Văn Quân; ThS. Nguyễn Hoàng Anh; ThS. Trần Thanh Hải; TS. Trần Thanh Thương - TP. Hồ Chí Minh - Trường Cao đẳng nghề Tp Hồ Chí Minh, 2020; 05/2019 - 11/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)**

Cơ sở lý luận về giáo dục nghề nghiệp trong mối liên hệ thị trường lao động và tăng trưởng kinh tế. Tìm hiểu thực trạng kinh tế và lao động qua giáo dục nghề nghiệp. Đồng thời tìm hiểu thực trạng phát triển giáo dục nghề nghiệp tại Thành Phố Hồ Chí Minh. Đánh giá hiệu quả giáo dục nghề nghiệp đối với tăng trưởng kinh tế tại Thành Phố Hồ Chí Minh.

Nghiên cứu phát triển giáo dục nghề nghiệp trong bối cảnh phát triển tại Thành Phố Hồ Chí Minh đến 2020 và 2025 – 2030. Đề xuất giải pháp nâng cao đóng góp của giáo dục nghề nghiệp đối với tăng trưởng kinh tế.

Số hồ sơ lưu: HCM-058-2022

### **50299. Kinh tế học và kinh doanh khác**

84183.01-2023 **Nghiên cứu so sánh cơ chế giải quyết tranh chấp thương mại và đầu tư ở các quốc gia thành viên Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP)/ TS. Nguyễn Văn Cương, ThS. Đinh Công Tuấn; TS. Nguyễn Minh Khuê; TS. Chu Thị Hoa; TS. Trần Thị Quang Hồng; PGS.TS. Hoàng Phước Hiệp; ThS. Bạch Quốc An; TS. Nguyễn Hữu Huyền; TS. Nguyễn Thị Thu Trang; ThS. Kiều Thị Hảo; ThS. Ngô Thanh Xuyên; CN. Doãn Nhật Linh; CN. Nguyễn Hoàng Chi Mai; CN. Hoàng Trang Ly; CN. Bùi Thị Phương Anh - Hà Nội - Viện Khoa học pháp lý, 2021; 05/2020 - 11/2021. (Đề tài cấp Bộ)**

Làm rõ một số vấn đề lý luận về tranh chấp thương mại và đầu tư, cơ chế giải quyết tranh chấp thương mại và đầu tư (các nguyên tắc giải quyết tranh chấp, sự khác nhau giữa các phương thức giải quyết tranh chấp; các chủ thể, quyền của các chủ thể...); Làm rõ cơ chế giải quyết tranh chấp thương mại và đầu tư giữa các doanh nghiệp và nhà đầu tư với nhau ở 10 quốc gia thành viên Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến

bộ xuyên Thái Bình Dương (Úc, Brunei, Canada, Chile, Nhật Bản, Malaysia, Mexico, New Zealand, Peru, Singapore), trong đó, tập trung vào bốn phương thức chính giải quyết tranh chấp thương mại và đầu tư, bao gồm: thương lượng, hòa giải, trọng tài và tố tụng tòa án... Trên cơ sở đó, so sánh, đối chiếu với cơ chế giải quyết tranh chấp thương mại và đầu tư ở Việt Nam để làm rõ những điểm tương đồng và khác biệt trong việc giải quyết các tranh chấp trong hoạt động thương mại và đầu tư; Bước đầu đưa ra những khuyến nghị đối với doanh nghiệp Việt Nam trong việc lựa chọn cơ chế giải quyết tranh chấp phát sinh từ quan hệ hợp tác thương mại và đầu tư với các đối tác đến từ các nước thành viên CPTPP.

Số hồ sơ lưu: 20488

84665.01-2023 **Xây dựng hệ thống tài liệu và tổ chức tập huấn cho cán bộ quản lý về tái cơ cấu ngành Công Thương phục vụ sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá và phát triển bền vững giai đoạn đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 và Kế hoạch cơ cấu lại ngành Công nghiệp giai đoạn 2018-2020, xét đến năm 2025/ TS. Nguyễn Thiện Nam, ThS. Phạm Mạnh Hùng; CN. Nguyễn Thị Quỳnh Trang; ThS. Nguyễn Đình Trung; CN. Đặng Thị Tú; CN. Bùi Hải Nam; KS. Vũ Bằng Giang; ThS. Đinh Tiến Dũng - Hà Nội - Trường Đào tạo, Bồi dưỡng Cán bộ Công thương Trung ương, 2021; 01/2021 - 12/2021. (Đề tài cấp Bộ)**

Triển khai, đào tạo, tập huấn về cơ cấu lại ngành Công Thương cho cán bộ quản lý về tái cơ cấu ngành Công Thương phục vụ sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá và phát triển bền vững giai đoạn đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 và Kế hoạch cơ cấu lại ngành Công nghiệp giai đoạn 2018 - 2020, xét đến năm 2025.

Số hồ sơ lưu: 20785

84736.01-2023 **Huy động nguồn lực tài chính cho phát triển kinh tế tuần hoàn: Luận cứ và khuyến nghị cho Việt Nam/ PGS. TS. Phạm Tiến Đạt, ThS. Nguyễn Thị Thu TS. Nguyễn Thị Thúy Nga; TS. Nguyễn Thị Phương Tuyền; CN. Nguyễn Bá Sơn; TS. Phạm Thị Tường Vân; ThS. Dương Bá Đức; ThS. Lê Thị Mai Hương; TS. Nguyễn Quang Hưng; ThS. Đào Văn Hiếu - Hà Nội - Viện chiến lược và chính sách tài chính, 2022; 12/2020 - 03/2022. (Đề tài cấp Bộ)**

Làm rõ cơ sở lý luận về kinh tế tuần hoàn (KTTH) và huy động nguồn lực tài chính cho phát triển KTTH như: khái niệm, đặc điểm, sự cần thiết phát triển KTTH; khái niệm nguồn lực tài chính và vai trò của các nguồn lực tài chính cho phát triển KTTH; các nhân tố ảnh hưởng đến phát triển KTTH; Khảo nghiệm kinh nghiệm của một số quốc gia trên thế giới về phát triển KTTH; trên cơ sở đó rút ra các bài học kinh nghiệm cho Việt Nam (bao gồm các bài học kinh nghiệm tốt và các bài học kinh nghiệm nên tránh); Đánh giá hiện trạng, tiềm năng phát triển

KTTH ở Việt Nam; thực trạng huy động nguồn lực tài chính cho phát triển KTTH ở Việt Nam. Trên cơ sở đó, xác định những vấn đề đặt ra đối với phát triển KTTH tại Việt Nam, gắn với các yêu cầu, định hướng của Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021-2030 định hướng 2050. Đề xuất giải pháp nhằm tăng cường huy động nguồn lực tài chính cho phát triển KTTH thời gian tới; bao gồm cả hệ thống các quan điểm, mục tiêu, bối cảnh và điều kiện thực hiện các giải pháp.

Số hồ sơ lưu: 20822

**50301. Khoa học giáo dục học nói chung, bao gồm cả đào tạo, sư phạm học, lý luận giáo dục,...**

84179.01-2023 **Xây dựng bộ chỉ số phát triển sinh lý, tâm lý của trẻ em mầm non và học sinh tiểu học phục vụ đổi giáo dục và đào tạo Việt Nam/ GS.TS. Nguyễn Thị Mỹ Lộc, PGS.TS. Nguyễn Thị Mỹ Trinh; PGS.TS. Lê Quang Sơn; GS.TS. Huỳnh Văn Sơn; TS. Ngô Thanh Huệ; PGS.TS. Nguyễn Thị Kim Anh; TS. Chu Thị Hồng Nhung; PGS.TS. Nguyễn Văn Bằng; PGS.TS. Đặng Hoàng Minh; TS. Đoàn Nguyệt Linh; TS. Trần Văn Công; TS. Nguyễn Thị Thuý Hồng - Hà Nội - Trường Đại học Giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội, 2021; 08/2018 - 11/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)**

Đề tài giới hạn phát triển sinh lý ở khía cạnh thể chất, sức khỏe thể chất trên các chỉ số cân nặng, chiều cao và chỉ số MBI. Về sự phát triển tâm lý ở tuổi tiểu học, chúng tôi

cũng giới hạn ở các năng lực cảm xúc xã hội chung, không nghiên cứu về năng lực chuyên môn (kiến thức và kỹ năng học tập ở từng lớp học; kỹ năng ở từng môn học như đọc, viết, tính toán, v.v.), năng lực tư duy và nhận thức, và trí tuệ do hạn chế về nguồn kinh phí, thời gian cũng như bối cảnh trường học đóng cửa nhiều thời gian do đại dịch Covid trong năm 2021-2022.

Số hồ sơ lưu: 20479

**84528.01-2023 Nhân rộng đào tạo kiến thức về các phương pháp, công cụ, kỹ thuật nâng cao năng suất chất lượng trong các trường Cao đẳng/** ThS. Lê Minh Tâm, ThS. Trần Tuấn Anh; ThS. Nguyễn Ngọc Duy; CN. Hoàng Đức Hiếu; ThS. Nguyễn Thị Thu Hương; TS. Phạm Thị Hồng Hạnh; ThS. Nguyễn Thị Phương Yên; ThS. Mai Thị Như Quỳnh - Hà Nội - Trung tâm Đào tạo Nghiệp vụ Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng, 2022; 01/2020 - 04/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nhân rộng đào tạo kiến thức về năng suất chất lượng, các phương pháp, công cụ, kỹ thuật nâng cao năng suất chất lượng cho giảng viên, sinh viên các trường Cao đẳng, góp phần kết nối tốt hơn với nhu cầu nâng cao năng suất chất lượng của doanh nghiệp. Cập nhật chương trình, tài liệu đào tạo giảng dạy (giảng viên/sinh viên) phù hợp với một số nhóm ngành học; Phát triển đội ngũ giảng viên đào tạo về các công cụ nâng cao Năng suất Chất lượng tại các trường cao đẳng (tổ chức 02 khoá đào tạo giảng

viên cho trường Cao đẳng được lựa chọn); Nhân rộng việc đào tạo và nâng cao chất lượng đội ngũ sinh viên đáp ứng nhu cầu doanh nghiệp (03 khoá đào tạo cho sinh viên các trường cao đẳng được lựa chọn); Chia sẻ, tuyên truyền và quảng bá kết quả, hiệu quả hoạt động đào tạo kiến thức NSCL trong các trường cao đẳng, hướng tới tiếp tục nhân rộng đưa nội dung trở thành môn học tại các trường cao đẳng.

Số hồ sơ lưu: 20607

**84548.01-2023 Nghiên cứu, đề xuất giải pháp và mô hình tổ chức thực hiện nhằm vận dụng chỉ số đánh giá mức độ hài lòng của người dân về dịch vụ giáo dục, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục/** PGS. TS. Nguyễn Thám, TS. Đinh Thị Hồng Vân; PGS. TS. Lê Anh Phương; PGS. TS. Phùng Đình Mẫn; PGS. TS. Trần Thị Tú Anh; PGS. TS. Đậu Minh Long; PGS. TS. Phan Thị Mai Hương; TS. Hoàng Thị Hạnh, TS. Nguyễn Thanh Hùng; TS. Trương Đình Thắng; PGS. TS. Nguyễn Văn Đệ; PGS. TS. Trần Huy Hoàng; TS. Hồ Văn Dũng; TS. Phạm Thị Thúy Hằng; PGS. TS. Trần Kiên Minh; ThS. Nguyễn Thanh Bình; TS. Trần Văn Giang; CN. Vương Thị Bình; TS. Nguyễn Phước Cát Tường; ThS. Nguyễn Thị Quỳnh Anh; ThS. Nguyễn Việt Dũng; TS. Phạm Thị Quỳnh Ni; TS. Nguyễn Ngọc Quỳnh Anh; PGS. TS. Phạm Thị Huyền; ThS. Nguyễn Thị Hà; ThS. Mai Thị Thanh Thủy; ThS. Phan Thanh Lâm - Thừa Thiên Huế - Trường Đại học Sư phạm - Đại học



Huế, 2022; 10/2018 - 11/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Xây dựng cơ sở lý luận về vận dụng chỉ số đánh giá mức độ hài lòng của người dân về dịch vụ giáo dục, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục; Đánh giá thực trạng vận dụng chỉ số đánh giá mức độ hài lòng của người dân về dịch vụ giáo dục ở nước ta hiện nay; Đề xuất hướng hoàn thiện bộ chỉ số đánh giá mức độ hài lòng của người dân về dịch vụ giáo dục ở Việt Nam; Đề xuất mô hình tổ chức thực hiện đánh giá mức độ hài lòng của người dân với dịch vụ giáo dục và vận dụng kết quả vào việc quản lý chất lượng giáo dục ở các cấp. Đề xuất các giải pháp chính sách vận dụng chỉ số đánh giá mức độ hài lòng của người dân về dịch vụ giáo dục, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục ở nước ta.

Số hồ sơ lưu: 20632

84699.01-2023 **Đánh giá học sinh tiểu học theo tiếp cận năng lực đáp ứng yêu cầu đổi mới chương trình giáo dục phổ thông/** GS. TS. Nguyễn Công Khanh, PGS.TS. Đào Thị Oanh; PGS.TS. Nguyễn Trọng Khanh; PGS.TS. Hồ Cẩm Hà; PGS.TS. Nguyễn Đức Sơn; TS. Lương Thị Hồng Gấm; PGS.TS. Nguyễn Tuyết Nga; PGS.TS. Nguyễn Đức Minh; PGS.TS. Chu Cẩm Thơ; TS. Ngô Vũ Thu Hằng - Hà Nội - Trường Đại học sư phạm Hà Nội, 2022; 11/2017 - 11/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Làm rõ cơ sở khoa học về giáo dục theo tiếp cận năng lực, đánh giá

sự phát triển năng lực và phẩm chất của người học; Xây dựng khung chuẩn đánh giá các năng lực và phẩm chất của học sinh tiểu học theo chương trình giáo dục phổ thông mới; Xây dựng phương thức, quy trình đánh giá mức độ phát triển năng lực và phẩm chất của học sinh tiểu học; Xây dựng các bộ công cụ đánh giá các năng lực và phẩm chất của học sinh tiểu học; - Biên soạn được bộ tài liệu hướng dẫn đánh giá sự phát triển năng lực và phẩm chất của học sinh tiểu học.

Số hồ sơ lưu: 20803

### 50302. Giáo dục chuyên biệt

84108.01-2023 **Nghiên cứu xây dựng chương trình đào tạo vận động viên các đội tuyển trẻ và năng khiếu của môn điền kinh, bơi lội và Taekwondo tỉnh Vĩnh Long/** PGS.TS. Lê Thiết Can, ThS. Nguyễn Thanh An PGS.TS. Lê Thiết Can; THS. Nguyễn Thanh An; ThS. Đào Văn Thâu; PGS.TS. Vũ Việt Bảo; PGS.TS. Bùi Trọng Toại; PGS.TS. Nguyễn Tiên Tiến; PGS.TS. Đỗ Trọng Thịnh; ThS. Đào Dân Tiến; ThS. Huỳnh Đức Toàn; ThS. Huỳnh Trung Toàn; ThS. Nguyễn Huỳnh Vũ Khoa; ThS. Phạm Cao Cường; ThS. Phạm Chính Trực - Vĩnh Long - Trường Đại học Thể dục Thể thao Tp Hồ Chí Minh, 2020; 05/2018 - 10/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Đánh giá thực trạng đào tạo vận động viên năng khiếu, trẻ tỉnh Vĩnh Long giai đoạn 2010-2017. Xác định hệ thống tiêu chí tuyển chọn và đánh giá trình độ tập luyện vận động viên

năng khiếu, trẻ của môn Điền kinh (ném dĩa), Bơi lội (cự ly ngắn) và Taekwondo theo đặc thù từng môn thể thao. Xây dựng và ứng dụng chương trình đào tạo (chương trình khung và giáo trình đào tạo) vận động viên năng khiếu, trẻ thể thao tỉnh Vĩnh Long của 3 môn Điền kinh (ném dĩa), Bơi lội (cự ly ngắn) và Taekwondo tỉnh Vĩnh Long. Đánh giá hiệu quả chương trình huấn luyện vận động viên năng khiếu, trẻ thể thao tỉnh Vĩnh Long của 3 môn thể thao Điền kinh (ném dĩa), Bơi lội (cự ly ngắn) và Taekwondo tỉnh Vĩnh Long sau 1 chu kỳ huấn luyện.

Số hồ sơ lưu: VLG.TI003.2022-0000268

84698.01-2023 **Giáo dục toán học gắn với thực tiễn ở Việt Nam – Nhu cầu và thách thức/ PGS. TS. Nguyễn Tiến Trung, PGS.TS. Trịnh Thanh Hải; PGS.TS. Nguyễn Chí Thành; TS. Hoàng Công Kiên; TS. Đỗ Tùng; PGS.TS. Nguyễn Danh Nam; TS. Phan Thị Tình; PGS.TS. Lê Thái Bảo Thiên Trung; TS. Bùi Minh Đức; ThS. Hoàng Anh Đức - Hà Nội - Trường Đại học Hùng Vương, 2022; 03/2020 - 02/2022. (Đề tài cấp Quốc gia)**

Phân tích chương trình và thực trạng dạy học môn Toán trong nhà trường phổ thông (nghiên cứu tại các trường THCS, THPT trên địa bàn nghiên cứu) và thiết kế các kế hoạch dạy học môn Toán theo tiếp cận RME. Thực nghiệm (Dạy học theo các kế hoạch đã thiết kế) đồng thời khảo sát, xác định các yếu tố ảnh hưởng đến việc lựa chọn các bài học

được thiết kế theo RME của học sinh. Tổng hợp, đánh giá về nhu cầu, thách thức của giáo viên đối với việc dạy học môn Toán theo RME. Khảo sát này sẽ tập trung vào học sinh, giáo viên nhằm đánh giá về nhu cầu, những khó khăn, sự sẵn sàng, ... mà giáo viên và học sinh đối mặt với RME.

Số hồ sơ lưu: 20805

84705.01-2023 **Nghiên cứu ứng dụng các tác phẩm mỹ thuật trong giáo dục giá trị truyền thống Việt Nam cho trẻ mầm non và học sinh tiểu học/ TS. Phạm Văn Tuyền, TS. Đỗ Văn Hiếu; GS.TS. Đỗ Việt Hùng; PGS.TS. Nguyễn Thu Tuấn; TS. Triệu Khánh Tiên; PGS.TS. Lê Thị Thanh Thủy; PGS.TS. Vũ Thị Lan Anh; TS. Bùi Thị Thu Huyền; TS. Vũ Thu Hương; ThS. Nguyễn Thị Hồng Thắm - Hà Nội - Trường Đại học sư phạm Hà Nội, 2021; 10/2018 - 09/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)**

Xác định được các phạm trù giá trị truyền thống (GTTT) trong giáo dục cho trẻ mầm non (MN) và học sinh trung học (HSTH). Đánh giá tính phù hợp của việc ứng dụng các sản phẩm mỹ thuật trong GD GTTT cho trẻ MN và HSTH. Nghiên cứu thiết kế các chủ đề GD GTTT VN (VN) sử dụng ngôn ngữ mỹ thuật. Xây dựng bộ tài liệu giảng dạy/GD GTTT thông qua TPMT (TPMT). Đề xuất hệ thống giải pháp để triển khai có hiệu quả và khả thi việc GD GTTT thông qua TPMT cho trẻ MN và HSTH.

Số hồ sơ lưu: 20813

**50399. Các vấn đề khoa học giáo dục khác**

84201.01-2023 **Nghiên cứu định mức lao động kinh tế, kỹ thuật của giáo viên phổ thông theo định hướng đổi mới giáo dục phổ thông và đổi mới cơ chế quản lý nhân sự trong các cơ sở giáo dục phổ thông/** PGS.TS. Vũ Thành Hưng, PGS.TS. Lê Thị Mỹ Linh; PGS.TS. Lê Thanh Hà; PGS.TS. Lê Anh Vinh; GS.TS. Đỗ Hương Trà; PGS.TS. Ngô Minh Oanh; TS. Nguyễn Văn Thùy Anh; PGS.TS. Phạm Thuý Hương; TS. Vũ Thị Uyên; ThS. Nguyễn Huyền Lê; PGS.TS. Nguyễn Thị Lan Hương; ThS. Nguyễn Ngọc Hiên; PGS.TS. Nguyễn Văn Phúc; ThS. Phạm Hương Quỳnh; TS. Trương Tuấn Anh; PGS.TS. Phạm Thị Bích Ngọc; ThS. Nguyễn Phương Mai; ThS. Nguyễn Đức Nhân; TS. Nguyễn Đức Kiên; ThS. Trần Hoài Nam; ThS. Nguyễn Tuấn Minh; ThS. Nguyễn Phương Mai; ThS. Đặng Việt Hà; ThS. Phạm Thị Thanh Nhân; ThS. Lê Thị Phương Linh; ThS. Nguyễn Thu Hằng; ThS. Nguyễn Quốc Thắng; PGS.TS. Đào Thị Thanh Lam - Hà Nội - Trường Đại học kinh tế Quốc dân, 2022; 08/2018 - 02/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu xây dựng cơ sở khoa học để xác định định mức lao động kinh tế, kỹ thuật của giáo viên phổ thông theo định hướng giáo dục phổ thông mới; Nghiên cứu đánh giá thực trạng và kinh nghiệm quốc tế về định mức lao động kinh tế, kỹ thuật

của giáo viên phổ thông và cơ chế quản lý nhân sự tại các trường phổ thông; Nghiên cứu xây dựng bộ tiêu chí, chỉ số về định mức lao động kinh tế, kỹ thuật của giáo viên phổ thông theo từng cấp học đáp ứng yêu cầu đổi mới chương trình giáo dục phổ thông; Nghiên cứu đề xuất định mức lao động kinh tế, kỹ thuật của giáo viên ở mỗi cấp học đáp ứng yêu cầu đổi mới chương trình giáo dục phổ thông; Thực hiện thử nghiệm bộ tiêu chí, chỉ số mới về định mức lao động kinh tế, kỹ thuật của giáo viên phổ thông tại một số trường lựa chọn đại diện cho các vùng, miền; và Nghiên cứu đề xuất phương án thí điểm đổi mới cơ chế quản lý nhân sự trong các cơ sở giáo dục phổ thông.

Số hồ sơ lưu: 20478

84628.01-2023 **Nghiên cứu luận cứ, đề xuất mô hình, chính sách nâng cao hiệu quả hợp tác giữa đại học và doanh nghiệp trong bối cảnh cuộc cách mạng 4.0 ở Việt Nam/** GS. TSKH. Hồ Đắc Lộc, PGS. TS. Huỳnh Châu Duy; TS. Nguyễn Kim Dung; PGS. TS. Ngô Cao Cường; TS. Nguyễn Xuân Hoàng Việt; TS. Bùi Văn Thế Vinh; TS. Nguyễn Toàn; ThS. Trần Xuân Lộc; KS. Tô Thành Duy; CN. Phan Thị Hồng Phú; ThS. Hồ Thị Diệu Thu; ThS. Trần Quốc Trung; ThS. Lê Đình Lương; CN. Lưu Tiến Thành; TS. Tô Hoài Thắng; ThS. Nguyễn Xuân Nam; ThS. Phan Thị Mỹ Hạnh; ThS. Phùng Thị Thùy Trang; ThS. Phạm Thanh Tuấn; ThS. Bùi Thị Hương; CN. Nguyễn Thành An; CN. Nguyễn Hữu Luận - Tp. Hồ Chí Minh - Trường Đại học Công

nghe Tp. Hồ Chí Minh, 2022; 11/2018 - 11/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nêu cơ sở khoa học về mối quan hệ hợp tác 3 bên: CP, DN và ĐH trong bối cảnh CMCN 4.0 ở Việt Nam; Nghiên cứu kinh nghiệm quốc tế về việc xây dựng mô hình, các chính sách và phương pháp triển khai thực hiện nhằm nâng cao hiệu quả hợp tác giữa ĐH và DN; Đề xuất mô hình phối hợp 3 bên: CP, DN và ĐH trong bối cảnh CMCN 4.0 ở Việt Nam; Thực hiện khảo sát và báo cáo kết quả thử nghiệm khảo sát tính thực tế của mô hình đề xuất; Xây dựng bản đề xuất các chính sách, cơ chế để triển khai có hiệu quả mô hình hợp tác giữa ĐH và DN trong bối cảnh CMCN 4.0 ở Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: 20771

84679.01-2023 **Xây dựng bộ công cụ đánh giá sự phát triển giáo dục và đào tạo của địa phương/** PGS. TS. Nguyễn Thị Lan Phương, ThS. Dương Thị Thu Hương; PGS.TS. Trương Thị Bích ; PGS.TS. Trần Thị Thái Hà ; TS. Trịnh Thị Anh Hoa ; ThS. Phạm Quang Minh; TS. Lê Đông Phương; GS.TS. Lâm Quang Thiệp; PGS.TS. Nguyễn Thị Mỹ Trinh ; GS.TS. Lê Anh Vinh ; TS. Lê Mỹ Phong ; TS. Nguyễn Hữu Cường ; TS. Trần Thị Hương Giang ; ThS. Nguyễn Thị Hương; ThS. Trần Thị Phương Linh ; ThS. Bùi Thị Nga ; TS. Đặng Xuân Cương; CN. Nguyễn Tất Thắng ; ThS. Nguyễn Lê Thạch ; CN. Vũ Trường An; ThS. Bùi Thị Diễm - Hà Nội - Viện Khoa học Giáo dục Việt

Nam, 2022; 11/2017 - 12/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Xây dựng khung phân tích sự PTGD địa phương theo định hướng của Nghị quyết 29-NQ-TW. Xây dựng bộ công cụ (tiêu chí, chỉ số, công cụ thu thập thông tin, phương pháp tính các chỉ số tổng hợp) để đánh giá sự PTGD cấp tỉnh hàng năm. Xây dựng quy trình, hướng dẫn thực hiện đánh giá sự phát triển giáo dục cấp tỉnh hàng năm. Luận chứng khoa học về việc xây dựng bộ công cụ đánh giá sự phát triển giáo dục và đào tạo (GDĐT) địa phương theo hướng đáp ứng mục tiêu tổng quát của Nghị quyết số 29-NQ-TW.

Số hồ sơ lưu: 20790

84687.01-2023 **Nghiên cứu xây dựng khung chiến lược phát triển giáo dục và đào tạo Việt Nam giai đoạn 2021-2030/** GS. TS. Lê Anh Vinh, TS. Trịnh Thị Anh Hoa; GS.TS. Trần Công Phong; TS. Lê Đông Phương; PGS.TS. Nguyễn Thị Lan Phương; PGS.TS. Nguyễn Thị Mỹ Trinh; ThS. Bùi Thanh Xuân; PGS.TS. Đỗ Thị Bích Loan; PGS.TS. Trần Thị Thái Hà; PGS.TS. Lê Vân Anh; GS.TS. Lê Ngọc Hùng; PGS.TS. Huỳnh Văn Sơn; PGS.TS. Bùi Tất Thắng; ThS. Mạc Thị Việt Hà; ThS. Đỗ Minh Thư - Hà Nội - Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam, 2022; 03/2019 - 11/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Xác lập cơ sở lý luận về Khung Chiến lược phát triển giáo dục (CLPTGD): hệ thống khái niệm; hệ thống quan điểm chỉ đạo, phát triển giáo dục; dự báo nhu cầu GDĐT;



mục tiêu, nội dung, phương pháp xây dựng chiến lược; chính sách, chương trình, dự án ưu tiên, giải pháp thực hiện chiến lược; hệ thống giám sát, quản lý, điều hành, tổ chức thực hiện CLPTGD; Phân tích, đánh giá thực trạng phát triển giáo dục 2011-2020: Xây dựng bộ công cụ, tiêu chí đánh giá thực trạng theo Khung lý thuyết CLPTGD; đánh giá thực trạng phát triển giáo dục 2011-2020 của Việt Nam chỉ rõ những kết quả đạt được, những hạn chế, nguyên nhân, bài học kinh nghiệm; Dự báo tác động của điều kiện kinh tế, văn hóa, xã hội và khoa học công nghệ giai đoạn 2021-2030 đến giáo dục; dự báo xu hướng giáo dục giai đoạn 2021-2030 và tầm nhìn đến 2035: quy mô, cơ cấu, loại hình, chất lượng GDĐT; dự báo sự thay đổi về nội dung, phương pháp, hình thức tổ chức dạy học; dự báo về nguồn lực phục vụ GDĐT; Đề xuất khung CLPTGD 2021-2030, tầm nhìn đến 2035 và các khung thành phần (mầm non, phổ thông, giáo dục thường xuyên, giáo dục nghề nghiệp, giáo dục đại học): bối cảnh quốc tế tác động đến phát triển giáo dục, chỉ rõ thời cơ và những thách thức; quan điểm chỉ đạo phát triển giáo dục; tầm nhìn, sứ mạng, mục tiêu, nội dung nhiệm vụ, nguồn lực tài chính, giải pháp, các chính sách, chương trình, dự án ưu tiên thực hiện CLPTGD 2021-2030 và hệ thống chỉ số thực hiện CLPTGD.

Số hồ sơ lưu: 20799

84713.01-2023 **Xây dựng bộ công cụ đánh giá sự phát triển trí tuệ của học sinh phổ thông đáp**

**ứng yêu cầu phát huy tiềm năng cá nhân theo tinh thần Nghị quyết 29-NQ/TW/ PGS. TS. Trần Huy Hoàng, PGS.TS. Nguyễn Thị Lan Phương; TS. Nguyễn Hữu Cương; TS. Lê Thị Mỹ Hà; TS. Đỗ Thị Lệ Hằng; ThS. Dương Thị Thu Hương; PGS.TS. Nguyễn Công Khanh; PGS.TS. Đào Thái Lai; PGS.TS. Đinh Thị Kim Thoa; PGS.TS. Nguyễn Thị Hồng Vân; CN. Nguyễn Tất Thắng; ThS. Bùi Thị Diễm; TS. Đỗ Thu Hà; ThS. Đỗ Đức Lâm; TS. Đặng Thị Thu Huệ; TS. Phạm Thanh Tâm; PGS.TS. Chu Cẩm Thơ; ThS. Nguyễn Thị Hương; TS. Phạm Thị Bích Đào; TS. Lương Việt Thái; ThS. Trần Thị Hương Giang; CN. Phạm Quang Minh; ThS. Trần Thị Phương Linh; CN. Vũ Trường An; TS. Đặng Xuân Cương; ThS. Bùi Thị Nga - Hà Nội - Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam, 2022; 03/2019 - 11/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)**

Nghiên cứu luận chứng khoa học về việc xây dựng bộ công cụ đánh giá trí tuệ của học sinh phổ thông đáp ứng yêu cầu phát huy tiềm năng cá nhân theo tinh thần Nghị quyết 29-NQ/TW. Xây dựng khung đánh giá trí tuệ của học sinh phổ thông theo thuyết đa trí tuệ ; Xây dựng bộ công cụ mẫu để đo lường và đánh giá sự phát triển trí tuệ của học sinh phổ thông theo lý thuyết đa trí tuệ ; Đề xuất giải pháp sử dụng công cụ đánh giá trí tuệ để phát huy tiềm năng và phát triển năng lực của học sinh.

Số hồ sơ lưu: 20811

84727.01-2023 **Nghiên cứu đề xuất mô hình quản lý giáo dục điện tử và dạy - học điện tử trong nhà trường Việt Nam/** TS. Tôn Quang Cường, TS. Bùi Thị Thanh Hương ; GS.TS. Vũ Văn Hùng; TS. Lê Thái Hưng; PGS.TS. Nguyễn Hà Nam; PGS.TS. Trần Doãn Vinh; PGS.TS. Phạm Kim Chung; TS. Nguyễn Trung Kiên; ThS. Nguyễn Sơn Hải; ThS. Nguyễn Đức Nguyên; TS. Lã Phương Thúy; TS. Phạm Thị Thanh Phương; TS. Trần Đình Minh; ThS. Nguyễn Hoài Nam; TS. Trần Xuân Quang; ThS. Nguyễn Đức Can; CN. Doãn Thanh Tú - Hà Nội - Trường Đại học Giáo dục, 2022; 03/2019 - 11/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Xác định cơ sở lý luận và thực tiễn về quản lý giáo dục điện tử và dạy-học điện tử trong nhà trường phổ thông Việt Nam; các vấn đề thực trạng giáo dục điện tử và dạy-học điện tử trong nhà trường Việt Nam; Nghiên cứu kinh nghiệm một số nước trên thế giới về quản lý giáo dục điện tử và dạy- học điện tử trong nhà trường; đề xuất các khuyến nghị cho Việt Nam; Đề xuất xây dựng mô hình quản lý giáo dục điện tử và dạy-học điện tử trong nhà trường Việt Nam (tập trung vào mô hình quản lý quá trình dạy học điện tử trên nền tảng công nghệ: các thành tố cấu phần cơ bản và cơ chế vận hành của mô hình). Đề xuất các giải pháp, lộ trình triển khai hiệu quả, đồng bộ mô hình giáo dục điện tử và dạy học điện tử trong nhà trường phổ thông Việt Nam giai đoạn 2020-2025 theo tinh thần chuyển đổi số quốc gia.

Số hồ sơ lưu: 20797

85219.01-2023 **“Xây dựng bộ giáo trình đào tạo khởi nghiệp đổi mới sáng tạo theo chuẩn quốc tế”/** PGS.TS. Phạm Đình Anh Khôi, PGS.TS. Phạm Đình Anh Khôi; ThS. Ngô Thị Ngọc Ánh; PGS.TS. Mai Thanh Phong; PGS.TS. Nguyễn Anh Thi; TS. Dương Như Hùng; TS. Trương Minh Chương; ThS. Jean-Pierre To; TS. Trần Đức Tuấn; TS. Tạ Hùng Anh; ThS. Nguyễn Dương Quỳnh Anh - TP. Hồ Chí Minh - Trường Đại học Bách khoa, 2020; 10/2019 - 10/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/Thành phố)

Nghiên cứu xây dựng quy trình khởi nghiệp đổi mới sáng tạo theo chuẩn quốc tế nhằm xây dựng tư duy khởi nghiệp cho học sinh, sinh viên (tiến tới áp dụng sau khi tốt nghiệp) và cho cá nhân khởi nghiệp trong điều kiện của Việt Nam hiện nay. Đồng thời xây dựng bộ giáo trình đào tạo khởi nghiệp đổi mới sáng tạo (02 cuốn) được thiết kế xây dựng theo chuẩn quốc tế, phù hợp với bối cảnh kinh tế - xã hội Việt Nam, hướng đến đối tượng học sinh, sinh viên cho các cơ sở đào tạo khu vực thành phố Hồ Chí Minh và cộng đồng khởi nghiệp.

Số hồ sơ lưu: HCM-040-2022

#### **50404. Dân tộc học**

84788.01-2023 **Đánh giá thực trạng và đề xuất giải pháp chuyên tải các giá trị nhân văn vào sản phẩm OCOP trong xây dựng nông thôn mới (NTM) ở các vùng dân tộc thiểu số Nam Bộ/** PGS. TS.

Huỳnh Ngọc Thu, TS. Ngô Thị Thu Trang; PGS.TS. Ngô Thị Phương Lan; ThS. Phạm Thị Hồng Cúc; PGS.TS. Lê Quang Trường; TS. Phạm Thanh Duy; TS. Lê Thị Ngọc Diệp ; TS. Phan Anh Tú ; TS. Nguyễn Thanh Tùng; TS. Lưu Văn Quyết; TS. Nguyễn Thanh Hải; Nghiên cứu sinh. Đỗ Thị Ngân Thanh; CN. Lưu Tuấn Anh; CN. Nguyễn Mạnh Tiến; ThS. Nguyễn Thị Kim Ngân - TP. Hồ Chí Minh - Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, 2021; 12/2020 - 11/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Luận giải cơ sở lý luận và thực tiễn về chuyển tải giá trị nhân văn vào sản phẩm OCOP ở các vùng dân tộc thiểu số. Đánh giá thực trạng các giá trị nhân văn trong sản phẩm OCOP của dân tộc thiểu số ở các tỉnh Nam Bộ giai đoạn 2011-2020. Thử nghiệm các giải pháp chuyển tải giá trị nhân văn vào sản phẩm OCOP trong xây dựng NTM tại một số vùng dân tộc thiểu số Nam Bộ. Đề xuất giải pháp thúc đẩy chuyển tải các giá trị nhân văn vào sản phẩm OCOP trong xây dựng NTM ở các vùng dân tộc thiểu số Nam Bộ giai đoạn 2021-2025.

Số hồ sơ lưu: 20868

85020.01-2023 **Nghiên cứu đánh giá thực trạng đề xuất giải pháp bảo tồn và phát huy giá trị tri thức địa phương dân tộc Thổ tại các huyện Miền Tây Nghệ An/** Lê Thị Hiếu, TS Lê Thị Hiếu; Ths Nguyễn Thị Minh Tú; TS Nguyễn Thượng Hải; TS Bùi Minh Thuận; Ths Nguyễn Mạnh Hùng; Ths Bùi

Minh Hào; Ths Trần Thị Anh Thơ; Ths Đặng Văn Hải; ThS Phan Đức Sơn; Ths Phan Văn Sơn; CN Nguyễn Thanh Hải; Ths Nguyễn Thị Thành An; Ths Trần Thị Lan - Nghệ An - Trung tâm Khoa học xã hội và nhân văn Nghệ An, 2019; 07/2019 - 10/2021. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Tổng quan tri thức địa phương dân tộc Thổ. Thực trạng bảo tồn và phát huy tri thức địa phương dân tộc Thổ tại các huyện miền Tây Nghệ An. Giải pháp phát huy, giải pháp bảo tồn và phát huy tri thức địa phương dân tộc Thổ tại các huyện miền Tây Nghệ An.

Số hồ sơ lưu: NAN\_2021\_08

**50405. Xã hội học chuyên đề; Khoa học về giới và phụ nữ; Các vấn đề xã hội Nghiên cứu gia đình và xã hội; Công tác xã hội**

84797.01-2023 **Nghiên cứu bổ sung, hoàn thiện cơ chế, chính sách tạo việc làm tại chỗ bền vững cho lao động nông thôn, đóng góp tích cực vào xây dựng NTM giai đoạn 2021- 2030/** PGS. TS. Trần Văn Hòe, TS. Đỗ Văn Quang; TS. Lê Văn Chính; TS. Trương Đức Toàn; TS. Đỗ Văn Chính; PGS.TS. Hoàng Thanh Tùng; ThS. Nguyễn Văn Tiến; ThS. Nguyễn Văn Tốn; TS. Trần Công Thắng; TS. Bùi Tôn Hiến; ThS. Nguyễn Thị Hoàng Yên; TS. Nguyễn Hồng Minh; TS. Bùi Sỹ Tuấn; CN. Đặng Thị Tân Mai; TS. Triệu Đình Phương - Hà Nội - Trường Đại học Thủy lợi, 2022; 03/2020 - 06/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu cơ sở lý luận và thực tiễn về cơ chế, chính sách tạo việc làm tại chỗ bền vững cho lao động nông thôn, đóng góp tích cực vào xây dựng NTM giai đoạn 2021 - 2030; Đánh giá thực trạng về tạo việc làm tại chỗ và tính bền vững của việc làm tại chỗ cho lao động nông thôn trong xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2020; Phân tích các cơ chế, chính sách tạo việc làm tại chỗ bền vững cho lao động nông thôn giai đoạn 2010 - 2020 và đóng góp vào xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2030. Đề xuất bổ sung, hoàn thiện cơ chế, chính sách tạo việc làm tại chỗ bền vững cho lao động nông thôn có tính khả thi nhằm đóng góp vào thực hiện xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2030. Phát triển cơ sở dữ liệu điện tử về tạo việc làm tại chỗ cho lao động nông thôn và hướng dẫn thực hiện cơ chế, chính sách tạo việc làm tại chỗ bền vững cho lao động nông thôn đóng góp tích cực vào xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2030.

Số hồ sơ lưu: 20877

85123.01-2023 **Giải pháp nâng cao khả năng tiếp cận và sử dụng hiệu quả các dịch vụ tài chính vi mô cho phụ nữ nghèo và cận nghèo nông thôn tỉnh Thanh Hóa**/ TS. Tôn Hoàng Thanh Huế, - Thanh Hóa - Trường Đại học Hồng Đức, 2021. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Cơ sở lý luận về tài chính vi mô. Thực trạng tiếp cận và sử dụng các dịch vụ tài chính vi mô của phụ nữ nghèo và cận nghèo nông thôn tỉnh

Thanh Hóa. Giải pháp nâng cao khả năng tiếp cận và sử dụng hiệu quả các dịch vụ tài chính vi mô cho phụ nữ nghèo và cận nghèo nông thôn tỉnh Thanh Hóa. Kết quả mô hình tiếp cận và sử dụng hiệu quả các dịch vụ tài chính vi mô cho phụ nữ nghèo và cận nghèo nông thôn tỉnh Thanh Hóa.

Số hồ sơ lưu: THA-028-2022

### 50501. Luật học

84805.01-2023 **Tuyên truyền chính sách pháp luật về hoạt động đo lường trên báo chí năm 2021/ CN. Đặng Anh Đức, ThS. Trần Văn Du; CN. Nguyễn Doãn Trung; CN. Nguyễn Việt Hà; CN. Hán Văn Hiến; Vũ Thị Minh Khai; Trần Quý Giàu; CN. Nguyễn Thị Minh Nguyệt; CN. Nguyễn Thành Dũng; CN. Hoàng Thị Bích Hạnh - Hà Nội - Trung tâm Thông tin - Truyền thông Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng, 2021; 06/2021 - 12/2021. (Đề tài cấp Bộ)**

Xây dựng tin, bài, ảnh (bài viết chuyên sâu) trên Tạp chí Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng, các báo in có lượng độc giả lớn tuyên truyền chính sách, pháp luật về hoạt động đo lường; các kết quả nghiên cứu, ứng dụng về đo lường; kết quả của Đề án 996; Xây dựng hệ thống tin, bài, ảnh, infographic và e-Magazine, video clip, chương trình giao lưu trực tuyến... trên tạp chí điện tử chuyên ngành Chất lượng Việt Nam (VietQ.vn), các báo điện tử có lượng truy cập lớn tuyên truyền chính sách, pháp luật về đo lường; các kết quả nghiên cứu, ứng dụng về đo lường;



chia sẻ các mô hình doanh nghiệp ứng dụng thành công kết quả nghiên cứu đo lường; kết quả của Đề án 996; Xây dựng các tin, bài, ảnh, video... về hoạt động đo lường trên mạng xã hội (Facebook, Youtube) thông tin về các hoạt động đo lường gắn với Cách mạng công nghiệp (CMCN) 4.0, đổi mới hoạt động đo lường trên thế giới, hoạt động hợp tác quốc tế trong khuôn khổ các hoạt động liên quan đến các tổ chức đo lường quốc tế...

Số hồ sơ lưu: 20876

### **50599. Các vấn đề pháp luật khác**

84181.01-2023 **Đổi mới công tác pháp điển hệ thống quy phạm pháp luật của Việt Nam nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả sử dụng Bộ Pháp điển/** TS. Đồng Ngọc Ba, ThS. Nguyễn Duy Thắng; TS.; Nguyễn Văn Cương; CN. Nguyễn Thị Thu Hòe; ThS. Dương Bạch Long; TS. Lê Hồng Sơn; CN. Ngô Ngọc Oanh; CN. Nguyễn Văn Thông; ThS. Vũ Thu Hằng; ThS. Trần Thanh Loan; CN. Phùng Thị Hương; CN. Nguyễn Hữu Thắng; CN. Vũ Hồng Thắng; ThS. Trần Thu Trang; ThS. Dương Thu Hương; ThS. Bạch Thị Hồng Hạnh; CN. Vũ Thị Mai - Hà Nội - Viện Khoa học pháp lý, 2021; 05/2020 - 11/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu những vấn đề lý luận về công tác pháp điển nhằm đưa ra các luận cứ khoa học về mô hình, cấu trúc của Bộ pháp điển bảo đảm chất lượng, dễ khai thác, dễ sử dụng; công tác xây dựng, cập nhật, quản lý, duy trì Bộ pháp điển và công tác

đưa Bộ pháp điển vào cuộc sống bảo đảm tính khoa học, tiết kiệm và hiệu quả. Nghiên cứu, đánh giá thực trạng những kết quả đạt được, những ưu điểm, những hạn chế, vướng mắc và nguyên nhân của công tác pháp điển ở Việt Nam. Nghiên cứu, đề xuất các giải pháp đổi mới nhằm nâng cao chất lượng của Bộ pháp điển cũng như bảo đảm cho công tác xây dựng, cập nhật, quản lý, duy trì Bộ pháp điển và công tác đưa Bộ pháp điển vào cuộc sống bảo đảm tính khoa học, tiết kiệm và hiệu quả.

Số hồ sơ lưu: 20487

84182.01-2023 **Xây dựng, hoàn thiện pháp luật điều chỉnh mô hình kinh tế chia sẻ ở Việt Nam hiện nay/** TS. Chu Thị Hoa, ThS. Dương Thu Hương; TS. Phạm TS; TS. Lưu Hương Ly; ThS. Cao Xuân Phong; ThS. Dương Bạch Long; ThS. Hoàng Văn Cương; ThS. Luật sư. Trần Anh Huy; ThS. Ngô Thu Phương; ThS. Dương Thị Tuyết Nhung; ThS. Nguyễn Duy Na; ThS. Trần Thị Thu Hồng; ThS. Lê Xuân Tùng; ThS. Đào Bá Minh; ThS. Trần Thu Trang; ThS. Lưu Thị Phấn; CN. Ngô Xuân Kỳ; CN. Hoàng Thị Kim Nhung; CN. Bùi Thị Phương Anh; ThS. Trần Thu Hà - Hà Nội - Viện Khoa học pháp lý, 2021; 05/2020 - 11/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu, nhận diện mô hình kinh tế chia sẻ; Nghiên cứu những kinh nghiệm quốc tế điển hình về ứng xử pháp luật đối với những vấn đề phát sinh từ mô hình kinh tế chia sẻ, từ đó rút ra những bài học có thể tham khảo trong bối cảnh Việt Nam;

Nghiên cứu thực trạng để đánh giá những điểm bất cập và đánh giá mức độ sẵn sàng về mặt chính sách và pháp luật trong việc ứng phó với những vấn đề phát sinh từ mô hình kinh tế chia sẻ cũng như những yêu cầu mà thực tiễn đặt ra để hoàn thiện pháp luật Việt Nam; Đề xuất xây dựng và hoàn thiện pháp luật điều chỉnh mô hình kinh tế chia sẻ ở Việt Nam trong giai đoạn hiện nay.

Số hồ sơ lưu: 20489

84197.01-2023 **Các giải pháp nâng cao hiệu quả tuân thủ pháp luật của người dân vùng Tây Nam Bộ hiện nay/** TS. Nguyễn Thị Tuyết Mai, ThS. Nguyễn Thị Kim Hoa; TS. Dương Thành Trung; PGS.TS. Phan Trung Hiền; TS. Nguyễn Văn Phụng; TS. Nguyễn Thị Hồng Yến; CN. Dương Thành Đức; ThS. Dương Thu Hương; ThS. Nguyễn Thành Trung; ThS. Dương Hiền Trúc Lan; CN. Lâm Công Minh; ThS. Cao Thanh Sơn; ThS. Nguyễn Văn Quân; ThS. Nguyễn Thị Na; CN. Nguyễn Hữu Thắng; CN. Bùi Thị Phương Anh - Hà Nội - Viện Khoa học pháp lý, 2021; 05/2020 - 11/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Làm rõ thực trạng, nguyên nhân, yếu tố tác động và yêu cầu tuân thủ pháp luật với nghĩa thực hiện pháp luật của người dân vùng Tây Nam Bộ hiện nay, để từ đó xác định các giải pháp nâng cao hiệu quả (với nghĩa làm tăng các kết quả, khắc phục các hạn chế, yếu kém, vượt qua các rào cản, lực cản, giảm thiểu các chi phí trong việc tuân thủ pháp luật

với nghĩa thực hiện pháp luật của người dân trên địa bàn).

Số hồ sơ lưu: 20490

### **50601. Khoa học chính trị**

84507.01-2023 **Ảnh hưởng của bệnh kinh nghiệm và bệnh giáo điều đến hoạt động tổ chức thực hiện nhiệm vụ chính trị của cán bộ chủ chốt cấp huyện các tỉnh miền núi phía Bắc trong bối cảnh mới./** TS. Nguyễn Nam Thắng, TS. Nguyễn Văn Thắng; TS. Đặng Ánh Tuyết; TS. Vũ Văn Hậu; PGS. TS. Trương Quốc Chính; PGS. TS. Cung Thị Ngọc; TS. Lê Thị Minh Hà; ThS. Nguyễn Thanh Bình; TS. Nguyễn Lê Thạch; ThS. Nguyễn Văn Trường; Ngô Thị Kim Tuyền; Mai Bích Huệ - Hà Nội - Học viện chính trị khu vực I, 2021; 01/2020 - 12/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Phân tích làm rõ một số vấn đề lý luận và thực trạng ảnh hưởng của bệnh kinh nghiệm và bệnh giáo điều đến hoạt động tổ chức thực hiện nhiệm vụ chính trị của đội ngũ cán bộ chủ chốt cấp huyện các tỉnh miền núi phía Bắc Việt Nam hiện nay, đề xuất các quan điểm và giải pháp ngăn ngừa, hạn chế ảnh hưởng của bệnh kinh nghiệm và bệnh giáo điều đến hoạt động tổ chức thực hiện nhiệm vụ chính trị của đội ngũ cán bộ chủ chốt cấp huyện các tỉnh miền núi phía Bắc Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: 20656

84552.01-2023 **Nghiên cứu đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả công tác thi đua khen thưởng của**

**ngành Công Thương/** ThS. Lê Hoàng Sơn, TS. Nguyễn Anh Sơn; ThS. Lê An Hải; ThS. Đỗ Thúy Phượng; ThS. Nguyễn Mạnh Thắng; CN. Trịnh Diệu Quỳnh; CN. Mạc Thu Phượng; CN. Nguyễn Thị Yên; CN. Nguyễn Duy Tiên; CN. Tô Thị Kim Loan - Hà Nội - Văn phòng Bộ Công thương, 2021; 01/2020 - 12/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Hệ thống hóa cơ sở lý luận về công tác thi đua khen thưởng, nghiên cứu bộ máy tổ chức thực hiện công tác thi đua khen thưởng của các đơn vị, doanh nghiệp trực thuộc Bộ Công Thương. Đồng thời, nghiên cứu thực tiễn triển khai áp dụng hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật về công tác thi đua khen thưởng của ngành Công Thương. Đánh giá thực trạng công tác thi đua khen thưởng của ngành Công Thương trong giai đoạn hiện nay và đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu quả công tác thi đua khen thưởng của ngành Công Thương trong bối cảnh mới.

Số hồ sơ lưu: 20588

**84567.01-2023 Nghiên cứu cơ sở lý luận và thực tiễn đề xuất giải pháp hoàn thiện cơ chế quản lý nhà nước và hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo quốc gia giai đoạn 2021-2025/** TS. Phạm Dũng Nam, KS. Nguyễn Việt An; TS. Từ Minh Hiệu; ThS. Lê Toàn Thắng; CN. Hoàng Thị Minh Hương; CN. Trần Thị Kim Dung; CN. Lê Văn Nam; TS. Phạm Thị Hồng Hạnh; TS. Nguyễn Hà Quỳnh Trang - Hà Nội - Trung tâm Hỗ trợ khởi nghiệp sáng

tạo Quốc gia, 2021; 06/2020 - 05/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu cơ sở lý luận về cơ chế quản lý nhà nước và hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo, đánh giá thực trạng hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo, cơ chế quản lý nhà nước và hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo Việt Nam giai đoạn 2016-2020. Tiến hành nghiên cứu đánh giá hoạt động, hiệu quả, tác động của Đề án 844 giai đoạn 2016-2020. Đồng thời, nghiên cứu cơ chế quản lý nhà nước và nhóm giải pháp hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo giai đoạn 2021-2025, trong đó có đề xuất sửa đổi, bổ sung Quyết định số 844/QĐ-TTg về phê duyệt Đề án "Hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo quốc gia đến năm 2025".

Số hồ sơ lưu: 20581

### **50602. Hành chính công và quản lý hành chính**

**84350.01-2023 Hoàn thiện phương pháp định giá dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước ở Việt Nam/** ThS. Đoàn Thị Kim Dung, ThS. Nguyễn Thị Hương; CN. Mai Thị Phương Hồng; CN. Nguyễn Thùy Linh; ThS. Đoàn Đức Thành; ThS. Trương Thị Huyền Hạnh; ThS. Đào Thị Phương; CN. Hoàng Thiên Long; TS. Phạm Văn Bình; ThS. Lê Khang - Hà Nội - Cục quản lý giá, 2021; 09/2020 - 09/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Tổng quan tài liệu về cơ sở lý thuyết trong định giá dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước. Tổng quan kinh nghiệm quốc

tế trong định giá dịch vụ sự nghiệp công và đúc rút các kinh nghiệm có thể áp dụng phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của Việt Nam. Phân tích, đánh giá thực trạng phương pháp định giá dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước hiện nay, đặc điểm dịch vụ sự nghiệp công, các mô hình, đặc điểm tổ chức, cơ chế tài chính của đơn vị cung cấp dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước, có dẫn chứng tập trung vào dịch vụ y tế, dịch vụ giáo dục và đào tạo. Đề xuất giải pháp hoàn thiện phương pháp định giá dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước ở Việt Nam, theo đó xử lý được các vấn đề tồn tại và đề xuất phương pháp định giá dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước phù hợp với bối cảnh và tình hình mới, đề xuất lộ trình triển khai và điều kiện thực hiện giải pháp.

Số hồ sơ lưu: 20609

**84527.01-2023 Nghiên cứu, đề xuất giải pháp tổng thể nhằm đơn giản hóa chế độ báo cáo, hệ thống biểu mẫu trong toàn ngành tài nguyên và môi trường nhằm kiểm soát hiệu quả việc thực hiện chế độ thông tin báo cáo và các nhiệm vụ được giao/** TS. Nguyễn Nam Anh, CN. Lê Thị Minh; TS. Lưu Văn Bắc; CN. Phạm Thị Hồng Thúy; CN. Nguyễn Thị Hồng Minh; ThS. Đào Bùi Din; ThS. Vũ Thành Nhân; ThS. Kiều Trần Dũng; ThS. Nguyễn Thanh Hoa; ThS. Nguyễn Thị Hiệp; ThS. Phùng Ngọc Phương; ThS. Nguyễn Thị Ba Liễu; ThS. Trần Thị

Kim Oanh; ThS. Nguyễn Quỳnh Trang; ThS. Bùi Đức Hiếu; CN. Nguyễn Bảo Trung; TS. Vũ Thị Nguyệt; CN. Trần Thị Hồng Gấm; ThS. Bùi Thị Minh Thủy; CN. Đinh Thị Tuyết - Hà Nội - Văn phòng Bộ Tài nguyên và Môi trường, 2021; 01/2020 - 11/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Đơn giản hóa chế độ báo cáo (cắt giảm tối thiểu 20% chế độ báo cáo hiện hành, giúp giảm 20%-40% chi phí và hơn 50% thời gian lập báo cáo); thiết lập hệ thống đề cương, biểu mẫu thống nhất về chế độ báo cáo trong toàn ngành để vận hành Hệ thống thông tin báo cáo tổng hợp ngành tài nguyên và môi trường phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành. Xây dựng biểu mẫu phục vụ xây dựng phần mềm lập báo cáo của ngành; tuy nhiên có thể sử dụng ngay để phục vụ việc chuẩn bị tài liệu họp giao ban Bộ, sơ kết, tổng kết ngành, các buổi làm việc của Lãnh đạo Bộ với các Bộ, ngành, địa phương,... Đề xuất xây dựng quy định về chế độ báo cáo ngành tài nguyên và môi trường để hướng dẫn thực hiện đồng bộ, thống nhất trong toàn ngành, bảo đảm phù hợp với quy định về chế độ báo cáo trong cơ quan HCNN của cơ quan cấp trên.

Số hồ sơ lưu: 20605

**84580.01-2023 Nghiên cứu xây dựng hệ thống cung cấp dịch vụ hành chính công của Bưu điện Việt Nam/** CN. Lê Quốc Anh, KS. Vũ Kiên Văn; CN. Nguyễn Văn Trường; CN. Hoàng Trung; CN. Trịnh Văn Thắng; CN. Trần Tuấn Nghĩa - Hà Nội - Tổng công ty Bưu



điện Việt Nam, 2021; 02/2021 - 11/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu tổng quan về giải pháp công nghệ nền tảng các hệ thống hành chính công của Bưu điện Việt Nam. Khảo sát, phân tích hiện trạng quy trình nghiệp vụ hành chính công tại Tổng công ty Bưu điện Việt Nam. Tiến hành nghiên cứu, xây dựng hệ thống cung cấp dịch vụ hành chính công của Bưu điện Việt Nam. Đồng thời, nghiên cứu, xây dựng hệ thống cung cấp dịch vụ hành chính công dựa trên kiến trúc tích hợp nền tảng tổng thể truy cập qua Web và Mobile App

Số hồ sơ lưu: 20600

85373.01-2023 **Xây dựng quy trình quản lý tài sản trí tuệ hình thành từ kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước/** ThS. Võ Ngọc Hải, Võ Hưng Sơn; Nguyễn Thị Thu Sương; Huỳnh Lưu Trùng Phùng; Phạm Văn Xu; Trần Quang Vinh; Lê Thị Hiền; Huỳnh Ngọc Phúc; Nguyễn Thị Thu Hằng; Lê Thanh Trang; Mai Chí Công; Dương Bảo Thông; Huỳnh Thị Hạnh Thuần; Trịnh Mai Hương; Nguyễn Thanh Phong; Võ Duy Khanh; Lê Võ Hữu Trí; Nguyễn Hoàng Tường An; Lâm Quang Hà; Huỳnh Minh Đức; Huỳnh Văn Thọ; Ngô Xuân Trường - TP. Hồ Chí Minh - Trung tâm thông tin và thống kê khoa học và công nghệ TP. Hồ Chí Minh, 2020; 09/2019 - 09/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Ghi nhận để tiến tới xác lập quyền sở hữu một cách kịp thời và

đầy đủ đối với các tài sản trí tuệ được tạo ra từ ngân sách nhà nước do Sở Khoa học và Công nghệ quản lý. Xây dựng quy chế quản lý và giám sát việc khai thác các tài sản trí tuệ do Sở Khoa học Công nghệ là chủ sở hữu/đồng sở hữu. Xây dựng quy chế (quy trình) chuyển giao tài sản trí tuệ theo quy định pháp luật do Sở Khoa học Công nghệ là chủ sở hữu/đồng sở hữu.

Số hồ sơ lưu: HCM-024-2022

### **50603. Lý thuyết tổ chức; Hệ thống chính trị; Đảng chính trị**

85226.01-2023 **Nghiên cứu mô hình Viện nghiên cứu phát triển công nghệ tiên tiến/** PGS. TS. Mai Thanh Phong, Thoại Nam; Lê Minh Phương; Lê Văn Thăng; Mai Thị Thuỳ Hương; Kỳ Huỳnh Phương Hạ; Phạm Hoàng Anh; Bùi Trọng Hiếu; Nguyễn Trần Hữu Nguyên; Bùi Mai Hương; Võ Ngọc Điều; Lê Quốc Tuấn; Phạm Tấn Thi; Nguyễn Mạnh Tuấn; Dương Như Hùng - TP. Hồ Chí Minh - Trường Đại học Bách khoa - Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh, 2019; 04/2019 - 12/2019. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Giới thiệu tổng quan về nghiên cứu mô hình Viện nghiên cứu phát triển công nghệ tiên tiến. Trình bày xu hướng khoa học công nghệ hiện tại và các mô hình Viện công nghệ trên thế giới cũng như tìm hiểu về các tổ chức khoa học công nghệ trong nước & tại Thành phố. Nghiên cứu những thách thức đổi mới và phát triển công nghệ tại Thành phố trong giai đoạn CMCN 4.0. Qua đó, đề xuất mô hình "Viện Nghiên cứu

Phát triển Công nghệ tiên tiến TP.HCM”.

Số hồ sơ lưu: HCM-038-2022

### **50701. Khoa học môi trường - các khía cạnh xã hội**

84543.01-2023 Xây dựng mô hình hợp tác xã phù hợp về quản lý và xử lý ô nhiễm môi trường tại một số làng nghề chế biến nông, lâm sản phục vụ xây dựng nông thôn mới vùng đồng bằng sông Hồng/ TS. Nguyễn Mạnh Cường, ThS. Đỗ Thị Thúy; GS.TS. Lê Văn Trình; ThS. Thân Thị Thúy Mai; TS. Phan Vĩnh Điền; ThS. Trần Thị Thu Oanh; Nguyễn Thị Tuyết; ThS. Đỗ Phương Chi; Nguyễn Thị Tuyết Nhung; Đặng Đức Thính; Lưu Thị Chí; ThS. Nguyễn Trinh Hương; TS. Nguyễn Viết Cường - Hà Nội - Viện Phát triển kinh tế hợp tác, 2021; 01/2019 - 06/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Đánh giá thực trạng ô nhiễm môi trường tại các làng nghề và thực trạng các hợp tác xã trong quản lý và xử lý ô nhiễm môi trường làng nghề chế biến nông, lâm sản vùng đồng bằng sông Hồng hiện nay. Xây dựng 3 mô hình hợp tác xã phù hợp quản lý và xử lý ô nhiễm môi trường làng nghề tại 3 tỉnh: Nam Định, Thái Bình và Bắc Ninh để nhân rộng ra 10 tỉnh Đồng bằng sông Hồng. Đề xuất giải pháp ứng dụng quy trình, công nghệ và nhân rộng mô hình hợp tác xã tham gia quản lý và xử lý ô nhiễm môi trường làng nghề nông lâm sản vùng Đồng bằng sông Hồng phù hợp với mô hình hợp tác xã.

Số hồ sơ lưu: 20593

### **50702. Địa lý kinh tế và văn hoá**

85028.01-2023 Đánh giá thực trạng và đề xuất giải pháp phát triển dịch vụ Logistics ở Nghệ An trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế/ Dương Thị Thúy Hà, TS Dương Thị Thúy Hà; TS Nguyễn Đức Chính; PGS Hoàng Văn Hoang; TS Hoàng Ngọc Hải; PGS Nguyễn Quang Hồng; TS Đỗ Đức Quan; ThS Nguyễn Đức Hùng; ThS Trần Thị Bích Thủy; PGS Nguyễn Cúc; ThS Hoàng Minh Tuấn; ThS Hồ Thân Tùng; Ths Phan Bá Yên; Ths Trần Đình Sỹ; Ths Nguyễn Hồng Trung - Hà Nội - Học viện chính trị khu vực I, 2021; 06/2021 - 12/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Cơ sở lý luận về phát triển dịch vụ logistics trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế. Kinh nghiệm phát triển dịch vụ logistics của một số địa phương có điều kiện tương tự như Nghệ An và một số quốc gia đi đầu trên thế giới về phát triển dịch vụ logistics, từ đó rút ra bài học kinh nghiệm cho tỉnh Nghệ An. Thực trạng phát triển dịch vụ logistics ở Nghệ An giai đoạn năm 2010 - 2019, tổng kết những kết quả đạt được, những hạn chế còn tồn tại và nguyên nhân; nhận diện và phân tích các nhân tố tác động đến sự phát triển dịch vụ logistics tại Nghệ An trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế hiện nay. Đề xuất giải pháp phát triển dịch vụ logistics ở Nghệ An trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn đến năm 2030 nhằm góp phần thúc

đẩy tăng trưởng kinh tế nhanh và bền vững tại Nghệ An.

Số hồ sơ lưu: NAN\_2021\_10

### **50703. Nghiên cứu quy hoạch, phát triển đô thị**

85227.01-2023 **Đánh giá tác động của ngập lụt do biến đổi khí hậu đến nhà ở tại khu vực Nhà Bè, Cần Giờ (TP.HCM), và đề xuất giải pháp quy hoạch và kiến trúc nhằm ứng phó./** TS. Ngô Lê Minh, ThS. Lê Tấn Hạnh; TS. Thi Ngọc Bảo Dung; ThS. Hoàng Thị Thanh Hà; ThS. Nguyễn Hải Bình; ThS. Hoàng Hải Yến; TS. Trần Minh Đức; ThS. Kiều Thị Lê - TP. Hồ Chí Minh - Trường Đại học Tôn Đức Thắng, 2021; 11/2018 - 05/2021. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Nghiên cứu đánh giá các tác động của ngập lụt do biến đổi khí hậu đến nhà ở tại khu vực Nhà Bè và Cần Giờ, TP.HCM. Xác định mức độ ảnh hưởng và tác động tiêu cực của ngập lụt đối với nhà ở tại huyện Nhà Bè và Cần Giờ. Từ đó, đề xuất các giải pháp tổng thể về quy hoạch và kiến trúc nhằm ứng phó với tình trạng ngập lụt tại khu vực Nhà Bè và Cần Giờ. Đồng thời đưa ra các giải pháp quy hoạch cho cụm dân cư tại huyện Cần Giờ cũng như các giải pháp kiến trúc cho công trình và hộ gia đình tại huyện Cần Giờ.

Số hồ sơ lưu: HCM-037-2022

85388.01-2023 **Nghiên cứu xây dựng phương pháp luận quy hoạch hệ thống chiếu sáng công cộng bằng đèn LED ở thành phố Hồ Chí Minh/** PGS. TS. Nguyễn

Đình Tuyên, - TP. Hồ Chí Minh - Đại học Bách khoa TP Hồ Chí Minh, 2020; 09/2019 - 09/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Xây dựng phương pháp luận tính toán các thông số trong chiếu sáng sử dụng LED. Tiêu chuẩn về đèn LED trong chiếu sáng công cộng. Đặc tính kỹ thuật của các đèn LED công cộng, xây dựng mối tương quan giữa đèn LED và đèn truyền thống. Thiết kế hệ thống chiếu sáng công cộng với nguồn sáng là đèn LED. Điều khiển thông minh trong hệ thống chiếu sáng công cộng. Xây dựng hệ thống thực nghiệm chiếu sáng.

Số hồ sơ lưu: HCM-020-2022

### **50802. Thông tin học**

85182.01-2023 **Xây dựng cơ sở dữ liệu về khoa học và công nghệ thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Thanh Hóa/** TS. Nguyễn Ngọc Túy, ThS. Lê Xuân Minh; CN. Nguyễn Văn Hùng; CN. Lê Văn Tư; ThS. Cao Thị Ngọc Hà; TS. Phạm Thị Thanh Hương; KS. Nguyễn Thị Lựu; KS. Lê Tế Tâm; Trần Văn Thanh; ThS. Lê Sỹ Chung; KS. Lê Đức Bảy; ThS. Nguyễn Bá Trung; ThS. Trịnh Thị Hương; ThS. Lê Kim Cương; CN. Lưu Thị Hoài; KS. Trương Ngọc Huân; ThS. Hoàng Quốc Cường; CN. Hoàng Thị Hồng Hạnh - Thanh Hóa - Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Thanh Hóa, 2021; 07/2019 - 09/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Xây dựng cơ sở dữ liệu khoa học và công nghệ phục vụ phát triển kinh

tế - xã hội tỉnh Thanh Hóa qua các thời kỳ (1960 - 1975; 1976 - 1986; 1987 đến nay). Xây dựng ấn phẩm: “60 năm xây dựng và phát triển của Ngành khoa học và công nghệ Thanh Hóa 1960-2020”. Xây dựng bộ phim: “Khoa học và Công nghệ Thanh Hóa - 60 năm xây dựng và trưởng thành (1960-2020)”. Xây dựng kế hoạch ứng dụng các công nghệ mới của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư phục vụ phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2020-2025. Xây dựng cơ sở khoa học phục vụ xây dựng quy hoạch phát triển ngành khoa học và công nghệ Thanh Hóa giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045.

Số hồ sơ lưu: THA-033-2022

#### **50804. Thông tin đại chúng và truyền thông văn hoá - xã hội**

84695.01-2023 **Nghiên cứu đề xuất giải pháp quản lý các nội dung thông tin cung cấp xuyên biên giới tại Việt Nam/** ThS. Nguyễn Thị Thanh Huyền, KS. Đỗ Hải Lê; ThS. Nguyễn Quốc Sơn; CN. Bùi Thị Thúy Liễu; CN. Lương Bích Thanh; ThS. Lê Thu Hà; ThS. Phạm Hồng Thúy - Hà Nội - Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử, 2021; 05/2021 - 12/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu thực trạng, các tồn tại, hạn chế và khó khăn về công tác quản lý nội dung thông tin xuyên biên giới trên mạng xã hội và trò chơi điện tử trên mạng cung cấp xuyên biên giới tại Việt Nam; Nghiên cứu kinh nghiệm quản lý của các nước lớn trên thế giới và khu

vực ASEAN; Đề xuất giải pháp quản lý các nội dung thông tin cung cấp xuyên biên giới trên mạng xã hội và trò chơi điện tử trên mạng cung cấp xuyên biên giới trong tương lai.

Số hồ sơ lưu: 20806

#### **50799. Địa lý kinh tế và xã hội khác**

83771.01-2023 **Nghiên cứu mô hình tăng trưởng kinh tế tỉnh Vĩnh Long/** PGS.TS. Võ Thành Danh, TS. Huỳnh Việt Khải; TS. Phan Đình Khôi; TS. Huỳnh Văn Tùng; PGS.TS. Lê Nguyễn Đoàn Khôi; ThS. Nguyễn Thị Lương; ThS. Phan Thị Ánh Nguyệt; ThS. Trương Thị Thúy Hằng; TS. Ong Quốc Cường - Vĩnh Long - Đại học Cần Thơ, 2021; 05/2020 - 11/2021. (Đề tài cấp Tỉnh/Thành phố)

Phân tích, đánh giá thực trạng mô hình TTKT của tỉnh Vĩnh Long; Nhận dạng và đánh giá tác động của các yếu tố đến mô hình TTKT của tỉnh Vĩnh Long được đề xuất; Đề xuất hệ thống giải pháp phát triển, TTKT theo hướng nâng cao chất lượng, hiệu quả và khả năng cạnh tranh đến năm 2025, định hướng năm 2030.

Số hồ sơ lưu: VLG.TI001.2022-0000266

#### **599. Khoa học xã hội khác**

85362.01-2023 **Nghiên cứu, biên soạn lịch sử và số hóa di tích cây đa và đền La Tiến phục vụ hoạt động quản lý di tích lịch sử cách mạng tỉnh Hưng Yên/** TS. Ngô Tự Lập, TS. Đào Tùng; TS. Hùng Danh Thắng; TS. Nguyễn



Hồng Quang; ThS. Trần Thị Quyên; ThS. Phan Xuân Thắng; ThS. Nguyễn Thị Thu Hằng; Hoàng Oánh; Nguyễn Thu Hường. - Hà Nội - Viện Quốc tế pháp ngữ, 2022; 05/2020 - 03/2021. (Đề tài cấp Tỉnh/Thành phố)

Di tích lịch sử cây đa và đền La Tiến có giá trị to lớn về lịch sử, văn hóa và giáo dục, phản ánh sinh động chiều sâu văn hóa, tính cách của nhân dân Hưng Yên, mặt khác góp phần truyền cảm hứng, thôi thúc các thế hệ phấn đấu vươn lên sao cho xứng đáng với sự mong đợi, kỳ vọng của các thế hệ cha ông. Nhờ mạng Internet tốc độ cao đã và đang trở nên phổ biến, di tích quan trọng này sẽ được giới thiệu rộng rãi đến mọi người dân Việt Nam và bạn bè thế giới, góp phần tích cực vào việc quảng bá hình ảnh thân thiện và du lịch thông minh của Hưng Yên nói riêng và Việt Nam nói chung. Kết quả dự án có thể chuyển giao dễ dàng và tùy biến cho các dự án số hóa các di sản văn hóa, di tích lịch sử khác. Dự án cũng sẽ mở ra phương pháp và mô hình ứng dụng các công nghệ tiên tiến trong CNTT để góp phần bảo tồn, phổ biến, tôn vinh và phát huy giá trị của các di sản văn hóa Việt Nam đến với toàn thể nhân dân trong nước và bạn bè trên thế giới.

Số hồ sơ lưu: 56-NVKHCN2022

## 6. Khoa học nhân văn

### 60202. Nghiên cứu ngôn ngữ Việt Nam

84531.01-2023 Nghiên cứu chính sách và giải pháp bảo tồn những ngôn ngữ dân tộc thiểu số có nguy cơ mai một/ PGS. TS. Dương Thu Hằng, TS. Nguyễn Thu Quỳnh; TS. Ôn Thị Mỹ Linh; GS. TS. Nguyễn Văn Lợi; TS. Đoàn Thị Tâm; TS. Hà Thị Mai Thanh; PGS. TS. Vũ Thị Tú Anh; PGS. TS. Nguyễn Thị Tính; TS. Hoàng Thị Thập; TS. Tạ Quang Tùng - Hà Nội - Trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên, 2021; 01/2018 - 04/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Tiến hành tổng quan nghiên cứu về bảo tồn, phát triển các ngôn ngữ có nguy cơ mai một ở nước ngoài và Việt Nam, những bài học kinh nghiệm có thể rút ra việc bảo tồn, phát triển các ngôn ngữ có nguy cơ mai một ở các nước trên thế giới. Hệ thống hóa cơ sở lý luận trong nghiên cứu những ngôn ngữ có nguy cơ mai một, đặc biệt là vấn đề bảo tồn và phát huy sự đa dạng ngôn ngữ, văn hóa trong các quốc gia đa tộc người, đa ngôn ngữ trên thế giới. Khảo sát, điều tra, đánh giá thực trạng các ngôn ngữ DTTS có nguy cơ mai một ở Việt Nam hiện nay. Số hóa dữ liệu khảo sát điền dã của một số ngôn ngữ DTTS có nguy cơ mai một ở Việt Nam hiện nay ở các phương diện từ vựng, ngữ pháp, văn bản. Cung cấp được cơ sở khoa học phục vụ cho việc biên soạn Sách Đỏ về ngôn ngữ DTTS có nguy cơ mai một ở Việt Nam; đề xuất một số

kiến nghị về chính sách, giải pháp bảo tồn và phát triển những ngôn ngữ DTTS có nguy cơ mai một ở Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: 20615

84742.01-2023 **Nghiên cứu hoàn thiện chính sách, pháp luật về ngôn ngữ dân tộc thiểu số vì sự phát triển bền vững của đất nước/** PGS. TS. Đoàn Văn Phúc, ThS. Đinh Thị Hằng; PGS.TS. Vũ Kim Bảng; ThS. Nguyễn Thu Huyền; GS.TS. Nguyễn Văn Hiệp; PGS.TS. Đào Thanh Trường; PGS.TS. Phạm Tất Thắng; CN. Bùi Đăng Bình; PGS.TS. Vũ Thị Thanh Hương; TS. Nguyễn Văn Cương; TS. Nguyễn Minh Hoạt; ThS. Trương Thị Hồng Gái; GS.TS. Lê Quang Thiêm; TS. Phan Lương Hùng; ThS. Đào Thị Trà; ThS. Trần Thùy An; CN. Lê Quang Trường; TS. Trịnh Thị Hà; PGS.TS. Võ Xuân Hào; CN. Nguyễn Thị Thanh Hương; PGS.TS. Nguyễn Hữu Hoàn; TS. Phan Văn Hùng; PGS.TS. Nguyễn Văn Minh; PGS.TS. Bùi Thanh Hoa; PGS.TS. Trần Trung - Hà Nội - Viện Ngôn Ngữ Học, 2022; 01/2018 - 06/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu một cách có hệ thống toàn bộ chính sách, pháp luật của thể chế Nhà nước CHXHCN VN hướng tới việc đánh giá bản thân chính sách và tác động cụ thể của chúng (tích cực, tiêu cực) đối với các DTTS ở Việt Nam. Trên cơ sở đó đưa ra các kiến nghị hoàn thiện chính sách, pháp luật về NNDTTS (bãi bỏ, sửa đổi, bổ sung, xây dựng) nhằm tạo cơ sở vững chắc cho vấn

đề quản lý nhà nước ở giai đoạn tiếp theo, hướng đến một “nhà nước thực sự của dân, do dân và vì dân” đồng thời giúp DTTS ở Việt Nam phát triển bền vững trong giai đoạn hội nhập toàn diện về chính trị, kinh tế và xã hội trong phạm vi quốc gia và thế giới.

Số hồ sơ lưu: 20820

### **60207. Lý luận văn hoá; Nghiên cứu văn hoá nói chung**

84647.01-2023 **Nghiên cứu đề xuất một số giải pháp quản lý, bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa lễ hội truyền thống danh tướng Phạm Tử Nghi trên địa bàn quận Lê Chân/** ThS. Nguyễn Văn Phiệt, Phạm Việt Anh; Nguyễn Thị Phương Thảo; Vũ Thị Việt Hà; Nguyễn Hữu Đạt; Phạm Vũ Quyết; Đỗ Duy Tiến; Nguyễn Xuân Tiến; Nguyễn Xuân Tùng; Phạm Duy Ninh; Trần Thị Diệu; Phạm Minh Thế; Phùng Thị Thủy; Đỗ Lan Anh; Phạm Thị Phượng; Nguyễn Ngọc Quế - Hải Phòng - UBND Quận Lê Chân, 2021; 07/2020 - 10/2021. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Tổng quan về quản lý, bảo tồn và phát huy giá trị lễ hội truyền thống, các công trình, kinh nghiệm có liên quan. Đánh giá thực trạng quản lý, bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa lễ hội truyền thống danh tướng Phạm Tử Nghi. Đề xuất giải pháp quản lý, bảo tồn và phát huy giá trị lễ hội truyền thống danh tướng Phạm Tử Nghi trên địa bàn quận Lê Chân đến năm 2030.

Số hồ sơ lưu: HPG.2022.011

85119.01-2023 **Nghiên cứu giá trị lịch sử - văn hóa và đề xuất giải pháp bảo tồn, tôn tạo, phát huy di tích chùa Am Các trong phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Thanh Hóa/** TS. Lê Thanh Hà, - Thanh Hóa - Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch, 2021. (Đề tài cấp Tỉnh/Thành phố)

Xác định lịch sử hình thành và phát triển của di tích danh thắng chùa Am Các. Giá trị lịch sử, văn hóa của di tích danh thắng chùa Am Các. Thực trạng cảnh quan văn hóa, các hạng mục kiến trúc, di vật và phát triển du lịch của chùa Am Các. Đề xuất được các giải pháp nhằm bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị của di tích danh thắng chùa Am Các.

Số hồ sơ lưu: THA-026-2022

#### **60208. Nghiên cứu văn hóa Việt Nam, văn hoá các dân tộc ít người Việt Nam**

84563.01-2023 **Văn hóa du lịch của người dân ở Hà Nội/** TS. Hoàng Văn Dũng, TS. Nguyễn Như Trang; PGS.TS. Vũ Mạnh Lợi; ThS. Lương Ngọc Thúy; ThS. Lê Thị Hoa; ThS. Phan Đức Nam; ThS. Khuất Thị Diệu Linh; ThS. Đặng Thị Linh - Hà Nội - Văn phòng - Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam, 2021; 10/2020 - 12/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Tìm hiểu cụ thể những đặc trưng văn hóa du lịch của người dân ở Hà Nội. Qua đó nhận diện các yếu tố tác động đến các đặc trưng văn hóa du lịch của người dân ở Hà Nội. Đồng thời nghiên cứu nhận diện xu hướng

du lịch, một số vấn đề đặt ra và khuyến nghị cho sự phát triển của ngành du lịch.

Số hồ sơ lưu: 20596

#### **60302. Lịch sử và triết học của khoa học và công nghệ**

84792.01-2023 **Nâng cao chất lượng của Tạp chí KH&CN Việt Nam (series B) đạt chuẩn của Hệ thống cơ sở dữ liệu trích dẫn khoa học ASEAN (ASEAN Citation Index - ACI)/** TS. Nguyễn Thị Hương Giang, ThS. Phí Công Thường; Đặng Ngọc Bảo; ThS. Nguyễn Thị Hải Hằng; Vũ Văn Hưng; Phạm Thị Minh Nguyệt; Lương Ngọc Quang Hưng; Chu Anh Trà; Ninh Văn Diện; Đinh Thị Luận - Hà Nội - Tạp chí Khoa học và Công nghệ Việt Nam, 2021; 11/2019 - 10/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Nâng cao chất lượng và duy trì bền vững chất lượng của Tạp chí Khoa học và Công nghệ Việt Nam series B; Mỗi năm xuất bản series B chuyên đăng tải các bài báo khoa học trong các lĩnh vực KH&CN theo các tiêu chí của ACI, đến năm 2021 đủ điều kiện đạt chuẩn ACI; Xây dựng, duy trì website tiếng Việt và tiếng Anh của tạp chí KH&CN Việt Nam series B với các thông tin cập nhật.

Số hồ sơ lưu: 20875

#### **60305. Nghiên cứu tôn giáo**

84504.01-2023 **Phát huy giá trị văn hoá Phật giáo trong việc xây dựng đạo đức, lối sống giai đoạn hiện nay/** PGS. TS. Phạm Thị Thu Hương, PGS. TS. Đặng Hoài Thu;

TS. Lê Thị Khánh Ly; ThS. Dương Hà My; TS. Nguyễn Tiến Dũng - Hà Nội - Trường Đại học Văn hoá Hà Nội, 2021; 01/2019 - 12/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Hướng đến việc nhận diện những giá trị văn hóa tốt đẹp của Phật giáo và ảnh hưởng của văn hoá Phật giáo đến việc xây dựng đạo đức, lối sống con người Việt Nam. Trên cơ sở đó đề xuất giải pháp nhằm phát huy giá trị văn hóa Phật giáo trong việc xây dựng đạo đức, lối sống của con người Việt Nam trong giai đoạn hiện nay. Xây dựng cơ sở lý luận và thực tiễn về giá trị văn hóa của Phật giáo; Nhận diện những giá trị văn hóa của Phật giáo; Phân tích, đánh giá ảnh hưởng của các giá trị văn hoá Phật giáo trong giáo dục đạo đức, lối sống và thực trạng việc phát huy các giá trị văn hoá Phật giáo đến việc xây dựng đạo đức, lối sống con người Việt Nam; Đưa ra giải pháp phát huy giá trị văn hóa Phật giáo trong việc xây dựng đạo đức, lối sống con người Việt Nam, đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước.

Số hồ sơ lưu: 20649

84780.01-2023 **Một số vấn đề cơ bản về các hiện tượng tôn giáo mới ở Việt Nam** / TS. Hoàng Văn Chung, ThS. Trần Anh Châu ; TS. Nguyễn Thị Quế Hương ; ThS. Mai Thùy Anh; ThS. Trương Thúy Trinh; ThS. Nguyễn Hữu Sử - Hà Nội - Viện Nghiên cứu Tôn giáo, 2021; 03/2021 - 12/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Thông tin về cách tiếp cận các hiện tượng tôn giáo mới trên thế

giới; giới thiệu một số kinh nghiệm ứng xử với các hiện tượng này ở một số quốc gia ; Khái quát quan điểm , chính sách của Đảng và luật pháp Nhà nước Việt Nam về các hiện tượng tôn giáo mới ; Khái quát nhận thức chung về nguyên nhân phát sinh, tình hình hiện nay; Làm rõ các khái niệm liên quan ; Nêu rõ các đặc điểm, sự phân loại , cách nhận diện các hiện tượng tôn giáo mới ở Việt Nam; Giới thiệu một số hiện tượng tôn giáo mới đáng chú ý ; Phân tích ảnh hưởng đa chiều của các Hiện tượng tôn giáo mới hiện nay ở Việt Nam; Dự báo xu thế vận động của các hiện tượng này trong thời gian tới và đưa ra khuyến nghị về cách ứng xử với các hiện tượng tôn giáo mới.

Số hồ sơ lưu: 20862

84781.01-2023 **Bộ sách kiến thức cơ bản về tín ngưỡng ở Việt Nam/** TS. Nguyễn Bình, ThS. Nguyễn Thị Thanh Vân; PGS.TS. Chu Văn Tuấn; TS. Nguyễn Ngọc Mai; ThS. Phạm Minh Phương; ThS. Vũ Thanh Bằng; ThS. Đỗ Duy Hưng - Hà Nội - Viện Nghiên cứu Tôn giáo, 2021; 03/2021 - 12/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Từ góc độ nhân học tôn giáo, kết hợp với quan điểm tôn giáo là thực thể xã hội, căn cứ vào lý thuyết thực thể tôn giáo<sup>1</sup> thì với các đặc tính cơ bản về cấu trúc thực thể tôn giáo (chiều thời gian: thiêng – thần thoại - niềm tin - nghi lễ - cộng đồng; chiều không gian; tính lịch sử, tính tập thể, tính biểu tượng, tính tài liệu, tính trải nghiệm và nhạy cảm); Cốt lõi của



thực thể tôn giáo (niềm tin - thực hành và cộng đồng luân lý và đạo đức); khu trú của thực thể tôn giáo (cá nhân - gia đình - cộng đồng) với các thiết chế cơ bản: cá nhân, cộng đồng, siêu cá nhân và cộng đồng... Với những đặc tính này thì các loại hình tín ngưỡng ở Việt Nam cũng có thể coi là những loại hình tôn giáo. Điều khác có chăng ở đây so với các tôn giáo lớn trên thế giới (Kitô giáo, Phật giáo, Islam giáo) là loại hình tôn giáo này (tín ngưỡng ở Việt Nam) gắn với truyền thống mang bản sắc vùng, miền và cộng đồng tộc người, có tính mở hơn.

Số hồ sơ lưu: 20863

84782.01-2023 **Tôn giáo với đạo đức xã hội ở Việt Nam/** TS. Ngô Quốc Đông, ThS. Nguyễn Thế Nam; ThS. Dương Văn Biên; ThS. Nguyễn Thị Bích Ngoan; ThS. Trần Anh Châu; ThS. Phạm Minh Phương - Hà Nội - Viện Nghiên cứu Tôn giáo, 2022; 03/2021 - 12/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Biên soạn những vấn đề có tính chất khái quát chung về đạo đức tôn giáo và đạo đức xã hội. Biên soạn ảnh hưởng của đạo đức tôn giáo đối với đạo đức xã hội ở Việt Nam. Biên soạn việc phát huy những giá trị đạo đức tôn giáo trong việc xây dựng đạo đức xã hội ở Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: 20864

84783.01-2023 **Tôn giáo, tín ngưỡng với di sản văn hóa ở Việt Nam/** TS. Phạm Thị Thủy Chung, ThS. Phạm Thị Phương Anh; TS. Hoàng Văn Chung; TS. Nguyễn Thị

Quế Hương; ThS. Hoàng Thị Bích Ngọc - Hà Nội - Viện Nghiên cứu Tôn giáo, 2021; 03/2021 - 12/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Di sản văn hóa Việt Nam là tài sản vô cùng quý giá được tích lũy và trao truyền qua nhiều thế hệ các cộng đồng dân tộc Việt Nam . Trong đó, di sản tôn giáo , tín ngưỡng có một vị trí đặc biệt . Thông qua những nội dung đã được nhiệm vụ bàn luận . Di sản văn hóa , di sản tôn giáo , tín ngưỡng đáp ứng đầy đủ các chức năng của di sản văn hóa như lưu giữ các giá trị vật chất và tinh thần của dân tộc ; giáo dục lịch sử và truyền thống dân tộc qua các thế hệ ; tôn vinh và quảng bá các giá trị lịch sử , văn hóa , khoa học và thẩm mỹ quốc gia; làm phong phú các sản phẩm văn hóa , du lịch và thúc đẩy phát triển kinh tế . Bên cạnh đó , với vai trò nắm giữ bản sắc của các thực thể tôn giáo, tín ngưỡng, di sản tôn giáo, tín ngưỡng còn thực hiện chức năng của một hình thái ý thức xã hội đặc biệt, đó là đáp ứng nhu cầu tâm lý , tình cảm của con người ; giáo dục nhân cách, lối sống, đạo đức và văn hóa ứng xử của con người ; giúp con người xây dựng nhận thức về thế giới và xã hội; kết nối các cá nhân và cộng đồng. Với vai trò kép như trên, có thể nói , di sản tôn giáo , tín ngưỡng là một loại hình di sản có giá trị cao , có vai trò quan trọng trong đời sống xã hội và có ảnh hưởng tích cực góp phần vào việc tạo ra sự cân bằng, ổn định và phát triển bền vững.

Số hồ sơ lưu: 20867

84784.01-2023 **Xây dựng chương trình, tài liệu bồi dưỡng, tập huấn kiến thức, kỹ năng, nghiệp vụ thông tin, tuyên truyền về truyền thống lịch sử, tinh thần yêu nước, bản sắc văn hoá của dân tộc Việt Nam; về những giá trị của tín ngưỡng, tôn giáo trong đời sống xã hội/** PGS. TS. Chu Văn Tuấn, ThS. Phạm Quang Tùng; TS. Ngô Quốc Đông; TS. Hoàng Văn Chung; TS. Vũ Thị Thu Hà; PGS.TS. Lê Ngọc Thắng; ThS. Hoàng Thị Tuyết Thanh - Hà Nội - Viện Nghiên cứu Tôn giáo, 2021; 03/2021 - 06/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Đề án xác định dân tộc, tôn giáo là những lĩnh vực đặc thù của xã hội. Đây cũng là hai lĩnh vực khá nhạy cảm, dễ bị lợi dụng để phục vụ cho những mưu đồ chính trị. Do vậy, việc hiểu biết một cách đầy đủ, đúng đắn về vấn đề dân tộc, tôn giáo là hết sức cần thiết bởi điều đó là cơ sở cho việc thực hiện tốt chính sách dân tộc và chính sách tôn giáo. Mặt khác, trong điều kiện hiện nay, nhận thức về dân tộc, tôn giáo chưa đầy đủ, chưa đúng đắn. Tuyên truyền về dân tộc, tôn giáo, tín ngưỡng trên các phương tiện thông tin đại chúng (báo, truyền hình, mạng, phát biểu...) còn có những điểm chưa thực sự chính xác khoa học, thậm chí gây phản ứng với khán, thính giả là tín đồ các tôn giáo, là người dân tộc thiểu số. Điều này xuất phát từ thực tế là không ít người làm công tác truyền thông, những người làm công tác dân tộc, tôn giáo chưa được cập nhật những tài liệu có tính chất giáo trình cơ bản về dân tộc, tôn giáo, tín

ngưỡng, gây lên sự thiếu chính xác trong truyền thông

Số hồ sơ lưu: 20861

84785.01-2023 **Tôn giáo với bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu ở Việt Nam/** TS. Vũ Thị Thu Hà, ThS. Trần Thị Phương Anh; ThS. Dương Văn Biên; ThS. Nguyễn Thị Bích Ngoan; ThS. Phạm Thị Phương Anh - Hà Nội - Viện Nghiên cứu Tôn giáo, 2021; 03/2021 - 12/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Biên soạn một cuốn tài liệu có nội dung phổ biến về Tôn giáo với bảo vệ môi trường và ứng phó biến đổi khí hậu ở Việt Nam nhằm cung cấp cho các cơ quan thông tin, truyền thông và các cơ quan có liên quan trên phạm vi cả nước làm cơ sở xây dựng các lớp bồi dưỡng, các chương trình thông tin, tuyên truyền về dân tộc, tôn giáo thuộc Đề án hỗ trợ thông tin, tuyên truyền về dân tộc, tôn giáo theo Quyết định phê duyệt số 219/QĐ-TTg ngày 21/2/2019 của Thủ tướng Chính phủ.

Số hồ sơ lưu: 20866

84786.01-2023 **Một số giá trị cơ bản của tôn giáo ở Việt Nam/** ThS. Nguyễn Văn Quý, ThS. Phạm Quang Tùng; PGS.TS. Chu Văn Tuấn; ThS. Trần Anh Châu; ThS. Hoàng Thị Tuyết Thanh; CN. Nguyễn Thị Trang - Hà Nội - Viện Nghiên cứu Tôn giáo, 2022; 03/2021 - 12/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Những giá trị của tôn giáo đối với xã hội ngày càng được làm sâu sắc, cụ thể qua các chính sách về tôn

giáo của Đảng, Nhà nước và các công trình nghiên cứu của các học giả. Trong đó, Đề án “Hỗ trợ thông tin, tuyên truyền về dân tộc, tôn giáo” đã được Thủ tướng Chính phủ ký tại Quyết định số 219/QĐ-TTg ngày 21/02/2019 là sự cụ thể hóa các chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về công tác tôn giáo trong tình hình mới. Đề án này nhằm phát huy được sức mạnh, nguồn lực của tôn giáo vào sự nghiệp xây dựng, bảo vệ và phát triển bền vững đất nước theo nền kinh tế thị trường, định hướng xã hội chủ nghĩa nhưng phải giàu bản sắc dân tộc. Việc nhìn nhận, tìm hiểu, đánh giá những giá trị của các tôn giáo, đâu là các giá trị cơ bản là vấn đề quan trọng. Bởi chỉ khi tìm ra được những giá trị mang tính phổ quát của các tôn giáo thì mới có thể đề xuất các cách thức phát huy những giá trị tốt đẹp đó cho công cuộc xây dựng và bảo vệ tổ quốc Việt Nam hiện nay và mai sau. Do đó, nhiệm vụ “Một số giá trị cơ bản của tôn giáo ở Việt Nam” được thực hiện là cần thiết, nhất là khi các tôn giáo lớn ngày càng có đóng góp nhiều hơn, sâu rộng hơn trên các lĩnh vực khác nhau của đời sống xã hội.

Số hồ sơ lưu: 20865

### **60499. Các vấn đề nghiên cứu nghệ thuật khác**

84965.01-2023 Nghiên cứu nguồn gốc ra đời lễ hội Bươn Xao của người Thái tại xã Tiên Kỳ, huyện Tân Kỳ và đề xuất giải pháp phát huy giá trị lễ hội trong phát triển du lịch cộng đồng/ Phan Hồng Hải, Vi Văn An; Hồ Xuân Bảy; Nguyễn Thị Minh Tú; Lê Thị Hiếu; Trần Mạnh Cường; Hồ Mạnh Hà; Vi Văn Quang; Hoàng Xuân Hạnh; Trương Công Thạch; Nguyễn Hữu Bắc - Nghệ An - Trung tâm KHXH& nhân văn Nghệ An, 2019; 07/2019 - 01/2021. (Đề tài cấp Tỉnh/Thành phố)

Xác lập được cơ sở khoa học về nguồn gốc ra đời và quá trình phát triển của lễ hội Bươn Xao tại xã Tiên Kỳ huyện Tân Kỳ. Đề xuất, xây dựng bộ giải pháp đưa Lễ hội Bươn Xao vào phát triển du lịch cộng đồng cho huyện Tân Kỳ.

Số hồ sơ lưu: Trung Tâm Thông tin KH&TH Nghệ An

**Phụ lục: THỦ TỤC ĐĂNG KÝ KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KH&CN**

**1. Tên thủ tục hành chính:** Thủ tục đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đặc biệt, nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia, cấp bộ, cấp cơ sở sử dụng ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ và nhiệm vụ khoa học và công nghệ do các quỹ của Nhà nước trong lĩnh vực khoa học và công nghệ cấp Trung ương, cấp bộ tài trợ.

**2. Trình tự thực hiện:**

- Bước 1:

+ *Đối với kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không có nhu cầu đăng ký bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp hoặc đã đăng ký bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp trước khi nghiệm thu chính thức*

Trong thời hạn 30 ngày kể từ khi nhiệm vụ khoa học và công nghệ được nghiệm thu chính thức, tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ đặc biệt, cấp quốc gia, cấp bộ, nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở sử dụng ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ và nhiệm vụ khoa học và công nghệ do các quỹ của Nhà nước trong lĩnh vực khoa học và công nghệ cấp Trung ương, cấp bộ tài trợ phải thực hiện đăng ký và giao nộp kết quả thực hiện nhiệm vụ tại Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ.

+ *Đối với kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đăng ký bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp sau khi nghiệm thu chính thức*

Trong thời gian 05 ngày làm việc kể từ khi nộp đơn đăng ký bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp, nhưng không muộn hơn 60 ngày kể từ ngày được nghiệm thu chính thức, tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ đặc biệt, cấp quốc gia, cấp bộ, nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở thuộc phạm vi quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước, nhiệm vụ khoa học và công nghệ do các quỹ của Nhà nước trong lĩnh vực khoa học và công nghệ cấp Trung ương, cấp bộ tài trợ phải thực hiện đăng ký và giao nộp kết quả thực hiện nhiệm vụ tại Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ.

- Bước 2:

Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia có trách nhiệm kiểm tra, xác nhận tính đầy đủ và hợp lệ của hồ sơ và ghi vào giấy biên nhận hồ sơ đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ. Trường hợp hồ sơ không đầy đủ, hợp lệ, trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ, Cục



Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia có trách nhiệm thông báo bằng văn bản tới tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ yêu cầu bổ sung. Trong thời hạn 04 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia có trách nhiệm cấp 01 Giấy chứng nhận đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cho tổ chức chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

### **3. Cách thức thực hiện:**

- Đăng ký trực tuyến tại một trong các trang dịch vụ công của Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia: <https://dichvucong.vista.gov.vn>, hoặc trang dịch vụ công của Bộ Khoa học và Công nghệ <https://dichvucong.most.gov.vn>, hoặc trang dịch vụ công quốc gia của Chính phủ <https://dichvucong.gov.vn>.

- Nộp trực tiếp để được hướng dẫn thực hiện thủ tục hành chính tại Bộ phận Một cửa, Phòng Quản lý Thông tin, Thống kê KH&CN, Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia;

- Gửi bảo đảm theo đường bưu chính về Bộ phận Một cửa, Phòng Quản lý Thông tin, Thống kê KH&CN, Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia. Khi nhận được hồ sơ, Bộ phận Một cửa sẽ liên hệ để hướng dẫn tổ chức/cá nhân thực hiện thủ tục hành chính.

### **4. Thành phần, số lượng hồ sơ: 01 bộ/01 nhiệm vụ**

- 01 phiếu đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước.

- 01 quyển báo cáo tổng hợp kết quả thực hiện nhiệm vụ đóng bìa mạ chữ vàng, gáy in tên chủ nhiệm vụ và tổ chức chủ trì nhiệm vụ, trang bìa lót bên trong có chữ ký của chủ nhiệm vụ và dấu xác nhận của tổ chức chủ trì nhiệm vụ về việc đã hoàn thiện kết quả thực hiện nhiệm vụ sau khi nghiệm thu chính thức.

- 01 bản điện tử báo cáo tổng hợp kết quả thực hiện nhiệm vụ; 01 bản điện tử báo cáo tóm tắt kết quả thực hiện nhiệm vụ; 01 bản điện tử phụ lục tổng hợp số liệu điều tra, khảo sát, bản đồ, bản vẽ, ảnh, sách chuyên khảo, bài tạp chí... tài liệu đa phương tiện, phần mềm (nếu có). Bản điện tử phải sử dụng định dạng Portable Document (.pdf) và phải sử dụng phông chữ tiếng Việt Unicode (Time New Roman) theo tiêu chuẩn Việt Nam (TCVN 6909:2001), bản điện tử phải thể hiện đúng với bản giấy, được ghi trên đĩa quang và không được đặt mật khẩu.

- 01 biên bản họp hội đồng nghiệm thu chính thức kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ (bản sao);

- 01 văn bản xác nhận về sự thỏa thuận của các tác giả về việc xếp thứ tự tên trong danh sách tác giả thực hiện nhiệm vụ (nếu có).
- 01 văn bản minh chứng việc đăng ký bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp (nếu có) kèm theo bản chính để đối chiếu khi giao nộp.
- 01 phiếu mô tả công nghệ (theo mẫu) đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ mà sản phẩm bao gồm quy trình công nghệ.

**5. Thời hạn giải quyết:** 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

**6. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

**7. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia.

**8. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy chứng nhận đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

**9. Lệ phí:** Không.

**10. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

- Phiếu đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước.
- Phiếu mô tả công nghệ.
- Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

**11. Yêu cầu điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Không

**12. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật khoa học và công nghệ ngày 18/6/2013.
- Nghị định số 11/2014/NĐ-CP ngày 18/2/2014 của Chính phủ về hoạt động thông tin khoa học và công nghệ.
- Thông tư số 14/2014/TT-BKHHCN ngày 11/6/2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ Quy định về việc thu thập, đăng ký, lưu giữ và công bố thông tin về nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

**13. Thời gian và địa chỉ tiếp nhận hồ sơ:**

Thời gian: Các ngày làm việc trong tuần (trừ ngày Lễ, Tết)

Sáng: từ 8h30 đến 11h30

Chiều: từ 13h30 đến 16h30

Địa chỉ: Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả thủ tục hành chính - Phòng Quản lý Thông tin, Thống kê khoa học và công nghệ - Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia.

Phòng 308 (tầng 3), 24 Lý Thường Kiệt, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: 024-3934-9116; Fax: 024-3934-9127.

Email: [quanly@vista.gov.vn](mailto:quanly@vista.gov.vn)

*\* Mọi ý kiến phản ánh, kiến nghị của tổ chức, cá nhân liên quan đến thủ tục đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ gửi về địa chỉ: Bộ phận Kiểm soát thủ tục hành chính, Phòng 207b, tầng 2, 24 Lý Thường Kiệt, Hoàn Kiếm, Hà Nội, điện thoại: 024-3934-9119*